



NXB
TỔNG HỢP
TP. HCM

VHSG
NXB VĂN HÓA SÀI GÒN



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ
GIA ĐÌNH – SÀI GÒN
TP. HỒ CHÍ MINH

Sân khấu Cải lương



ở Thành phố
Hồ Chí Minh



Khánh - hoi



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC, ĐỖ HƯƠNG

100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ

SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG

Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ
GIA ĐÌNH – SÀI GÒN
TP. HỒ CHÍ MINH



NGUYỄN THỊ MINH NGỌC, ĐỖ HƯƠNG

Sân khấu Cải lương

ở Thành phố Hồ Chí Minh



NXB TỔNG HỢP TP.HCM

VHSG
NXB VĂN HÓA SÀI GÒN

Chủ biên:
CAO TỰ THANH
HỒNG DUỆ
HOÀNG MAI

MỤC LỤC

trang hỏi/đáp

- 10 * Lời nói đầu
- 12 001. Xin cho biết về bối cảnh văn hóa tại Nam Bộ trước khi nghệ thuật cải lương ra đời.
- 14 002. Xin cho biết về phong trào Đờn (đàn) ca tài tử Nam Bộ.
- 19 003. Từ đàn ca tài tử tới nghệ thuật cải lương còn phải qua những bước nào?
- 23 004. Xin cho biết về bài *Dạ cổ hoài lang*.
- 27 005. Xin cho biết về vở cải lương đầu tiên ở Nam Bộ.
- 31 006. Xin cho biết về những người đã tạo dựng nên sân khấu cải lương.
- 35 007. Xin cho biết về các khuynh hướng sáng tác của nghệ thuật cải lương trước 1945.
- 38 008. Xin cho biết về soạn giả Mạnh Tự Trương Duy Toàn
- 41 009. Xin cho biết về soạn giả Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền.
- 44 010. Xin cho biết về người còn lại trong tên chung "Trang Châu Nở" ký trong vở *Khi người điên biết yêu*.
- 46 011. Xin cho biết về soạn giả Mộng Vân.
- 49 012. Xin cho biết về cố soạn giả Trần Hữu Trang.
- 52 013. Tại sao hai vở *Đời cô Lựu* và *Tố Ánh Nguyệt* của Trần Hữu Trang vẫn còn được khán giả yêu mến đến hôm nay?
- 54 014. Các soạn giả cải lương giai đoạn đầu sáng tác theo những đề tài nào?
- 55 015. Xin cho biết về cải lương.
- 58 016. Xin cho biết về cây ghi ta phím lõm và vai trò của nó trong dàn nhạc cải lương?
- 60 017. Xin cho biết về những bài tổ của cải lương.
- 62 018. Xin cho biết về cách thiết kế bài ca cho một kịch bản cải lương.

- 64 019. Xin cho biết tên vài điệu Lý đã được đưa vào sử dụng cho cải lương.
- 66 020. Xin cho biết về trang phục trên sân khấu cải lương trong thời kỳ đầu.
- 68 021. Xin cho biết về những gánh hát cải lương nổi tiếng trong thời kỳ đầu.
- 69 022. Xin cho biết về một số nghệ sĩ nổi tiếng vào giai đoạn đầu của cải lương.
- 74 023. Xin cho biết về Nghệ sĩ nhân dân Phùng Há.
- 77 024. Xin cho biết về ngôi sao cải lương Năm Phi.
- 81 025. Xin cho biết về Nghệ sĩ nhân dân Bảy Nam.
- 84 026. Ngoài ba cô đào kể trên, xin cho biết thêm về các cô đào cải lương cùng thời.
- 87 027. Xin cho biết về nghệ sĩ Năm Châu.
- 91 028. Cải lương pha tuồng Tàu phát triển mạnh trong giai đoạn nào?
- 94 029. Xin cho biết về một số vở cải lương nội dung được phóng tác từ kịch phương Tây.
- 96 030. Tại sao xuất hiện những vở cải lương nhuộm màu sắc tôn giáo trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế?
- 99 031. Sân khấu cải lương đầu thế kỷ tham gia "xã hội hóa sân khấu" như thế nào?
- 102 032. Gánh hát cải lương đầu tiên nào từ Sài Gòn ra Bắc, tạo nên "con sốt" cải lương và sau đó để lại sự tiếp nối cải lương ở đất Bắc?
- 104 033. Xin cho biết về gánh Đại ban Phước Cường.
- 107 034. Cải lương phát triển ra sao trong vùng do Mặt trận giải phóng đặt cơ sở và kiểm soát?
- 110 035. Xin cho biết về đặc điểm của cải lương ở Sài Gòn trước 1975. Có vở nào được sử dụng vào mục đích tuyên truyền không?
- 114 036. Vở cải lương nào đã gặp "tai nạn" trong đêm khai trương ngay trung tâm Sài Gòn?
- 116 037. Xin cho biết về những bầu gánh nổi tiếng trong giai đoạn 1954 - 1975.
- 119 038. Có thể kể về vài đại ban của sân khấu cải lương miền Nam trước 1975? Chữ "bầu" chỉ người chủ một gánh hát có từ lúc nào?

- 121 039. Quan hệ giữa các bầu gánh và các nghệ sĩ theo quy chế hợp đồng nào tại Sài Gòn thời trước 1975?
- 123 040. Trong giai đoạn trước 1975, âm nhạc của cải lương có bài nào mới được sáng tác thêm không?
- 126 041. Xin cho biết về quan hệ giữa giới làm nghề sân khấu và giới báo chí lúc bấy giờ.
- 129 042. Xin cho biết về giải Thanh Tâm.
- 132 043. Những nghệ sĩ nào đã đoạt giải Thanh Tâm?
- 149 044. Các soạn giả cải lương nào được lọt vào danh sách "Vô lâm ngũ bá"?
- 151 045. Ngoài những soạn giả trên xin cho biết thêm một số soạn giả khác.
- 154 046. Những vở cải lương nào đã tạo được dấu ấn trong giai đoạn trước 1975?
- 156 047. Xin cho biết về kỹ thuật sân khấu cải lương trong giai đoạn trước 1975 ở miền Nam và sau đó.
- 158 048. Xin cho biết về đoàn hát đã sáng lập trường phái tuồng cải lương kiếm hiệp.
- 162 049. Những nghệ sĩ cải lương nào được mang danh hiệu đặc biệt như Nữ hoàng sầu muộn, Vua vọng cổ, Sầu nữ...?
- 169 050. Xin cho biết về nữ nghệ sĩ cải lương đầu tiên đoạt Huy chương Vàng Giải Thanh Tâm năm 1958 và đường phụ của cô.
- 173 051. Xin cho biết về các chiều hướng sáng tác của sân khấu cải lương trước 1975 ở miền Nam.
- 175 052. Tại sao lại gọi là cải lương "huơng xa"?
- 178 053. Xin cho biết về nguồn gốc của loại cải lương Hồ Quảng.
- 181 054. Trong giới nghệ sĩ cải lương có hiện tượng "Cha truyền con nối" không?
- 185 055. Xin cho biết về công ty Kim Chung.
- 187 056. Khi vừa đi được nửa thế kỷ, cải lương đã được nhận định như thế nào và khán giả cải lương trong giai đoạn đó là ai?
- 191 057. Sau 1975, sân khấu cải lương có những khó khăn gì và thuận lợi gì?
- 194 058. Xin cho biết về nhà văn, nhà báo, nhà viết kịch Ngọc Linh.

- 197 059. Trong giai đoạn 1975 - 1985, sân khấu cải lương ở thành phố đã có những vở nào mang tính cách tìm tòi thử nghiệm?
- 201 060. Xin cho biết về sự khác nhau giữa cải lương hai miền Nam, Bắc và vai trò của đạo diễn đối với sân khấu cải lương sau 1975.
- 204 061. Những soạn giả và nghệ sĩ ở Sài Gòn nào sau 1975 vẫn tiếp tục theo nghề?
- 205 062. Xin cho biết về quy chế quản lý các đoàn cải lương trong thời kỳ sau 1975.
- 209 063. Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang đã ra đời trong hoàn cảnh nào?
- 213 064. Xin cho biết về trường đào tạo diễn viên của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.
- 216 065. Xin cho biết một số vở diễn nổi bật của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.
- 220 066. Âm nhạc của cải lương sau 1975 có những thay đổi gì?
- 222 067. Xin cho biết về tờ đặc san Sân khấu.
- 225 068. Xin giới thiệu một số đạo diễn tiêu biểu của sân khấu cải lương thành phố sau 1975.
- 231 069. Xin giới thiệu một số nữ đạo diễn tiêu biểu của sân khấu cải lương thành phố sau 1975.
- 235 070. Xin cho biết về những giọng ca hay trước và sau 1975.
- 243 071. Các lò cổ nhạc đã tồn tại như thế nào?
- 245 072. Xin cho biết tổng quan về quá trình đào tạo diễn viên cải lương trong các trường chính quy.
- 248 073. Xin cho biết về những diễn viên đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang từ 1991 trở đi.
- 262 074. Xin cho biết về vở *Kim Vân Kiều* của Xuân 2007.
- 265 075. Xin cho biết về vai trò của những chương trình cải lương trên Đài Truyền hình.
- 267 076. Xin cho biết về vài cuộc giao lưu của sân khấu cải lương thành phố với nước ngoài.
- 269 077. Đoàn cải lương Xung kích đã ra đời thế nào?
- 271 078. Xin cho biết về vai trò của cải lương với cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài.
- 273 079. Khán giả cải lương sau 1975 là ai?
- 275 080. Đến nay cải lương ở thành phố đã có được bao nhiêu Nghệ sĩ ưu tú và Nghệ sĩ nhân dân?

- 282 081. Sự kết hợp nghệ thuật diễn cải lương với diễn hài kịch Pháp lần đầu tiên bằng vở diễn nào?
- 284 082. Đài BBC đã có lần loan tin về một công trình sân khấu trên đảo, đạo diễn của chương trình do là ai?
- 286 083. Có chăng dạng cải lương thể nghiệm?
- 288 084. Cải lương xã hội hóa đã được thực hiện như thế nào?
- 290 085. Mô hình "Ái hữu nghệ sĩ" xuất phát từ đâu?
- 293 086. Xin cho biết về Viện Đường lão nghệ sĩ.
- 295 087. Xin cho biết về xuất xứ của Chùa Nghệ sĩ và Nghĩa trang nghệ sĩ.
- 297 088. Xin cho biết về ngày giỗ tổ của giới nghệ sĩ nói chung.
- 300 089. Xin cho biết về vài tác phẩm cải lương của thành phố đã đoạt giải trong các cuộc liên hoan hội diễn.
- 302 090. Xin cho biết về thế hệ nghệ sĩ cải lương trẻ trong những năm đầu thế kỷ XXI.
- 304 091. Vì sao có nhiều người cho rằng đã đến lúc thoái trào của cải lương?
- 307 092. Đã có những cố gắng nào để duy trì nghệ thuật cải lương từ phía nhà nước và tư nhân?
- 310 093. Xin cho biết tổng quan về sân khấu hát bội Sài Gòn.
- 312 094. Xin cho biết về những gương mặt tài danh của sân khấu hát bội nửa đầu thế kỷ XX.
- 314 095. Xin cho biết về những gương mặt nổi bật của sân khấu hát bội ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.
- 316 096. Kịch nói sử dụng yếu tố tạp kỹ lần đầu ở vở diễn nào?
- 318 097. Vở kịch nào của Moliere được sân khấu IDECAF được "Việt Nam hóa" hoàn toàn?
- 320 098. Vở kịch *Dạ cổ hoài lang* đã trở thành một hiện tượng trong đời sống sân khấu thành phố những năm 90 của thế kỷ XX? Điểm đặc sắc của vở là gì?
- 323 099. Xin cho biết qua về đời sống tinh thần của những nhân vật thành danh trong giới cải lương.
- 325 100. Nhìn lại chặng đường cải lương gần một trăm năm năm qua, có thể đúc kết được điều gì?
- 328 * Tài liệu tham khảo

LỜI NÓI ĐẦU

Từ 1986 đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua một quá trình đổi mới theo hướng hiện đại hóa và hội nhập với quốc tế rất sôi động. Trên nhiều phương diện, quá trình ấy đã đào thải rất nhiều và rất nhanh các yếu tố lạc hậu, trì trệ và không hợp lý, song cũng chính trong tình hình ấy, văn hóa truyền thống phải tìm được những hình thức tồn tại mới mà cụ thể là trở thành những kiến thức và thông tin phổ cập có thể tác động tích cực tới sinh hoạt xã hội. Mặt khác, bản thân quá trình ấy cũng tác động một cách toàn diện và lâu dài tới đời sống văn hóa - xã hội ở Thành phố, nên việc cung cấp những thông tin cần thiết về nó cũng là cách thức giúp người đọc có một cái nhìn tổng quát về các khuynh hướng và động thái kinh tế - xã hội hiện tại ở Thành phố, từ đó có những ứng xử tích cực và hữu hiệu hơn trong hoạt động của mình. Bộ sách "Một trăm câu hỏi đáp về Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh" gồm ba mươi quyển mà Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn liên kết tổ chức thực hiện này nhằm hướng tới đáp ứng những mục tiêu vừa mang tính cấp thiết vừa mang tính lâu dài ấy. Có thể nói đây là một bộ Địa chí Văn hóa Thành phố dạng sơ giản nhằm phổ cập kiến thức và cung cấp thông tin cho người đọc cả trong lẫn ngoài nước về truyền thống lịch sử - văn hóa và hiện trạng kinh tế - xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên có thể nêu ra trên ba mươi chủ đề, vấn đề để giới thiệu về Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên do sự hạn chế về lực lượng, thời gian và phương tiện vật chất, trước mắt bộ sách chỉ giới hạn trong ba mươi quyển, cũng là một thể nghiệm bước đầu để sau này nếu có điều kiện sẽ tiến tới biên soạn một bộ Tiểu từ điển bách khoa về Thành phố Hồ Chí Minh. Quyển *Một trăm câu hỏi đáp về sân khấu cải lương Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh* của các tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương là nằm trong cơ cấu chung nói trên.

Quyển sách này cố gắng giới thiệu cho người đọc những vấn đề, sự kiện, nhân vật... nổi bật trong lịch sử phát triển của sân khấu cải lương ở thành phố từ đầu thế kỷ XX trở đi, bên cạnh đó cũng kết hợp giới thiệu tổng quan về hát bội ở thành phố, một bộ môn nghệ thuật nhiều năm qua đã thấm thấu và tích hợp vào với cải lương. Đặc biệt, quyển sách còn muốn hướng người đọc tới chỗ cùng suy nghĩ về xu thế thoái trào của cải lương hiện tại, sự thoái trào mà biện pháp "xã hội hóa" bằng con đường thoát ly chế độ bao cấp chuyển sang kinh doanh hai mươi năm qua không ngăn cản được bao nhiêu mà ngược lại dường như còn đẩy mạnh hơn...

Vì điều kiện tư liệu hạn chế, cách thức biên soạn tương đối mới mẻ, phạm vi cần đề cập lại quá rộng lớn, nên chắc chắn quyển sách còn nhiều thiếu sót. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn và các tác giả hy vọng được người đọc góp ý để sau này nếu có điều kiện tái bản, quyển sách sẽ đạt được chất lượng cao hơn.

Tháng 3. 2007



**XIN CHO BIẾT VỀ BỐI CẢNH VĂN HÓA
TẠI NAM BỘ TRƯỚC KHI NGHỆ THUẬT
CẢI LƯƠNG RA ĐỜI.**

Dân Việt Nam vốn chuộng âm nhạc và nghệ thuật ca hát nên có người cho rằng ca hát là truyền thống ngàn đời của dân tộc. Đặc biệt, ở vùng đất một phần ba đất nước phía nam tức Nam Bộ, truyền thống đã phát triển mạnh mẽ ngay từ thế kỷ XVIII. Những nông dân người Việt ở Thuận Quảng thế kỷ XVIII rồi Trung Bắc thế kỷ XIX, người Hoa và người Chăm di trú, người Khmer bản địa... đã mang văn hóa truyền thống trong đó có âm nhạc của mình tới góp phần un đúc và tạo ra ở đây một truyền thống âm nhạc tuy non trẻ song không kém phần độc đáo, truyền thống ấy khi Việt Nam mà trước tiên là Nam Bộ tiếp xúc toàn diện với phương Tây tư bản đã được đổi mới thêm một lần nữa rồi đơm hoa kết trái, góp thêm vào các bộ môn nghệ thuật biểu diễn của dân tộc một loại hình độc đáo là sân khấu cải lương.

Trước khi nghệ thuật cải lương xuất hiện ở Nam Bộ, sân khấu truyền thống Việt Nam đã có tuồng (hát bội) và chèo. Những điệu Bắc vui tươi cùng những điệu Nam sâu thẳm đã được bổ sung thêm điệu Oán, một điệu thức đặc biệt của Nam Bộ. Khá nhiều bài bản âm nhạc phong phú quy tụ về đây, từ những làn điệu dân ca, gồm các điệu Hò, Lý, Nói thơ Nam Bộ... đến các loại bài bản của nhạc tài

tử, phát triển thành phong trào ca nhạc mang tính quần chúng lan rộng khắp nơi.

Nhiều tài liệu trong và ngoài nước cho thấy Nam Bộ đã có hát bội từ thế kỷ XVIII, đến thế kỷ XIX đã có những đoàn mang tính tư nhân như đoàn của Tả quân Lê Văn Duyệt. Khi Hát bội phát triển mạnh thì hai phong trào Nhạc lễ Nam Bộ và Đàn ca tài tử Nam Bộ cũng bắt đầu xuất hiện.

Tinh thần nhạy cảm với cái mới của người Nam Bộ còn được thể hiện qua các sinh hoạt báo chí và việc phổ biến chữ quốc ngữ. Bên cạnh những bài báo kêu gọi cải cách phong tục, tín ngưỡng, tự cường kinh tế, chống tham nhũng, đả kích thực dân và tay sai, ca ngợi anh hùng chống Pháp còn có những bài *Đề nghị cải lương nếp sống* của Nguyễn Chánh Sắc, *Cải lương văn học* của Hồ Biểu Chánh, *Cải lương kịch nghệ* của Lương Khắc Ninh.

Phong trào nói thơ Nam Bộ được phát triển mạnh nhờ nhiều người mua các truyện thơ về đọc rồi nói lại cho chòm xóm cùng nghe. Chỉ cần một cây độc huyền (đàn một dây) đệm cho các điệu nói thơ Văn Tiên, nói thơ Sáu Trọng, nói về Ông Trạng - Tiên Bửu, người ta có thể giúp thỏa mãn nhu cầu nghe và nhìn cho người dân lúc đó. Các điệu hò lan tỏa trên ruộng đồng, sông nước thì chẳng cần phải có nhạc đệm. Một số dân ca truyền thống như Lý ngựa ô Bắc, Lý ngựa ô Huế khi vào đây được biến tấu ngay thành Lý ngựa ô Nam. Người ta sơ kết ở Nam Bộ nay đã có hơn trăm điệu Lý giàu chất trữ tình, hào hùng, mà cũng không thiếu chất bi ai và bi hài khi cần thiết. Cạnh dòng dân ca, những loại hình văn học nghệ thuật khác cũng sớm có mặt.



002

XIN CHO BIẾT VỀ PHONG TRÀO ĐỒN (ĐÀN) CA TÀI TỬ NAM BỘ.

Phong trào Đờn (đàn) ca tài tử hình thành vào giữa thế kỷ XVIII và phát triển cao vào thế kỷ XIX ở Nam Bộ. Sinh hoạt giao lưu bắt đầu từ lễ hội, đình đám. Các đình làng Nam Bộ là nơi hội tụ các hoạt động biểu diễn ca và hát. Khi bắt đầu lễ hội, còn gọi là Vào đám, có hai sinh hoạt song song: Nhạc lễ phục vụ cúng bái bên trong đình và hát bội diễn ngoài sân đình trong một nơi dựng nên gọi là Võ ca. Về sau, đám nào không có hát bội thì có Ca tài tử.

Người tham gia tụ tập chơi theo cảm hứng cá nhân chứ không coi đây là nghề kiếm sống. Ban nhạc lễ chỉ lãnh đám, từ lúc vào đám cho đến nửa đêm, từ nửa đêm có khi kéo đến sáng là một đợt mới. Khi ra sân rồi, ban nhạc lễ chuyển sang đàn ca tài tử. Phần này coi như ban tổ chức không phải lo chi phí ngoài thức ăn khuya nhẹ (như cháo gà và vài xị đế). Người thưởng thức rất đông, gồm nhiều giai cấp, tầng lớp trong xã hội, ở nhiều lứa tuổi. Khán giả là giới bình dân, ngồi hòa vào giới công chức, giáo viên, con cháu những gia đình khá giả, có học nhạc bài bản hẳn hoi vì khi đến thưởng thức, họ có thể ngẫu hứng tham gia phần ca hát và cả đàn nếu biết. Tuy gọi là phong trào đàn ca tài tử nhưng đây lại là sự kết hợp giữa lực lượng âm nhạc chuyên nghiệp và nghiệp dư. Có mặt ở đây loại nhạc bác học với loại bản lớn như Nam, Oán, Ngự lẫn dòng

nhạc dân gian. Nhờ vậy phong trào đã được phát triển về chiều rộng lẫn chiều sâu, liên tục được nghiên cứu nâng cao và ngày càng lan tỏa từ các võ ca ở các lễ hội đình đám sang đến những sinh hoạt ở làng xã xóm ấp và vào sâu từng gia đình.

Theo Vương Hồng Sển trong *Hồi ký năm mươi năm mê hát* thì người yêu nước Nam Bộ chọn hình thức này để có thể tụ tập mà không sợ bọn thám tử, lính kín cho Tây rình mò, chụp mũ lập công. "...Giới đàn ca thấy nghề mình bớt bị khinh bạc lại thêm được trọng vọng nữa là khác, nên thường tụ họp trong phòng các nhà khá giả, hoặc chỗ đồ hội như tiệm hớt tóc, tiệm hay lò thợ bạc, vừa trau dồi nghệ thuật vừa tập ca hát cho vui, bắt chước người Pháp gọi đó là "nhạc thính phòng", dịch chữ "musique de chambre" của Tây chớ ta làm gì có phòng đặc biệt để chơi đàn? Trước đó nữa, tại các tỉnh Nam Kỳ không có đàn đàn cổ nhạc Việt, chỉ có giàn nhạc lễ (ví dụ ở Bạc Liêu có Nhạc Khị), thường dùng vào các cuộc đám ma nhà héo. Mỗi khi có đám tang, vào lúc canh khuya, sau buổi tế buổi tụng kinh, thường các thầy nhạc và thầy chùa bày ra đôi chủ nhà nấu cháo trắng để thức sáng đêm, và nhơn dịp ấy, họ cũng hòa đàn, tập dượt ca cho đúng nhịp, để đánh con buồn ngủ. Sau thành thói tục, mỗi dịp quan hôn tang tế thậm chí lễ mừng tân quan, tân gia, khai bằng, khánh hạ, đám giỗ, đám cưới đều có mời họ luôn cho rôm đám. Người Việt tánh dễ dãi không hay kiêng cử, sau buổi tụng kinh khóc kể thì hòa đờn mà đờn bản vui cũng bất chấp, đồ thừa "sự vong như sự tồn", đàn cho người đó nghe chơi như thể sanh tiền".

Phong trào đàn ca Nam Bộ lúc bấy giờ có hai nhóm nổi bật:

- Nhóm miền Đông: Người đứng đầu là ông Nguyễn Quang Đại tức Ba Đợi (phải đổi tên do trùng với tên vua

Bảo Đại). Ông là nhạc quan triều Nguyễn cuối thế kỷ XIX, vào Nam hưởng ứng hịch Cần Vương chống Pháp. Ông đã có công sáng tác, chỉnh sửa nhiều bài nhạc tài tử (gồm bài bản lớn như Nam, Oán, Ngự) và đào tạo nhiều nhạc sĩ thời ấy. Riêng ở Sài Gòn, Cần Đước đã có: Sáu Thới (thầy của Giáo Thỉnh, Tư Nghị), Cao Huỳnh Cư, Cao Huỳnh Diêu, Cao Hoài Sang, Bảy Nhỏ. Môn đệ thuộc thế hệ kế tiếp có Chín Kỳ, Hai Phát, Hai Biểu, Sáu Quý, Tư Huyện, Bảy Hải, Ba Lụa, Văn Vỹ, Tư Còn... Ngày 19 tháng 1 âm lịch là ngày ông mất (an táng tại Rạch Cát, quận 8) được chọn làm ngày "Giỗ của đàn ca tài tử".

- Nhóm miền Tây: Đứng đầu là ông Lê Bình An, bầu gánh hát bội, có lúc làm đến Phó Tổng ở Bạc Liêu, nên gọi là Phó Tổng An. Ông là cha của nhạc sư Lê Tài Khị tức Nhạc Khị (1862 - 1924), người được giới nhạc sĩ thời đó tôn xưng là hậu tổ nhạc lễ và tài tử và cả cải lương. Môn đệ của ông là những nhạc sư như Bảy Kiên, Hai Húa, Ba Lát, Tám Bằng..., hai nhạc sĩ tài năng là Cao Văn Lâu (sáng tác bản *Dạ cổ hoài lang*), Mộng Vân, Trần Văn Trung (sáng tác *Sương chiều*, *Tú Anh*, *Phong Ba Đình*, *Tô Vỡ*, *Giang Tọa*, *Điếu Ngữ*...).

Bên cạnh hai nhóm lớn ở Cần Đước và Bạc Liêu này còn có nhóm tài tử Vĩnh Kim (Mỹ Tho) trong đó có ông Trần Quang Diệm (1853 - 1927) là nội tổ của nhạc sĩ Trần Văn Khê, nhóm tài tử Vĩnh Long Sa Đéc có ông Kinh lịch Quờn (Trần Quang Quờn), Phạm Đăng Đàn, Tống Hữu Định.

Ở Sài Gòn có những nhạc sư từ miền Trung vào dạy nhạc như thầy Tam, thầy Dũng, cha con ông Nguyễn Liên Phong, Nguyễn Tùng Bá dạy đàn khắp lục tỉnh. Riêng hai vị quan chức khoa cử là Phan Hiến Đạo, Tôn Thọ Tường học nhạc ở Huế và về chơi nhạc tài tử ở Nam Bộ.

Huỳnh Thúc Kháng căn cứ vào số bản nhạc đã phổ biến lúc bấy giờ đã đúc kết bài bản Nhạc tài tử đăng trên báo *Tiếng dân Huế*. Sau đó, năm 1957, nghệ nhân Nguyễn Văn Thịnh tức Giáo Thịnh, trên báo *Công nhân* tại Sài Gòn cũng sắp xếp bổ sung một số làn điệu, đồng thời hệ thống hóa như sau:

- Nhứt Lý: Lý con Sáo, Lý giao duyên, Lý ngựa ô Bắc, Lý ngựa ô Nam..., các bài Lý của ca nhạc Huế đem vào được cải tiến và ngày nay có thêm các bài Lý do các nhạc sĩ sưu tầm hay đặt thêm.

- Nhị Ngâm: Các kiểu ngâm thơ theo hơi Xuân hoặc hơi Ai.

- Tam Nam: Nam Xuân, Nam Ai, Nam Đảo (tức Đảo ngũ cung).

- Tứ Oán: Tứ đại oán, Phụng hoàng, Giang Nam, Phụng cầu hoàng.

- Ngũ Điểm: Lưu thủy, Phú lục, Xuân tình, Tây Thi, Bình bản, Cổ bản.

- Lục Xuất: Văn thiên tường, Trường tương tư, Bình bán chầu, Chinh phụ Nam, Tứ đại văn, Hội ngươn tiều.

- Thất Chính: Xàng xê, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long đăng, Long ngâm, Vạn giá, Tiểu khúc.

- Bát Ngự: (Do ông Trần Quang Diệm sáng tác cho cụ Ba Đợi hòa tấu cho vua Thành Thái thưởng thức nhân chuyến vào Nam): Bát Man Tấn Cống, Đường Thái Tôn, Vọng phu, Chiêu Quân, Ái tử kê, Tương tư, Duyên kỳ ngộ, Quả phụ hàm oan.

- Cửu Nhĩ: Tứ bử (Minh Hoàng thưởng nguyệt, Ngự giá đăng lầu, Phò mã giao dươn, Ái tử kê) và Ngũ châu (Kim tiền bản, Ngự giá, Hồ Lan, Vạn liên, Song chi hồ điệp).

- Thập thủ liên hườn (còn gọi là bản Tàu): Phẩm tuyết, Ngươn tiêu, Hồ quảng, Liên hoàn, Bình bản, Tây mai, Kim tiền, Xuân phong, Long hổ, Tẩu mã.

Từ năm 1990 về sau, do cải lương yếu nên phong trào này lại phát triển ngày càng rần rộ, mạnh hơn bao giờ hết. Nhưng hình thức Ca ra bộ thì ít xuất hiện, dường như hình thức này đã phát triển quá độ để nhường đường cho sân khấu cải lương phát triển.

Nhà nước nâng đỡ phong trào đàn ca tài tử nhằm giữ gìn nghệ thuật dân tộc có tính quần chúng. Nhiều cuộc Liên hoan đàn ca Tài tử toàn thành rồi toàn vùng (miền Đông và miền Tây Nam Bộ) giúp cho những người thích giọng ca hay được thỏa mãn phần nào nỗi nhớ một thời vàng son của cải lương với những giọng ca truyền cảm ngày xưa, mỗi người một vẻ chứ không bị bắt chước, nhái giọng như hiện nay. Không khí của phong trào đàn ca tài tử hiện giờ rất gần gũi với mục đích khi mới ra đời của nó là không lệ thuộc doanh thu, và thỏa ý nguyện cho người hát lẫn người nghe.



TỪ ĐÀN CA TÀI TỬ TỚI NGHỆ THUẬT CẢI LƯƠNG CÒN PHẢI QUA NHỮNG BƯỚC NÀO?

Từ đàn ca tài tử, nghệ nhân đã sáng tạo ra lối Ca ra bộ (ca có điệu bộ), rồi cộng hưởng với sân khấu hát bội xưa cùng nghệ thuật kịch nói du nhập từ Pháp kết hợp với phong màn, dàn cảnh, phục trang, hóa trang như sân khấu Tây, hình thành nghệ thuật cải lương. Theo ông Trần Văn Khải trong *Lịch sử cải lương* đầu tiên người ta được nghe ca trên sân khấu như sau:

- "Khoảng 1907, ở Mỹ Tho có Ban tài tử Nguyễn Tống Triều, tục gọi Tư Triều gồm bản thân Tư Triều (kìm), Chín Hoán (bầu), Mười Lý (tiêu), Bảy Võ (cò), cô Hai Nhiều (tranh), cô Ba Đắc (ca)... Ban tài tử này đàn ca rất hay nên trong năm 1910, đã được một ông chủ giàu nhất nhì ở đất Mỹ Tho, mang quốc tịch Pháp là Pierre Châu Văn Tú đưa sang Pháp biểu diễn trong dịp Hội chợ đấu xảo thuộc địa tại Paris.

Trong đó có người đi Pháp về, cho biết họ được mời ngồi đàn ca trên sân khấu. Cô Ba Đắc ca bài *Tú đại oán*, một mình diễn ba vai Bùi Kiệm, Bùi Ông và Kiều Nguyệt Nga nên phải diễn tả điệu bộ lời ca cho phù hợp với tính cách của ba nhân vật. Năm 1911, Trần Chánh Chiếu mời cả ban về khách sạn Minh Tân (gần ga xe lửa Mỹ Tho - Sài Gòn) diễn tấu, người đến nghe ngày càng đông. Thầy

Hộ, chủ rạp Casino (sau chợ Mỹ Tho) cũng mời ban này diễn tối thứ tư và thứ bảy trước khi chiếu bóng, được công chúng hoan nghênh nhiệt liệt.

Như thế từ những người ngồi yên trên bộ ván để ca theo kiểu thính phòng hay "ca salon", những người ca tài tử có nhu cầu thể hiện thêm tình cảm của bài ca bằng cách đứng lên bộ ván với những bộ điệu, động tác nhái theo tâm lý nhân vật mang tính cách trình diễn. Ca ra bộ trở thành một tiết mục sân khấu từ đó".

"...1912, chúng tôi tòng học tại tỉnh lỵ Mỹ Tho có đến xem... Cách chưng dọn sân khấu còn đơn sơ. Cái màn bạc dùng làm tấm fond, kế đó có lót một bộ ván, trước bộ ván để một cái bàn chum chưa treo. Hai bên sân khấu có để cây kiểng xem rậm đám và khán giả có cảm giác đứng trước một cái phòng khách hạng trung lưu. Các tài tử đều ngồi trên bộ ván và mặc quốc phục xem nghiêm trang. Cô Ba Đắc ca rất hay và biết đủ các bài cổ điển. Nhất là cô ca bản Tứ đại oán *Bùi Kiệm – Kiều Nguyệt Nga* rất duyên dáng" (Vương Hồng Sển, *50 năm mê hát*).

1915, Nguyễn Hữu Định (Phó Mười Hai) ở Vĩnh Long cho ba người đóng ba vai Bùi ông, Bùi Kiệm, Nguyệt Nga đứng trên ván vừa ca vừa ra bộ.

Để thích hợp với tiết mục sân khấu Ca ra bộ, người ta cần phải chuyển loại hình này ra một không gian thích hợp. Vài rạp chiếu bóng, rạp xiếc trong giai đoạn này ở Mỹ Tho, Sa Đéc... và Sài Gòn đáp ứng điều đó. Trước đó ở Sài Gòn, đã có Léopold lập ra rạp Casino ở đường Pasteur (nay vẫn còn ở vị trí cũ, ngay góc đường Nguyễn Huệ mà công ty giải trí Phước Sang đã chọn để chia đôi, một bên chiếu phim, một bên là chỗ diễn kịch của Sân khấu Kịch Sài Gòn). Chính Léopold làm ảo thuật trước khi chiếu bóng. Thầy Hộ chủ rạp Casino sau chợ Mỹ Tho dựa theo đó mời

dàn đàn Tư Triều đến đàn và ca vài bản trước tấm màn ảnh trên sạp cao mỗi tối thứ tư và thứ bảy như đã nói.

Trần văn Khải trong *Nghệ thuật Sân khấu Việt Nam* kể lại:

Tết 1917, có vở hát cải lương đầu tiên trên sân khấu xiếc của thầy André Thận ở Sa Đéc, sau một thời gian dài Ca ra bộ phụ diễn trước khi mở màn. Đó là vở *Lục Vân Tiên* của Mạnh Tự - Trương Duy Toàn (trước đó chiếu film câm *Charlot tìm vàng*) dựa gốc bài Ca ra bộ *Bùi Kiệm - Nguyệt Nga*.

15. 3. 1918, André Thận sang gánh cho thầy Châu Văn Tú (Mỹ Tho) gọi là Gánh hát thầy Năm Tú Mỹ Tho, diễn vở *Kim Vân Kiều* của Trương Duy Toàn tại Cinéma Théâtre (rap Thầy Năm Tú, nay là rạp hát Tiền Giang), tối thứ bảy diễn ở Eden (Chợ Lớn). Về sau thứ bảy và chủ nhật diễn ở Moderne (Sài Gòn) đường D'Espagne (Lê Thánh Tôn).

16. 11. 1918, một nhóm trí thức Nam Bộ do yêu cầu của Toàn quyền Albert Sarraut đã lập hội để khuyến cung quốc trái tại Nhà hát Tây. Những người tham gia còn hình trong Tạp chí *Nam Phương* 19. 1. 1919 (trong nhóm có nhà văn Hồ Văn Trung tự Hồ Biểu Chánh).

Theo Vương Hồng Sển trong *50 năm mê hát*, cải lương có được do "lòng ái quốc của một số người bị mất nước, cố tìm lối trời đầu lên để cho tinh thần quốc gia còn tồn tại". Ông cho rằng cải lương ra đời được do những cơ hội:

Hát bội không còn hợp thời nữa, gây cảm giác nhàm chán vì triết lý phong kiến và cách thể hiện tiếng Hán nhiều cộng thêm cách hát không nghe rõ... không hợp nữa.

Toàn quyền Albert Sarraut để mừng chiến thắng trong Đệ nhất Thế chiến (1914 - 1918) và để dân bản xứ xao lãng việc nước, không làm quốc sự, nói tay cho trí thức trước là tổ chức hát lấy tiền đưa "mẫu quốc" hàn gắn phần

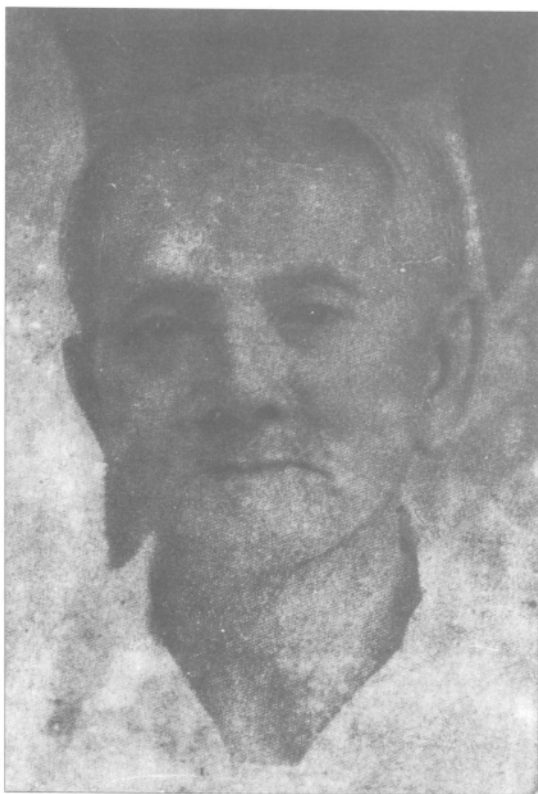
nào vết thương chiến tranh, sau nữa mặc cho họ chinh đồn biến Hát bội thành một nghệ thuật "canh tân, cải lương" khác.

Trong thực tế, từ những trò chỉ để hài hước, giải trí rồi giễu đòi, ngạo thế, pha tiếng Tây vào tiếng ta... những người trí thức này đã tìm cách xen giọng ái quốc vào điển xưa tích cũ... và cứ biến hóa mãi, trau dồi đàn ca, đưa tài tử salon lên sân khấu, lập hội, lập gánh.



XIN CHO BIẾT VỀ BÀI *DẠ CỔ HOÀI LANG*.

Nhạc sĩ Cao Văn Lầu (Sáu Lầu) là người đã có công với nghệ thuật cải lương rất lớn. Từ bài *Dạ cổ hoài lang* do ông sáng tác, nghệ sĩ, nghệ nhân nhiều thế hệ đã mở rộng nhịp điệu thành bài *Vọng cổ* cho đến nay vẫn được công chúng mến mộ. Cải lương mà không có *Vọng cổ* thì không là Cải lương. Ngoài vị trí độc tôn trên sân khấu, *Vọng cổ* còn được ưu ái trên Phát thanh, Truyền hình, ngày càng được đông đảo người mến mộ. Trước khi bản *Dạ cổ hoài lang* ra đời (1918), tình hình đất nước với ách đô hộ ngày càng đè nặng và đặc biệt là thực dân ra sức bóc lột sức người, sức của ở thuộc địa để tiến hành chiến tranh trong Đệ nhất thế chiến, khiến dân tày tử Nam Bộ khó tấu lên những khúc nhạc theo hơi Bắc vui vẻ, yêu đời. Trong bài *Tại sao và cách nào, bài ca Vọng cổ biến từ nhịp Tư đến nhịp Sáu mươi tư* trong *Bản nguyệt san Tin văn*, số Kỷ niệm nửa thế kỷ Cải lương, tác giả Ngũ Điểm cho biết lòng người lúc bấy giờ trở nên băng khuâng, buồn tủi và giới cầm ca hướng về hai bản *Hành vân* và *Tứ đại oán* "... Phong trào *Hành vân* và *Tứ đại lan* tràn khắp nơi, từ gốc Cần Đức xuống đến ngọn Bạc Liêu. Bạc Liêu cũng lại là một trung tâm ca nhạc cừ lắm. Nào giàn nhạc của ông Hai Khi, tức Nhạc Khi, đến giàn nhạc của học trò ông Nhạc Khi là ông Bảy Kiên, rồi lưu



Nhạc sĩ Cao Văn Lầu.

truyền đến giàn nhạc của Năm Bự, tay nào đàn ca cũng
cứng dừ lắm. Ở đây Sáu Lầu lấy hơi Hành vân và Tứ
đại chế ra một bản mới, bấy giờ đặt tên là *Dạ cổ hoài
lang*, diễn tả tâm trạng một chinh phụ nhớ chồng xuất
chinh, nhơn lúc ban đêm nghe tiếng trống:

*Từ là từ phu tướng.
Bưu kiếm sắc phong lên dàng,
Vào ra luống trông tin chàng,
Đêm năm canh mơ màng.
Trông ngóng trông tin nhàn.
Gan vàng thêm đau.*

Trong lúc đó bài Tứ đại Khóc chồng đang thành hành:

*Than, thờ than đất rộng trời dài.
Ra vô lụy ulla chau mày,
Cánh Diêm Đài chàng đã an thân,
Bỏ mẹ con tôi ở lại dương trần
Năm mộ phần tảo tần hôm mai
Chàng hồi có hay?
Thiếp cần móng tay kêu bó ông trời.*

Hai bài *Dạ cổ hoài lang* và *Tứ đại oán* được phổ biến như là ở Bạc Liêu già, trẻ, gái, trai, ai cũng ca ngêu ngao hai bài đó. Nhưng bài *Dạ cổ hoài lang* thì ngắn bản và ngắn hơi, không dài bằng bản *Tứ đại oán*. Người ca và người nghe ca không đã với bản *Dạ cổ hoài lang*. Vì vậy khách mộ điệu có khuynh hướng kéo dài nó ra".

Qua những cuộc hội thảo về nhạc sĩ Cao Văn Lầu tư liệu do gia đình cung cấp, người ta biết thêm tâm trạng của ông khi sáng tác. Do người vợ trẻ của ông về chung sống với nhau ba năm dài vẫn chưa sanh được mụn con nào, hai vợ chồng ông phải tạm thời chia cách. Đặt mình vào tâm trạng buồn nhớ thương sâu của vợ, thêm tiếng trống chùa gần đó vang vọng mỗi đêm, nhạc sĩ Sáu Lầu đã ghi được những giai điệu bất hủ. Về sau, ông được trùng phùng cùng vợ hiền và bà đã sanh được con cho ông chứ không đến mức phải chia tay vĩnh viễn. Chữ Cổ trong tên bài có nghĩa là Trống, và nguyên bốn chữ *Dạ cổ hoài lang* có nghĩa "Đêm nghe tiếng trống, nhớ chồng".

Nguyên bản của nó như sau:

*Từ là từ phu tướng.
Bầu kiểng sắc phong lên dăng (có bản ghi "Báo
kiểng sắc phán lên dăng").
Vào ra luống trông tin chàng,
Đêm năm canh mơ màng.*

*Trông tin chàng (có bản ghi "Trông ngóng
trông tin nhàn").*

Gan vàng thêm đau.

Lòng dầu xa ong bướm

Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang.

Trông luống trông tin bạn

Ngày mới mòn như đá vọng phu

Vọng phu vọng luống trông tin chàng

Năm canh mơ màng

Chàng là chàng có hay

Đêm thiếp nằm luống những sầu tây

Bao thuở đó đây sum vầy

Duyên sắt cảm tình thương ý y

Là nguyện cho chàng

Đặng chữ bình an

Mau trở lại gia đình

Cho thiếp chàng hiệp nhau.

Từ nhịp 4, bản nhạc này về sau được triển khai đến nhịp 8, rồi từ đó mở rộng ra nhịp 16, sau nữa, chuyển biến âm điệu phong phú hơn để trở thành bài vọng cổ nhịp 32. Hiện tại, bài Vọng cổ đang được sử dụng trong thế kỷ XXI này đã có nhịp 64.



XIN CHO BIẾT VỀ VỞ CẢI LƯƠNG ĐẦU TIÊN Ở NAM BỘ.

Vở *Lục Vân Tiên* của soạn giả Trương Duy Toàn, bút danh Mạnh Tự, được trình diễn ra mắt ở rạp xiếc thầy Thận (Sa Đéc) năm 1917 hiện được xem là vở cải lương đầu tiên ra mắt công chúng. Đào kép là những người nổi tiếng trong loại hình Ca ra bộ trước đó như Hai Cúc, Hai Máo, Bảy Thông, Tám Cang vân vân.

Để có được vở cải lương này, những người cộng tác cùng soạn giả đã phải qua những giai đoạn như sau:

Đầu tiên, sau những năm tháng ở nước ngoài, mơ ước xây dựng được một sân khấu mới cho Việt Nam, mãi đến khi bị bắt tại Paris rồi giải lao về Sài Gòn (1913) và bị an trí tại Phong Điền (Cần Thơ), vào khoảng những năm 1914 - 1915, soạn giả Mạnh Tự - Trương Duy Toàn mới sáng tác được tác phẩm Ca ra bộ đầu tiên có tên *Bùi Kiệm - Nguyệt Nga*.

Ở giai đoạn này, tiết mục này chỉ có một bài ca là lớp đầu của bài *Tứ đại oán*. Lời ca ở đây được minh họa bằng động tác của người ca và vẫn còn là hình thái biểu diễn bằng âm nhạc. Tuy nhiên nhiều người nhận định rằng không theo hướng cải cách Hát bội như những người cùng thời, mà chọn khởi điểm từ gốc một tác phẩm văn học của Nam Bộ, phối hợp với gốc ca nhạc tài tử mà ông khá uyên thâm,

soạn giả Trương Duy Toàn đã có một định hướng về một vở hát tương lai của riêng dân tộc mình.

Trước khi tiến sang giai đoạn hát cải lương, còn có thể kể thêm một loại hình trung gian là Hát chập (theo *Việt Nam Tục điển* của Lê Văn Đức - Lê Ngọc Trụ do nhà Khai Trí xuất bản năm 1970 thì Hát chập là lối hát tài tử do một người hát hay có đối đáp giữa hai người ngồi trên ghế không hóa trang, lời và giọng hát được chọn trong một lớp ngắn của một tuồng hát bội).

Khi còn là Ca ra bộ, chỉ cần một người biểu diễn một hay nhiều bài ca có cùng cốt truyện như:

*Kiểm từ thì rớt trở về
Bùi Ông mắng nhiếc nhún trẻ
Trách quá chàng ham bẻ vui chơi.
Kiếm thua "Tài bất thắng thời
Con lẽ nào không lo bẻ công danh
Tuổi con còn xuân xanh
On cha mẹ, con chưa đáp đền, đó cha ơi".*

Bùi Ông:

– "Thôi con ở lại nhà, đừng hôm sớm với cha".

(lớp đầu của bài *Tứ đại oán*).

Khi chuyển sang hát chập, đã tăng cường yếu tố biểu diễn qua hành động sân khấu và xung đột kịch giữa các nhân vật nên cũng tăng cường số người ca và văn kể chuyện chuyển thành văn đối đáp giữa các nhân vật.

Bài hát trên chuyển thành đối thoại giữa cha con Bùi Ông và Bùi Kiệm, tăng cường thêm bài *Bình bán vắn*. Khi có Kiều Nguyệt Nga xuất hiện thì cô có riêng bài *Tứ đại oán* lớp *Xang dài*.

Tiếp tục hướng đi này, soạn giả Trương Duy Toàn viết tiếp những bài Ca ra bộ khác mang tính cách nghiêng về

biểu diễn mà gốc xuất phát vẫn là từ tác phẩm *Lục Vân Tiên* của cụ Đồ Chiểu như: *Khen anh Từ Trục, Lão quán ca, Vân Tiên mù*.

Các đoàn khúc Ca ra bộ này đều được thiết kế âm nhạc tương tự nhau với một bài *Tứ đại oán* làm chủ lực, xung quanh có các bài bản ngắn. Đến một lúc thuận tiện, vừa do yêu cầu của người hát lẫn người xem, những đoạn Ca ra bộ này được nối với nhau để soạn giả có thể có được một vở diễn hoàn chỉnh. Thiên thời, địa lợi phải cộng thêm nhân hòa. Trước đó ở các rạp chiếu bóng, trước khi chiếu bộ phim chính, chủ rạp chỉ cho diễn những đoàn khúc Ca ra bộ hoặc Hát chập. Ngay cả gánh xiếc của thầy André Thận trong giai đoạn trước khi rước ông Trương Duy Toàn về dựng vở *Lục Vân Tiên* cho ông (1915 - 1916), thì những màn phụ diễn vẫn chỉ là những đoàn khúc Ca ra bộ hoặc Hát chập.

Song song với việc chọn tác phẩm *Lục Vân Tiên* của cụ Đồ Chiểu làm nguồn cảm hứng sáng tác, được biết soạn giả Trương Duy Toàn cũng chuẩn bị những bài Ca ra bộ được dựa trên khởi điểm là tác phẩm *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du. Đó là: *Kiều mộng Đạm Tiên, Viên ngoại hàm oan, Thúy Kiều Từ Hải, Kim Kiều hạnh ngộ*.

Hai năm sau, khi soạn giả Trương Duy Toàn cùng với các nghệ sĩ về với ông Pierre Châu Văn Tú (tức thầy Năm Tú), họ đã khai trương Gánh hát thầy Năm Tú Mỹ Tho tại rạp Cinéma - Théâtre (tức rạp thầy Năm Tú) đúng ngày sinh 15. 3. 1918 của chủ nhân. Họ đã chọn vở *Kim Vân Kiều* của soạn giả Trương Duy Toàn.

- Cô Hai Cúc vai Thúy Kiều
- Cô Ba Đắc vai Thúy Vân
- Cô Năm Thoàn vai Hoạn Thư
- Bảy Thông vai Kim Trọng

- Tám Danh vai Tử Trục
- Tám Cang vai Viên Ngoại
- Sáu Đỏ vai Từ Hải
- Sáu Nhiều vai Vương Quan.

Đến năm 1920, trên sân khấu này, vở *Lục Vân Tiên* mới được dựng lại với thành phần diễn viên:

- Cô Hai Cúc vai Kiều Nguyệt Nga
- Cô Tư Sạng vai Kim Liên
- Cô Năm Thoàn vai Võ Thê Loan
- Bảy Thông vai Lục Vân Tiên
- Tám Danh vai Tử Trục
- Tám Cang vai Hớn Minh
- Ba Du vai Bùi Kiệm
- Sáu Nhiều vai Trịnh Hâm.



XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG NGƯỜI ĐÃ TẠO DỰNG NỀN SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG.

Thời đàn tài tử, theo Vương Hồng Sển thì trước hết phải nhắc tới Tống Hữu Định, còn gọi là Phó Mười Hai ở Vĩnh Long. Khi sanh tiền ông có dịp lên xuống Mỹ Tho, Sài Gòn, nên đã học được cách pha trộn Ca ra bộ và đàn ca tài tử giao duyên cùng chiếu phim nên khi tổ chức đàn ca tiệc tùng cũng bày kiểu đàn ca ngồi trên ván ngựa. Ông cũng là người tổ chức hát dạo quyền tiền quốc trái khi xảy ra Đệ nhất thế chiến. Cùng thời và cùng nơi với ông còn có Kinh Lịch Quờn hay Hườn chuyên đặt bài ca, cải tiến đàn kìm, Phạm Đăng Đảng thiện nghệ với cây độc huyền cầm và đặt lời cho điệu Tứ đại.

Cùng tổ chức hát quyền tiền cho quốc trái với ông Tống Hữu Định, nhân đó cải biên cho hát bội gần với kịch Tây còn có các ông Hồ Văn Trung (tức Hồ Biểu Chánh), Đặng Thúc Liêng, Nguyễn Chánh Sắc, Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Văn Hoài.

Ông Hai Khị (Bạc Liêu) vẫn được dân gian coi là hậu tổ, cùng thời, nơi khác có Trần Văn Triều (Mỹ Tho) cha của nhạc sĩ Trần Văn Khê, Trần Ngọc Viện (chị của ông Trần Văn Triều) biết ca, sử dụng đàn tranh và có công đào tạo đào cải lương như cô Năm Phỉ, Nguyễn Tri Khương (dòng Nguyễn Tri Phương, cậu của nhạc sĩ Trần Văn Khê)

ngoài tài đàn cò, thổi tiêu tham gia hòa tấu nghĩa hiệp còn soạn nhiều bản tuồng bộc lộ lòng yêu nước. Vương Hồng Sển cũng đề nghị ghi vào đây những người đã có thọ nghiệp đàn tại Huế và mang vào Nam phổ biến như thầy Dũng, thầy Tam và Phan Hiến Đạo, Tôn Thọ Tường...

Thời lên sân khấu, người đứng đầu công cho buổi khởi đầu nghệ thuật cải lương, tức đưa nghệ thuật diễn xướng với lời ca và điệu bộ lên sân khấu hẳn hoi, hình thành hình thức sân khấu cải lương như hiện nay là André Lê Văn Thận (Sa Đéc), người thành lập gánh Tân Chơn Ban. Học xong trường Chasseloup Laubat, ông đi làm "cò tàu" cho tàu thủy của một hãng Tây, sau đó nghỉ việc cùng các danh ca, danh cầm đi nhiều nơi tổ chức đàn ca hát xướng. Nhân được xem qua gánh xiếc Harmstrong - circus của Mỹ, ông về quê quy tụ anh em lập gánh xiếc Cirque Jeune Annam, rước soạn giả Mạnh Tự - Trương Duy Toàn về soạn vở cải lương đầu tiên được diễn trên sân khấu là vở *Lục Vân Tiên* (1917). Có lúc ông còn đưa gánh của mình lên Sài Gòn, diễn ở rạp Moderne đường D'Espagne (nay là đường Lê Thánh Tôn). Diễn viên của ông có Bảy Thông, Tám Cang, Hai Mão, Ba Biểu, Hai Cúc, Tư Hào, Maguérite Tấn, Năm Thoàn, Hai Vui...

Soạn giả Mạnh Tự - Trương Duy Toàn vốn là nhà văn yêu nước, từng bị Pháp bắt và bị quản thúc. Ông có công lao lớn với nghệ thuật cải lương buổi đầu với việc soạn vở cải lương đầu tiên được diễn trên sân khấu là vở *Lục Vân Tiên* (1917).

Ông Châu Văn Tú tức thầy Năm Tú, người sang lại gánh hát thầy Thận. Ông xây rạp hát, làm phong màn, vẽ cảnh trí, mua sắm phục trang, đưa vở Kim Vân Kiều lên sân khấu năm 1918.

Cùng thời với gánh của André Lê Văn Thận ở Sa Đéc còn có gánh của Tống Hữu Định ở Vĩnh Long. Năm 1918,

còn có gánh của Đốc phủ Bảy và Đặng Thúc Liêng làm bầu. Sau đó vài năm có gánh của bác sĩ Trần Văn Minh (Sóc Trăng), trong gánh có thầy tuồng là Tư Quốc (vốn là y tá), hai người viết tuồng là thầy giáo Quyển, thầy giáo Trần Tấn Chức (thầy học của Vương Hồng Sển). Những diễn viên của gánh là các cô Ba Nhàn, Hai Nhỏ, Ba Theo, Bảy Cừ...

Đặc biệt có kếp Tư Út (Phạm Thế Đầu), về sau là kếp nhứt của gánh Phụng Hảo, chính tên của Đệ nhứt vọng cổ Út Trà Ôn chọn chữ Út đứng đầu để tưởng nhớ một danh tài yếu mệnh.

Trong gánh, cô đào ca hay nhứt là cô Kiều. Chồng của cô là trưởng tòa Cảnh (Trần Quang Cảnh) dùng cây vĩ cầm tham gia vào giàn đàn của gánh. (Họ là song thân của nghệ sĩ Hữu Phước sau này). Cùng mandoline của thầy Bảy Thảo, họ là hai người đầu tiên phổ nhạc Việt qua đàn Tây ở chợ Sóc Trăng.

Bên cạnh gánh Toàn Nữ ban của cô Trần Ngọc Viện có công đào tạo đào cải lương như cô Năm Phỉ còn có gánh Đồng Bào ban (sau này là Tái Đồng ban) của ông chủ lò bạc là Hai Cu. Gánh có kếp Hai Giỏi, tài năng nhưng vắn số, chồng cô Năm Phỉ. Ngoài ra còn có Năm Châu, Năm Phỉ, Ba Du, Tám Mẹo, Phùng Há.

Trương Văn Thông, chủ gánh Tân Thịnh, lập năm 1920 (có sách ghi là 1922), gánh này có kếp Chín Ích, Tư Long, Năm Phối, Hai Thiên. Ông Thông là người cho treo đôi liễn: *Cải cách hát ca theo tiến bộ, Lương truyền tuồng tích sánh văn minh*. Tên gọi nghệ thuật cải lương được lưu truyền từ đó.

Đồng thời với gánh này còn có gánh Văn Hý ban (về sau tách ra Võ Hý ban chuyên hát tuồng Tàu) của thầy Mười Vui. Còn phải kể thêm ở đây những soạn giả trong

giai đoạn đầu và giai đoạn kế đó như Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền, Đặng Công Danh (Mười Giảng), Nguyễn Công Mạnh, Trần Phong Sắc, Trần Hữu Trang, Lê Hoài Nở, Huỳnh Thủ Trung (Tư Chơi), nhạc sĩ Cao Văn Lầu... Và những nghệ sĩ tiền phong như Bảy Nhiêu, Ba Lụa, Ba Vân, Từ Anh, Bảy Nam...



**XIN CHO BIẾT VỀ CÁC KHUYNH HƯỚNG
SÁNG TÁC CỦA NGHỆ THUẬT CẢI LƯƠNG
TRƯỚC 1945.**

Như các nghệ thuật khác, sự ra đời của cải lương không thể tách khỏi hoàn cảnh lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội và chính trị đương thời. Các vở cải lương thời kỳ đầu dựa theo cốt truyện các truyện thơ Việt Nam như *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du, *Nhị độ mai*... (được soạn bởi soạn giả Mạnh Tụ - Trương Duy Toàn). Những vở kế tiếp thường lấy đề tài lịch sử Việt Nam như *Trần Hưng Đạo bình Nguyên* của Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền. Tuy nhiên khuynh hướng này không được thuận lợi lắm (1927, Đồng Nữ ban của cô Ba Viện ở Mỹ Tho có vở *Trung Trắc Trung Nhị* gồm toàn nữ diễn nhưng bị giải tán sớm vì bị tình nghi chủ gánh có hoạt động chính trị. Năm 1930, Phước Trung ban có *Lê Lợi khởi nghĩa* của Nguyễn Công Mạnh bị cấm và truy bắt tác giả vì bị nghi là muốn tuyên truyền nhân nhiều phong trào của quần chúng mạnh nha nổi dậy). Một số kịch bản có đề tài phản ánh xã hội, đề cao đạo lý (như *Thiên ác hữu báo* của soạn giả Nguyễn Công Mạnh, *Bội thê thiên xứ*, *Tham phú phụ bản* của Trần Phong Sắc viết cho gánh Đồng Bào Nam). Nhưng cũng có người phóng tác văn học các nước soạn thành tuồng Tây (như *Bạch Tuyết kiên trinh* của Lâm Hoài Nghĩa, Nguyễn Quốc Biểu). Phổ biến hơn, người ta

dựa vào nội dung tuồng Tàu như *Xử án Bàng Quý phi*, *Kỳ duyên phổ* của Đào Châu tức Đốc học Đào Trí Phú viết riêng vai Tô Ngọc Diện cho cô đào Chín Thêu của gánh Văn Hỷ ban vào khoảng năm 1921..., *Tình duyên phần lạc*, *Lưu hiếu nữ*, *Châu Trần phải nghĩa*, *Thổ nhận oan ương*, *Tâyương ký* mà Nguyễn Trọng Quyền dựa theo tuồng Tiều soạn cho đoàn Tập Ích ban của ông bầu lại Tiều Châu ở Thốt Nốt là ông Vương Có...

Ở giai đoạn định hình, tác giả Năm Châu thiên về hướng phóng tác kịch bản và văn học của phương tây như *Sĩ Ván công chúa* (từ truyện *Tristan et Yseult*), *Túy Hoa vương nữ* (từ vở *Marie Tudor* của Victor Hugo), *Gió ngược chiều* (từ vở *Ruy Blas* của Victor Hugo), *Sân khấu về khuya* phỏng theo vở *Hoàng hôn của những thần tượng*, phỏng theo tuồng Tàu, ông có *Thôi Từ thí Tề Quân*, *Mộc Quế Anh dâng cây*, tuồng xã hội của ông cũng được tán thưởng nhiều với *Phũ phàng* (tức *Men rượu hương tình*), *Giấc mộng cô đào*, *Tu sinh tử* (hay *Con không cha*), *Đêm dài vô tận* (tức *Đêm không ngày*). Từ khoảng 1930 đến 1952 Trần Hữu Trang sáng tác trên dưới 30 vở, trong đó còn được diễn mãi đến giờ có các vở *Đời cô Lựu* và *Tô Ánh Nguyệt*. Huỳnh Thủ Trung (Tư Chơi) thì được nhiều người hâm mộ với *Son hà xã tắc*, *Chung Vô Diễm*, *Khúc oan vô lượng*, *Lỡ tay trót đã nhúng chàm*, *Đầu xanh vô tội*, *Ai bạn chung tình*, *Bạc trắng lòng đen*... Lê Hoài Nở thiên về các đề tài châm biếm xã hội đương thời. Các vở sống lâu của ông có *Vó ngựa truy phong*, *Ông Huyện hàm Hàm*. Những soạn giả có vị trí vững vàng trong giai đoạn này còn phải kể thêm Ngô Vĩnh Khang với *Tơ vương đến thác* (phỏng theo *La dame aux Camélias* tức *Trà hoa nữ* của Alexandre Dumas con), Đặng Công Danh (Mười Giảng) với *Tứ đổ tường*...

Theo Lê Duy Hạnh "Cải lương đã chịu ảnh hưởng có tính cách quyết định của hai dòng sân khấu: sân khấu truyền

thống của Việt Nam và sân khấu kịch hiện đại của Pháp". Trong một bài viết, nhạc sĩ Tuấn Giang đã nhận định "Sân khấu cải lương là nghệ thuật miêu tả, cách điệu, nội dung kể chuyện trữ tình, có màu sắc bi, hài... hợp thành bởi Ca nhạc dân gian Nam Bộ và các miền, Ca nhạc tài tử cung đình Huế, Tinh hoa của nghệ thuật sân khấu cổ truyền và một phần các hình thái nghệ thuật đương đại". Còn theo Trương Bình Tòng, tác giả cuốn *Nghệ thuật cải lương – Những trang sử*, thì từ truyền thống ca hát ngàn năm của dân Việt, với hoàn cảnh địa lý và lịch sử đưa tới tính cách phóng khoáng, sáng tạo, bất khuất, yêu nước và dạt dào tình cảm của người Nam Bộ, họ đã phát triển các loại hình nói thơ Nam Bộ cùng Hò, Vè, Lý, Dân ca Nam Bộ, cộng hưởng thêm sinh hoạt hát bội... rồi đi từ nhạc lễ, đàn ca tài tử trong những lễ hội đến sinh hoạt làng xã xóm ấp, họ có Ca ra bộ, Hát chập trước khi có cải lương.

Xem lại các nguồn gốc xuất phát, ta thấy chiều hướng sáng tác của nghệ thuật cải lương trong giai đoạn đầu tiến tới định hình cũng không thể thoát khỏi nguồn gốc xuất phát là tiếp thu tinh hoa văn hóa các nơi trên nền tảng dân tộc.

Trong giai đoạn có chiến tranh hay khó khăn về kinh tế, nhiều gánh sang diễn tuồng Phật, Tiên... khai thác kỹ thuật và nhiều bài bản mới, đánh vào tâm lý chuộng lạ về hình thức hơn là nội dung. Đại biểu khuynh hướng này có nhạc sĩ kiêm soạn giả Mộng Vân.



XIN CHO BIẾT VỀ SOẠN GIẢ MẠNH TỰ TRƯỞNG DUY TOÀN

Trương Duy Toàn (1885 - 1957), bút danh Mạnh Tự, quê ở Vũng Liêm, Vĩnh Long. "Về hoạt động chính trị, ông sớm có mặt trong phong trào Minh Tân (Duy Tân) và Đông Du. Trên đường bốn ba hoạt động, ông bị mật thám Pháp bắt giam tại Paris (1913), sau lúc gặp toàn quyền Albert Sarraut đang có mặt tại Pháp. Ông bị đưa ra tòa xét xử, ngồi tù tại khám đường La Santé và sau đó bị giải về Sài Gòn" (Bằng Giang, *Trương Duy Toàn*, Báo Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh số ra ngày 4. 5. 1990).

Trong giai đoạn bị đưa về an trí ở Phong Điền, Cần Thơ (1914 - 1915), ông tham gia phong trào đàn ca tài tử, viết nhiều bài ca tiến bộ cho Ban Ái Nghĩa ca hát truyền bá chủ nghĩa yêu nước trong thôn xóm. Cũng thời gian này, ông đã sáng tác ra bài Ca ra bộ đầu tiên mang tên *Bùi Kiệm - Nguyệt Nga*, trong đó bài Tứ đại oán là giai điệu được sử dụng.

Khi cộng tác với gánh thầy Thận (Sa Đéc) năm 1917, ông sáng tác vở cải lương đầu tiên theo truyện thơ của cụ Đồ Chiểu, tựa đề *Lục Vân Tiên* và sau đó là vở *Kim Vân Kiều* theo *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du, vở cải lương thứ hai được gánh hát thầy Năm Tú (1918) trình diễn trên sân khấu tại rạp Mỹ Tho.



Soạn giả Trương Duy Toàn.

Trong bài báo kể trên, sau phần giới thiệu sự nghiệp của Trương Duy Toàn trong các lĩnh vực văn thơ và báo chí, ký giả Bằng Giang viết tiếp về những hoạt động của ông trong lĩnh vực sân khấu như sau:

"Trương Duy Toàn thuộc lớp soạn giả hữu danh đầu tiên của sân khấu cải lương trong thời kỳ thứ nhất (1917 - 1922) (theo cách phân chia của Trần Văn Khải trong *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam* do Khai Trí xuất bản, tr. 226). Ông là thầy tuồng của gánh hát lớn nhất lúc bấy giờ của thầy Năm Tú tại Mỹ Tho (Tiền Giang) đây, cũng là cái nôi của cải lương. Ông là tác giả của những vở như *Lục Vân Tiên*, *Kim Vân Kiều*, *Trang Châu - Mộng Hồ Điệp*, *Lưu Yến Ngọc cứu cha đại hiếu*.

Vương Hồng Sển trong *Hồi ký 50 năm mê hát* (tr.70) có viết về một tập bài ca của ông Trương Duy Toàn mà ông Vương Hồng Sển đã lỡ đánh mất như sau:

"Tập bài ca của Mạnh Tự Trương Duy Toàn: Tập thứ nhì mất là tập bài ca của ông Mạnh Tự, một nhà văn và nhà cách mạng có đầu óc. Giá tập sách là ba cắc bạc, nay đáng ngàn vàng. Đã mất và không ai có cuốn khác lại càng tiếc nhiều. Tôi nhớ lối lẽ, câu ca, viết rất hay, rất hùng. Nhiều bài rút điển trong *Nhị thập tứ hiếu*, toàn gương hiếu tử, thanh quan và có ẩn ý, như bài *Hà chính mãnh u hổ* tả người đàn bà chồng chết vì bị hổ ăn, con cũng chết vì bị cọp xé, thế mà vẫn ở nơi hốc tối ấy. Đức Khổng đi ngang hỏi sao không dời đi xứ khác khỏi nạn cọp, bà trả lời "Ở đây có quan thanh. Sợ hổ không bằng sợ quan tham nhũng". Mạnh Tự tiên sinh từng sinh sống ở Vĩnh Long, đồng thời với các ông Phạm Đăng Đăng, Trần Quang Quờn, đã từng viết và làm chủ bút tờ báo Trung Lập là cơ quan Việt Ngữ của tờ Pháp văn *L' Impartial*".

Như thế, Trương Duy Toàn với định hướng sáng tác tìm một nghệ thuật mới trên cơ sở văn hóa dân tộc này, sau khi bị câu thúc về hoạt động chính trị... đã dồn tài năng và tâm huyết của mình vào việc sáng tác kịch bản cải lương như một cách thể hiện và thực hiện lòng yêu nước của mình. Vương Hồng Sển đã viết như sau trong quyển *Cải lương đã 50 tuổi - Hồi ký 50 năm mê hát* tr. 18:

"Buổi sơ khởi của cải lương, là do lòng ái quốc mà nên. Lòng ái quốc của một số người bị mất nước, cố tìm lối trời đầu lên để cho tinh thần quốc gia còn tồn tại.

Người miền Nam có cái hay là khi biết dùng bạo lực chỉ hại thân vào tù, thì họ không dùng bạo lực. Họ cố đè nén lòng thương nước, chôn giấu trong một bể ngoài lầu lộng chơi bời".

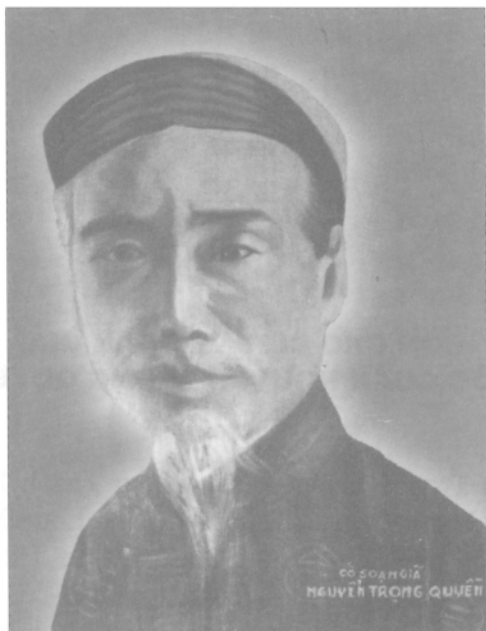


009

**XIN CHO BIẾT VỀ SOẠN GIẢ
MỘC QUÁN NGUYỄN TRỌNG QUYỀN.**

Nguyễn Trọng Quyền người ở làng Thanh Hòa, Trung Nhứt, tổng Định Mỹ, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên (thời Pháp thuộc), nay là xã Trung Kiên, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Ông sinh năm 1876, mất năm 1953, an táng tại quê nhà. Mộc Quán là tên hiệu của ông, chiết tự từ chữ Quyền theo Hán tự. Từ 1916, ông bước vào hoạt động sân khấu. Qua gần 50 năm ông đã viết 90 tuồng cho nhiều gánh hát cải lương nổi tiếng, các vở của ông thường có tuổi thọ khá lâu, thường được các thế hệ soạn giả sau này chỉnh lý để sử dụng và đưa vào giảng dạy ở trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn trước đây (và cho đến giờ).

Theo tài liệu của Sở Văn hóa Thông tin Cần Thơ (Tập ca cổ *Hát về Cần Thơ* do Sở Văn hóa Thông tin Cần Thơ ấn hành năm 2003, tr. 119) thì "Huyện Thốt Nốt là một trong những nơi ra đời gánh cải lương sớm nhất... Đó là gánh Tập Ích ban do Vương Có thành lập. Thốt Nốt cũng là nơi có lớp nghệ sĩ cải lương thành danh, nổi tiếng khắp Nam Bộ như Bảy Nhiêu, Tư Bền, Cô Năm Thốt Nốt, Kim Cúc, Kim Lan... Ông Vương Có ở Thốt Nốt (Cần Thơ) là người giàu có, mê đàn hát nên thành lập gánh cải lương Tập Ích ban. Thấy Nguyễn Trọng Quyền là người văn hay, chữ tốt lại thông thuộc nhiều tuồng tích nên ông mời soạn tuồng, làm thầy tuồng cùng với nhóm tài tử nổi tiếng ở



Soạn giả Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền.

Thốt Nốt lúc bấy giờ như Bảy Nhiêu, Trần Ngọc Đảnh, Tư Bền, Song Kỳ... Tổng cộng Nguyễn Trọng Quyền viết cho gánh Tập Ích ban được 8 tuồng. Thời điểm này tuồng hát của ông khá ăn khách, nên nhiều gánh ở Mỹ Tho - Sài Gòn mời ông về cộng tác. Đây là giai đoạn sự nghiệp sân khấu của ông mở rộng và phát triển mạnh".

Là một nhà nho uyên thâm, soạn giả Nguyễn Trọng Quyền đã viết nhiều vở tuồng lịch sử đầu tiên cho sân khấu cải lương để khơi gợi lòng yêu nước như *Trần Hưng Đạo bình Nguyên*, *Giọt máu chung tình* (tức *Võ Đông Sơ - Bạch Thu Hà*, trích đoạn trong tuồng này đã được đưa vào tập 6 của bộ phim *Đất phương Nam* do nghệ sĩ Kiều Oanh thủ diễn), *Huyền Trân công chúa*. Ngoài ra, ông còn sáng tác các vở theo tích tuồng Tàu như *Phụng Nghi đình*, *Hoa Mộc Lan tung chinh*, *San hậu*. Ông còn có vở *Mã Hoa Nhi*

(Theo truyện *Điệp viên Đức Mata Hari*) và các vở đề tài xã hội ngụ ý lên án chế độ thực dân như *Thành sâu bể khổ*.

Là một trong những người nuôi nấng cải lương, đã tham gia phong trào yêu nước hồi đầu thế kỷ, nên ông được tôn vinh là một trong những danh nhân văn hóa tỉnh Cần Thơ.

Để tôn vinh một danh nhân văn hóa, từ năm 2001, cuộc thi giọng ca cải lương, giải Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền do Sở Văn hóa Thông tin và Đài Phát thanh Truyền hình Cần Thơ tổ chức, đã trở thành một hoạt động văn nghệ truyền thống của tỉnh và các nơi khác.



010

XIN CHO BIẾT VỀ NGƯỜI CÒN LẠI TRONG TÊN CHUNG "TRANG CHÂU NỮ" KÝ TRONG VỞ KHI NGƯỜI ĐIÊN BIẾT YÊU.

Người còn lại trong tên chung "Trang Châu Nữ" (Trần Hữu Trang, Châu Hồng Đào, Lê Hoài Nở) là ông Lê Hoài Nở tức Năm Nở (1909 - 2000). Theo cố nhà văn kiêm soạn giả Ngọc Linh, ông Lê Hoài Nở chiếm phần quyết định trong tác phẩm *Khi người điên biết yêu* đứng tên ba người Trang Châu Nữ cùng viết.

Lê Hoài Nở sinh năm 1909 tại làng Tân Hưng, huyện Lai Vung, tỉnh Sa Đéc. Cha là Cai tổng Hoài, địa chủ, có ruộng và trại nuôi vịt bầy nên khi thi đậu bằng Tiểu học ở tỉnh Sa Đéc, ông được gia đình cho lên Sài Gòn học. Năm 1930, ông thi rớt bằng Thành chung, trở về làm giáo học ở quê nhà. Thuở đó, ông thuộc hạng công tử vườn, sau giờ dạy học, thường chơi đá banh, đá gà, đá cá và tham gia ban cổ nhạc tài tử Ca ra bộ. Ông từng đóng vai Bùi Kiệm, ca bài Tứ đại oán để tự chế giễu mình:

*Kiếm từ thi rớt trở về,
Bùi Ông mắng nhứt nhứt trẻ,
Trách quá chàng ham bẽ vui chơi.
Kiếm thua "Tài bất thắng thời..."*

Ông Năm Nở sử dụng thông thạo đàn kìm và đàn cò. Tiếng đàn của ông mượt mà, sâu lắng, làm rung động nhiều

thôn nữ ở những nơi mà ban ca tài tử của ông đến diễn. Cha ông sau nhiều lần thất cử hội đồng, buồn nản, sinh bệnh rồi chết. Gia sản của cha ông bị tịch thu vì cha ông vay nợ Chà nặng lãi để mua phiếu tranh cử.

Từ 1938, viết cho gánh Nam Hưng, ông chuyên về tâm lý xã hội... Những tác phẩm nổi tiếng của ông là *Anh chị ăn mày*, *Ông Huyện hàm Hàm*, *Ngày về*, *Nỗi lòng chị bếp*, *Vó ngựa truy phong*, *Hội yêu chồng*, *Những kẻ vút đi*, *Thú làm bé*... có phong cách châm biếm độc đáo, khác hẳn những người cùng thời.



011

XIN CHO BIẾT VỀ SOẠN GIẢ MỘNG VÂN.

Mộng Vân tên thật là Phan Long Trung, sau đổi là Trần Tấn Trung, sinh năm 1910 tại làng Vĩnh Lợi, tổng Thạnh Hòa nay thuộc phường 2, thị xã Bạc Liêu. Ông học chữ Nho với Cả Tông, sau học chữ Pháp rồi chữ quốc ngữ. Sớm có ý thức cách mạng, nhất là cách mạng văn hóa, nên khi làm báo *Chuông rè* (Cloche felée), ông liên hệ với nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, bị mật thám theo dõi, ông phải sửa đổi họ tên.

Năm 1932, ông viết vở cải lương đầu tay *Quan Công hiển thánh*. Cho đến khi mất năm 1950, 40 tuổi đời, 16 tuổi nghề ông đã viết và dựng khoảng 70 vở cải lương, sáng tác hơn 30 bài bản nhỏ để phục vụ cho từng vở của ông.

Theo lời kể của nghệ sĩ Bảy Cao (cùng quê Bạc Liêu) thì sau khi ông Cao Văn Lầu sáng tác ra bài *Dạ cổ hoài lang* (1918), người đầu tiên đưa *Dạ cổ hoài lang* (nhịp 2) lên sân khấu là Nguyễn Trọng Quyền (1876 - 1953) trong vở *Bội phu quả báo* (1923), nhưng Mộng Vân là người đầu tiên mở bài này từ nhịp 2 sang nhịp 4 (bài *Bá Lý Hề*) và được Tư Chơi hưởng ứng với bài *Ác ngâm non Đoài* (nhịp 4 - 1927).

Năm 1935 đến 1936, *Dạ cổ hoài lang* (1918) mở sang nhịp 8, nhịp 8 lời và chuyển tên thành *Vọng cổ*. Sân khấu Mộng Vân cũng tận dụng vọng cổ từ đây. Câu vô vọng cổ

có bài ngắn gởi đầu và phụt đèn màu khi xuống hồ. Sau đó bản này mới được mở thành nhịp 32 rồi đến vọng cổ nhịp 64 của ngày nay...

Soạn giả Mộng Vân là người đã sáng tác ra nhiều bài ngắn như:

- Năm 1938, vở *Lừa lòng thiếu phụ* có *Sương chiều*, *Tú Anh*, *Phong Ba Đình*, *Tô Võ*.

- Năm 1939 - 1940, có *Tân Xái Phi* (*Long hình quái khách*), *Giang Tô* (*Bích Hoa vương nữ*), *Quý phi tủy tiêu*, *Trong ánh nắng*, *Trong ánh trăng*, *Hướng mã hồi thành* (*Tình trong khói lửa*), *Thu hồ điệp lạc*, *Thủ phong nguyệt*, *Lộng nguyệt*, *Kiều nương* (*Trái tim không máu*).

- Năm 1942, vở *Xâu chuỗi ngọc* có *Tống phong*, *Uyên ương Hồ Vũ*.

- Năm 1944, vở *Nặng tình xưa*...

Khoảng trên dưới 30 bản của ông vẫn còn được sử dụng cho đến ngày nay. Những nghệ sĩ thành danh do ông đào tạo như Út Trà Ôn, Thanh Tao, Kim Chưởng, Năm Nghĩa, Bảy Cao...

Yếu tố ca trên sân khấu được nâng lên, sức hút cải lương tăng, phong trào đàn ca tài tử bổ sung những danh ca thành những đào kép cải lương nổi tiếng như Năm Nghĩa, Bảy Cao, Ba Khuê, Thanh Tao... mà theo nhà nghiên cứu Trương Bình Tòng, nếu cải lương biết bám chặt cái gốc phong trào này nó sẽ càng vững vàng phát triển.

Năm 1940 - 1941 thịnh hành loại tuồng bay, tuồng kiếm hiệp với những xảo thuật hấp dẫn khán giả. Khán giả ùn ùn đi xem ông Tề (Tám Châu) "cân đầu vên" với Bát Giới, Sa Tăng đều bay trong tuồng *Tề Thiên Đại thánh loạn thiên cung* của gánh Văn Võ Hý ban.

Tuồng kiếm hiệp cũng là sáng tạo của soạn giả Mộng Vân. Vở đầu của ông là *Long hình quái khách* do gánh Hề Lâu diễn, có nhiều "pha" rùng rợn như bay qua cửa sổ, rượt đuổi trên lưng chừng sân khấu, đấu poignard... Các gánh thấy công chúng Sài Gòn chuộng mới lạ, đi xa hơn với tuồng La Mã, Ấn, Ma-rốc với những nhân vật kỳ dị: đầu chít khăn Thổ Nhĩ Kỳ, áo chemise sặc sỡ như áo Cô-dắc, cổ đứng, khoác gilet như Ben-ga-li, quần quần ống như Á-rập... Nhưng dần dà, đi kèm những hình thức tiến dần tới mức tùy tiện đó vẫn không chuyên chở được một nội dung sâu sắc khiến khán giả có ấn tượng xấu với loại tuồng "hát bài Tây, ca vọng cổ, nhảy cửa sổ, đấu poignard...".

Chủ trương tận dụng vọng cổ trên sân khấu của Mộng Vân theo nhà nghiên cứu Trương Bình Tòng là đúng, nhưng nhiều gánh theo môn phái ông đã cố tình lạm dụng vọng cổ, chạy theo hình thức, bất chấp nội dung vở đã đưa cải lương xuống cấp. Ông cũng tiếc cho Mộng Vân không có một gánh lớn do mình trực tiếp và tập trung chỉ đạo xây dựng "mô hình Mộng Vân" như Năm Châu đã làm với tuồng xã hội và Phùng Há với tuồng Tàu.

Trong giới vẫn cho Mộng Vân là một hiện tượng. Đã có hội thảo về Mộng Vân do Trung tâm Nghiên cứu Cải lương tổ chức vào năm 1990.



012

XIN CHO BIẾT VỀ CỐ SOẠN GIẢ TRẦN HỮU TRANG.

Trần Hữu Trang còn được gọi là Tư Trang, quê ở xã Phú Kiết tỉnh Tiền Giang (trước là Mỹ Tho, trước nữa là Định Tường). Ông sinh 1906, mất 1966 trên chiến trường Tây Ninh.

Được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất vốn là quê hương của cải lương, ông là anh em bạn dì với nghệ sĩ Năm Châu, xuất thân từ gia đình trung nông, có học chữ Nho và đồ Sơ học. Tư Trang học hết trung học thì gia đình bị phá sản. Trước khi đến với cải lương, ông làm nghề hót tóc, đập ghe thuyền chở thuê, bán vé, chép vở rồi phấn đấu để trở thành một soạn giả có uy tín vào bậc nhất. Là một tài tử sở trường đàn kìm, nên từ bước đầu làm nghề chép vở, cộng thêm vốn Nho học, lại được sự dìu dắt của Tư Chơi, Năm Châu và Nguyễn Công Mạnh, ông đã viết khá nhiều tác phẩm sống mãi trong lòng người mộ điệu. Tiêu biểu là *Đời cô Lựu* và *Tô Ánh Nguyệt*...

Năm 1961, Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam được thành lập để tập hợp những người làm văn nghệ yêu nước, người sáng lập và được bầu làm Chủ tịch hội là ông.

Ông đã soạn khoảng 50 vở lớn nhỏ cho các gánh Trần Đắc, Phụng Hảo, Năm Phỉ, Năm Châu, Việt kịch Năm Châu... Các vở thành công lớn như *Đời cô Lựu*, *Tô Ánh*



Trần Hữu Trang.

Nguyệt, Mộng Hoa vương, Lan và Điệp, Tám lòng trinh, Chị chồng tôi, Tìm hạnh phúc, Khi người điên biết yêu (cùng Châu Hồng Đào và Năm Nở). Riêng hai vở Đồi cô Lựu, Tô Ánh Nguyệt vẫn còn được công chúng đón nhận nồng nhiệt ở những năm đầu thế kỷ XXI này.

Ngày 19. 6. 1966, ông đang viết dở dang vở *Hận chiến trường* thì bị máy bay thả bom xuống, trúng ngay căn hầm của ông. Ông mất mà thi thể không toàn vẹn.

Tác phẩm của ông đều mang nội dung tư tưởng tiến bộ. Vở *Đồi cô Lựu* được xếp ngang hàng với tiểu thuyết *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Chí Phèo* của Nam Cao.

Thư Trần Hữu Trang gửi Sĩ Tiến đề ngày 26. 6. 1965 nói về vở *Đời cô Lựu* "...Kẻ sâu độc gian ác phải đền tội, nhưng lại để cô Lựu đi tu là tiêu cực. Sau đó tôi muốn thêm một cảnh vĩ thanh, hai cha con Hai Thành đi nhau đi đến một chân trời mới, nhưng kiểm duyệt lúc đó không cho phép..."

Qua câu vọng cổ Hai Thành ca với Hương Lão và với cô Lựu, người ta được biết một chế độ lao tù man rợ của những người tự cho là văn minh đi khai hóa giống da vàng "...gởi nắm xương ngoài Côn Đảo,... trải bao nỗi gian lao, chịu bao nhiêu cực nhọc, khi đầu ghềnh khi cuối bãi, giọt huyết lệ chỉ rưới chan với thảo mộc sơn hà... bách chiết thiên ma, biển cả mờ mờ, rừng sâu đập đá... chan cơm bằng nước mắt, tắm mát bằng mồ hôi, nai lưng hứng những cái đá thoi... chui đầu vào, chốn khám đường tối tăm bẩn thỉu... nuốt cơm hầm cá ươn..."

Ông là soạn giả sống mẫu mực, không nghiện ngập, không sinh hoạt phóng túng, luôn khiêm nhường và nghe phê bình dù đã nổi tiếng, suốt đời sống thanh nhàn, thường viết vở giúp những đoàn nghèo, không lấy tiền nhuận bút. Tên của ông được chọn làm giải thưởng cho những diễn viên cải lương triển vọng sau 1975.



013

TẠI SAO HAI VỞ ĐỜI CÔ LỰU VÀ TÔ ÁNH NGUYỆT CỦA TRẦN HỮU TRANG VẪN CÒN ĐƯỢC KHÁN GIẢ YÊU MẾN ĐẾN HÔM NAY?

Đa số người mộ điệu cải lương nhiều năm qua đến khán phòng xem hát, trước tiên do ngưỡng mộ thanh sắc, duyên dáng nghệ sĩ được thông qua ngôn ngữ, ca từ trong kịch bản.

Khi mới ra đời, bên cạnh yếu tố giải trí, hai vở này nói lên được những trăn trở của khán giả thời bấy giờ. *Vở Đời cô Lựu* thì nói lên được những oan sai người dân lành phải hứng chịu, trong một đất nước mà người dân thấp cổ bé miệng không thể chủ động được cuộc đời của mình. *Vở Tô Ánh Nguyệt* còn cho thấy thái độ, chính kiến của tác giả trong buổi giao thời xung đột cũ và mới đang hồi quyết liệt. Qua tác phẩm của mình, người ta dường như thấy được tác giả đang đồng hành với mình khi cuộc đấu tranh với sự tham lam, cái ác, những hủ tục trói buộc tự do cá nhân chưa ngã ngũ.

Hai vở *Đời cô Lựu* và *Tô Ánh Nguyệt* còn được tác giả trau chuốt ca từ đúng điệu, đúng chỗ, chân thật, không sáo rỗng. Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, giàu tình cảm, lời ca đầy chất thơ, chất nhạc, ý từ sâu sắc. Bố cục chặt chẽ, nội dung câu chuyện thương cảm, dễ nhớ.

Bao nhiêu năm trôi qua, nếu có nhiều tác phẩm tương tự như vậy, vừa đạt tính chân thật hòa trong một nền thẩm mỹ cao, vừa chia sẻ được với những người cùng thời, người ta hẳn sẽ dễ quên đi những *Đời cô Lựu* và *Tô Ánh Nguyệt*. Rất tiếc, những tác phẩm cải lương như thế ngày một ít đi.

Đời cô Lựu và *Tô Ánh Nguyệt* được công diễn trước và sau 1975 với hai thế hệ diễn viên ngôi sao được mến mộ trong cả nước như Phùng Há, Ba Vân, Bạch Tuyết, Ngọc Giàu, Minh Vương, Lệ Thủy, Thoại Mỹ, Thanh Thanh Tâm, Hồng Nga, Diệp Lang, Tú Trinh, Thoại Miêu... Do đó, hai vở *Đời cô Lựu* và *Tô Ánh Nguyệt* của Trần Hữu Trang vẫn còn được khán giả yêu mến đến hôm nay.



014

CÁC SOẠN GIẢ CẢI LƯƠNG GIAI ĐOẠN ĐẦU SÁNG TÁC THEO NHỮNG ĐỀ TÀI NÀO?

Trong giai đoạn đầu, các soạn giả cải lương viết kịch bản dựa trên:

- Văn học Việt Nam, cụ thể là những truyện thơ như *Lục Vân Tiên* của cụ Đồ Chiểu, *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du, *Lâm Sanh* – *Xuân Nương*...

- Lịch sử Việt Nam, cụ thể là những tích liệt nữ, anh hùng chống ngoại xâm như *Hai bà Trưng*, *Trần Hưng Đạo* bình *Nguyên*, hay những bi kịch lịch sử như *Huyền Trân công chúa*, *Giọt máu chung tình*.

- Cải biên những tuồng hát bội như *San Hậu*, *Xử án Bàng Quý phi*, *Thuyết đường*, *Phụng Nghi đình*.

- Dựa từ truyện Tàu như *Mạnh Lệ Quân*, *Trang Châu mộng hồ điệp*.

- Dựa truyện Tây như *Mã – Hoa – Nhi* (Theo truyện *Điệp viên Đức Mata Hari*), *Tor vương đến thác* (*La dame aux Camélias* tức *Trà hoa nữ* của Alexandre Dumas con).

- Dựa theo kịch Tây như *Túy Hoa vương nữ* (tức *Marie Tudor*), *Bằng hữu bình nhung* (tức *Ba chàng ngự lâm pháo thủ*).

- Và các vở đề tài xã hội nói lên thực trạng cuộc sống lúc bấy giờ như *Đời cô Lựu*...



XIN CHO BIẾT VỀ THI PHÁP CẢI LƯƠNG.

Là nghệ thuật ca kịch ra đời trong bối cảnh giao lưu văn hóa Việt - Pháp đầu thế kỷ XX, cải lương vừa là sự tiếp nối mạch ngầm của văn hóa truyền thống dân tộc, lại vừa tiếp nhận một cách chọn lọc những yếu tố tiên tiến của văn hóa Tây phương.

Chất tự sự, trữ tình của cải lương vừa mang đậm hồn dân tộc, vừa mang nét văn hóa khu vực và thế giới. Đặc điểm này được thể hiện qua ngôn ngữ sân khấu và lối cấu trúc kịch bản tạo nên chất cải lương riêng biệt, không trùng lặp với bất cứ thể loại sân khấu nào.

Ngôn ngữ sân khấu của cải lương được tạo nên từ sự tổng hợp cao các yếu tố như âm nhạc, diễn, nói, vũ đạo... Tính tổng hợp cao là đặc điểm ngôn ngữ của cả dòng sân khấu ca kịch truyền thống Việt Nam như Hát bội, Chèo, song với thể loại ca kịch Cải lương từ tính tổng hợp ấy, nổi bật lên vai trò của âm nhạc. Âm nhạc luôn giữ vai trò là linh hồn của cải lương. Ngay bản thân yếu tố *nói* trong cải lương cũng theo phải theo niêm luật của nhạc điệu: nói giữa hai bài ca và nói ngay trong lòng bản của bài ca, không giống *nói* trong kịch nói. Âm nhạc cải lương được tạo nên từ dàn nhạc với đàn kìm, cò, tranh, sáo, ghi ta phím lõm, và những bài ca do đào, kép hát. Bài bản chủ đạo của cải lương dựa trên các điệu thức Nam, Bắc và Oán. Trong

quá trình hình thành âm nhạc cải lương từ âm nhạc tài tử, thì điệu thức Oán là điệu thức hoàn toàn là sự sáng tạo của Nam Bộ, điệu thức Nam và Bắc là sự kế thừa dòng âm nhạc truyền thống từ miền Bắc và miền Trung. Điệu thức Oán là cái gốc tạo nên đặc trưng chất trữ tình đậm chất Nam Bộ. Sự tiếp nhận và bổ sung các nhạc cụ mới, tiêu biểu là cây đàn ghi ta (cải tiến thành đàn ghi ta phím lõm), và các bài bản nhạc mới từ các điệu hò, lý... càng làm phong phú cho âm nhạc cải lương. Vũ đạo trong cải lương chính là sự kết hợp các điệu múa cổ truyền các dân tộc Việt, Chăm, Khmer và võ thuật. Vũ đạo cải lương tiếp nhận khá nhiều vũ đạo Hát bội, đặc biệt trong dòng cải lương tuồng cổ.

Cấu trúc kịch bản cải lương cũng là một vấn đề thú vị. Kịch bản cải lương vừa có cấu trúc tự sự (kể chuyện) Á Đông truyền thống, vừa theo lối kịch tính dồn nén (giao đãi, thắt nút, phát triển, cao trào, giải quyết). Là đứa con trực tiếp của cuộc hôn phối Pháp - Việt, tất yếu cải lương sẽ có được cả hai đặc tính rất riêng của hai loại cấu trúc của Đông Tây ấy. Cả hai kiểu cấu trúc ấy sẽ được sử dụng phù hợp từng loại nội dung kịch bản.

Với đặc điểm ngôn ngữ sân khấu và cấu trúc kịch bản ấy, cải lương là thể loại ca kịch có khả năng thích ứng cao, nó có thể tồn tại trong mọi thời đại bởi khả năng tiếp nhận các loại đề tài. Bản thân tên gọi "cải lương" đã thể hiện bản chất tiên tiến của nghệ thuật này: luôn đổi mới để phát triển.

Tính tiên tiến của nó cũng nằm chính ở đặc tính "khép" mà "mở" trong cấu trúc kịch bản, cấu trúc bài bản của Cải lương.

Cũng có những đoàn hát cương. Trong hồi ký viết về giai đoạn này, quái kiệt Ba Vân kể có đoàn hát cương (còn gọi là hát CB), chiều thầy tuồng phân vai, đêm hát. Tới lớp quan họ giá cho Thái tử chạy vào rừng tránh bọn phản

ngịch, vì không chuẩn bị nên quan hệ nói với Thái tử "Thưa Thái tử, lão một ngày một lớn" thay vì "ngày một già". Bí quá, ông nói thêm "Thái tử ngày một cao", khán giả cười âm.

Lại có chuyện ông bầu làm xe lửa ở gánh hát cương Tư Thịnh. Đêm đó, đào kép cương đến bí vẫn không còn hát gì nên tuồng vẫn sớm. Khán giả phản đối đòi lại tiền. Túng cùng, ông Thịnh bước ra sân khấu nói "Xin lỗi quý vị, đoàn còn hát một lớp nữa, đó là lớp ông bầu làm xe lửa". Nói xong, ông bước dang chân ra giữa sân khấu bước tới bước lui, miệng làm tiếng xe lửa xìn xýt. Ông chạy càng lúc càng nhanh, đến khi mệt quá ngã xuống kêu hạ màn. Khán giả la ó kéo nhau về, họ nói với nhau "Thời về, xe lửa nó nằm tại ga rồi".



XIN CHO BIẾT VỀ CÂY GHI TA PHÍM LỖM VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG DÀN NHẠC CẢI LƯƠNG?

Trong dàn nhạc tài tử, hay dàn nhạc cải lương ngày nay, cây ghi ta phím lõm có một vị trí đặc biệt quan trọng, là loại nhạc cụ không thể thay thế. Ghi ta phím lõm trở thành nhạc cụ chính, giữ song loan, "bao sân" cho cả dàn nhạc,

Ghi ta phím lõm là hiện thân của sự tiếp nhận, kết hợp tinh hoa âm nhạc phương Tây và Việt Nam, để tạo nên một yếu tố nghệ thuật không thể thiếu của cải lương.

Ghi ta là loại nhạc cụ phương Tây, xuất hiện lần đầu tiên ở Tây Ban Nha (nó còn có tên là Tây bán cầm). Người Việt Nam biết đến nó vào đầu thế kỷ XX. Cảm nhận được âm vực rộng và âm sắc phong phú của cây ghi ta, các nghệ nhân Việt Nam đã khai thác và cải tiến cây đàn, móc lõm cung tạo hiệu quả nhấn nhá tạo âm sắc đa dạng, hợp với thang âm của âm nhạc Việt. Gọi là ghi ta phím lõm, chứ thực sự là *cung lõm phím lồi*, còn ghi ta thường phím không lõm. Khi trở thành cây ghi ta phím lõm, nghĩa là cây ghi ta Việt Nam đã *xuống* lên bằng ngôn ngữ âm nhạc Việt (hồ, sự, xang, xê, cồng), mà không còn là ngôn ngữ âm nhạc Tây phương (đô, mi, rê, fa, sol, la, si).

Ghi ta phím lõm đảm bảo được âm độ đủ từ thấp - trung - cao, và âm sắc phong phú, phím cung sâu nhấn nhá càng đa dạng. Ở loại hơi và thể điệu nào nó cũng đảm nhận đạt

yêu cầu một cách xuất sắc, mà không phải nhạc cụ nào cũng có được. Nó có thể chơi bao sân, thay thế các nhạc cụ khác, dù hiệu quả thì không thể bằng khi "ngũ giọng" nhạc cụ cùng phối hợp. Chỉ có cây ghi ta phím lõm mới có khả năng đa giọng điệu như vậy mà thôi.

Khoảng những năm 1934, 1935 ghi ta phím lõm đã nhanh chóng có mặt trong dàn nhạc cải lương của nhiều đại ban như Phụng Hào, Phước Cường, Trần Đắc... Thành công những danh cầm, những giọng ca vàng cải lương Sài Gòn hầu như gắn với sự hỗ trợ không nhỏ của cây ghi ta phím lõm như danh cầm Văn Vĩ đàn cho nghệ sĩ Út Trà Ôn, danh cầm Năm Cờ, rồi sau hơn là Văn Giỏi, Bảy Dư, Hoàng Thành, Văn Mách...

Trước 1975 đã có thời kỳ cây đàn kìm là nhạc cụ chính và giữ song loan, song có thể nói trong mọi thời gian kể từ khi Việt Nam hóa, cây ghi ta phím lõm luôn ở vai trò chủ chốt. Gần một thế kỷ tồn tại, cây ghi ta phím lõm từ chỗ là nhạc cụ bổ sung ban đầu nay đã trở thành vai trò trụ cột không thể thay thế của dàn nhạc tài tử và cải lương.



017

XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG BÀI TỔ CỦA CẢI LƯƠNG.

Cải lương có hai mươi bài bản tổ (sáu Bắc, ba Nam, bốn Oán và bảy Cò) được chọn ra từ phong trào đàn ca tài tử như sau:

- Sáu *Bắc*: Lưu thủy trường, Phú lục, Bình bán chấn, Xuân tình, Tây Thi, Cổ bản.

Trong Đàn ca tài tử, sáu bài Bắc còn gọi là Ngũ điểm. Điểm là chân đứng, nền móng cho các bài Bắc thuộc năm cung: Hồ, Xù, Xang, Xê, Cống, lấy âm Hồ (Liu) làm cung thứ nhất. Trước đây chỉ có năm bài Bắc nên gọi là Ngũ điểm, sau này các nhạc sĩ sáng tác thêm bài Tây Thi nên gọi là sáu Bắc.

Hơi Bắc cứng rắn, thể hiện hùng tráng, vui tươi.

- Ba *Nam*: Nam xuân, Nam ai, Đảo ngũ cung (Tam nam của Đàn ca tài tử). Hơi Nam khái quát các điệu thức mang tính trang nghiêm, bi thương.

Nam xuân: không quá bi lụy, buồn lằng lằng, tiếc nuối.

Nam ai: bi thương, bi lụy, buồn ai oán.

Nam đảo (Đảo ngũ cung): bi hùng, bi tráng.

- Bốn *Oán*: Tứ đại oán, Phụng cầu hoàng, Phụng hoàng, Giang Nam (Tứ oán của Đàn ca tài tử). Hơi Oán là sự kết

hợp giữa độ cứng và mềm của âm thanh, điệu thức Bắc Nam nên thể hiện được bi hùng, bi tráng, bi hài cho đến bi ai, bi thảm. Có giai thoại nói bốn bài Oán ra đời để nói lên nỗi oán hận của người dân vào thời kỳ đen tối của triều đình nhà Nguyễn khi Tự Đức băng hà. Oán thứ nhất: Vua Dục Đức bị giam, bỏ đói chết trong ngục, Oán thứ hai: Vua Hiệp Hòa, Kiến Phúc bị hạ ngục, chết vì thuốc độc, Oán thứ ba: Vua Hàm Nghi xuất bôn kháng chiến chống Pháp, bị phản bội, bị bắt, đày ra nước ngoài, Oán thứ tư: Vua Đồng Khánh bị thuốc độc chết.

Một giai thoại khác cho rằng bốn Oán là: Oán thù giặc Pháp, Oán giận vua quan, Oán ghét triều đình không nghe lời tôi trung yêu nước, Oán trách sĩ phu an phận.

- Bảy Hạ (Bài cò): Ngũ đối hạ, Ngũ đối thượng, Long Đăng, Tiểu khúc, Xàng xê, Long ngâm, Vạn Giá (Thất chính của Đàn ca tài tử). Chính là nghi lễ. Hơi Chính âm điệu thanh cao, nghiêm trang.



018

XIN CHO BIẾT VỀ CÁCH THIẾT KẾ BÀI CA CHO MỘT KỊCH BẢN CẢI LƯƠNG.

Có người cho rằng bài ca là linh hồn của kịch bản cải lương. Thiếu bài ca kịch bản cải lương như khu vườn không hoa. Và muốn vườn hoa của mình được giới thưởng ngoạn thích thú, trân trọng, người chủ vườn phải biết cách chọn hoa, trồng hoa sao cho thẩm mỹ.

Soạn giả phải hiểu chức năng, âm điệu của từng bài thì mới biết xếp sao cho hợp tình hợp cảnh. Cách thiết kế bài ca trong một kịch bản cải lương theo đúng tâm lý nhân vật, từng lứa tuổi, theo tình huống kịch. Bài ca cải lương rất phong phú để thể hiện từ đối đáp, kể chuyện đến tự tình, tâm tình, bi, hài, hùng, giận, thương có đủ.

Ông Trịnh Thiên Tư, một giáo học ở Bạc Liêu, vốn say mê và am tường chức năng của các bài ca, đã cho rằng "Nhạc điệu có ba giọng: giọng Bắc, giọng Nam, giọng Oán. Các bản Bắc có giọng xôm, khí khái, mạnh mẽ (về nhạc hùng). Ba bản Nam có ba hơi khác nhau như sau:

- Nam Xuân: trầm hùng, vui vẻ (nhún chữ cho gân guốc và kéo ngân).

- Nam Ai: thanh nhã, u buồn (chữ nhạc vượt điệu sau chót).

- Đảo Ngũ cung: oai hùng, khí tiết (giọng Bắc và Xuân hỗn hợp, chữ nhạc sắp đặt ở sau câu).

Giọng Oán lại chia ra ba hơi khác nhau: hơi Xuân, hơi Ai và hơi Dừng.

Các bản Oán có giọng muối, du dương, nào nề (về nhạc bi)".



019

XIN CHO BIẾT TÊN VÀI ĐIỆU LÝ ĐÃ ĐƯỢC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG CHO CẢI LƯƠNG.

Lý là điệu hát mà ca từ là những câu phong dao, ca dao được đem lót thêm một số nhóm từ, cụm từ có thể vô nghĩa nhưng rất cần để ngâm nga, đẩy đưa, hỗ trợ làn hơi. Đồng thời nghệ nhân cũng hát xen những tiếng láy, điệp ngữ làm cho tiết điệu thêm mượt mà, khúc chiết, khi thì tình tứ thiết tha, khi thì buồn thảm náo nùng, khi thì nhẹ nhàng phấn khởi... Chính nhờ dễ tài và nội dung phản ánh mọi hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt đời thường, nói được những góc cạnh tình cảm trong cuộc sống, và cũng nhờ ca từ giản dị tươi vui, dí dỏm nên hát lý dễ đi vào lòng người, rất được người bình dân ưa chuộng... Nhân dân hát lý bất cứ nơi đâu, bất cứ vào dịp nào: một mình lúc đang làm đồng, chèo ghe, nghỉ lưng trên cánh võng, hoặc cùng bạn bè trong những cuộc hội hè, tết nhất, giỗ quây..., có kẻ xướng người xô càng thêm hứng khởi. Ở miền Nam xưa, lý được các nghệ nhân xếp đứng đầu trong các điệu hát "Nhứt lý, nhì ngâm, tam nam, tứ oán...".

Hát lý phong phú đến mức có đến trên hàng trăm điệu. Các soạn giả cải lương dựa theo các làn điệu của lý mà sáng tác lời mới để mỗi cho một điệu, một lớp, hay chuyển sang một ý khác đang diễn trên sân khấu nhằm làm thay đổi "thính vị" người nghe. Nó thường được đưa xen vào những bài vọng cổ, ca nhạc cải lương vì trước hết, đó là

một điệu thức quen thuộc, dễ ca, có vui, có buồn nên dễ cảm nhận (nhưng dùng điệu lý trong những trường hợp vui dễ thành công hơn).

Các điệu Lý thông dụng đã được đưa vào nghệ thuật cải lương như

- Trước 1975: Lý con sáo (Lý tam thất), Lý giao duyên, Lý vọng phu (Lý ru con), Lý ngựa ô Bắc, Lý ngựa ô Nam, Lý Phước Kiến, Lý thập tình, Lý chim quyên, Lý Phước Châu...

- Sau năm 1975, các nhạc sĩ Cao Văn Lý, Lê Giang, Lưu Nhất Vũ đã sưu tầm, sáng tác thêm cho nghệ thuật cải lương nhiều điệu lý sau: Lý con sáo (Gò Công), Lý con sáo sang sông (Lý ở ở), Lý tình tang, Lý qua cầu, Lý Mỹ Hưng, Lý Cái Môn, Lý hoa dừa, Lý lu là, Lý Ba Tri, Lý chiều chiều, Lý cây bông, Lý tư phùng (Lý tao phùng), Lý son sắt (Lý son sắt một lòng), Lý chiều chiều miền Trung (Huế), Lý con sam, Lý Năm Căn, Lý bông trang, Lý con khỉ, Lý chim xanh, Lý kéo chài, Lý trắng soi, Lý đêm trắng, Lý trắng treo...



020

XIN CHO BIẾT VỀ TRANG PHỤC TRÊN SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG TRONG THỜI KỲ ĐẦU.

Trang phục cải lương trong thời kỳ sơ khai rất đơn giản, các diễn viên ăn mặc sao miễn không giống hát bội là được (lời Nghệ sĩ nhân dân Ba Vân). Theo ông Bảy Nhiều kể lại, thời 1915 - 1916, ban nhạc của nhóm ca tài tử mặc khăn đóng áo dài cẩn thận. Năm 1916, đi xem gánh Thầy Thận, ông thấy Bùi Kiệm (Tám Cang) mặc quần áo pyjama sọc, đi giày rơm.

Sang năm 1918, ông tả trong vở *Tor vương đến thác* (theo *Camélia* hay *Trà hoa nữ*) của gánh hát kim thời đồng bào Nam, Mỹ Tho:

- "Kép Hai Giỏi vai công tử mặc áo the dài, đầu rẽ lệch 7 x 3, cầm gậy, mang giày bột tin đen, đội nón nỉ màu xám, Cô Ba lưu lạc (đào Năm Phi) mặc com lê áo dài, dài tới đầu gối màu hồng phấn, choàng khăn sạt cùng màu, mang giày thêu cườm, tay cầm khăn mù soa xanh nhạt có ren, tóc chấm vai..." (Trích *Từ ca tài tử tới sân khấu cải lương*, Ký ức của Bảy Nhiều, *Tin văn*, số Kỷ niệm nửa thế kỷ cải lương, tr. 89).

Cũng trong bài này ông cho biết:

- Năm 1922, gánh Văn Hý ban mở đầu tuồng Tàu (lai) vở *Triệu Kinh Nương đưa Triệu Khuông Dã qua gòp*, y phục bằng nhung đủ màu chế ra may "Tay võ lừ, cổ lật

(dalton) đầu khăn đóng màu cặm lông vịt, chơn quần xa phu sọc đen" (sdd, tr. 93 - 94).

Từ năm 1925, ông Nguyễn Ngọc Cương lập gánh Phước Cương, đã chủ trương đóng tuồng Tàu là phải mang hia, đội mào, giáp trụ, long bào... "Chớ ông không đồng ý hát tuồng Tàu mà y phục chế biến sai bét, khăn đóng màu cặm lông vịt, Bàng Quý phi mặc áo dài (ta), đầu bôi bánh lái, đeo dây chuyền nách. Vua mặc áo vàng, khăn vàng, đi giày ma mị. Ông nói: Bối những nhơn vật của truyện Tàu thì phải mặc y phục Tàu, mặc dù mình hát không bằng Tàu cũng chẳng nên làm sai điệu nghệ" (sdd, tr. 97).

Khi kể lại những chuyện buồn cười trên sân khấu trong buổi giao thời chưa định hình, nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển cũng cho ta thấy vào khoảng 1938 - 1940 còn có những cảnh tượng như sau trên sân khấu "...bà mạng phụ mặc váy đầm, ca bản "J'ai deux amours" trong vai vợ Thôi Tử khi bị Tề quân trêu ghẹo" (tr. 172).



021

XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG GÁNH HÁT CẢI LƯƠNG NỔI TIẾNG TRONG THỜI KỲ ĐẦU.

Những gánh hát cải lương nổi tiếng thời kỳ đầu như:

- Gánh thầy Thận (André Thận). Tài tử gồm có: Tư Hào (Albert Hào), Bảy Thông, Tám Cang, Hai Cúc, Năm Toàn, Hai Vui. Dân đàn có: Chín Di (Cò), Bảy Đồng (Kim), Năm Tấn (Đoàn), Hai Lờ (Thối tiêu), Mười Nho (Tranh).

- Gánh thầy Năm Tú (Châu Văn Tú) sang lại gánh thầy Thận, có thêm một số đào kép như Tư Xe, Tám Cùi, Năm Thành, Tám Danh, Tư Sạng...

- Cũng tại Mỹ Tho, ông Hai Cu, thợ kim hoàn Nam Đồng ban rồi Tái Đồng ban có thêm những tài danh: Năm Châu, Tư Chơi, Tám Mẹo, Phùng Há, Năm Phỉ, Tư Út, Ba Du, Năm Long.

Tiếp theo là những gánh Cải lương nổi tiếng: Tân Thịnh, Trần Đắc, Tập Ích ban, Tân Hí ban, Phước Cường, Nhạn Trắng, Huỳnh Kỳ, Phụng Hào, Kim Thoa, Việt kịch Năm Châu, Hậu Tấn.



XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ NGHỆ SĨ NỔI TIẾNG VÀO GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA CẢI LƯƠNG.

Vài kếp hát cùng thời với các cô như:

- Năm Châu.

- Ba Vân tên thật Lê Long Vân (1908 - 1988), gốc Bến Tre. Từ thời Ca ra bộ đã có mặt Ba Vân, 15 tuổi gia nhập Tái Đồng ban rồi Tân Hý Đồng ban, Đồng Thanh, Nghĩa Hiệp ban. 1924 - 1925, Ba Vân hát ở Quảng Lạc (Hà Nội). 1930, ông về Nam hợp tác với các gánh Phước Trung Nam, Vương Huỳnh, Phước Tường, Huỳnh Kỳ, Phước Cường, Kịch sĩ Liên đoàn, Kỳ Quang, Thanh Tân, Năm Châu, Phụng Hảo, Con Tầm, Việt Kịch Năm Châu, Nam Thịnh, Kim Chung, Kim Thanh... Ông được tặng danh hiệu Quái kiệt vì đã thể hiện xuất sắc các loại vai khác nhau, từ lão, đến kếp hề... Ông luôn chuẩn bị vai cẩn thận và chú ý đến từng chi tiết nhỏ... Từng động tác nhỏ cũng được ông nghiên cứu sao cho hợp tâm trạng, hoàn cảnh của vai. Những vai diễn để đời của ông như Phê (*Khi người điên biết yêu*), Giàu (*Men rượu hương tình*), Dũng (*Vó ngựa truy phong*), Ông Hội đồng (*Tu sinh tử*), Tám Khỏe (*Người ven đô*)... Ông được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

- Huỳnh Năng Nhiều (tức Bảy Nhiều - Có viết Hồi ký *Từ ca tài tử đến sân khấu cải lương*). Từ một khán giả, mê

"Gánh hát Kim thời Đồng bào Nam - Mỹ Tho" với kép Hai Giỏi và đào Năm Phỉ, Bảy Nhiều bỏ học theo gánh hát đôi chục lần đến sau này nổi danh là một ông hoàng phong lưu của sân khấu cải lương với các vai Tổng Nhân tông (*Xử án Bàng Quý phi*), Hoàng Thiện Minh (*Áo người quân tử*), Liên Châu (*Tơ vương đến thác*), Ngũ Tử Tư (*Tây Thi, gái nước Việt*), Gia Lữ Sanh (*Gió ngược chiều*)...

- Huỳnh Thủ Trung (tức Tư Chơi). Cống hiến nhiều cho sân khấu cải lương qua các vai trò diễn viên, nhạc sĩ, đạo diễn, soạn giả. Do am tường nhiều lãnh vực của sân khấu nên các vở ông viết và sáng tác được nhiều khán giả ưa chuộng như *Lỡ tay trót đã nhúng chàm*, *Khúc oan vô lượng*,



Nghệ sĩ Ba Văn.



Nghệ sĩ Bảy Nhiêu.

*Đầu xanh vô tội, Ai bạn chung tình, Bạc trắng lòng đen
vân vân...*

- Phạm Thế Đầu (tức Tư Út). Chinh phục khán giả bằng giọng trữ tình hiếm có. Các vai để đời của ông là: Điệp trong *Hoa rơi của Phật* tại sân khấu Nam Đồng ban năm 1925, Hoàng Phủ Thiệu Hoa vở *Tái sanh duyên* và Nhữ Nam Vương vở *Trăm Trừng Ân*, đoàn Phụng Hảo năm 1945, Phạm Hoàng Khai trong *Khúc oan vô lượng* đoàn Trần Đắc năm 1962... Ông mất sớm để lại niềm thương tiếc cho đông đảo khán giả. Một danh ca về sau chọn tên anh để đặt nghệ danh là Út Trà Ôn (Tư Út ở Trà Ôn).

- Nghệ sĩ Nguyễn Phương Danh, tức Tám Danh (1901 - 1976), gốc Hậu Giang. 9 tuổi đã biết đàn ca và giỏi võ, Tám Danh vào nghề từ lúc Ca ra bộ, đã hợp tác với các gánh Đồng Bào Nam, Phước Cường, Thanh Tùng, Huỳnh Kỳ và chủ trương gánh Danh Đàn (cộng tác với cô Hai Đàn của gánh Trần Đắc). Những vai nổi tiếng của ông: Hà Công Yên (*Tứ đổ tường*), Bao Công (*Xử án Bàng Quý phi*), Tề Thiên (*Mẫu đơn tiên*), Phán Nhân (*Số độc đắc*). Thời chống Pháp, ông là một trong số những người lập và lãnh đạo đoàn Cửu Long (tiền thân của Văn công Nam Bộ). Năm 1954, tập kết ra Bắc, bên cạnh việc diễn và dựng, ông còn có những đóng góp lớn trong đào tạo, nghiên cứu để lại một giáo trình vũ đạo kết hợp được những cái hay trong võ nghệ, vũ đạo Trung Quốc và Việt Nam, để có được những đường nét đẹp cho diễn viên cải lương Việt Nam. Ông được bầu Đại biểu Quốc hội, tặng thưởng Huân chương Độc lập. Ông được truy tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân vì 65 năm cống hiến cho nghề trong 75 năm của cuộc đời mình.

- Nghệ sĩ Ba Du, tức Phạm Văn Hai (1904 - 1980), gốc Cửu Long. Vào nghề từ Đồng Bào Nam rồi Tái Đồng ban, Phước Cường, Đại Phước Cường, Trần Đắc, Huỳnh Kỳ, Phụng Hảo... Những vai nổi tiếng như Mạnh Lương (*Mộc Quế Anh dâng cây*), Tề Quân (*Thôi Từ thí Tề Quân*), Đồng Trác (*Phụng Nghi đình*), Bàng Hồng (*Xử án Bàng Quý phi*), Bá Tử (*Tứ đổ tường*), Kỳ Hy (*Huyền Châu nữ*). Cũng là một soạn giả, ông đã từng chinh phục khán giả Hà Nội trong vai Ngốc trong vở *Ngốc từ đấng khoa* do ông viết. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động ở Đồng Tháp Mười, góp phần xây dựng đoàn Cửu Long (đội cải lương của Chi hội Văn nghệ). Năm 1954, tập kết ra Bắc, với kinh nghiệm nửa thế kỷ trong nghề đã được ông truyền đạt cho các thế hệ nghệ sĩ cải lương của miền Bắc. Ông được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.

Đa số những nghệ sĩ cải lương của miền Bắc thời trước 1975 gần như đều có học qua Tám Danh, Ba Du là hai nghệ sĩ cải lương đến từ miền Nam này. Ví dụ như đạo diễn Hà Quang Văn, giảng viên võ sư Thu Vân, Mạnh Dung, Thanh Vy, Lê Thiện, Tám Danh, Ba Du.

Còn phải kể thêm Sáu Chương, Sáu Lê, Hai Lợi, Hai Trì, Năm Thạch, Chín Lê, Từ Anh, Tư Huê... cũng là những tài năng được khán giả ái mộ.



023

XIN CHO BIẾT VỀ NGHỆ SĨ NHÂN DÂN PHÙNG HÁ.

Nghệ sĩ nhân dân Phùng Há có tuổi đời gần bằng nghề thuật cải lương, hiện vẫn còn sống ở chùa nghệ sĩ Gò Vấp.

Phùng Há tên là Trương Phụng Hảo, sinh năm 1911, quê quán Tiền Giang. Lên sân khấu khi 13 tuổi, vừa vào nghề cô đã đóng những vai chính cùng những nghệ sĩ đã nổi tiếng như Năm Châu, Ba Du...

Cô đã cộng tác với các gánh Tái Đồng ban, Huỳnh Kỳ, Phụng Hảo..., đã cùng với cô Năm Phỉ lập gánh Phi Phụng. So với những người cùng thời, cô tinh thông văn võ nhưng đặc biệt thành công trong các vở tuồng Tàu... Cô diễn những vai trong tuồng xã hội cũng rất hay, như Lựu trong *Đời cô Lựu*, Tô Ánh Nguyệt trong vở cùng tên và rất nhiều vai diễn khác. Khi qua tuổi đóng vai đào trẻ đẹp, cô sẵn sàng chuyển sang đóng kép để những nữ đồng nghiệp của mình có những bạn diễn cân xứng tuyệt vời.

Trong giai đoạn đỉnh cao của nghề, những vai thành công của cô là Lựu (*Đời cô Lựu*), Nguyệt (*Tô Ánh Nguyệt*), Bạch Thu Hà (*Giọt máu chung tình*), Mộc Quế Anh (*Mộc Quế Anh dâng cây*), Bích Vân (*Khúc oan vô lượng*), Nữ vương (*Mộng Hoa vương*)...



Nghệ sĩ Phùng Há vai Lữ Bố.

65 tuổi, đóng vai Lữ Bố trong Đại hội Sân khấu đầu tiên sau 1975, cô vẫn vững vàng phong độ như cách đó bốn mươi năm.

Trong thời gian trước đó sống tại Sài Gòn, cô cùng với Năm Châu, Tư Trang và những người tha thiết với sự nghiệp sân khấu cải lương khác có sáng kiến lập Hội Nghệ sĩ Ái hữu, là một tổ chức tương tế của các nghệ sĩ diễn viên sân khấu. Cùng lúc ấy, được sự hỗ trợ của một mạnh thường quân ái mộ, cô cùng bạn bè cũng đã mua miếng đất ở Gò Vấp để lập nghĩa trang cho các nghệ sĩ lúc cuối đời. Về

sau, mọi người còn lập một ngôi chùa trong khuôn viên ấy mang tên chùa Huyền Quang tức chùa Nghệ sĩ. Mọi người đã tín nhiệm cô vào chức Hội trưởng Hội Nghệ sĩ Ai hữu trong nhiều khóa, tổng cộng 17 năm.

Cô được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân vào năm 1983. Không còn đứng sân khấu, cô vẫn dốc sức truyền nghề cho nhiều nghệ sĩ các thế hệ sau. Cô đã đào tạo nhiều thế hệ nghệ sĩ có tiếng tăm vang dội như Thanh Nga, Hoài Thanh, Đỗ Quyên, Thanh Thanh Tâm, Kim Tử Long, Thoại Miều, Thoại Mỹ, Hữu Quốc, Mỹ Hằng...

Bên cạnh sự nghiệp đào tạo, cô còn tâm nguyện trong sức mình có thể, lo cho những nghệ sĩ một nơi an dưỡng khi không còn hành nghề và không còn điểm tựa nào khác, lúc bệnh tật ốm đau. Viện Dưỡng lão cho nghệ sĩ ở quận 8 có được phần lớn do chính cô cất công đi vận động, đứng đơn lui tới các nơi có thẩm quyền để xin cấp. Cô cũng là người tích cực tác động vào việc truy xét phong tặng cho người bạn diễn và cũng là người thầy mà cô rất ngưỡng mộ vì những đóng góp to lớn của ông cho sân khấu cải lương, đó là Nghệ sĩ Nhân dân Năm Châu.



024

XIN CHO BIẾT VỀ NGÔI SAO CẢI LƯƠNG NĂM PHỈ.

Năm Phỉ là ngôi sao cùng thời với cô Phùng Há, hai cô đã cùng lập gánh Phi Phụng. Phần cô ra đi ở tuổi bốn mươi tám, khi tài năng đang ở đỉnh cao.

Cô Năm Phỉ tên thật là Lê Thị Phỉ (1906 - 1954), sinh quán tại Mỹ Tho (Tiền Giang), được suy tôn là nghệ sĩ số một, con chim đầu đàn của sân khấu cải lương. Cô là con gái thứ tư nhưng tính theo người Nam thì mang thứ Năm (vì người đầu mang thứ Hai để tránh với cách gọi Cả như người Bắc vì ngại trùng với ông Cả trong làng). Gia đình của cô thuộc tầng lớp trung lưu, khá giả ở Mỹ Tho, có mười một anh chị em được đặt tên theo một câu văn: Công (người cha), Thành, Danh, Toại, Phỉ, Chí, Nam, Nhi, Bia, Truyền, Tạc, Để. Trong đó, có bốn người là Năm Phỉ, Bảy Nam, Chín Bia, Mười Truyền có tên tuổi trong sân khấu cải lương...

Khi tỉnh Mỹ Tho và các làng Tân Hiệp, Tân Hương, Vĩnh Kim có phong trào đàn ca tài tử Ca ra bộ (1917 - 1918) thì cô Năm Phỉ đã nổi danh có giọng ca thiên phú và lối ca cổ nhạc xuất sắc, không thua tài của nữ danh ca đương thời được ưa chuộng nhất là cô Ba Đắc. Cô được mời làm đào chánh gánh Nam Đồng ban của ông Hai Cu.



Nghệ sĩ Năm Phỉ vai Sĩ Văn công chúa.

Đến 1925 gánh này giải tán thì cô được mời làm đào chánh đại ban Phước Cường của ông bầu Nguyễn Phước Cường.

Cô Năm Phỉ là một thiên tài, một tấm gương sáng trong việc rèn luyện và sáng tạo, nổi danh từ thập kỷ 30, đã từng sang Pháp diễn vở *Xử án Bàng Quý phi* với nghệ sĩ Bảy Nhiêu và đã được báo chí Pháp hết lời ca ngợi.

Gia đình cô không ủng hộ chuyện con gái theo nghề hát xướng, bao phen ngăn cản, nhưng sau nhiều "biện pháp mạnh" vẫn không ngăn được đành phải để cô theo thọ giáo cô Trần Ngọc Viện và cùng tham gia vào gánh Toàn Nữ ban.

Có nhiều giai thoại về Năm Phỉ là cô rất thông minh và có óc sáng tạo nên dù thuở nhỏ do gia đình phong kiến trọng nam khinh nữ, không cho con gái được học chữ, khi đi làm nghệ thuật thì không có điều kiện để... biết chữ, cô vẫn có cách học vỡ của mình bằng cách nhờ người đọc, cô nghe theo và học thuộc lòng sau năm ba lần đọc tuồng như vậy. Khi cô đã thuộc, cô sắp chữ bài ca, cách nói đúng dấu chấm, phết đúng như ý tác giả muốn biểu hiện. Cô nghiền ngẫm câu văn, nghiền cứu tính cách nhân vật nên khi đóng vai nữ sang giàu thì cách nói năng của cô mang dáng dấp rất đài các, phong lưu. Khi đóng vai nữ bán hàn thì cô phát âm y hệt người dân nghèo, kém học, quê mùa.

Thời kỳ Mặt trận Bình dân, được bầu là đại biểu của giới nghệ sĩ, cô cầm giấy lên diễn đàn đọc một bản thỉnh nguyện thư khá dài một cách uy nghi, đĩnh đạc, không bỏ sót một ý nào dù sự thật là cô học thuộc lòng trước đó.

Cô ca ít theo nhịp đàn mà người đàn phải theo cô. Riêng tài năng diễn xuất của cô thì Năm Châu cho là "xuất thần". Cô chinh phục không chỉ khán giả mà còn các nghệ sĩ đóng cặp với cô cũng bị thu hút, mê hoặc... Những vai để đời của cô là Bàng Quý phi (vở *Xử án Bàng Quý phi*), Lý Ngọc Hương (*Tơ vương đến thác* phỏng theo *Trà hoa nữ*), Thị Anh (*Tứ đổ tường*), Nữ chúa đảo (*Người với người*)...

Nghệ sĩ Bảy Nhiêu trong hồi ký của mình đã cho biết sau khi được xem cô Năm Phỉ đóng vai Lý Ngọc Hương trong vở *Tơ vương đến thác* tức *La dame aux Camélias* phỏng theo *Trà hoa nữ* của Alexandre Dumas con (mà ông gọi là Cô Ba lưu lạc), ông đã "tương tư" cô Ba lưu lạc ấy mà... "bỏ học, móc tiền nhà trốn theo gánh Đồng Bào Nam" (Trích *Từ ca tài tử tới sân khấu cải lương*, Ký ức của Bảy Nhiêu, *Tin văn*, số Kỷ niệm nửa thế kỷ cải lương, tr. 89).

Khán giả, bạn diễn, rất nhiều người cùng thời đều công nhận nữ nghệ sĩ Năm Phỉ là nghệ sĩ tài hoa bậc nhất của

sân khấu. Tài năng đa dạng của cô đã chinh phục được khán giả toàn quốc và cả khán giả nước ngoài khi cô sang Pháp diễn, trong hội chợ đấu xảo ở Paris (vai Bàng Quý phi trong tích *Tổng Nhân tông xử án Bàng Quý phi*)... Theo tài liệu của nghệ sĩ kiêm giáo sư kịch nghệ Duy Lân để tại Trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn (nay là Nhạc viện Thành phố), bản chụp bài viết trên trang báo Pháp Intransigeant như sau "Tôi thấy ở trường đấu xảo thuộc địa, có một nữ nghệ sĩ An Nam mà nghệ thuật không thua bất kỳ một nữ nghệ sĩ nào của ta". Báo Comédien nhận định "Người nữ diễn viên tài ba này muốn dẫn chúng ta đi đâu cũng được".

Nhà nước Pháp trao tặng bằng lưu niệm cho nghệ sĩ thiên tài Lê Thị Phỉ tức Năm Phỉ tại Paris năm 1931 "République Française - Ministère des Colonies - Exposition Coloniale Internationale - Paris 1931 - Diplôme Commémoratif - Madame Lê Thị Phỉ, Première Artiste de la troupe théâtre de Cochinchine - Indochine. (Bằng kỷ niệm tặng cho bà Lê Thị Phỉ, đệ nhất tài danh của đoàn nghệ thuật Nam kỳ - Đông Dương).

Cô Năm Phỉ để lại trong lòng khán giả nhiều vai tuồng bất tử, từ bước đầu trên sân khấu Nam Đồng Ban với vở *Tham phú phụ bản* đến những vở ở đoàn Phước Cường như *Điêu Thuyền (Phụng Nghi đình)*, *Bàng Quý phi (Xử án Bàng Quý phi)*, *Cô gái thiếu số (Đóa lan rừng)*, *Túy Hoa (Túy Hoa vương nữ)*, *Thị Anh, vợ Hà Công Yên (Tứ đổ tường)*, *Bà Huyện (Vị đầu nên nổi)*, *Mộng Hoa (Mộng Hoa vương)*, *Lan (Lan và Điệp)*.



025

XIN CHO BIẾT VỀ NGHỆ SĨ NHÂN DÂN BẦY NAM.

Nghệ sĩ nhân dân Bầy Nam, em gái cô Năm Phỉ, vừa mất năm 2004, được Guinness Việt Nam công nhận là soạn giả nữ đầu tiên của Việt Nam.

Nghệ sĩ nhân dân Bầy Nam tức Lê Thị Nam, sinh 1913 tại Mỹ Tho. Cô là một diễn viên tài năng từ sân khấu cải lương, kịch nói đến điện ảnh. 1927, 14 tuổi, vào nghề tại đoàn Phước Cường, diễn đủ loại tuồng. Năm 19 tuổi, Bầy Nam là người phụ nữ đầu tiên làm bầu cho gánh Nam Hưng chuyên diễn tuồng Tàu. Cô đã từng đưa gánh đi lưu diễn hằng năm trời ở các khu đồn điền cao su. Thời gian này cô soạn được ba vở tuồng *Nỗi đau lòng mẹ*, *Trăm Trinh Ân* và *Chung Vô Diệm*. Cô thủ vai chánh trong các vở này. Khi gánh Nam Hưng giải tán cô Bầy Nam sáp nhập gánh này với gánh Phước Cường, lập bản hiệu mới là Đại Phước Cường. Tại sân khấu này cô vẫn là đào chánh và thỉnh thoảng vẫn viết tuồng. Cô đã soạn tất cả được 20 vở tuồng.

Các loại vai đào võ, kép văn đều được cô thể hiện điêu luyện và đa dạng. Đặc biệt cô được ông Trần Phi Long, một diễn viên nổi tiếng của Trung Quốc dạy cho vũ đạo và luyện võ. Khán giả nhớ đến cô qua những vai có tính cách mẫu mực của sân khấu Trung Quốc như Đào Tam Xuân, Hồ Nguyệt Cô, Tiêu Anh Phụng, Quan Công, Lý Nhu.



Nghệ sĩ Bả Nam.

Khi lớn tuổi, cô tham gia đóng kịch và luôn là một bậc thầy cho các thế hệ sau noi theo vì lòng yêu nghề và tài năng của cô. Cô thường đóng vai các bà mẹ nghèo khổ nhưng giàu lòng nhân ái như vai mẹ của cô Diệu trong vở *Lá sầu riêng*. Là mẹ của nghệ sĩ Kim Cương, nhưng trong thời gian cộng tác với con gái, bà luôn an phận trong các vai phụ. Nhưng đó là những vai được bà đầu tư kỹ lưỡng, chăm chút đến từng chi tiết, từng độ rung cảm nhỏ nhất nên luôn tạo dấu ấn cho người xem.

Trong hồi ký của mình, cô thú nhận mình mê hát hơn mê tiền bạc, quý sân khấu hơn bản thân, có lẽ một phần

do truyền thống của gia đình cô suốt đời không rời ra sân khấu. Hăng Phương Nam có làm một cuốn phim về cô. Một năm sau khi cô mất, Nghệ sĩ ưu tú Kim Cương có làm một chương trình tôn vinh những vai phụ để tưởng nhớ người mẹ và cũng là một nghệ sĩ tài năng chân chính này. Giống như cô Phùng Há, cô cũng được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.



NGOÀI BA CÔ ĐÀO KỂ TRÊN, XIN CHO BIẾT THÊM VỀ CÁC CÔ ĐÀO CẢI LƯƠNG CÙNG THỜI.

Ngoài ba cô Phùng Há, Năm Phỉ, Bảy Nam kể trên, sân khấu cải lương thời đó còn có những cô đào tên tuổi như:

Cô Sáu Nết, cô Bảy Lựu

Cô Sáu Ngọc Sương. Trong vở *Đoá hoa rừng* của Năm Châu viết và đóng vai Linh, một công nhân vì tham gia đấu tranh phải đi đày Côn Đảo, cô Năm Phỉ đóng vai nữ chúa đảo, Bảy Nhiêu đóng vai người bạn, thì Sáu Ngọc Sương đóng vai cô em gái được Linh sau khi vượt ngục tìm cách hướng cô vào con đường tranh đấu như mình.

Cô Tư Thanh Tùng. Năm 1933, khi cô Bảy Phùng Há rời đoàn Huỳnh Kỳ, bầu Phước Georges đã mời cô Tư Thanh Tùng (lúc đó cô đã 17 tuổi) về thay thế. Tại đoàn Huỳnh Kỳ, cô Tư Thanh Tùng được đóng vai chính trong tuồng *Diên vì thế sự*, hát chung với các nghệ sĩ Sáu Ngọc Sương, Ba Vân, Năm Út, Minh Tạo... Năm 1937, đoàn Huỳnh Kỳ đổi bảng hiệu là Thanh Tùng, biểu diễn được hai năm thì rã. Năm 1941, cô gom vốn lập gánh Thanh Tùng 2. Năm 1942, gánh ra Bắc trình diễn và ở lại được một năm.

Cô Kim Thoa (1915 - 1991) đẹp lộng lẫy, diễn hay, ca Tây cũng hay mà ca ta cũng giỏi. Giọng cô trong trẻo, ẩn thêm mấy chữ ngân "có hột" đầy nét duyên dáng, gây cho

người xem những giây phút thần thờ và chứa chan tình cảm. Nổi tiếng trong các vở *Khúc oan vô lượng* của soạn giả Tư Chơi, sân khấu Trần Đắc, *Tôi xin chùa*, *Hai mặt còn trơ*, tác giả Tư Chơi, *Nợ dâu*, tác giả Năm Châu, sân khấu Kim Thoa.

Cô Ba Thanh Loan (1917 - 1982) xuất thân từ một gia đình nghèo nên từ những năm 40 đã phải rời quê hương Vũng Liêm, Vĩnh Long kiếm sống bằng con đường ca hát, từ một người chạy việc vặt cho đoàn hát rồi dần được nâng lên thành thị nữ, rồi thành một đào hát thực thụ, thậm chí là một ngôi sao cải lương của những năm 50. Các vai đề đời của cô là Lan trong vở *Hồn bướm mơ tiên*, cô gái trong *Vó ngựa truy phong*, Lan trong *Lan và Diệp*, Bê trong *Khi người điên biết yêu*, Chị bếp trong *Nỗi lòng chị bếp*... Cô tham gia cách mạng từ năm 1946, đến năm 1960 thì rút về chiến khu hoạt động.

Cô Năm Sa Đéc. Khi lớn tuổi cô cũng chuyển đóng kịch như cô Bảy Nam. Nhưng trái với cô Bảy Nam, cô Năm Sa Đéc chuyên đóng các bà già giàu có, khinh người, như vai bà Hội đồng cũng trong vở *Lá sầu riêng*. Cô là hiền nội của nhà nghiên cứu Vương Hồng Sển.

Cô Tư Sạng nổi tiếng là danh ca bậc nhất trong giai đoạn này với tiếng hát thu đĩa hơn là trên sân khấu cải lương. Giọng ca của cô Tư Sạng trong trẻo, dịu dàng nhưng chứa đựng một tình cảm nào nùng ai oán nên khi cô ca những bài ca tâm sự của người phụ nữ sầu tình thì bộ đĩa nào cũng bán rất đắt người mua. Đến nay đã hơn 60 năm qua, những người đã từng mê giọng ca của cô Tư Sạng vẫn còn nhắc mãi các bộ đĩa của cô ca như *Đêm khuya trông chồng*, *Mẹ dạy con*, *Xử tội Bàng Quý phi*... và các đĩa tuồng do cô ca chánh: *Tô Ánh Nguyệt*, *Hoa rơi cửa Phật*...

Những tên tuổi của thế hệ nữ diễn viên đầu góp vào sự định hình và phát triển của một nền sân khấu ca kịch còn

non trẻ lúc bấy giờ còn nhiều... Ở đây chúng tôi chỉ ghi lại một vài khuôn mặt. Rất tiếc là số người còn sống đến năm nay gần như chỉ còn cô Bảy Phùng Há, nhưng những gì họ để lại cho những thế hệ sau vẫn còn tác dụng đến hôm nay.



027

XIN CHO BIẾT VỀ NGHỆ SĨ NĂM CHÂU.

Nghệ sĩ Năm Châu tức Nguyễn Thành Châu sinh ngày 9. 1. 1906 tại làng Điều Hòa, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho, mất năm 1978. Tên của người diễn viên, soạn giả của sân khấu cải lương này đã gắn với nghệ thuật cải lương từ lúc mới nổi đến khi hưng thịnh, lặn long đông.

Ông theo học trường Collège Mỹ Tho đến năm thứ hai ban Thành Chung thì bỏ học theo nghiệp cầm ca. Năm 1924, ông ra mắt khán giả trên sân khấu Sỹ Đồng Du rồi Như Thủy ban, Tiểu Học ban, gánh Thầy Năm Tú, Tân Đồng ban, Trần Đắc. Năm 1934, Trần Đắc rã tại Hà Nội, ông lập gánh Nam Thịnh. Năm 1935, về Nam chịu tang mẹ, ông cộng tác Đại Phước Cường, Phụng Hảo. Sau đó ông lập đoàn Năm Châu (1940 - 1945), Con Tằm (1946), Việt kịch Năm Châu (1948 - 1955), Ánh Chiêu Dương (1955 - 1956) và Đoàn Ánh Chiêu Dương (1967).

Ông có hoài bão xây dựng một nền sân khấu tiến bộ theo quan điểm nghệ thuật "thật và đẹp". Ông đòi hỏi cao, từ mình đến diễn viên khi tập tuồng. Là một diễn viên có tài, ông còn là soạn giả có tên tuổi lớn thời đó. Ông viết khoảng 50 vở, nhiều vở tuồng, nhiều thể loại, tuồng Tàu, tuồng xã hội Việt Nam, tuồng Tây phóng tác, trong đó có 9 vở bị cấm diễn dù ông đã vượt trội hẳn trong giới về cái



Nghệ sĩ Năm Châu.

tâm, lẫn sự gan dạ của người dám viết và tài của người dám dựng, sao cho vỡ vượt được cửa quyền của kiểm duyệt thời trước 1975.

Ngoài cải lương, ông còn viết kịch nói (thoại kịch) và phim ảnh (điện ảnh), vô tuyến truyền hình v.v... Một số tác phẩm của ông như *Giọt lệ cương thường* (1922), *Tiến biệt phu* (1923), *Giấc mộng cô đào* (1928), *Bằng hữu binh nhung* (1929)... Từ 1930 đến 1975 có các tác phẩm như *Sân khấu về khuya*, *Nước biển mưa nguồn*, *Tây Thi gái nước Việt* (Cải lương), *Trong bóng hậu trường*, *Quyền làm mẹ* (Thoại kịch), *Người đẹp Bình Dương*, *Mưa ngâu*, *Năm vua hể về làng* (Điện ảnh)...

Các vở được ưa thích của ông là *Sĩ Vân công chúa* (từ truyện *Tristan et Yseult*), *Túy Hoa vương nữ* (từ vở *Marie Tudor* của Victor Hugo), *Gió ngược chiều* (từ vở *Ruy Blas* của Victor Hugo), *Tuyết băng và bạo lực*, *Ngọn cờ hiệp lữ* (1927 - bị cấm), *Sân khấu về khuya*, *Người với người*, *Huyền Châu nữ*, *Đêm không ngày*, *Men rượu hương tình*, *Nợ dẫu*.

Ông đóng được nhiều loại vai, để lại nhiều ấn tượng có Đổng Kim Lân (*San hậu*), Lữ Bố (*Phụng Nghi đình*), Thôi Tử (*Thôi Tử thí Tề Quân*), An Lộc Sơn (*Trường hận*), Tuyết Sĩ (*Huyền Châu nữ*), Ngọc (*Hồn bướm mơ tiên*), Hội đồng Thăng (*Đời cô Lựu*), Năm Bình (*Men rượu hương tình*), Linh Nam (*Sân khấu về khuya*).

Riêng vở *Người và người* (Đóa lan rừng) chỉ diễn hai đêm rồi bị cấm (1935) với Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ, Sáu Ngọc Sương... được truyền tụng bởi lớp kịch nổi tiếng: Gặp lại người yêu sau 29 ngày chờ đợi, Năm Phỉ chỉ thốt lên bốn tiếng "hai mươi chín ngày" trong nước mắt là đủ cho khán giả vỗ tay tưởng chừng vỡ rạp...

Trả lời một cuộc phỏng vấn, ông nói "Trong mọi thất vọng, không có thất vọng nào to lớn và nặng nề cho bằng bản thân nghệ sĩ không chống đỡ nổi nghệ thuật trong lúc suy tàn. Trong mọi giả dối của nghề nghiệp, không có sự giả dối nào của nghệ sĩ bản thủ cho bằng khai thác nghệ thuật để trục lợi cho bản thân khi nghệ thuật đang nguy khốn".

Hơn nửa thế kỷ đi với cải lương, Năm Châu luôn nuôi nguyện vọng trau dồi nghệ thuật biểu diễn, nâng cao trình độ diễn viên, cải tiến kỹ thuật trang trí, cải thiện sinh hoạt hậu trường, hướng dẫn những người làm sân khấu có một nếp sống tập thể, có tổ chức, trao đổi kinh nghiệm để giúp nhau tiến bộ.

Trong hai cuộc kháng chiến, Việt kịch Năm Châu còn là cơ sở giúp đỡ, che giấu cán bộ hoạt động trong thành phố và đã dựng những vở từ chiến khu gửi về như *Người mặt cháy*, *Người nghèo trong khói lửa*...

Năm 1955, ông tham gia hoạt động trong phong trào Hòa Bình Sài Gòn - Chợ Lớn nên buộc phải lánh mặt và Việt kịch Năm Châu cũng đổi tên là Phước Chung, vẫn giữ vai trò cơ sở của các nghệ sĩ yêu nước tiến bộ. Ông còn đào tạo được nhiều diễn viên cho sân khấu cải lương như Hồng Hạnh, Đỗ Quyên, Thoại Miêu, Bạch Tuyết.

Năm 1988, mười một năm sau khi mất, ông được truy tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.



028

CẢI LƯƠNG PHA TUỒNG TÀU PHÁT TRIỂN MẠNH TRONG GIAI ĐOẠN NÀO?

Trong hai thập kỷ 20 và 30, tuồng Tàu là mạnh hơn cả.

Trước đó các gánh hát Triều Châu (Thùng xanh, thùng đen và thùng đỏ) hoạt động mạnh ở những nơi có người Tiểu sinh sống... Cùng lúc đó, Tập Ích ban được lập bởi Vương Có, một người Tiểu lai Việt. Ông nhờ soạn giả Nguyễn Trọng Quyền viết tuồng từ những truyện Tàu có sẵn như *Tây Sương ký*, *Châu Trần phải nghĩa*.

Cuối năm 1921, Văn Hý ban được lập bởi ông Huỳnh Kim Vui mà soạn giả đầu tiên là Đào Trí Phú (Đào Châu) với vở *Kỳ duyên phố*. Hát tuồng Tàu rầm rộ nhất là vào 1926, ông Hai Cu sang xác gánh Nam Đồng ban, dựng thành Tái Đồng ban, có hai vở *Mộc Quế Anh dung cây* và *Anh hùng náo tam môn giai* của Nguyễn Công Mạnh. Vũ khí đạo cụ từ gỗ chuyển sang sắt mạ kền, rước thầy Tàu dạy kịch với lời quảng cáo "Hát tuồng Tàu có đánh đồ thiệt". Từ 1927 gánh này chuyển tên Văn Võ Hý ban.

Tuồng Tàu phát triển vô cùng mạnh mẽ, người hát ăn mặc, hóa trang giống gánh hát Quảng Đông. Đại biểu của loại tuồng này thời đó là Bửu - Lục - Diệp (Mười Bửu, Sáu Lục, Năm Diệp) rất nổi tiếng. Có thể nói đây là ba nghệ sĩ mở đầu cho trường phái tuồng Tàu, cho đến nay.



Hùng Cường, Thanh Nga trong vở Chuyện tình An Lộc Sơn sân khấu Tiếng hát Dân tộc, tháng 8. 1974.

Ký giả Hoài Ngọc (*Lịch sử sân khấu cải lương - chưa xuất bản*) ghi nhận hai gánh cải lương lớn nhất miền Nam vào những năm đầu thập kỷ 20 là Phước Cường và Trần Đắc.

Sau 1925, Nguyễn Ngọc Cường lập gánh Phước Cường với Năm Phỉ, Phùng Há, Tư Sạng, Ba Du, Bảy Nhiều, Tám Danh... Soạn giả là Đặng Công Danh, Nguyễn Công Mạnh và Nguyễn Trọng Quyền, khai trương tại rạp Moderne Cinéma, chủ trương diễn tuồng Tàu *Phụng Nghi đình*, *Xử án Bàng Quý phi*, bên cạnh các vở xã hội như *Tứ đổ tường*, phóng tác *Tor vương đến thác* (phỏng theo *Trà hoa nữ*), *Sĩ Vân công chúa* (theo *Tristant et Yseult*).

Ông Nguyễn Ngọc Cường chủ trương khi diễn tuồng Tàu thì diễn viên phải đội mũ, mang hia, lên ngựa, hươu thương, đá giáp, múa hát trống kèn đúng kiểu Quảng Đông. Tướng thì phải vẽ mặt như Bao Công, Huất Trì Cung... Ông rước kếp Quảng Đông về dạy đào kếp từ cách lên

ngựa của văn và võ phải khác nhau ra sao... Cùng với các gánh hát sở trường tuồng Tàu chuyên diễn *Tam Tinh xuất thế*, *Thôi Tử thi Tề Quân*, *Huê Dung đạo*..., gánh Phước Cường cũng trương bảng "hát tuồng Tàu, đánh đồ thiệt".

Sau này 1931, gánh Phước Cường được chọn hai vở *Xử án Bàng Quý phi* và *Phụng Nghi đình* diễn ở Hội chợ đấu xảo thuộc địa tại Vincennes. Nữ nghệ sĩ Năm Phỉ được ca ngợi hết lời trên báo Pháp.

Giữa năm 1926, gánh Trần Đắc của ông Trần Đắc Nghĩa ra đời với Năm Châu, Tư Út, Tư Châu, Tư Anh, Tư Sặng, Phùng Há... định khai trương *Ngọn cờ nữ hiệp* của Năm Châu nhưng bị cấm. Đoàn này diễn toàn tuồng xã hội và phóng tác.

Sân khấu cải lương từ Nam Kỳ ra Trung Kỳ, Bắc Kỳ với cái tên Cải lương Nam Kỳ hoặc Cải lương Sài Gòn là chính thức bắt đầu từ hai gánh là Phước Cường và Trần Đắc này. Họ dùng xe lửa để ra Trung và Bắc. Gánh Trần Đắc về sau rã tại Hà Nội (1933) do đụng cơn khủng hoảng kinh tế toàn Đông Dương.



029

XIN CHO BIẾT VỀ MỘT SỐ VỞ CẢI LƯƠNG NỘI DUNG ĐƯỢC PHÓNG TÁC TỪ KỊCH PHƯƠNG TÂY.

Năm Châu là người viết nhiều nhất, ông có một số vở cải lương xuất phát từ phương Tây như *Sĩ Vân công chúa* (Tristant và Yseult), *Túy Hoa vương nữ* (Marie Tudor của Victor Hugo), *Gió ngược chiều* (Ruy Blas của Victor Hugo), *Giá trị và danh dự* theo *Le Cid* của Corneille, *Áo người quân tử* (*L'homme en habit*), *Bằng hữu binh nhung* theo *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* của Alexandre Dumas cha, *Huyền Châu nữ* phóng tác theo phim *Volga-Volga* của Nga, *Sắc giết người* phóng tác theo phim *Atlantide*, *Sân khấu về khuya* (con gái ông là đạo diễn Hồng Dung cho biết vở này có gốc từ một vở kịch nước ngoài có tên *Hoàng hôn của những thần tượng*). Ngoài ra còn nhiều vở của ông cũng có gốc từ kịch hay phim, truyện của nước ngoài như *Người với người*, *Nợ dâu* (theo lời vợ ông là Nghệ sĩ Kim Cúc thì vở này được dựa theo đời của nhạc sĩ Bertolio).

Tư Chơi có *Khúc oan vô lượng* (phỏng theo *Mystère de la Chambre Jeune...*), *Đầu xanh có tội* (phỏng theo *Những kẻ phạm pháp* của Pi-xem-xki),

Trần Hữu Trang có *Mộng Hoa vương* (phỏng theo phim *La reine Christine*). Có nhiều tài liệu ghi vở *Tô Ánh Nguyệt* của Trần Hữu Trang được phóng tác từ một tác phẩm của

nước ngoài là *Backstreet* (không ghi thêm tên tác giả), nhưng soạn giả Việt Thường là con trai út của ông phủ nhận tin này. Ông cho biết vở *Tô Ánh Nguyệt* của Trần Hữu Trang đã được viết dựa trên một chuyện có thật ở quê ông

Ngô Vĩnh Khang với *Tor vương đến thác* (phỏng theo *La dame aux Camélias* tức *Trà hoa nữ* của Alexandre Dumas con).

Sau 1954, có một soạn giả cải lương thường phóng tác từ kịch hay nước ngoài nữa là soạn giả Thiếu Linh với các vở như *Tình điên* (Fantasio), *Sau lưng người phản bội* (Lozensacio), *Hoàng tử của mùa xuân* (Sinbad le marin), *Chén trà của quý* (phỏng theo vở *Ngộ nhận* của Albert Camus).

Nguyễn Phương có vở *Người tình của biển* (tức *Fanny* của Marcel Pagnol).

Những năm sau 1975 có đạo diễn Đoàn Bá đã dựng vở *Tháp đoạn hồn* của Trương Vũ, phỏng theo truyện cùng tên của Alexandre Dumas cha. Ông cũng đã phóng tác theo một truyện khác của tác giả này là *Bá tước Kịch Tôn Sơn* - Monte Christo để dựng thành vở *Án oán giang hồ* cho đoàn Kiên Giang.

Năm 2005, Hoàng Song Việt và Nguyễn Thị Minh Ngọc có soạn và dựng *Sắc xuân gửi lại* từ cốt truyện *Hoàng hậu si tình* của Tây Ban Nha.

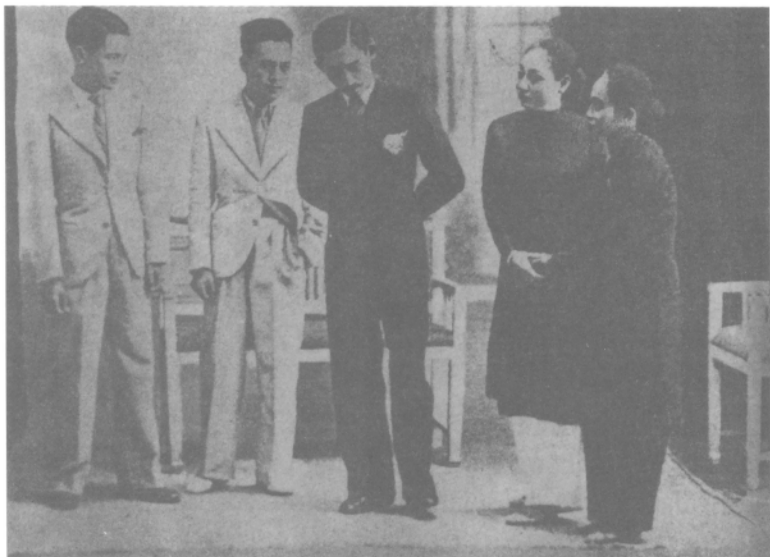


TẠI SAO XUẤT HIỆN NHỮNG VỞ CẢI LƯƠNG NHUỐM MÀU SẮC TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ KHỦNG HOẢNG KINH TẾ?

Trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế (1930), dân chúng vì lúc đó quá khổ sở nên đổ xô vô đạo. Có nhiều đạo mới ra đời tại miền Nam.

Đầu năm 1930, miền Nam đang có trên 50 gánh lớn nhỏ ra đời thì bị khủng hoảng kinh tế trên toàn cõi Đông Dương. Gạo chỉ còn từ các 8 đến các 6 (0,18đ - 0,12đ), thuế thân hạng vô sản còn 1,2đ mà dân không mua và đóng nổi... Giá vé chỉ 1 các (0,10 đ) cho gánh lớn và năm xu (0,05 đ) cho gánh nhỏ mà không ai muốn coi.

Nhiều đoàn cũng chuyển hát tuồng Phật, tuồng Tiên, Thánh, Phong Thần, huyền hoặc mà đi đầu là ông Trương Văn Thông, chủ gánh Tân Thịnh, đã cho gánh hát tuồng Phật, rồi Tiên như *Thích Ca đắc đạo*, *Ngũ Nương xuất thế*, *Hồn Nguơn trận*, *Bình Linh hội*... Từ chợ Sài Gòn đến rạp Moderne (đường D'Espagne nay là Lê Thánh Tôn) khán giả chen nhau dành mua vé, đứng đông đặc lề đường. Ba vở diễn trong mười hai đêm chưa đủ thỏa mãn công chúng. Đoàn lời lớn. Các gánh bắt chước theo, Văn Võ Hỷ ban có *Tam Tạng thỉnh kinh*, *Mục Liên Thanh Đề*, *Quan Âm Thị Kính*, gánh Thị Phát Huê có *Phật nhập niết bàn*, gánh Tân Thiếu Niên có *Nam Du Huê Quang*, *Bắc Du Chơn Võ*...



**Gánh Trần Đắc tập tồng Khúc oan vô lượng của Tư Chơi:
Tử Anh, Năm Châu, Tư Út, Phùng Há và Ba Liên.**

1932, gánh Tân Đồng ban (Long Xuyên) nổi tiếng với vở *Tiền thân Đức Phật, Tôn Tẫn hạ san* với năm, bảy cảnh ngựa bay qua thành, tái hiện cảnh tạo thiên lập địa, bảy ngày, bảy đêm sản sinh ra cây cỏ, thú vật, loài người... Chủ gánh Lê Quang Sô đưa gánh lên Sài Gòn diễn ở rạp Moderne, khách xem tới bảy đêm liền.

Sau tuồng Phật là thời của tuồng Tiên Thánh hóa phép làm hỗn loạn sân khấu cải lương một thời gian nữa từ 1933 - 1939 (cũng có vở đứng đắn như *Quan Âm Thị Kính* của Nguyễn Công Mạnh). Các tuồng tình cảm xã hội và tuồng Tàu có bị lấn át một thời gian.

Huỳnh Kỳ là gánh do Lê Công Phước (tức Phước Georges - Bạch Công tử) ở Pháp về lập năm 1928 cho cô Phùng Há (cô là vợ của cậu Phước lúc này) cùng với Năm Thiện, Ba Thâu, Hai Nữ, Tư Hélène... Đoàn có vở *Giọt máu chung tình* của Nguyễn Công Mạnh làm sôi động khán giả Sài Gòn một thời... Trong hồi ký của mình, nghệ sĩ

Bảy Nhiêu tả "Ba giờ chiều mà vé các hạng hết ráo, nhiều người thất vọng đón buổi tối mua cho được vé đêm mai...". Cùng với gánh Trần Đắc, Huỳnh Kỳ cũng phải rã trước tuồng Phật, tuồng Tàu...

Trong tình hình mà "...nỗi sinh nhai ngày càng eo hẹp, sinh sống rất khó khăn, khi túng lữ có của bán cũng không được... Những người xưa nay chỉ biết việc cạo giấy thì kiếm tiền làm sao?..." (Lương Nhật Tuấn, *Cảm tưởng về cuộc kinh tế khủng hoảng ngày nay*, *Lục tỉnh tân văn*, 23. 12. 1931).

Hai ngôi sao nữ bấy giờ là Năm Phỉ, Phùng Há phải liên kết lại lập bảng hiệu Phi Phụng (1933). Năm Châu thì phiêu dạt ra Bắc lập gánh Nam Thịnh. Sau khi gánh Trần Đắc rã tại Hà Nội, cặp Tư Chơi - Kim Thoa ở lại cộng tác với sân khấu Hiệp Thành, dùng nhạc Tây vào kịch trào lộng thành màn hoạt kê hài hước.

Năm 1934, gạo lúc bắt đầu có giá trở lại, (6 cắc tới 6 cắc rưỡi / gạo), mọi sinh hoạt trở lại bình thường, phong trào xuất vốn lập gánh có phần nhộn nhịp như trước.



031

SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG ĐẦU THẾ KỶ THAM GIA "XÃ HỘI HÓA SÂN KHẤU" NHƯ THẾ NÀO?

Xã hội hóa sân khấu là hành động "thả" sân khấu vào đời sống xã hội, để nó tự tồn tại, phát triển theo sự chi phối của đời sống xã hội, phục vụ xã hội và trở thành một bộ phận không thể thiếu của xã hội. Nói cách khác "xã hội hóa sân khấu" là sự biểu hiện tự nhiên và tất yếu của nền kinh tế mang tính tự trường.

Sài Gòn những năm đầu thế kỷ là một Sài Gòn đã mang dáng dấp của một xã hội kinh tế thị trường buổi ban đầu - kết quả tác động tất yếu của cuộc giao lưu văn hóa Đông Tây lần 1.

Vở *Lục Vân Tiên* (1917) đánh dấu sự hình thành một thể loại sân khấu ca kịch dân tộc mới với tên gọi là cải lương sau đó. Ngay chính sự ra đời của Cải lương đã thể hiện trong nó bản chất của sự xã hội hóa, khi nó tìm đến công chúng bằng cách liên tục đổi mới, sáng tạo nên các yếu tố mới, từ dàn ca tài tử, đến bước quá độ thể hiện qua hình thức Ca ra bộ, hát Chập, liên ca... cho đến yếu tố kịch bản hoàn chỉnh. Tìm đến công chúng, thu hút công chúng bằng những cái mới, lại trùng hợp, phù hợp quy luật hình thành nên một thể loại sân khấu...

Từ khi ra đời (năm 1917), sân khấu cải lương vẫn liên tục đổi mới, bổ sung các yếu tố để hoàn chỉnh và làm mới

mình. Trong công cuộc đổi mới, hoàn chỉnh, nâng cao, và các chiêu thức để "đi" vào đời sống xã hội của cải lương đã thể hiện bản chất của quá trình xã hội hóa sân khấu khá thú vị. Ở đó vai trò của các ông bầu gánh hết sức quan trọng đối với vận mệnh và cuộc sống của cải lương khi vừa ra đời. Cuộc cạnh tranh ban đầu giữa ông André Thận và ông Năm Tú đã là yếu tố thúc đẩy những vở cải lương đầu tiên ra đời.

Ông Năm Tú thuê họa sĩ vẽ cảnh trí, trang bị màn nhung cho sân khấu - những trang thiết bị sân diễn trước đây chưa từng có, mua thêm nhạc cụ phương Tây. Vở *Kim Vân Kiều* là vở khai trương cho gánh hát Thầy Năm Tú. Vở diễn đã tạo nên một sự kiện sân khấu, đặc biệt với sân khấu ca kịch truyền thống Việt Nam, bởi lần đầu tiên có trang bị phương tiện kỹ thuật mới kiểu Tây, bên cạnh đó là lực lượng diễn viên hùng hậu như Hai Cúc, Ba Đắc, Năm Thoàn, Hai Nhiều... Gánh hát của ông nổi danh khắp Nam Kỳ lục tỉnh. Và bản thân ông nổi danh là một doanh nhân, có tài nghệ maketting, là một trong những người Việt Nam đầu tiên có tư duy kinh tế thị trường khá tân tiến. Năm 1918 hãng đĩa Pathé của Pháp đặt cơ sở sản xuất đĩa nhựa tại Sài Gòn. Các đào kép gánh hát ông Năm Tú được mời thu thanh đầu tiên. Phần bắt đầu của đĩa thu bao giờ cũng là câu tự giới thiệu "Đây là tài tử gánh hát thầy Năm Tú tại Mỹ Tho ca trên đĩa Pathé phono nghe chơi". Đây là một cách thức dùng hãng đĩa Pathé - một phương tiện kỹ thuật khá tân kỳ thời đó để quảng cáo cho gánh hát. Thực tế thì cứ nơi nào tiêu thụ đĩa Pathé thì nơi đó biết tới nghệ thuật cải lương và tên tuổi gánh hát thầy Năm Tú.

Ngoài gánh hát thầy Năm Tú ngay buổi đầu đã biết sử dụng cách thức xã hội hóa cải lương rất hiệu quả, thì hàng loạt các gánh hát khác như Tân Thịnh, Đồng bào Nam, Trần Đắc, Huỳnh Kỳ, Phước Cường, Năm Châu, Nghĩa

Hiệp ban vân vân đều có công lao đóng góp, thúc đẩy cho sự phát triển sâu và rộng cho nghệ thuật cải lương ngay khi nó vừa ra đời. Thời hoàng kim của nghệ thuật cải lương ngay buổi ban đầu ấy chính là kết quả của sự xã hội hóa cải lương rất thú vị, mà công lao đầu thuộc về các ông bầu gánh hát và sự nhiệt thành của công chúng Nam Bộ.



**GÁNH HÁT CẢI LƯƠNG ĐẦU TIÊN NÀO
TỪ SÀI GÒN RA BẮC, TẠO NÊN "CƠN SỐT"
CẢI LƯƠNG VÀ SAU ĐÓ ĐỂ LẠI SỰ TIẾP NỐI
CẢI LƯƠNG Ở ĐẤT BẮC?**

Cải lương hình thành và ngay từ những năm đầu đã khá sôi động khắp các tỉnh Nam Kỳ. Nếu Chèo hàng mấy trăm năm chịu nếp mình yên phận sau lũy tre làng Bắc Bộ, thì Cải lương Nam Bộ vừa ra đời, sau vài năm đã có mặt trên đất Bắc, mà đầu tiên là đất Hà thành. Cải lương Sài Gòn tiến ra Bắc đã để lại những dấu ấn đầu tiên và quyết định cho sự tồn tại của Cải lương trên đất Bắc.

Trước khi các gánh cải lương Nam ra Bắc người Bắc đã được biết đến nghệ thuật này qua con đường đĩa hát của hãng Pathé, với các giọng ca của gánh hát thầy Năm Tú.

Năm 1920, gánh hát đầu tiên đến Hà Nội là gánh của ông Nguyễn Văn Súng, tức Sáu Súng. Gánh hát của ông vừa diễn xiếc, vừa diễn cải lương. Ông đem cải lương Nam Bộ ra giới thiệu khắp các tỉnh như Bắc Ninh, Bắc Giang (Trương Bình Tòng, *Nghệ thuật cải lương những trang sử*, Nxb. Sân khấu, tr. 71). Sau đó có thêm các gánh như Phước Hội ban, Tân Lập ban, Phước Lập ban lần lượt tới Hà Nội.

Vào khoảng cuối năm 1927, có gánh hát Nghĩa Hiệp ban của ông Nguyễn Văn Đẩu từ Sài Gòn tới Hà Nội. Ban đầu gánh hát diễn tại rạp Quảng Lạc - nơi một công ty cổ

phần xây dựng và cho thuê. Các vở phần lớn do ông Trần Phong Sắc biên soạn như *Tra án Bàng Quý phi*, *Ác bộc thọ hình*, *Phụng Nghi đình*... "Nghĩa Hiệp ban diễn ở rạp Quảng Lạc bốn tối, khán giả xem đông kín rạp và ngợi khen" (Sĩ Tiến, *Bước đầu tìm hiểu nghệ thuật cải lương*, Nxb. Sân khấu). Con sốt cải lương lan tỏa khắp Hà thành. Trước tình hình đó, ban giám đốc rạp Quảng Lạc gây khó khăn bằng cách tăng tiền thuê, và dụ dỗ mua chuộc các đào kép giỏi của gánh hát, với ý đồ tạo dựng riêng đoàn diễn Cải lương Quảng Lạc. Ông Đẩu bất bình thuê rạp khác diễn liền bảy tối và khán giả đến xem còn đông hơn trước. Sau này, ông Đẩu để lại một số đào kép và trang thiết bị đạo cụ sân khấu cho rạp Sán Nhiên Đài, trở về Nam với ý định tạo dựng gánh hát mới để quay lại Hà thành.

Ngoài ra người Bắc còn biết tới gánh hát Tân Hý ban, một gánh cải lương từ Sài Gòn ra, song có một kép chính người Bắc là Sĩ Tiến.

Những thập niên đầu thế kỷ rạp Quảng Lạc và Hiệp Thành dành cho diễn hát bội và Chèo, khi cải lương Sài Gòn ra đã được dùng diễn cải lương. Xuất hiện các nghệ sĩ cải lương người Bắc và dần họ chung diễn với các nghệ sĩ cải lương Nam một cách hòa hợp về phong cách lối ca, lối diễn.

Cải lương Sài Gòn đã đơm hoa kết trái ở miền Bắc, dần dần trở thành nghệ thuật của cả nước.



033

**XIN CHO BIẾT VỀ
GÁNH ĐẠI BAN PHƯỚC CƯƠNG.**

Ông Nguyễn Ngọc Cương thường được gọi là Bầu Cương. Ngoài ông là Bà Hộ trước có gánh hát bội hiệu Phước Thắng, hát thường trực tại rạp cũ PaliKao Chợ lớn gọi là rạp Bà Hộ rất có tiếng. Mẹ ông, cô Ba Ngoạn, đào hát kiêm chủ gánh hát bội Phước Xương, hát thường trực tại rạp Cầu Muối.

Ông là một nhà trí thức, từng du học bên Pháp, về xây dựng một đoàn hát cải lương theo mô hình những đoàn hát bên Pháp. Năm 1925 ông lập gánh Phước Cương có quy mô lớn (đại ban) và rước cô Năm Phỉ đang hát cho Văn Hỷ ban về đóng Bàng Quý phi trên sân khấu mới lập của mình. Ông là người góp phần phát triển thêm cho nghệ thuật sân khấu cải lương và đã đào tạo, nâng cao nghề nghiệp cho những ngôi sao sân khấu cải lương lúc ngành nghệ thuật này mới được tạo thành. Đó là những tài danh như Năm Phỉ, Sáu Ngọc Sương, Bảy Nam, Năm Nghĩa, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Ái Liên, Thanh Tùng, Duy Lân... Ông còn được mệnh danh là "Công tử hột xoàn".

Theo ông Bảy Nhiêu kể lại, ông Nguyễn Ngọc Cương đã đảm làm ba chuyện trên sân khấu Phước Cương từ năm đó:

- Ông chủ trương diễn tuồng Tàu phải như Tàu thiệt với phục trang, vũ đạo, diễn xuất... và cả về mặt.



Kỳ nữ Kim Cương.

- Có bàn thờ và cốt ông Tổ để ngay trong sân khấu chính giữa sau tấm phông mỗi rạp. Đến ngày 11, 12, 13 tháng 8 âm lịch, gánh nghỉ hát đêm 11 để toàn đoàn lễ bái thánh Tổ. Tối 12 có hát, văn rồi cũng ra mắt đào, kép, nhạc sĩ đàn ca từng người trước bàn Tổ. Tối 13 cho tiền thưởng mỗi người tùy theo chánh, phụ và cho chơi cờ bạc suốt đêm.

- Quyền lợi và trách nhiệm cho mọi người rất phân minh: có lương tháng, ăn ngủ có giờ, mỗi ngày đúng 9 giờ phải có đủ mặt tập tuồng hoặc ở rạp hoặc ở ghe (đoàn có ghe

chài lớn), khi lên rạp đào kép phải mặc Âu phục cho đảng hoàng, cầm cờ bạc (trừ ngày giỗ Tổ và ba ngày Tết), cấm cho vay...

Gánh Đại ban Phước Cường tan rã tại Phan Thiết, sau khi ông bầu gánh Nguyễn Ngọc Cường qua đời.

Gia đình ông, vợ là cô Bảy Nam và con là Kim Cương, Ngọc Trai vẫn theo nghiệp sân khấu. Riêng Kim Cương sau hai năm rưỡi từ Pháp về thì sinh hoạt và trở thành ngôi sao trong thoại kịch và điện ảnh. Hiện tại, cô đã được phong tặng Nghệ sĩ Ưu tú, thỉnh thoảng tổ chức biểu diễn chỉ nhằm mục đích từ thiện do cô là Phó Hội trưởng của Hội Phụ nữ từ thiện của thành phố.



CẢI LƯƠNG PHÁT TRIỂN RA SAO TRONG VÙNG DO MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG ĐẶT CƠ SỞ VÀ KIỂM SOÁT?

Nhiều nơi trong vùng của Mặt trận Giải phóng đặt cơ sở, có những cán bộ văn nghệ còn trẻ và quá khích, có nhận định sai lầm, đánh giá không đúng cải lương nên cải lương không phát triển.

Do đó, vào năm 1950, cuộc họp chuyên đề sân khấu tại Việt Bắc, cải lương đã bị lên án nặng nề. "Cải lương là biến tướng của tuồng, nó là sản phẩm của giai cấp tư sản Việt Nam lúc mới lên, nhưng nó cũng mau chóng trở thành công cụ của tầng lớp tư sản mại bản và sớm theo đó mà đi vào con đường suy đồi, thiếu tính sáng tạo, nhiều ngoại lai".

Bên cạnh những người đòi vứt cải lương đi, cũng có những nghệ sĩ miền Nam bảo vệ nó có những phản ứng mạnh mẽ như Lưu Hữu Phước, Tống Ngọc Hạp...

Cùng năm này, ở vùng của Mặt trận Giải phóng đặt cơ sở tại Nam Bộ có nơi ra lệnh "Cấm đàn ca vọng cổ, không sử dụng vọng cổ trong các vở cải lương".

Tháng 1. 1951, Xứ ủy Nam Bộ có phê bình, mang tính cách sửa sai "Công tác văn hóa ở Nam Bộ có nhiều sai lầm, căn bản là không rõ hệ thống tình cảm hiện có trong nhân dân, không biết dựa vào đó để xây dựng lại hệ thống tình cảm đúng với sự phát triển của dân tộc".

Hội nghị Văn nghệ toàn Nam Bộ quyết định "Đi sâu vào tình cảm dân tộc, tận dụng các hình thức văn nghệ xưa và nay". Từ đó các nghệ sĩ cải lương mới được định hướng để phục vụ nhân dân bằng nghệ thuật của mình. Số đoàn, đội văn nghệ tăng nhanh.

Trong giai đoạn còn chưa rõ thái độ của các cấp lãnh đạo với cải lương, đã có giai thoại về ba người cảm tử quân được quyền đưa một yêu cầu trước khi ra đi vào một chốn hiểm nguy khó có đường về, cả ba anh chàng chiến sĩ gốc Nam Bộ đó đều mong được nghe lại mấy câu vọng cổ mà xa quê lâu, lại nghe phong phanh có lệnh cấm, đã lâu lắm rồi các anh chẳng được nghe.

Cùng thời gian 1954 - 1975, do chưa thông hiểu hết vấn đề, nhiều nơi ở vùng giải phóng Nam Bộ có nơi ra lệnh "Cấm đàn ca vọng cổ, không sử dụng vọng cổ trong các vở cải lương". Về sau mới chỉnh sửa lại.

Khu giải phóng tỉnh Bạc Liêu có đến 9 đoàn. Nổi bật có các đoàn PL Khu miền Đông (khu 7), Ngũ Yên (Long Châu Sa), Lúa Vàng (Mỹ Tho), Cửu Long Giang (miền Tây) Lam Sơn (Bạc Liêu) được xây dựng bởi một số nghệ sĩ ở thành phố về hỗ trợ lực lượng trẻ như Tám Danh, Ba Du, Ngọc Thạch, Tám Củi, Thanh Hương, Bảy Vân, Thanh Loan, Tư Xe, Ba Thừa Vĩnh, Chín Châu...

Vì điều kiện chiến trường, chủ yếu làm vở ngắn và phát triển sinh hoạt tài tử. Mọi nghệ thuật hỗ trợ đều đơn giản tối đa. Nhưng nội dung dù xưa hay nay cũng hướng về lòng yêu nước, thù ngoại xâm, đoàn kết quân dân, kêu gọi người lầm lạc... Có thể ghi lại vài tựa tuồng như *Trần Hưng Đạo bình Nguyên* (Trần Bạch Đằng), *Hai bó rơm* (Ngọc Cung), *Huyết lệ thư* (Chi Lăng phóng tác), *Bạch Mao Nữ* (Trương Bình Tòng, Lâm Ân, Phan Vũ phóng tác), *Người mất cháy tức Vệ quốc chiến* (của Nguyễn Phương phóng tác *Tính cách Nga* của A. Tolstoi).

Lực lượng diễn viên mới có thêm Tường Trần, Phi Nga, Can Trường, Nguyễn Ngọc Bạch, Nguyễn Sơn... Phụ trách sân khấu và nhạc có Ngọc Cung, Chi Lăng, Trương Bình Tòng, Nguyễn Ngọc Bạch, Quách Vũ, Phan Vũ (khu 9), Bích Lân, Ngô Y Linh, Nguyễn Phương, Thiều Linh (khu 7).

Nhận định về cải lương, ông Vương Hồng Sển cũng viết trong *Năm mươi năm cải lương* "Cải lương có cái sứ mạng cao cả, phô diễn lên sự thật của xã hội và gieo rắc tinh thần đấu tranh của dân tộc". Do đó cải lương đáp ứng được yêu cầu tình cảm và thẩm mỹ của quần chúng. Điều đó cũng có nghĩa cải lương ra đời là một cuộc cách mạng sân khấu, thật sai lầm nếu loại bỏ nó.



035

**XIN CHO BIẾT VỀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CẢI LƯƠNG Ở
SÀI GÒN TRƯỚC 1975. CÓ VỞ NÀO ĐƯỢC SỬ
DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH TUYÊN TRUYỀN KHÔNG?**

Cải lương ở Sài Gòn bị đẩy vào những điều kiện khá phức tạp trong giai đoạn 1954 - 1975.

Đặc điểm của cải lương tại Sài Gòn lúc đó là sân khấu chạy theo thị hiếu để có doanh thu cao. Tác giả đứng ra tập luôn (tức thầy tuồng) nhưng còn phải được lèo lái bởi những người chủ bỏ tiền ra kinh doanh để đồng vốn xoay vòng phát triển. Họ vừa phải tự xoay sở để vở có thể ra đời giữa gọng kềm kiểm duyệt, vừa không thể biến thành văn nô như ý muốn của những người có súng trong tay.

Trong tình hình cực kỳ khó khăn đó, các soạn giả vẫn cố gắng để không viết những vở có thể bị sử dụng vào mục đích tuyên truyền cho nhà cầm quyền bấy giờ

Thoạt đầu, mừng hòa bình văn hồi, các rạp hát chật ních người xem. Thêm các đoàn Kim Chung, Bích Hợp từ Bắc di cư vào, các rạp được sáng đèn hàng đêm...

Các đoàn cũ vẫn hát các vở có sẵn (đa số dùng tuồng kiếm hiệp của Mộng Vân). Số soạn giả ở chiến khu mới về cùng với những soạn giả yêu nước trước đó đã có những vở về lịch sử và dã sử chống xâm lược, đáp ứng sự mong đợi của khán giả sau một thế kỷ trút khỏi ách thống trị của

người Pháp như *Bạch Đằng nổi sóng* (Lê Khanh), *Cứu lấy non sông* (Hoài Ngọc), *Ngược sông Phú Lương* (Thiếu Linh), *Tiếng sấm Phú Kinh* (Duy Tân), *Hòa hồng Nhật Tảo* (Ngọc Văn), *Đất Việt của người Việt* (tức Nguyễn Huệ bình Thăng Long) của Diêu Huyền).

Sân khấu Đuốc Việt tại Phú Nhuận bị đốt vì diễn *Bút xiềng nô lệ* của Thanh Cao (gốc *Mười năm gian khổ* của Diêu Huyền).

Năm 1955, hai vở *Người mặt cháy* của Nguyễn Phương và *Người nghèo trong khói lửa* của Phi Vân bị rút giấy phép. Nguyễn Phương bị bắt còn Phi Vân phải trốn. Hai soạn giả Năm Châu và Bảy Cao bị tù trong đợt này. Sau đó là một loạt Lê Khanh, Kiên Giang, Phan Hương, Nguyễn Liên, Mộc Linh, Yên Trang... Mai Quân, Hoài Linh, Phi Vân phải rút đi. Riêng soạn giả Trần Hữu Trang được chuyển hẳn ra khu Giải phóng.

Việt kịch Năm Châu đổi tên Phước Cường tiếp tục bảo vệ nghệ thuật dân tộc, chống khuynh hướng phi dân tộc, phản dân tộc trong văn nghệ và chính trị. Đoàn bị đề ý nên luôn phải di lưu diễn. Những đợt về Sài Gòn (1957 - 1959) đoàn diễn các vở *Nhụy hoa lan* (Mai Quân), *Gió ngược chiều* (Năm Châu phóng tác), *Bạo chúa Huy Linh*, *Chị chồng tôi*, *Thủ cấp của ai*, *Giờ thức tỉnh*.

Hàng đêm có hàng chục gánh sáng đèn thì hàng ngày đều có bài điểm trên các báo để hướng dẫn sân khấu cải lương hướng tới những điều tốt đẹp về nội dung lẫn hình thức, ngăn chặn bọn bôi búa, điểm chỉ... Các gánh cải lương còn bị các loại thuế, các luật lệ kiểm duyệt trói buộc, thủ đoạn bất lính trắng trợn nhắm vào các kép trẻ đóng chánh để các gánh điều đứng phải đi vào quỹ đạo khống chế của nhà cầm quyền, làm công cụ tuyên truyền cho họ tố cộng, ca ngợi chính sách, quốc sách áp chiến lược...

Sang 1963, sân khấu cải lương Sài Gòn coi như chỉ có hai loại tuồng: xã hội và màu sắc hương xa. Tuồng lịch sử, từ lúc *Lấp sông Gianh* gây tử vong thì không còn gánh nào dám dựng. Tuồng Tàu thì ngày càng vắng khách do không kiếm thêm điều gì mới. (Đến 1968 chuyển sang loại cải lương Hồ Quảng là đã chuyển sang một loại hình mới rồi).

Cuộc sống ở đây có nhiều biến động, sân khấu cải lương trở nên "hiền lành", không đủ sức hấp dẫn bên cạnh phim ảnh các nước cùng các loại hình giải trí khác như ca nhạc, tivi... ồ ạt đổ vào, phục vụ khán thính giả tại nhà. Sân khấu cải lương phải chạy theo chủ nghĩa hình thức, tạo "giật gân" để kéo khán giả về mình theo quy luật của xã hội tiêu thụ. Trên các mặt báo, người ta thấy sân khấu cải lương được quảng cáo là: sân khấu huy hoàng (đoàn Thủ Đô), sân khấu vĩ tuyến (đoàn Kim Chung), sân khấu rực rỡ tân kỳ, sân khấu tráng lệ, sân khấu quay... Tất cả để "tô màu" thêm cho loại tuồng "màu sắc", còn được gọi là tuồng hương xa. Tác giả thường mượn cốt truyện ở các tiểu thuyết, kịch, phim các nước hoặc hư cấu rồi cũng lồng vào bối cảnh các nước khác. Cũng có một thiểu số vở loại này có định hướng tốt, giới thiệu được văn hóa thế giới cho khán giả Việt Nam hoặc mượn chuyện nước khác để nói lên điều không nói được trong chế độ kiểm duyệt gắt gao. Còn lại đa số loại này được viết với mục đích thương mại. Về sau còn bổ sung thêm tuồng chương ăn theo các tiểu thuyết của Kim Dung, Nam Kim Thạch, Ngọa Long Sinh. Các đoàn đua nhau ra đời và cạnh tranh nhau.

Năm 1965 - 1966, một kỳ đại hội của Hội Nghệ sĩ ái hữu có tới 70 đoàn mà đa số ở Sài Gòn tham dự... Phong trào cất rạp cho thuê diễn cải lương cũng lên cao. Một số rạp ciné chuyển thêm sang cho cải lương. Cải lương lúc này ở đây trở thành một thứ kinh doanh buôn bán kiếm lời, kể cả "buôn bán diễn viên", "mua đào chuộc kếp".

Từ năm 1970, sân khấu cải lương Sài Gòn không còn giữ được sự phồn vinh nữa, khán giả giảm nhiều. Tivi, ciné và cả đại nhạc hội cũng giành khán giả với sân khấu cải lương. Nhiều đoàn phải giải tán. Nhiều diễn viên tên tuổi cũng bị thất nghiệp. Tiếng kêu cứu "cải lương lâm nguy" được nhắc nhiều trên báo vài năm trước 1975.



VỠ CẢI LƯƠNG NÀO ĐÃ GẶP "TẠI NẠN" TRONG ĐÊM KHAI TRƯỞNG NGAY TRUNG TÂM SÀI GÒN?

Đêm 19. 12. 1955 tại rạp Nguyễn Văn Hảo (nay là rạp Công Nhân), nghệ sĩ Duy Tân dàn dựng tuồng *Lấp sông Gianh* của soạn giả Kinh Luân cho đoàn Kim Thoa khai trương (đúng ngày toàn quốc kháng chiến). Vỡ đang chuẩn bị diễn cảnh chót là cảnh "Lấp sông Gianh", lớp dân chúng hè nhau lấp sông Gianh để không còn Nam Bắc phân lìa thì bị ném lựu đạn. Nghệ sĩ Duy Tân bị xấn cụt chân, Nguyễn Mai nhà báo cùng hai nghệ sĩ Ba Cường và Hè Phiên chết, hàng chục người bị thương.

Đây là vỡ cải lương nói lên khát vọng thống nhất đất nước, hiệp thương tổng tuyển cử theo tinh thần hiệp định Genève.

Trong Hồi Ký của mình, Nghệ sĩ Duy Tân kể lại:

"...11 giờ 10 phút rồi vừa đứng cảnh quan trọng ngoài sân khấu diễn. Đó là lớp... lấp sông Gianh. Một lớp tập trung hầu hết diễn viên phụ dưới sự điều động của hai vai trò chánh để lấp cho kỳ bằng con sông chia Nam Bắc. Tôi vội để ly rượu xuống, đi mau về đứng sát sau bức "décor Arlequyn" (tiền trường sân khấu), nắm lại vỡ chánh và đích thân trông nom toàn lớp. Chớp cái, đèn tắt hết để "biến cảnh". Trong vùng tốiมืด, tôi thoáng nghe "cộp" một tiếng như có cục đá rơi xuống sàn gỗ. Rồi thì... Ầm! Một tiếng



Soạn giả Duy Lân.

nổ long trời lở đất vang động mọi lòng người trong rạp hát. Đèn sáng lại, tôi thấy tôi té ngồi tại chỗ từ bao giờ, bản năng tự nhiên bắt một tay tôi chới dưới sàn gỗ khỏi nhào ngã ra sau, một tay ôm đỡ đùi chân trái, mắt nhìn trần trối xuống... phần chân dưới gối đã đứt tiện và vắng mất đầu rồi...".



037

**XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG BẦU GÁNH NỔI TIẾNG
TRONG GIAI ĐOẠN 1954 - 1975.**

Trong giới có loan truyền nhiều giai thoại về những bầu gánh nổi tiếng khó tánh. Có người chọn "Nhất Chương (Kim Chương), nhì Thơ (Nguyễn Thị Thơ), tam Tao (Thanh Tao), tứ Út (Út Trà Ôn)".

Bầu Nguyễn Thị Thơ (đoàn Thanh Minh Thanh Nga), chủ trương gánh của mình theo khuynh hướng tuồng xã hội là loại tuồng rất kén khán giả. Năm 1949, bà Nguyễn Thị Thơ (đã có ba con riêng, trong đó có Thanh Nga), tái giá với Năm Nghĩa. Nhân đoàn Hậu Tấn - Năm Nghĩa giải tán, bà Thơ mua xác gánh này để lập đoàn Thanh Minh. Từ 1950 đoàn Thanh Minh vẫn còn là một gánh hát hạng trung. Năm 1959, người lập ra gánh Thanh Minh là nghệ sĩ Năm Nghĩa không may qua đời. Con của họ là Thanh Nga vừa mới lớn phải nối nghiệp cha.

Năm 1960, tên Thanh Nga được thêm vào bảng hiệu thành đoàn Thanh Minh Thanh Nga. Trước đoàn này có những đại ban như Tân Thịnh (1920), Phước Cường (1925), Trần Đắc (1926) cũng có ý định chuyển về diễn tuồng cải lương xã hội nhưng ít khi đi đến cùng mà giờ cuối cũng đành phải chuyển sang không tuồng Tàu cũng tuồng Tây. Mãi về sau mới có đoàn Năm Châu kiên trì đi theo hướng này. Nhiều người đề nghị phải ghi công đầu của bà bầu

Thơ trong giai đoạn cực kỳ khó khăn đầy biến động của xã hội, trước sự xâm nhập của văn hóa ngoại lai, bà vẫn kiên trì lèo lái theo hướng riêng của mình.

Từ 1960, đoàn Thanh Minh Thanh Nga đã trở thành một đại ban, dẫn đầu về số thu, số lượng tuồng hay, soạn giả giỏi, nghệ sĩ tài danh nhất ở miền Nam, là nhờ tài lãnh đạo, điều khiển gánh hát của bà bầu Thơ. Bà là người rất nhạy cảm trước mọi sự chuyển động của ngành sân khấu. Bà đã mạnh dạn ký hợp đồng với các nghệ sĩ tài danh như Út Trà Ôn, Hoàng Giang, Ngọc Chung, Út Nhị, Thúy Nga, Phước Trọng, Út Bạch Lan, Hữu Phước, Thành Được, Việt Hùng, Ngọc Nuôi..., đồng thời mời nhiều soạn giả với số lương thường trực để sáng tác tuồng tích chỉ cung cấp riêng cho đoàn Thanh Minh như Lê Khanh, Nguyễn Phương, Mộc Linh, Thiếu Linh, Thành Phát. Bà cũng mượn rạp Thành Xương đường Yersin để hát thường trực và mượn thêm họa sĩ Loka, họa sĩ Thiếu Linh để vẽ cảnh trí, may sấm y trang phù hợp với từng tuồng, vẽ bảng quảng cáo lớn mỗi lần khai trương tuồng mới để ở mặt tiền, trên nóc rạp.

Điểm đặc biệt của bà bầu Thơ là chịu khó lắng nghe sự góp ý, nhất là sự góp ý của các ký giả kịch trường nên trong các thập niên 1960, 1970, sân khấu Thanh Minh Thanh Nga dẫn đầu trong việc sáng tác và biểu diễn các tuồng dã sử Việt Nam, kể đó là những tuồng xã hội cận đại, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao giá trị tác phẩm sân khấu và giá trị của người nghệ sĩ sân khấu. Ký giả Hoài Ngọc gọi bà là "bầu của những ông bầu, bà bầu".

Kim Chưởng (đoàn Kim Chưởng) tuy chỉ chuyên diễn loại tuồng hương xa nhưng là những vở hương xa không chỉ thiên về hình thức mà còn đào sâu vào tâm lý. Các soạn giả thường trực của bà thì cho rằng về sự kết hợp giữa tâm và tài thì bà cũng không kém bà Thơ.

Cũng khuynh hướng xem chuyện kinh doanh cao lắm cũng là hàng thứ nhì vì đưa được những món ăn tinh thần không độc hại cho đồng bào mình trong hoàn cảnh trên đe, dưới búa là mục đích cao nhất, còn có soạn giả Thu An. Những vở do ông sáng tác như *Lá cửa rừng xanh*, *Con cò trắng* (1966) cho thấy rõ nội dung "yêu nước, lành mạnh và tiến bộ". Ông bị bắt giam năm 1967. Cuối đời dù sức khỏe rất yếu, ông cũng đã cố có những kịch bản thủy chung với khuynh hướng ngày xưa cổ vũ một nền văn hoá dân tộc, chống ngoại lai.

Ông Ba Bản (đoàn Thủ Đô) với những canh tân hướng về dân tộc. Ông vốn là chủ hăng đĩa hát Hoàn Sơn, lập gánh Thủ Đô vào năm 1962 với soạn giả Thu An làm giám đốc kỹ thuật, nghệ sĩ Ba Vân làm giám đốc nghệ thuật.

Ông Trần Viết Long (Kim Chung) phát triển số lượng thành công ty, nghiêng về đẩy mạnh giọng ca hơn là diễn.

Ông Diệp Nam Thắng tức bầu Xuân (đoàn Dạ Lý Hương) luôn bám sát các điểm nóng của thời sự.



038

CÓ THỂ KỂ VỀ VÀI ĐẠI BAN CỦA SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG MIỀN NAM TRƯỚC 1975? CHỮ "BẦU" CHỈ NGƯỜI CHỦ MỘT GÁNH HÁT CÓ TỪ LÚC NÀO?

Các đại ban của sân khấu Cải lương miền Nam trước 1975 như Thanh Minh Thanh Nga, Dạ Lý Hương, Kim Chung, Kim Chưởng, Thái Dương, Tiếng hát dân tộc, Bạch Tuyết Hùng Cường, Út Bạch Lan Thành Được, Thủ Đô, Thống Nhất, Hương mùa thu.

Theo nghệ sĩ Bảy Nhiều thì trước năm 1926, người ta vẫn còn gọi chủ gánh hát bộ là "ông Nhung, Biện Tuồng, Cai việc...", còn bên ca tài tử, gánh hát kim thời hay cải lương vẫn gọi mấy người đó là "Ông Chủ, bà Chủ hay Cô Chủ...".

..."Nguyên do: Có một đêm nọ, gánh Phước Cường bị ông Trời mưa giàn (mùa mưa lũ) nghỉ hát. Ông chủ Phước Cường bày ra xổ đề (12 con) tại ghe hát, bên kia là một sông tứ sắc, bên nọ một sông bài cào - phé... sát phạt nhau bất kể thân thể gì cả, thì thỉnh linh ông Chủ Bồn, chủ gánh hát bộ Thạnh Hưng Ban (hát bộ pha cải lương) mang thùng nước lèo - bụng phệ với cái áo bành tô nỉ, nút vàng thỉnh thỉnh xuống chun vô mui ghe thấy các sông bài đang sát phạt - ông cũng là một tay đồ bác - bèn hô to lên:

- Ô! Ông Bầu (gọi ông Nguyễn Ngọc Cường).

Thay vì hằng ngày ông gọi là cậu Tư hay Cậu Tư Cường.

Chỉ có thế thôi! Rồi từ đó tất cả đào kép đều gọi ông Nguyễn Ngọc Cường bằng ông Bầu, rồi lan tràn quá nhanh trong các gánh cải lương. Tất cả đều gọi chủ hát bằng ông Bầu cho tới ngày nay..." (*Từ ca tài tử đến Sân khấu Cải lương ký ức của Bảy Nhiêu*, tạp chí *Tin văn* - số đặc biệt Kỷ niệm nửa thế kỷ sân khấu cải lương tr. 99).



039

QUAN HỆ GIỮA CÁC BẦU GÁNH VÀ CÁC NGHỆ SĨ THEO QUY CHẾ HỢP ĐỒNG NÀO TẠI SÀI GÒN THỜI TRƯỚC 1975?

Quan hệ giữa các bầu gánh và các nghệ sĩ theo quy chế hợp đồng thời gian cộng tác. Nghệ sĩ hát hay, được nhiều người mến mộ thì hợp đồng càng cao.

Không có một sự thống nhất chung giữa các bầu gánh và những cộng tác viên làm nên vở diễn tại Sài Gòn thời trước 1975 mà tùy tình hình doanh thu và tùy giai đoạn mà họ tự định giá cả và thương lượng với nhau. Thường thì mỗi đoàn có nhóm soạn giả thường trực riêng. Họ sẽ có những thu nhập như được lãnh lương hàng đêm theo xuất diễn y như đào kép có ký hợp đồng, lãnh thưởng cuối năm như mọi thành viên của gánh hát.

Soạn giả Hoài Linh, cùng với Phong Anh, ông là soạn giả của vở *Thuyền ra cửa biển* cho biết khi hai ông làm soạn giả thường trực cho gánh Kim Chương, tiền bản quyền của tác phẩm - tính theo tỉ lệ 6% trên số vé bán ra mỗi đêm được bầu gánh cất giữ. Thậm chí có lúc, Phong Anh đã đi luôn vào chiến khu, còn Hoài Linh thì trôi nổi, thế mà các khoản thu nhập của soạn giả vẫn được bầu gánh trả đều đặn cho vợ con ở nhà.

Các đào kép thì có ký hợp đồng và tùy thương lượng mà có các loại tiền:

- Tiền thế chân (còn gọi là tiền ký "công tra") nhận một lượt khi mới về và ký giao kèo (tức Hợp đồng).

- Tiền lương hàng đêm.

- Tiền thưởng hàng năm.

Trên nguyên tắc là như vậy, khi ký giao kèo có thừa phát lại chứng kiến nếu một trong hai bên vi phạm có thể liên nhau ra tòa (ví dụ, khi có nghệ sĩ được chỗ khác trả cao hơn có thể bỏ hợp đồng hoặc thối lại tiền để đi sang gánh khác trước thời hạn mà bầu gánh cũ không bằng lòng).

Trên thực tế, có nhiều nghệ sĩ, khi chưa đến hạn giao kèo nhưng vì bầu gánh thấy không đem lại lợi nhuận như họ muốn liền bị bầu gánh kiếm chuyện để không chịu nổi phải hủy giao kèo sớm. Cũng có nghệ sĩ khi rời khỏi đoàn bị trừ gần hết các số tiền xin ứng trước, gần như ra đi mình không.



TRONG GIAI ĐOẠN TRƯỚC 1975, ÂM NHẠC CỦA CẢI LƯƠNG CÓ BÀI NÀO MỚI ĐƯỢC SÁNG TÁC THÊM KHÔNG?

Từ năm 1938 đến 1944, soạn giả Mộng Vân là người đã sáng tác ra nhiều bài ngắn như *Sương chiều*, *Tú Anh*, *Phong ba đình*, *Tô Võ*, *Tân Xái Phi*, *Giang Toạ*, *Quý phi túy tiêu*, *Trong ánh nắng*, *Trong ánh trăng*, *Hương mã hồi thành*, *Thu hồ điệp lạc*, *Thù phong nguyệt*, *Lộng nguyệt*, *Kiều nương*, *Tống phong*, *Uyên ương hồ vũ*, *Bá hoa*, *Nặng tình xưa...*

Giai đoạn 1945 - 1975, dựa theo điều thức trong 20 bài bản tổ và một số bài mang hơi Quảng, các nhạc sĩ, nghệ nhân, soạn giả đã sáng tác thêm những bài bản như:

- *Mẫu tâm tử* được dùng hầu hết trong các vở cải lương, tiết tấu sinh động, nhanh, căng thẳng, giai điệu thuộc âm khu cao, tính chất vui tươi. Bài được dùng cho những nhân vật xuất hiện đột xuất như quân lính bất thành linh xuất hiện báo cáo một cách hốt hoảng về tình hình nguy cấp, tình huống sắp có nguy cơ, cần có cách đối phó cấp bách. Cũng có thể dùng cho nhân vật trong lúc giận dữ, đấu tranh tư tưởng giằng xé, phải đi đến một thái độ dứt khoát.

- *Cao phi*

- *Ú liu ú xáng* là loại vui, không nghiêm túc lắm, thường dùng cho nhân vật phụ có tính kiêu ngạo, khoác lác, khoe

khoang trong những trường hợp vui nhộn, chế giễu, đùa nhau, nói thánh nói tướng.

- *Long hổ* (Long hổ hội) là loại ngắn nhút với tiết tấu đối chọi, gây nên cảm giác thô kệch ngô nghê, áp dụng vào những vai kỳ quặc, thô bạo như bọn cướp trên các sơn trại chẳng hạn.

- *Lý con sáo* có màu sắc thôn dã, chất phác, trùu mến, yêu đời và thơ mộng, thường dùng cho vai nữ.

- *Lý ngựa ô Bắc, Lý ngựa ô Nam, Lý giao duyên, Lý thập tình* thường nói lên tình cảm thương nhớ lâng lâng, ngà hơi buồn nhiều hơn, dùng cho vai nữ khi kể nỗi éo le sự tình của mình.

- *Lý Phước Châu, Lý Phước Kiến, Hoài tình, Vạn huê trường hận, Liêu giang, Xang xừ lúu.*

- *Khốc hoàng thiên* dùng để miêu tả cảnh đẹp, ca ngợi tình yêu, ca ngợi cuộc vui chơi, mời mọc, quyến rũ, tỏ tình.

- *Hàng giang, Trăng thu dạ khúc.*

- *Cao sơn* có cấu trúc giai điệu ngắn gọn, bước đầu bình ổn dần dần lên khu âm cao, gây sảng khoái, phấn chấn, áp dụng cho trẻ nhỏ lúc vui nhộn, đùa giỡn, hoặc kể lể có động tác càng tốt.

- *Bắc sơn trà* tiết tấu phong phú, trong sáng, được dùng cho các vai nữ trẻ đẹp hoặc trẻ con trong hoàn cảnh có nhiều cảnh vật thiên nhiên như chim chóc, hoa lá để ca ngợi thiên nhiên đẹp hay kể lể sự việc có tính chất vui tươi phấn khởi.

- *Đặng sơn lân thủy*

- *Bán nhạn*

- *Miền hậu hồi cung*

- *Sơn Đông hướng mã*

- *Thiên lý đồng hành*

- *Lưu thủy hành vân* có tính chất nhẹ nhàng, buồn vui lẫn lộn, là loại kể chuyện có tính chất ca xướng, có tình cảm nhưng không buồn lắm và cũng không vui lắm. Thường được dùng trong những trường hợp kể lại chuyện đã xảy ra, những khó khăn đã vượt qua, khi buồn thì ca hơi ai, khi vui thì ca hơi xuân. Còn được dùng trong trường hợp van lơn, nhắn nhủ, gửi gắm.

- *Ngũ điểm bài tạ*

- *Sâm thương*

- *Kim tiền* dùng trong trường hợp đối đáp, cãi nhau, trấn áp, hăm dọa, quyết định một vấn đề.

- *Tam pháp nhập môn* câu cú ngắn gọn, dứt khoát, tính chất vui vẻ và có phần mộc mạc, chân chất, thường dùng cho những nhân vật phụ trong những trường hợp kể lể, có tính chất vui nhộn, châm biếm, đùa nghịch, khoe khoang.

- *Thu hồ* thường dùng cho các vai nữ trong hoàn cảnh vui, phấn khởi, đồng thời cũng có thể dùng trong hoàn cảnh tương đối nghiêm túc với tiết tấu tương đối nhanh.

- *Khổng Minh tọa lầu* tiết tấu khúc mắc, nhạc điệu miêu tả tính chất thập thò, hồi hộp, sợ hãi, gay cấn, nghi ngờ, thường được dùng trong loại kể chuyện, đối đáp sinh động.

- *Võ biên xuất đột* có tính chất quân hành với tiết tấu khỏe và nhịp nhàng, có thể dùng cho đồng ca trong tình hình đồng loạt cùng hành động.

- *Xuân nữ* có tính chất bi thiết, dùng trong trường hợp có cảnh bi ai đột xuất, khi xảy ra một biến cố đau thương hoặc cảnh giả biệt.

- ...

Nói chung, những bài bản trên nhằm phục vụ cho vở diễn mang nhiều tính chất trữ tình, hùng tráng, hài, bi, cho từng lớp diễn.



041

XIN CHO BIẾT VỀ QUAN HỆ GIỮA GIỚI LÀM NGHỀ SÂN KHẤU VÀ GIỚI BÁO CHÍ LÚC BÂY GIỜ.

Trang Kịch trường xuất hiện năm 1952 trên báo *Tiếng dội* của ông Trần Tấn Quốc.

Theo ông, trước năm 1950, tại miền Nam giới sân khấu nói chung và cải lương nói riêng có mặc cảm bị bỏ rơi vì "chánh quyền không ngó tới, báo chí cũng chẳng màng, dân chúng thì xem hát xướng như một trò tiêu khiển, coi sân khấu là một nơi mua vui trong giờ nhàn rỗi" (*Sự liên hệ giữa báo chí và sân khấu* - bài phát biểu của nhà báo Trần Tấn Quốc trên mục Diễn đàn tự do của Đài Phát thanh Sài Gòn đêm 4. 12. 1966). Bài này đã được đăng lại.

Cũng theo ông, chính từ tâm lý bị đời bạc đãi nên đa số người theo nghề hát vừa muốn tìm cách để cho xã hội nhìn thấy mình.

"...Trong một buổi chợ đông hay vào một buổi chiều đẹp trời quyến rũ nhiều người ra đường trong một đô thị nào đó, mọi người ắt phải nhìn một cặp thanh niên nam nữ ăn mặc khác lạ và tác phong quá đáng với người Phương Đông: chàng thì mặc pygama bằng saten, thứ hàng đầy bóng màu hường, viền xanh, đầu chải "bốp", cổ vấn foulard màu, cặp tay một cô gái son phấn ra phết, vẽ xếch ngược chân mày. Sau cái nhìn chú ý, khách đi đường không còn

lấy làm lạ, họ bảo nhau "tội bạn hát", hoặc "tội cải lương". Thì ra dùng hình thức để thiên hạ chú ý đến mình là một việc. Còn chú ý để nhận xét mình như thế nào, khen tặng hay chê bai lại là một chuyện khác".

Họ cũng vừa muốn phí bỏ cuộc đời mình, tạo một nếp sống riêng biệt từ vật chất đến yêu đương, bất chấp dư luận, và lại dư luận có để ý đâu mà cần!"... Do "xã hội không nhìn thấy mình", một tệ trạng xảy ra nữa là bầu mặc tình thao túng

Từ lúc có trang Kịch trường, ông cho là "đã nối liền được sân khấu và người đời bằng sự cảm thông nghệ thuật, đã lấp bằng cái hố sâu cách biệt giữa nghệ sĩ và khán giả bằng tình cảm nồng nàn và sâu đậm". Từ đó, nghệ sĩ cũng tích cực tự chỉnh sửa mình để cùng sống chung một nhịp sống của cộng đồng xã hội. Như cô đào Giáng Hương trong vở *Sân khấu về khuya* đã nhắc nhở chồng là soạn giả Lĩnh Nam không được quên "chén cơm cậu ăn, cái xe cậu đi, cái nhà cậu ở..." đều là của công chúng, nên ngay cả nếp sống, thậm chí sở thích yêu đương, bộ đồ dạo phố họ cũng không thể quên được rằng họ không thể đi ngược lại tình cảm của đại đa số quần chúng đã dành cho họ. Báo chí luôn luôn bên cạnh để nhắc nhở, đề cao những nghĩa cử đẹp, đã kích những việc làm xấu, khen ngợi những tìm tòi, cống hiến mới... của những con người của công chúng này.

Thông qua báo chí, khán giả cũng thông cảm những vui buồn đời hát hơn mà trân trọng, thương yêu hơn để chia xẻ buồn vui với họ. Mặt khác, ông Trần Tấn Quốc cũng thành thật cho rằng, về mặt trình độ thưởng ngoạn, phê bình nghệ thuật, cần am tường không chỉ diễn xuất, âm nhạc, văn học mà còn phải tinh thông cả kiến trúc, hội họa, thậm chí triết học và cả kỹ thuật ánh sáng nữa... để có những ý kiến quý báu đóng góp cho người làm nghề... "chỉ đếm được trên đầu ngón tay". Theo ông ký giả kịch trường

đúng nghĩa "không phải mỗi đêm tà tà nơi hậu trường hoặc trước hí viện, rồi viết tiểu sử một hai nghệ sĩ là xong. Như thế, vào những năm đó, ông thấy báo chí chưa có những đóng góp hiệu quả hơn về mặt nghệ thuật mà chỉ mới đóng vai người bạn nhiệt thành với tinh thần xây dựng mà thôi.

Sau ông Trần Tấn Quốc có thêm Ngọc Kỳ Lân (Nguyễn Ang Ca), Hoài Ngọc, Nghệ sĩ Hàm (Nguyễn Hữu Lượng), Song Lang, Việt Thành, Tứ Lang, Dương Tử Giang, Ngọc Linh, Trường Xuân Trúc, Kiên Giang, Lý Văn Sâm, Sơn Nam, Trang Thế Hy, Tần Nguyên, Phi Sơn, Tô Yến Châu, Phan Thanh Bằng, Hoàng Sơn Việt, Hạnh Ngộ, Phong Vân, Tam Đức, Tam Mộc, Vĩnh Điền, Hà Giang Châu.

Có lẽ muốn là người bạn đồng hành đúng nghĩa hơn với những người làm nghề như soạn giả, đạo diễn, diễn viên, bầu gánh, nhạc sĩ... của sân khấu cải lương, ông Trần Tấn Quốc đã đứng ra tổ chức Giải Thanh Tâm nhằm động viên những nhân tố triển vọng và lóe sáng trong nghệ thuật này.



042

XIN CHO BIẾT VỀ GIẢI THANH TÂM.

Giải Thanh Tâm được thành lập nhằm khuyến lẹ, nâng đỡ lớp nghệ sĩ trẻ "nhiều triển vọng" hăng hái tiến lên, cho sân khấu luôn được tươi trẻ, thay thế cho lớp nghệ sĩ lành nghề ngày càng luống tuổi. Và giải cũng còn nhằm mục đích khuyến khích các diễn viên cải lương trẻ có ý thức làm nghề, tôn trọng khán giả mộ điệu, giữ gìn đạo đức nên có ba tiêu chuẩn để chọn là: làn hơi (thanh), sắc vóc (sắc) và đạo đức.

Giải do ông Trần Tấn Quốc, một nhà báo yêu nước kỳ cựu, một ký giả kịch trường có tên tuổi, rất ái mộ sân khấu cải lương tự bỏ tiền ra tổ chức vào năm 1958. Đó cũng là năm mà Thanh Nga, người nghệ sĩ trẻ đoạt giải này tròn 16 tuổi. Đêm chính thức ra mắt giải là ngày 4. 4. 1959 tại tửu lầu Bồng Lai (đường Lê Lợi - Sài Gòn).

"Người sáng lập giải Thanh Tâm hành động theo sự thúc giục của tâm hồn nghệ sĩ, với cao vọng xây dựng một thể hệ diễn viên tài và đức đi đôi, hầu xóa bỏ ít nhiều thành kiến với nghề hát xù ta... Người sáng lập đã không giàu tiền. Chỉ giàu tấm lòng. Nhưng với sự tốn kém vài vạn bạc trong một năm cho giải Thanh Tâm, người sáng lập liệu sức mình có thể gánh chịu nổi trong vài năm rồi tiếp theo là sự tùy nghi ứng phó..." (Thiện Mộc Lan, *Trần Tấn Quốc - Bốn mươi năm làm báo*, tr. 295).



Ký giả Trần Tấn Quốc, người sáng lập giải Thanh Tâm.

Từ lúc có giải thưởng, ông tặng luôn bút danh tên Thanh Tâm cho giải luôn, dưới những bài viết về sân khấu, ông đổi thành Trần Tử Văn. Sang năm thứ ba, giải Thanh Tâm không còn của cá nhân ông Trần Tấn Quốc nữa mà trở thành sự nghiệp văn hóa chung của nhóm văn nghệ sĩ miền Nam ái mộ cái lương.

Từ năm 1958 đến 1964, giải Thanh Tâm tạo được nhiều uy tín và có đủ điều kiện để phát triển. Lúc đầu, giải Thanh Tâm hạn chế trong tiêu chuẩn chọn lựa "Nam nữ nghệ sĩ triển vọng nhất trong năm". Tính đến năm chót, giải Thanh Tâm đã được mười tuổi (1958 - 1967).

Ban tuyển chọn đầu tiên gồm các nghệ sĩ tiền phong như Phùng Há, Bảy Nhiêu, Năm Châu, ký giả như Trần Tấn Quốc và một khán giả tham gia là ông Nguyễn Hoàng Minh (công chức). Kể từ 1959, ban tuyển chọn gồm đông đảo các thành phần: các nghệ sĩ tiền phong, ký giả, soạn giả...

Ví dụ như năm 1959, ban tuyển chọn gồm: các nghệ sĩ tiền phong như Phùng Há, Bảy Nhiêu, ký giả Ngọc Linh, Nguyễn Ang Ca, Anh Nguyên, Lê Hiền, Phong Vân, Trần Tấn Quốc, Hoài Ngọc, Bạch Tùng Hương, soạn giả Kiên Giang, Hà Triều, Viễn Châu.

Năm 1960 thiếu cô Bảy Phùng Há vì cô bận đi Pháp, ban tuyển chọn còn Bảy Nhiêu, Duy Tân, ký giả Ngọc Linh, Nguyễn Ang Ca, Lê Hiền, Phong Vân, Trần Tấn Quốc, Hoài Ngọc, Bạch Tùng Hương, Việt Định Phương, Sĩ Trung soạn giả Kiên Giang, Hà Triều, Điều Huyền.

Mỗi năm ban tuyển chọn đều mời được những nhân vật tên tuổi trong nhiều giới để tăng cường. Như năm 1965, ban tuyển chọn mời thêm luật sư Dương Tấn Trương, các ông bà Phùng Văn Quý, Phan Bá Thúc, Đỗ Dư Ánh cùng hợp tác để chấm giải "Tuồng hay nhất trong năm".



043

NHỮNG NGHỆ SĨ NÀO ĐÃ ĐOẠT GIẢI THANH TÂM?

Giải Triển vọng năm 1958: Thanh Nga

1959: Lan Chi, Hùng Minh

Lan Chi có vẻ đẹp dịu dàng, đài các và lối diễn xuất tinh vi, được các báo hết sức khen ngợi, đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm với vai Bạch Lan trong vở *Nhụy hoa lan*, sân khấu Phước Chung. Sau 1975, Lan Chi hát cho đoàn Sài Gòn III với các vai mụ như Tống Mầu (*Mái tóc người vợ trẻ*), Bà Bảy mẹ chiến sĩ (*Nhớ mãi một mùa xuân*), Phạm Mầu (*Chắp cánh chim bằng*), Bà Kim (*Kỷ niệm thời con gái*), Bà Năm (*Lâu đài trên cát*)...

Hùng Minh là nam diễn viên đầu tiên đoạt giải Thanh Tâm với vai diễn xuất sắc: An Lộc Trung trong vở *Nó là con tôi* của Hà Triều Hoa Phượng, đoàn Ngọc Ẩn. Nay Nghệ sĩ ưu tú Hùng Minh đã có hơn năm mươi năm theo nghề, có hàng trăm vai diễn nhưng ấn tượng nhất là bốn vai sau đây mà ông cho rằng qua đó ông nghiệm ra nhiều điều thú vị trong diễn xuất và ông đã chọn để diễn các trích đoạn trong đêm tổ chức "Những cánh chim không mỏi": Nguyễn Thế Nam, một tay trùm tư bản giấu bên trong bộ mặt đạo đức những thủ đoạn đen tối trong vở *Bóng tối và ánh sáng*, tác giả Ngọc Linh, đoàn Thanh Nga, Mã Tắc, tướng Tàu hữu dưng vô mưu trong *Tô Định*, đoàn

Thanh Nga, Hoàng Bá, một kép hát sang Mỹ định cư, trong *Đời sương gió*, đoàn Văn Công thành phố, Phan Thanh Giản trong *Muôn dặm vì chồng*, đoàn Văn Công thành phố. Hùng Minh đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú ngày 14. 1. 1993.

1960: Ngọc Giàu và Bích Sơn

Ngọc Giàu. Nhà nghèo nhưng nhờ có giọng ca, ngâm thơ truyền cảm mà Ngọc Giàu khi mới 12 tuổi đã phải trôi nổi theo các gánh hát để kiếm sống. Một năm sau đóng chánh cho gánh Ngọc Kiều rồi đoàn Kim Chương. Năm 14 tuổi được nghệ sĩ Minh Chí giới thiệu với các hãng đĩa ở Sài Gòn, được hãng Asia sau khi nghe ngâm thơ và hát thử, ký hợp đồng dài hạn. Bài hát đầu tiên thu đĩa là *Áo tình đắp mộ người yêu* (Viễn Châu sáng tác), tiếp theo đó là *Chuyện tình Lan và Điệp*, *Đêm tàn bến Ngự*, *Gió biển Hà Tiên...*

Hai năm sau, hai soạn giả Hà Triều Hoa Phượng tình cờ nghe được đĩa vọng cổ *Áo tình đắp mộ người yêu*, phát hiện giọng ca tuyệt vời của Ngọc Giàu như bắt gặp báu vật, đã đề nghị bà bầu Thơ mời ngay về đoàn Thanh Minh Thanh Nga. Thế là kể từ đó, cùng với Thành Được, Thanh Nga, Hoàng Giang... tên tuổi của Ngọc Giàu ngày càng được đông đảo khán giả cải lương ở khắp các tỉnh, thành miền Nam mến mộ. Với những thành công qua nhiều vai diễn, đặc biệt là vai đào chính Điều Thuyền, Ngọc Giàu đã được trao Huy chương Vàng giải Thanh Tâm vào đầu năm 1960 (16 tuổi). Bảy năm sau (1967), thêm một lần nữa Ngọc Giàu được vinh dự đón nhận giải thưởng này, qua một vai diễn phụ trong vở *Vườn hạnh sau chùa* do soạn giả Kiên Giang sáng tác. Ngọc Giàu đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

Bích Sơn. Nét đẹp cô gái miền Bắc của Bích Sơn người ta nhớ nhất là mái tóc dài như suối phủ bờ vai, cặp mắt mơ mộng với nụ cười ẩn chứa nỗi buồn man mác trên khuôn mặt đầy đặn, bầu bĩnh như búp bê. Giọng ca Bích Sơn truyền cảm và đặc biệt là cô ngâm thơ rất hay. Qua những bài thơ trữ tình như *Hoa trắng thôi cài trên áo tím* của Kiên Giang, giọng ngâm của Bích Sơn thật cuốn hút, chất chứa những rung cảm. Bởi vậy, nét đẹp của Bích Sơn nổi danh "Kiều nữ", còn giọng ca ngâm của cô hấp dẫn bao khán giả đương thời. Có năng khiếu nghệ thuật từ nhỏ, lại được dì là nghệ sĩ tài danh Bích Thuận ở đoàn hát Kim Chung dẫn dắt nên khoảng năm 1955 - 1956, Bích Sơn đã có những vai diễn sinh động trên sân khấu này. Sau đó Bích Sơn nổi bật trên sân khấu Đoàn cải lương Thúy Nga trong vở *Khi hoa anh đào nở* của Hà Triều - Hoa Phượng qua vai cô gái Nhật và cô được trao giải Thanh Tâm năm 1960. Sau sân khấu Thúy Nga, Bích Sơn qua đoàn Trăng mùa thu, rồi Thanh Minh Thanh Nga, có nhiều vai diễn ấn tượng trong vở *Tâm tình cô gái thượng*, *Tóc em chưa úa trắng thề*, *Mối duyên thiên lý*, *Hoa mùa gió loạn...* Bích Sơn còn là một diễn viên điện ảnh nổi tiếng, vai diễn người mẹ của cô trong phim *Bụi đời*, đạo diễn Lê Mộng Hoàng là một dấu ấn đẹp trong điện ảnh. Sau 1975, Bích Sơn hát ở đoàn Thanh Minh với những vai sắc nét như Nữ tướng Thanh Thiên trong *Tiếng trống Mê Linh*, Cổ mẫu trong *Thái hậu Dương Vân Nga*, Nhũ mẫu trong *Truyền thuyết về tình yêu...* Hiện Bích Sơn đang ở nước ngoài theo diện đoàn tụ gia đình.

1961: Thanh Thanh Hoa

Năm 1961, Thanh Thanh Hoa bắt đầu gây được sự chú ý của báo chí và khán giả với vai độc mùì trong vở "Tiếng trống sang canh" đoàn Thủ Đức. Cũng trên sân khấu này, Thanh Thanh Hoa đã đoạt giải Thanh Tâm với vai diễn

Cát Dung trong vở "Cát Dung Phương Tử" năm 18 tuổi. Sau đó, Thanh Thanh Hoa đã đi nhiều đoàn hát với nhiều loại vai, từ độc, mùi tới lắng, thương. Khán giả vẫn mến mộ Thanh Thanh Hoa ở khả năng diễn xuất giàu biểu cảm, có duyên đậm thắm trên sân khấu như Lã Hậu (Mộng bá vương), Bà Vú (Tám lòng của biển), Cô Lựu (Đời cô Lựu)... Từ năm 1981 Thanh Thanh Hoa đã nghỉ hát.

1962: Ngọc Hương và Ánh Hồng

Ngọc Hương. Nhờ làn hơi mượt mà, thông minh, Ngọc Hương khi còn nhỏ đã được ông bầu Răng đoàn Thanh Hương mời về các vai đào nhí, rất được khán giả hoan nghênh trong các vở *Phạm Công Cúc Hoa*, *Aladin và cây đèn thần*. Sau đó là các vai ở đoàn Nam Phong: Hoàng tử Ngọc Giao (*Hoàng cung trong sóng gió*), Bạch Vân Phi (*Tìm con trong đàng cướp*), Tiết Quỳ (*Tiết Giao đoạt ngọc*), Đắc Kỷ (*Khoét mắt Khuông hoàng hậu*)... Nghệ sĩ Ngọc Hương thành danh khi tuổi đời còn rất trẻ, 18 tuổi, cô đã được hát cặp với Nghệ sĩ nhân dân Út Trà Ôn ở đoàn Thủ Đô. Báo chí thời đó đã khen ngợi sự cố gắng của nghệ sĩ Ngọc Hương và tôn vinh sự diu dặt của Đệ nhất danh ca Út Trà Ôn đối với thế hệ trẻ... Năm 20 tuổi (1962), Ngọc Hương được mời về đoàn Kim Chương đóng chánh các vở như *Nửa bán tình ca*, *Thuyền ra cửa biển*, *Người đẹp Bắc Kinh*, *Cô gái sông Đà*, *Hai chiều ly biệt*, *Lá huyết thư*... đến cuối năm thì đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm với vai Châu Bích Lệ trong vở *Áo ảnh Châu Bích Lệ*. Đến năm 1963 Ngọc Hương đoạt luôn giải danh dự của Ban Tổ chức giải Thanh Tâm trao tặng. Khi soạn giả Thu An lập đoàn Hương Mùa Thu, quy tụ nhiều thế hệ nghệ sĩ tài danh, Ngọc Hương đã chính thức gắn bó với người soạn giả nổi tiếng này. Sau giải phóng đoàn Hương Mùa Thu đã dàn dựng nhiều vở đạt chất lượng cao như *Gánh cỏ sông Hàn*, *Con cò trắng*, *Tiếng sừng một giờ khuya*, *Lúa phi trường*,

Bão lửa, Diệp khúc hương cao... Ngọc Hương đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú ngày 14. 1. 1993.

Ánh Hồng. Tên tuổi của Ánh Hồng bắt đầu rực sáng từ những năm đầu của thập niên 1960 ở nhiều đại ban, đặc biệt là các vai diễn trên sân khấu Hương Mùa Thu, như Quận chúa trong vở *Người đàn bà dưới ánh trăng*, Liên trong vở *Người anh khác mẹ* của soạn giả Thu An... Nhưng thành công quan trọng nhất của Ánh Hồng là chiếc Huy chương Vàng giải Thanh Tâm năm 1962. Từ 1975, Ánh Hồng về hát đào chánh cho Đoàn cải lương Tây Ninh hơn mười năm. Có lần hơn trăm của giọng "thổ lai" ít ai có, với vai bà ngoại trong vở *Người trong côi nhớ*, Ánh Hồng đã đoạt Huy chương Vàng tại Hội diễn Sân khấu Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc năm 1985. Năm 1987, chị về Đoàn cải lương Long An, đã để lại dấu ấn sâu đậm bằng những vai mụ mồi như bà Đại Phát trong *Hãy yêu nhau thật lòng* của Kha Tuấn, Hữu Lộc (Huy chương Vàng tại Hội diễn Sân khấu Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc 1990), Sáu Hà trong *Chi còn là kỷ niệm* của Kha Tuấn, Hữu Lộc (giải Đặc biệt Hội diễn Sân khấu Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc 1995)... Hiện Ánh Hồng làm công tác đào tạo tại Nhà Văn hóa tỉnh Long An. Với những cống hiến đáng kể cho sân khấu cải lương, năm 1993 Ánh Hồng đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú và năm 2003, tỉnh Long An vừa đề nghị xét phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.

1963: Bạch Tuyết, Kim Loan, Trương Ánh Loan, Tấn Tài, Diệp Lang và Thanh Tú

Bạch Tuyết. Thuở nhỏ Bạch Tuyết luôn được các thầy, cô chọn làm thiên thần nhờ giọng ca cao vút. Năm 1961, Bạch Tuyết 16 tuổi, đã được đoàn Kiên Giang nhận ngay vai chính trong *Lá thắm chi hồng* của Điều Huyền và đã



**3 Huy chương vàng giải Thanh Tâm 1963:
Thanh Tú, Bạch Tuyết, Tấn Tài.**

thành công ngay. Năm 1963, Bạch Tuyết về đoàn Thống Nhất Út Trà Ôn, đảm nhận vai nữ chính trong *Tàn một kiếp hoa* của soạn giả Trọng Nguyên và đoạt giải Triển vọng Thanh Tâm cũng trong năm 1963. Hai năm sau, 1965, về đoàn Dạ Lý Hương, với vai Lê Thị Trường An trong *Tuyệt tình ca* của Hoa Phượng Ngọc Điệp, Bạch Tuyết tiếp tục lên ngôi với giải Xuất sắc Thanh Tâm. Danh hiệu "Cải lương chi bảo" đã ra đời từ đó, được chính giới ký giả kịch trường và nhiều soạn giả tiếng tăm khâm định. Bạch Tuyết đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

Kim Loan được trao Huy chương Vàng giải Thanh Tâm 1963 với vai vũ nữ Thu Lan trong vở *Phu tử tông tử* của Hà Triều - Hoa Phượng, đoàn Thanh Minh Thanh Nga. Sau đó cô đổi nghệ danh là Mộng Tuyền. Sau 1975, Mộng

Tuyển tham gia diễn ở các đoàn Trúc Giang, Phước Chung, Thanh Nga. Với vai Vân trong vở *Bóng tối và ánh sáng*, một vai diễn thành công của cố nghệ sĩ Thanh Nga, Mộng Tuyền đã đoạt Huy chương Vàng tại Hội diễn Sân khấu Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc tại Hải Phòng. Hiện Mộng Tuyền đã theo chồng định cư tại Mỹ.

Trương Ánh Loan, nổi tiếng với những vai đào võ. Cô đẹp từ gương mặt đến hình thể và múa rất giỏi nên khi lên sân khấu thì tỏa ngay sức gợi cảm cuốn hút người xem. Bởi vậy khi Trương Ánh Loan về Đoàn cải lương Thủ Đô thì cô đã là một hiện tượng sân khấu với nhiều vai diễn hấp dẫn khán giả bằng giọng ca, điệu múa, là một trong những nghệ sĩ trụ cột đưa Đoàn cải lương Thủ Đô đi lên. Và sân khấu đoàn Thủ Đô cũng là nơi đưa tên tuổi Trương Ánh Loan vào vùng hào quang rực sáng với Huy chương Vàng giải Thanh Tâm năm 1963. Ngoài vẻ đẹp và vũ đạo ngoạn mục, Trương Ánh Loan còn có đặc điểm thu hút khán giả bằng những lớp diễn buồn sâu lắng và làn hơi chất chứa nhiều rung cảm.

Tấn Tài có làn hơi lạ, luyến láy chân phương và kéo dài chữ Xê khi xuống câu vọng cổ nên đang là một thầy giáo làng đã được Đoàn cải lương Bướm Vàng mời theo đoàn. Sau đó Tấn Tài theo đoàn Tân Hương Hoa được giao đóng thế vai chánh của kép Hoàng Sương trong vở *Hắc y nữ hiệp*. Rồi được bầu Năm Thành mời về gánh Song Kiều. Đến năm 1962 mới về đoàn Thủ Đô của bầu Ba Bản với vị trí một kép chánh. Tại đây Tấn Tài được Nghệ sĩ nhân dân Ba Vân dạy nghề, và chỉ một năm sau, anh đoạt giải Thanh Tâm với vai Điệp Nhứt Lang trong vở *Cát Dung Phương Tử*. Báo chí Sài Gòn thời đó ca ngợi Tấn Tài là kép lừng mạn vì anh diễn rất hay vai Hoàng Hoa Lữ (*Khói sóng Tiêu Tương*) cùng với Bạch Tuyết, đã thể hiện hấp dẫn sự tình tứ giữa một kiếm khách giang hồ với nàng tiểu

thư đài các. Tấn Tài còn được các hãng đĩa mời thu âm, nổi danh với các bài *Nữ sinh Đồng Khánh*, *Nữ sinh Gia Long*, *Ai ra xứ Huế*, *Dưới rừng ô môi*, *Kiều Phong A TyU*, *Áo em màu tím hoa cà...* Tấn Tài được báo chí mệnh danh là "Hoàng đế đĩa nhựa" bởi số lượng ra đĩa hát kỷ lục (cuối thập niên 60, mỗi ngày ông thu 5 - 6 đĩa hát).

Diệp Lang là con trai của thầy đàn Ba Diệp, từ nhỏ đã long đong theo nhiều đoàn, từ những vai hợ hơ cho đến khi về đoàn Hoài Dung - Hoài Mỹ được đóng vai chính (Hoàng tử) trong vở *Chiếc nhẫn kim cương* vẫn chưa thành danh. Cho đến khi chàng kép Diệp Lang lúc 21 tuổi, được soạn giả Thu An giao cho đóng vai một người cha 70 tuổi trong vở *Người anh khác mẹ*, đoàn Kim Chuông, vai đã đem lại cho anh giải thưởng Thanh Tâm năm 1963 và giúp anh lãnh thêm bằng danh dự một năm sau đó, dành cho nghệ sĩ giải Thanh Tâm giữ được phong độ. Sau 1975, Diệp Lang là một trong những trụ cột vững vàng hiếm hoi của thế hệ mình còn lại trên sân khấu. Cho dù đó là Trung sĩ Tâm (*Tìm lại cuộc đời*), Hội đồng Dư (*Tiếng hò sông Hậu*), Hội đồng Thăng (*Đời cô Lựu*), Lê Quý (*Tâm sự Ngọc Hân*), Lê Xuân Giác (*Tiếng sóng Rạch Gầm*)... của thập niên 80, hoặc là Ông nội (*Cây lê bạn*)... của bây giờ thì Diệp Lang vẫn là một Diệp Lang với tất cả những nét sắc sảo, tài hoa trong nghề diễn viên, nghiêm túc trong lao động nghệ thuật và nhân hậu, giản dị trong cuộc sống. Khi chuyển sang làm đạo diễn ông có nhiều ưu điểm thuận lợi. Ông nổi tiếng trong giới như là một người sống chết với những ai ngoài lần trong nghề xúc phạm tới hai chữ "cải lương". Với nhiệt huyết đó, ông không chấp nhận một cung cách làm nghệ thuật cầu thả, tùy tiện, ít nhất cũng trong những vở cải lương dựng lại mà ông được toàn quyền quyết định như *Đời cô Lựu*, *Tô Ánh Nguyệt*, *Tình mẫu tử* dựng cho nhóm "Những dấu ấn không phai" gồm những nghệ sĩ một thời vang bóng tụ lại làm nghề... Diệp Lang đã được Hội đồng

xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.

Thanh Tú đoạt giải Thanh Tâm với vai Lưu Kiếm Xuân trong vở *Khói sóng Tiêu Tương* của tác giả Hà Triều - Hoa Phượng trên sân khấu Thanh Minh Thanh Nga năm 20 tuổi. Là một diễn viên hội đủ thanh sắc, lại được cộng tác với các đại ban nên Thanh Tú đã có cơ hội phát triển nghề nghiệp. Người ta vẫn nhớ Thanh Tú qua nhiều vở tuồng như *Hận tình vương nữ*, *Phu tử từng tử*, *Tuyệt tình ca*, *Đi biển một mình*, *Nước biển mưa nguồn*, *Giai nhân và ác quỷ*, *Vợ và tình*, *Cát Dung Phương Tử*... Sau 1975, Thanh Tú đã trải qua nhiều đoàn hát ở Thành phố cũng như ở tỉnh. Hiện Thanh Tú đã nghỉ hát và thỉnh thoảng có thu video.

1964: Lệ Thủy, Thanh Sang.

Lệ Thủy vừa xuất hiện trên sân khấu, chỉ với đôi ba lần ca vọng cổ, giọng ca của cô đã được người trong giới nhận ra có đặc điểm mới lạ giữa những làn hơi vọng cổ đương thời. Nhờ thế mà liền sau đó Lệ Thủy đã được các hãng đĩa nhựa mời thu vọng cổ và cô đã nổi danh sớm với các bản như *Nấu bánh đêm xuân*, *Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài*, *Cô hàng chè tươi*... Giọng ca Lệ Thủy trẻ, làn hơi phong phú, có vẻ sang cả nhưng chân thật, đậm đà tình cảm, dễ đi vào lòng người. Từ 1963, Lệ Thủy hát ở đoàn Kim Chung 3, được hát chánh qua các vai đáng chú ý như Tiểu Thư trong vở *Bê bàng duyên mới*, loại dã sử của Ngọc Văn và vai cô giáo trong vở *Sương gió bến Tâm Dương*, loại xã hội Trung Quốc của Vạn Lý. Nhờ thế mà Lệ Thủy đã được Ban Tuyển chọn Giải Thanh Tâm chọn là nghệ sĩ triển vọng năm 1964. Sau 1975, Lệ Thủy về đoàn Văn Công thành phố, nổi danh qua các vở *Cây sầu riêng trở bông*, *Khi bình minh trở lại*, *Dương Vân Nga*, *Tiếng sóng Rạch Gầm*... Năm 1981, Lệ Thủy về Nhà hát Trần Hữu

Trang. Năm 1984, cột mốc đáng nhớ trong đời Lệ Thủy bởi cô là một trong số các nghệ sĩ đầu tiên được mời sang Pháp lưu diễn với những vở *Đời cô Lựu*, *Tô Ánh Nguyệt*, *Pha lê và cát bụi*, *Những vì sao không tên*, *Áo cưới trước cổng chùa*. Ngày 14. 1. 1993, Lệ Thủy được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

Thanh Sang có giọng ca khỏe và vang. Năm 1964, Thanh Sang hát cho đoàn Dạ Lý Hương, được hai soạn giả Hà Triều Hoa Phượng tin tưởng giao cho vai Tạ Tốn, một lão già mù 50 tuổi, vở nghệ tuyệt luân. Thanh Sang đã đóng rất xuất sắc và được trao Huy chương Vàng giải Thanh Tâm. Tiếp đó anh hát cho các đoàn Thanh Minh, Thái Dương, Bạch Tuyết Hùng Cường, Hồ Quảng Sơn Minh. Sau 1975, anh đi qua các đoàn Thanh Minh, Trần Hữu Trang, Cải lương Cao su, Sài Gòn 1. Từ năm 1985, anh nghỉ hát ở đoàn, chỉ thu video, audio và hát phục vụ khi có yêu cầu. Thanh Sang đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

1965: Thanh Nguyệt, Bo Bo Hoàng.

Thanh Nguyệt. Năm 15 tuổi (1962), Thanh Nguyệt nhờ có giọng ca ngọt ngào, hơi u buồn nên được ông bầu Bảy Cao thuê nhận vào Đoàn cải lương Hoa Sen với vai diễn đầu đời là Hạnh trong vở *Bến hẹn năm xưa*. Năm 1963, Thanh Nguyệt bước lên đào chánh với vai Thu Hà, vở *Người mẹ Việt Nam*, được báo chí khen ngợi. Năm 1964, Thanh Nguyệt về đoàn Kim Chưởng, nổi danh hơn qua vai Tiểu Long Nữ trong vở *Song Long thần chưởng* và năm 1965 nhận Huy chương Vàng giải Thanh Tâm với vai diễn Gia Cát Anh trong vở *Thiên hạ đệ nhất kiếm*, đoàn Kim Chưởng. Từ năm 1966 Thanh Nguyệt qua Công ty Kim Chung. Năm 1968, Thanh Nguyệt nghỉ hát ở đoàn, chỉ ca trên đài phát thanh. Năm 1972 Thanh Nguyệt về đoàn Thái

Dương, rồi 1973 về đoàn Tiếng hát dân tộc, bắt đầu đóng vai mẹ (vai bà mẹ trong vở *Mẹ* hay còn gọi là *Kỳ quan vũ trụ*)... Năm 1976, Thanh Nguyệt diễn ở Đoàn cải lương Trung Hiếu, sang năm 1977 về đoàn Thanh Minh, ghi dấu ấn qua nhiều vai diễn trong các vở *Tấm lòng của biển*, *Tiếng trống Mê Linh*, *Bóng tối và ánh sáng*, *Tình người ở lại*, *Sau ngày cưới*... Cũng trong năm này, Thanh Nguyệt tăng cường cho đoàn Sài Gòn I khi đoàn ra Hà Nội lưu diễn các vở *Đời cô Lựu* (vai cô Lựu), *Bình Tây Đại nguyên soái* (vai bà Trương Định), *Người ven đò* (vai bà Bảy Đờn)... Năm 1978, Thanh Nguyệt về đoàn Trần Hữu Trang và năm 1989 về đoàn 2-84, xuất sắc trong vai bà mẹ Lambrini trong vở *Hòn đảo thần Vệ Nữ*. Năm 1997, Thanh Nguyệt được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú

Bo Bo Hoàng trước theo đoàn Đồng ấu Minh Tơ lấy nghệ danh là Thanh Hoàng nhưng thường được khán giả và báo giới gọi là Bobo Hoàng từ khi đóng vai bé Bo Bo trên sân khấu Thủ Đức nên đổi nghệ danh này luôn. Năm 18 tuổi, Bo Bo Hoàng nhận Huy chương Vàng giải Thanh Tâm với vai diễn cô gái điểm Mộng Đào trong vở *Tiếng súng một giờ khuya*, đoàn Hương Mùa Thu. Sau 1975, Bo Bo Hoàng hát ở đoàn Huỳnh Long. Từ 1981, Bo Bo Hoàng theo các đoàn tỉnh lưu diễn nhiều nơi với các vai trò biểu diễn, viết kịch bản và dàn dựng. Từ 1991, Bo Bo Hoàng về Thành phố Hồ Chí Minh để có điều kiện trau dồi thêm nghề nghiệp.

1966: Phượng Liên và Phương Quang.

- **Phượng Liên** từ năm 16 tuổi đã nổi trên sân khấu Tuổi Trẻ qua vở *Lặng gió trùng dương*, *Quán trọ hoàng hôn*. Do có nét đẹp dịu dàng, tiếng ca giọng "thỏ" và nét diễn đặc sắc, Phượng Liên được mời về Đoàn cải lương Kim Chương, nổi sáng lên như một hiện tượng của sân

khẩu cải lương hồi ấy trong các vở *Mùa trăng nhiều nước mắt*, *Quý bảo* (diễn cặp với Dũng Thanh Lâm)... Năm 19 tuổi (1966), Phượng Liên đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm với vai diễn trong vở *Mặt trời đêm*. Sau đó Phượng Liên vào đoàn Dạ Lý Hương, Thái Dương, tài nghệ ngày càng vững chắc, để càng sáng hơn trên sân khấu sau ngày giải phóng ở Nhà hát Trần Hữu Trang. Phượng Liên cuốn hút khán giả qua những vở *Chuyện cổ Bát Tràng*, *Sân khấu về khuya*, *Lục Vân Tiên*. Đặc biệt là Phượng Liên diễn rất thành công trong vai Thị Hến vở *Nghèo Sò Ốc Hến*, một vai hài lẳng độc, ghi dấu ấn khó phai trong lòng người xem. Hiện Phượng Liên đã theo chồng định cư ở Mỹ.

Phương Quang. Năm 1963, Phương Quang là kép chánh ở gánh Kim Chương, xuất hiện trong hàng loạt vở làm nức lòng người hâm mộ cải lương lúc bấy giờ như *Hai chiều ly biệt*, *Người nhận trắng*, *Huyết phiến lời phong*... Đến năm 1966, với vở *Mặt trời đêm*, Phương Quang vinh dự bước lên sân khấu nhận giải Thanh Tâm. Phương Quang có làn hơi trầm ấm, cái hào khí rất Nam Bộ, cái phong thái ung dung đĩnh đạc trong con người không lẫn vào đâu được, Phương Quang luôn đảm nhiệm và rất thành công ở các vai anh hùng như vua hùng, tướng dũng hoặc chí ít cũng là các vai lão nông Nam Bộ lương thiện và đầy nghĩa khí. Ngót 40 năm đi diễn, Phương Quang đã hóa thân vào hầu hết các vai anh hùng từ cổ chí kim và để lại ấn tượng sâu sắc cho khán giả qua các hình tượng Nguyễn Huệ (*Tiếng sóng Rạch Gầm*), Lê Lợi, Hoàng tử Rím (*Nàng Xê Đa*)... và các hình tượng người chiến sĩ cách mạng... Phương Quang đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú.

1967: Mỹ Châu, Ngọc Bích, Bảo Quốc và Phương Bình.

Mỹ Châu. Năm 11 tuổi (1961), trong một buổi biểu diễn trên sân khấu văn nghệ ở trường Thủ Thừa, Long An,

giọng ca của Mỹ Châu đã lọt vào tai ông bầu Càng của Đoàn cải lương Tiếng Chuông. Ông tìm gặp mẹ cô cho cô đóng vai đào con để khai thác giọng ca hấp dẫn khán giả. Một năm sau, cũng nhờ giọng ca, Mỹ Châu được đưa về đoàn Út Bạch Lan Thành Được. Nhờ nghệ sĩ Út Bạch Lan rèn luyện, Mỹ Châu tiến bộ rất nhanh từ giọng ca đến nét diễn. Năm 1965, khi Mỹ Châu mới 15 tuổi, đóng vai chính Thùy Dương trong vở *Hai lần thu hén*, cô đã nổi tiếng ở đoàn Thủ Đức, rồi được mời về đoàn Kim Chung để tiếp tục hấp dẫn khán giả qua các vai Mai Thảo (*Trinh nữ lầu xanh*), Hoa Lệ Tuyền (*Gió giao mùa*), Bảo Trân (*Kiểm sĩ doi*)... Đã có giọng ca hay, Mỹ Châu còn được nghệ sĩ Minh Cảnh luyện thêm nét diễn, cô càng nổi bật khi gặp bạn diễn rất ăn ý là nghệ sĩ Minh Phụng. Hai người từng thu hút rất đông khán giả qua các vở *Băng Tuyền nữ chúa*, *Gió giao mùa*, *Bình rượu nhiệm màu*... Đến năm 1967, khi Mỹ Châu 17 tuổi, đã đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm. Thành công rực sáng nhất của Mỹ Châu trong đời nghệ thuật chính là giọng ca. Cô có chất giọng nữ trầm (alto), cải lương gọi là giọng thổ, âm điệu buồn. Các nhạc sĩ nhận xét rằng giọng ca của Mỹ Châu rất lạ, mới nghe thấy khàn đục chất thổ, nghe kỹ lại thấy trong ấm chất kim. Cô có giọng ca thích hợp với vai sầu thương, nội tâm đầy trắc ẩn. Suốt nhiều năm các hãng đĩa đua nhau mời Mỹ Châu thu âm, số lượng sản xuất nhiều mà tiêu thụ cũng rất nhanh bởi giọng ca của cô được khán giả khắp nơi ái mộ nồng nhiệt. Nhạc sĩ Bảy Bá (cũng là soạn giả Viễn Châu) còn sáng tác thể loại "tân cổ giao duyên" cho Mỹ Châu ca vì ông biết Mỹ Châu có khả năng ca tân nhạc tốt. Bài tân cổ giao duyên đầu tiên Mỹ Châu thu vào đĩa hát là tác phẩm của Viễn Châu kết hợp với bản nhạc *Duyên kiếp* của Lam Phương được các hãng đĩa hát Asia, Việt Hải, Tân Thanh, Continental liên tục mời thu, cuối cùng vào thời điểm căng nhất, cô Sáu Liên đã ký hợp đồng độc

quyền để giữ giọng ca Mỹ Châu cho hãng đĩa Việt Nam, một cơ sở sản xuất nổi tiếng thời ấy. Mỹ Châu đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

Ngọc Bích đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm năm cô 20 tuổi. Thời điểm đó Ngọc Bích có các vai được khen ngợi như Trần Bội Ngọc, người vợ lớn của ông cò Quận 9 trong *Tuyệt tình ca*, Hương trong *Nợ tình...* Sau 1975, Ngọc Bích là đào nhì, rồi đào chánh của một đoàn cải lương duy nhất ngót 15 năm. Đó là đoàn Sài Gòn 2, một



Ngọc Bích, Huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1967.

đơn vị có phong cách nhất quán, sở trường biểu diễn tuồng xã hội. Vậy mà Ngọc Bích gần như không lặp lại chính mình. Mỗi nhân vật của Ngọc Bích là một chân dung dị biệt, mỗi người một vẻ. Từ một thôn nữ hiền lành, một người đàn bà khổ đau cam chịu đến một cô tiểu thư nhà giàu chanh chua ngoa ngoắt Ngọc Bích đều thể hiện rất sinh động, dài từ sử dụng rất phù hợp cho từng vai. Đó là các vai như Cô Hai (*Ánh lửa rừng khuya*), Thu Ba (*Khách sạn hào hoa*), Lài (*Tiếng hò sông Hậu*), Jacky Hương (*Tìm lại cuộc đời*).

Bảo Quốc năm 16 tuổi bắt đầu theo đoàn nhà là đoàn Thanh Minh đi diễn và đến năm 18 tuổi (1967) thì vinh dự đạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm với vai Hiệp sĩ mù trong vở diễn cùng tên. Từ đó tên tuổi của Bảo Quốc bắt đầu dành được nhiều cảm tình yêu mến của khán giả. Đến năm 1972, đóng thế vai chính vở hài kịch *Con ma nhà họ Hứa* vì người này bị bệnh, Bảo Quốc nhờ sự thông minh, nhạy bén đã "nhập vai" đến nỗi chính bản thân mình cũng bất ngờ. Chính vai diễn ấy đã mở đầu cho con đường tấu hài của ông. Năm 1989, Bảo Quốc đạt giải diễn viên phụ xuất sắc nhất với vai Y xì ke trong *Bóng tối và ánh sáng*. Ngày 14. 1. 1993, Bảo Quốc vinh dự được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

Phương Bình. Năm 22 tuổi Phương Bình làm kép chánh cho gánh Hưng Bình, nổi tiếng với những vai hiệp khách giang hồ. Năm 1964, được bà bầu Thơ mời về gánh Thanh Nga, Phương Bình càng nổi tiếng trong vở *Men rượu sake* hát với Thanh Nga. Sau đó Phương Bình về đoàn Kim Chung đóng cặp với Mỹ Châu, xuất sắc với những vở kiếm hiệp kỳ tình như *Tâm sự loài chim biển*, *Mộ Dung Thạch (Kiếp nào có yêu nhau)*... Phương Bình đã đoạt Huy chương Vàng giải Thanh Tâm năm 1967 với vai Khổ Gia Trường

trong vở *Gió giao mùa*, đạo diễn Trường Xuân. Từ năm 1984, Phương Bình lập gánh Hương Biển đi lưu diễn các tỉnh miền Trung và miền Bắc nhưng thất bại vì gặp phải khí hậu khắc nghiệt và một số điều kiện khách quan.

Giải Xuất sắc:

1965: Hữu Phước (*Chuyện tình 17*), đoàn Thanh Minh Thanh Nga và Bạch Tuyết (*Nỗi buồn con gái*), đoàn Dạ Lý Hương.

Hữu Phước được mệnh danh là giọng ca vàng qua các bài vọng cổ của Viễn Châu như *Tần Quỳnh khóc bạn*, *Mục Liên tìm mẹ*, *Nhật ký đời tôi*, *Lá bàng rơi*, *Đêm tái ngộ*, *Cao Tiệm Ly tiễn Kinh Kha*... Hữu Phước có những vai



Hữu Phước, giải Thanh Tâm (nghệ sĩ xuất sắc) năm 1965.

diễn gây ấn tượng với người mộ điệu thời đó như cậu Tư Kiên (*Con gái chị Hằng*), Hà Lâm (*Người đẹp Bạch Hoa thôn*), Tấn (*Tấm lòng của biển*), Lộc (*Con cò trắng*)...

1966: Thành Được (*Tiếng hạc trong trăng*) và Thanh Nga (*Sân khấu về khuya*).

Từ đầu những năm 60, **Thành Được** đã chinh phục người yêu cải lương qua tiếng hát ngọt ngào mùi mẫn của những vai diễn như Tô Diên Sơn trong vở *Khi hoa anh đào nở*, Thy Đằng trong *Tiếng hạc trong trăng*, Diệp Băng Đình trong *Thuyền ra cửa biển*, Linh Nam trong *Sân khấu về khuya* (là vở diễn mà Thành Được thích nhất vì rất gần với cuộc đời sân khấu của ông. Nhân vật Linh Nam cũng giống như ông, chẳng những chinh phục khán giả, nhất là nữ khán giả mà còn chiếm được cảm tình của các nữ nghệ sĩ đóng chung...

1967: Ngọc Giàu - Thanh Hải.

Nghệ sĩ **Thanh Hải** là kếp chính của đoàn Kim Chưởng và Kim Chung, có những vai diễn hay như Ai Bình Cơ trong vở *Hai chiều ly biệt*, Điện hạ trong vở *Áo ảnh Châu Bích Lệ*...

Tuồng hay nhất trong năm:

1965: *Nỗi buồn con gái* của Hà Triều - Hoa Phượng.

1966: *Nước biển mưa nguồn* của Nguyễn Thành Châu, *Tiếng hạc trong trăng* của Yên Ba - Loan Thảo.



CÁC SOẠN GIẢ CẢI LƯƠNG NÀO ĐƯỢC LỘT VÀO DANH SÁCH "VÕ LÂM NGŨ BÁ"?

Các soạn giả cải lương Hà Triều, Hoa Phượng, Thiều Linh, Hoàng Khâm, Kiên Giang và Nguyễn Phương được lọt vào danh sách "Võ lâm ngũ bá".

Hà Triều - Hoa Phượng (viết thường trực cho Thanh Minh Thanh Nga, về sau có cung cấp vở cho Dạ Lý Hương, đa số vở của hai đều được dựng lại sau 1975): *Nửa đời hương phấn*, *Con gái chị Hằng*, *Tuyệt tình ca* (có Ngọc Diệp đứng tên chung để vở ra được), *Tân nương thất* (Nỗi buồn con gái), *Tấm lòng của biển*, *Mưa rừng*, *Tàu ra xứ Huế*, *Rồi 20 năm sau*, *Trần Minh khổ chuối*, *Đội anh mùa lá rụng*, *Trăng thượng tuần sắp lặn*, *Cầu sương thiếp phụ chàng*, *Cô gái Đồ Long*, *Khi hoa anh đào nở*, *Đêm vĩnh biệt*, *Sông dài*.

Thiếu Linh (gốc là họa sĩ, thi sĩ, lại có khả năng phóng tác, cấu trúc kịch chặt chẽ như đa số các vở của phương Tây): *Yêu người điên*, *Cát Dung Phương Tử*, *Người thợ rừng* (chung với Lê Khanh và Mộc Linh), *Sầu quan ái* (chung với Thu An), *Hồi trống Văn Lâu*, *Núi Liễu sông Bằng*, *Cầu gỗ Hoàng Mai Thôn*, *Tình điên* (*Fantasio*), *Sau lưng người phản bội* (*Lozensacio*), *Hoàng tử của mùa xuân* (*Sinbad le marin*), *Nẻo tắt Hoàng Sơn*, *Ngược sông Phú Lương*, *Người dừng chân đêm mưa* (chung với Nguyễn

Phương), *Chén trà của quý, Kề sợ tình, Cô gái của người diên*.

Hoàng Khâm: *Lỡ bước sang ngang* (chung với Thu An), *Bông hồng cài áo, Người đẹp Bạch Mai thôn, Vàng sáu bạc mười, Lầy chồng xú lạ, Bữa tiệc đầu người*.

Kiên Giang: *Người vợ hai lần cưới, Áo cưới trước cổng chùa, Vườn hạnh sau chùa, Người đẹp bán tơ, Giá từ rừng núi cũ* (chung với Nguyễn Phương), *Mùa xuân còn mãi*.

Nguyễn Phương: *Bọt biển 1, 2, 3, 4, 5, Chuyện tình 17, Hai hình ảnh một cuộc đời, Tiền rừng bạc biển, Chiếc ngai cuối mùa, Người tình của biển* (Fanny), *Người về từ cửa biển, Chuyện ba trái tim, Lệnh của bà, Biên thù nổi sóng, Rùa hòn, Người mặt cháy* (chung với Văn Đệ), *Đôi mắt người xưa* (phóng tác tiểu thuyết Ngọc Linh), *Bóng chim tắm cá, Yêu trong hoàng hôn, Xóm vắng* (phóng tác truyện Quỳnh Giao), *Cánh hoa chùm gởi, Hoa đồng cỏ nội* (chung với Phương Ngọc), *Vô Tắc Thiên*.

Nhóm năm tác giả này được mời về làm soạn giả thường trực cho đoàn Thanh Minh Thanh Nga từ 1961 khi đoàn dời từ rạp Thành Xương về rạp Hưng Đạo vừa xây xong. Ông Trần Tấn Quốc có viết bài khen tài lèo lái của bà bầu Thơ và gọi nhóm này là Ngũ Hồ tướng - còn trong giới gọi các ông là "Vô lâm Ngũ bá".

Cũng có người cho rằng liên doanh Hà Triều - Hoa Phượng coi như một người và có thể kể thêm Thu An vào danh sách này.



045

NGOÀI NHỮNG SOẠN GIẢ TRÊN XIN CHO BIẾT THÊM MỘT SỐ SOẠN GIẢ KHÁC.

Lê Khanh: (Người mở đường cho loại hương xa vào những năm 60 - 61 để tránh khủng bố bởi chánh quyền và giữ được khán giả dù cặp thành công về loại này lại là cặp Hà Triều Hoa Phượng): *Nhớ rừng* (về người da đỏ), *Đất ma* (liêu trai), *Bạch Đằng giang nổi sóng*, *Đồ Bàn di hận*, *Thanh gươm võ sĩ đạo* (Nhật), *Đứa con hai dòng máu* (Ấn kháng Anh), *Nữ hoàng tội lỗi* (La Mã - Ai Cập), *Tê Thiên đại náo Sài Gòn*, *Liêm Pha - người chiến quốc*.

Điều Huyền: *Mười năm gian khổ* (1960, đoàn Đoàn Việt bị đốt sân khấu và cướp micro khi diễn vở này dù Thanh Cao đã đổi tên là *Bút xiềng nô lệ*), *Trần Sanh Ngọc Anh*, *Tám lòng người kỹ nữ* (*Đất Việt của người Việt* - Bầu Thới sửa thành *Nguyễn Huệ bình Thăng Long*).

Thu An (1932 - 2005): *Tiếng trống sang canh*, *Cung đàn trên sông lạnh*, *Con cò trắng*, *Nhạc rừng xanh* (Thoại Khanh Châu Tuấn), *Đường về quê mẹ*, *Trăng nước Lam Giang*, *Giải thoát*, *Quán ma*, *Sầu quan ái*.

Hoài Linh: *Nửa bản tình ca* (với Phong An), *Ngau lang Chúc nữ* (với Kiên Giang).

Mộc Linh: *Đường lên xứ Thái*, *Tiếng hát Muồng Tênh*, *Tình tráng sĩ*, *Tiếng sáo cầm hồn*.

- Yên Ba - Loan Thảo: *Tiếng hạc trong trăng.*
- Trần Hà: *Mái tóc người vợ trẻ (tức Lâm Sanh Xuân Nuong, chung với Hai Khuynh), Nửa mảnh tim.*
- Vân An: *Mắt em là bể oan cù.*
- Thanh Cao: *Hai dòng sữa mẹ, Gởi vàng cho chàng cưới em, Đôi mắt tìm lẽ sống (Phạm Công Cúc Hoa).*
- Bạch Diệp - Minh Nguyên: *Nắm cơm chan máu, Tiếng chuông thiên mụ.*
- Việt Thường (con trai ông Trần Hữu Trang): *Sau trận bom (bị rút giấy phép sau vài xuất).*
- Ngọc Văn (thường trực cho đoàn Kim Chung): *Hỏa hồng Nhật Tảo, Quán rượu thành Nam, Bội Lan Hương.*
- Viễn Châu - Vạn Lý: *Nát cánh hoa rừng, Sương gió Chiêm Thành.*
- Duy Lâm: *Tiếng sấm Phú Kinh, Đoạn tuyệt (từ truyện của Nhất Linh).*
- Ngọc Huyền Lang (tức ký giả Nguyễn Ang Ca): *Thiên thần trên thiết mã.*
- Thiên Hưng: *Sóng gió Đồ Bàn.*
- Ngự Bình (bầu Thới): *Dưới bóng Phật đài.*
- Quy Sắc: *Trắng thề vườn Thúy, Đại phát tài.*
- Hoài Ngọc: *Cứu lấy non sông.*
- Mai Quân: *Nhụy hoa lan.*
- Bạch Sơn: *Chiếc áo thiên nga.*
- Phi Vân (Phi Hùng): *Người nghèo trong khói lửa.*
- Phong Anh: *Lỡ một đường tơ, Thuyền ra cửa biển (với Yên Trang), Hai chiều ly biệt.*
- Charlot Miêu: *Người hóa tinh, Vĩ tuyến 318.*

Trần Văn May (viết cho Hoa Sen loại "Cắc bùm" khai thác chiến tranh): *Nợ núi sông, Mộng hòa bình, Đàn chim sắt, Đêm lạnh trong tuyết* (viết chung với Bảy Cao), *Chiếc áo mùa đông, Người nữ gián điệp*.

Thành Phát: *Ông huyện dễ*.

Thanh Kim Huệ: *Quý kiến sâu*.

Yên Lang: *Người tù tù kêu cứu*.

Bên cạnh đó còn có Yên Trang, Thế Châu, Vĩnh Điền, Nguyễn Lâm, Phạm Trần, Nguyễn Đạt, Thái Thụy Phong, Ngọc Linh, Nhị Kiều, Nguyễn Liêu, Tuấn Khanh, Nguyễn Thảo, Vạn Lý, Phan Hương, Nguyễn Huỳnh... Những soạn giả này đa số còn sống và còn ở lại Việt Nam sau ngày 30. 4. 1975. Có một số soạn giả viết lại và có một số kịch bản còn được sửa chữa để dựng lại trên sân khấu hay quay thành phim video.



NHỮNG VỞ CÁI LƯƠNG NÀO ĐÃ TẠO ĐƯỢC DẤU ẤN TRONG GIAI ĐOẠN TRƯỚC 1975?

Đó là những vở cái lương như:

- *Khi hoa anh đào nở, Nửa đời hương phấn, Nỗi buồn con gái* (sau này đổi là *Tân Nương thất*), *Tuyệt tình ca*, *Con gái chị Hằng*, *Tám lòng của biển*, *Mưa rừng*, rồi hai mươi năm sau, *Bụi mờ ái Nhạn*, *Đường guom Nguyễn Bá...* của Hà Triều - Hoa Phượng.

- *Sân khấu về khuya*, *Chớp bể mưa nguồn...* của Năm Châu.

- *Áo cưới trước cổng chùa*, *Người vợ hai lần cưới* (tức *Sơn nữ Phà Ca*), *Vườn hạnh sau chùa*, *Người đẹp bán tơ...* của Kiên Giang.

- *Hồi trống Văn Lâu*, *Núi Liễu sông Bằng*, *Cầu gỗ Hoàng Mai Thôn*, *Cát Dung Phương tử*, *Chén trà của quý* (phỏng theo *Ngộ nhận* của Albert Camus)... của Thiếu Linh.

- *Bóng hồng cài áo*, *Người đẹp Bạch Mai thôn*, *Vàng sáu bạc mười*, *Lấy chồng xứ lạ...* của Hoàng Khâm.

- *Bọt biển*, *Chuyện tình 17*, *Hai hình ảnh một cuộc đời*, *Tiền rừng bạc biển*, *Lệnh của bà*, *Đôi mắt người xưa* (phỏng tác tiểu thuyết cùng tên của Ngọc Linh)... của Nguyễn Phương.

- *Tiếng trống sang canh, Cung đàn trên sông lạnh, Con cò trắng, Lá của rừng xanh, Quán ma...* của Thu An.

- *Trăng thề vườn Thúy, Khi rừng mới sang thu, Đại phát tài...* của Quy Sắc.

- *Đường lên xứ Thái, Tiếng hát Muông Tênh...* của Mộc Linh.

- *Lỡ bước sang ngang* của Hoàng Khâm - Thu An.

- *Sầu quan ải* của Thiếu Linh - Thu An.

- *Nửa bản tình ca* của Hoài Linh - Phong Anh.

- *Người mặt cháy* của Nguyễn Phương - Văn Đệ.

- *Thuyền ra cửa biển* của Phong Anh và Yên Trang.

- *Tiếng hạc trong trăng* của Yên Ba - Loan Thảo.

- *Mái tóc người vợ trẻ* (tức Lâm Sanh Xuân Nương) của Trần Hà và Hai Khuynh.

- *Mắt em là bể oan cừu* của Vân An.

- *Hai dòng sữa mẹ* của Thanh Cao.

- *Nắm cơm chan máu* của Bạch Diệp - Minh Nguyên.

- *Đoạn tuyệt* (từ truyện cùng tên của Nhất Linh) của Duy Lân.

- *Tướng cướp Bạch Hải Đường* của Nguyễn Huynh.

- *Cho trọn cuộc tình* của Yên Ba.

- *Tâm sự loài chim biển* của Yên Ba - Nguyễn Thảo.

- *Người phu khiêng kiệu cưới* của Yên Lang.



047

**XIN CHO BIẾT VỀ KỸ THUẬT SÂN KHẤU
CẢI LƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN TRƯỚC 1975
Ở MIỀN NAM VÀ SAU ĐÓ.**

Trước khi có đề nghị nên có những hoạt động để "kỷ niệm nửa thế kỷ cải lương" tại Sài Gòn vào năm 1966, thì vào những năm 1962 đến 1965 đã có sự cạnh tranh quyết liệt giữa hai đại ban lúc bấy giờ là Thủ Đô và Kim Chung.

Vào thập niên 50 - 60, trong số những nhà tư sản đứng ra lập gánh có hai người nổi bật. Đó là bầu Ba Bản, tức ông Phan Văn Bản, chủ hãng đĩa hát Hoàn Sơn lập gánh Thủ Đô vào năm 1962 với soạn giả Thu An làm Giám đốc kỹ thuật, nghệ sĩ Ba Vân làm Giám đốc nghệ thuật. Người thứ hai là bầu Long, tức Trần Viết Long, chồng của nữ nghệ sĩ Kim Chung, lập công ty cải lương Kim Chung là bằng hiệu đã có sẵn trước khi 1954, họ di cư vào Nam. Soạn giả thường trực của họ là Ngọc Văn. Khi đổ vốn đầu tư mạnh, sự cạnh tranh của hai đại ban này đầu tiên thu hút khán giả bằng hình thức và kỹ thuật sân khấu. Nghệ sĩ Ba Vân cho biết, chủ trương của Thủ Đô là lấy "dã sử hương xa" nuôi dưỡng xã hội.

Trong lúc Thủ Đô quảng cáo sân khấu của họ huy hoàng tráng lệ thì tại trụ sở là rạp Olympic, Công ty cải lương Kim Chung cho biết đến với họ sẽ được thưởng thức sân khấu đại vĩ tuyến, sân khấu quay. Nhờ khai thác tối đa

những hình thức sân khấu mình có thể làm được mà một đội ngũ họa sĩ trang trí sân khấu bắt đầu nổi danh từ đó như Thiếu Linh, Nguyễn Tăng, Lê Nhứt, Nguyễn Quyền, Lê Nhi, Lô Ka, Phan Phan. Những chuyên viên ánh sáng cũng có điều kiện phát triển thêm nhiều tìm tòi để nổi danh hơn như Tôn Hòa, Văn Tả (ông còn một người anh em nữa là ông Văn Hữu). Tương tự, các nhà thiết kế và thực hiện trang phục sân khấu cũng hình thành tên tuổi cho đến bây giờ như nghệ nhân Tám Trống, bà Năm Thủ Đồ.

Về hình thức, sân khấu trong thời kỳ này đã có bay lượn vòng trên sân khấu, suối thác có nước chảy, mưa rơi, sương bàng bạc trắng, dưới nước, trên mây, hoa nở, đấu chưởng, hóa phép, chiến tranh, đấu súng, máy bay thấp thoáng từ xa, chuyển động được, rần hiện hình, trắng lên, mặt trời lên, bãi biển, sóng biển, núi sông, cây cỏ tả thực rất đẹp.

Sau 1975, có một số vở cải lương có thử nghiệm trang trí tả ý của cải lương Hà Nội mới vào (mà lối này cũng do cải lương Hà Nội nghiên cứu sân khấu Hát bội và sân khấu Trung Quốc). Nhưng khán giả miền Nam vẫn quen với trang trí tả thực hơn.

Sau này, Phan Phan vẫn là họa sĩ được ưa chuộng. Từ miền Bắc về (gốc tập kết) có họa sĩ Lương Đống. Cạnh đó có Văn Chiếu, Lê Văn Định, Kim B... Trong đó, họa sĩ thường thích thử nghiệm về nghệ thuật tả ý nhất có họa sĩ Lê Văn Định... (các vở *Cây lê bạn* - Đạo diễn Trọng Nam, *Tần Vương thất* - Đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc).



048

XIN CHO BIẾT VỀ ĐOÀN HÁT ĐÃ SÁNG LẬP TRƯỜNG PHÁI TUỒNG CẢI LƯƠNG KIỂM HIỆP.

Bên cạnh những đóng góp cho nghệ thuật cải lương của đại gia đình ông Nguyễn Ngọc Cương, theo soạn giả Nguyễn Phương vẫn còn bốn đại gia đình cũng được ghép chung vào thành Ngũ đại gia của sân khấu cải lương trước 1975.

Nghệ thuật hát cải lương được truyền dạy, đào tạo diễn viên chủ yếu bằng cách truyền nghề. Sân khấu cải lương tồn tại và phát triển được gần trăm năm nay cũng nhờ vào sự tạo dựng vững chắc của nhiều gia đình nghệ sĩ hát bội và cải lương, những người đã tận tâm tận lực, sống chết vì nghề nghiệp và nuôi dạy con cái gìn giữ lấy nghề nghiệp.

Ngũ đại gia trên đều có năm, sáu thế hệ theo nghề hát, thể hiện rõ chiều dài của một quá trình phát triển từ sân khấu hát bội truyền thống qua hát bội pha cải lương... qua hát bội Hồ Quảng... qua cải lương tuồng cổ... cải lương tuồng lịch sử... cải lương tuồng xã hội.

Trong cuốn sách viết về *Ngũ đại gia của Sân khấu cải lương* của miền Nam trước 1975, soạn giả Nguyễn Phương theo trình tự phát triển của các loại hình nghệ thuật sân khấu trong hơn năm mươi năm qua đã xếp các gia đình như sau:

- Bầu Thắng, Minh Tư, Khánh Hồng, Huỳnh Mai (vợ Thành Tôn), Bạch Cúc, Đức Phú.

Minh Tư + Bảy Sự → Xuân Yến + Hữu Cảnh → Trinh Trinh.

Thanh Tòng + Ngọc Nhung → Quế Trân

Thanh Loan + Trường Sơn → Tú Sương

Gia đình nghệ sĩ Bầu Thắng, Minh Tư, Thanh Tòng, theo nhu cầu thưởng thức của khán giả, đã góp phần "cải lương hóa" Nghệ thuật Hát bội truyền thống sang Nghệ thuật Hát bội pha Cải lương, tiến tới hình thức hát cải lương tuồng Tàu, cải lương tuồng cổ (dã sử Việt Nam) (xem thêm câu 56).

- Thành Tôn + Huỳnh Mai → Bạch Lý, Bạch Liên, Bạch Lựu, Bạch Lê, Bạch Long, Thành Lộc.

Gia đình nghệ sĩ Thành Tôn, Bạch Lê cùng gia đình Bầu Thắng, Minh Tư canh tân hóa Nghệ thuật Hát bội thành loại hình Nghệ thuật Hát bội pha Cải lương, hát tuồng Tàu, tuồng Hồ Quảng.

- Bầu Thơ → Hữu Thìn → Hữu Châu, Hữu Lộc

Thanh Nga → Hà Linh

Bảo Quốc → Hồng Loan.

Gia đình nghệ sĩ Nam Nghĩa - Bầu Thơ, Thanh Nga, Bảo Quốc hệ phái tuồng cải lương kiểm hiệp, sáng lập ra một hệ phái cải lương tuồng xã hội Việt Nam, xã hội cận đại và hiện đại (xem thêm các câu 41 và 52).

- Năm Phỉ, Bảy Nam → Kim Cương.

Gia đình nghệ sĩ Năm Phỉ, Bảy Nam, Kim Cương xuất thân từ phong trào Ca ra bộ đã góp phần xây dựng loại hình nghệ thuật cải lương tuồng Tây, tuồng Tàu, thoại kịch xã hội, phim ảnh và kịch truyền hình (xem thêm câu 51).

- Bầu Hai Nối → Tư Hélène + Văn Long → Kim Hoa → Thanh Hằng, Thanh Ngân.

Gia đình nghệ sĩ Hai Nối, Tư Hélène, Kim Hoa, Thanh Hằng, Thanh Ngân, từ loại cải lương tuồng Tàu, sáng lập một trường phái cải lương tuồng kiếm hiệp.

Năm 1934, nhận thấy loại tuồng kiếm hiệp của soạn giả Mộng Vân ăn khách, ông bầu Hai Nối thành lập đoàn Tân Hí Ban với lực lượng đào kép chủ yếu là con cháu trong gia đình:

- Hề Ty, con trai lớn, có nhiều sáng tạo trong các vai hề.

- Chín Diệp, vợ Hai Ty.

- Nghệ sĩ Thiện Tâm tức Ba Đẹt, bầu gánh Phát Thanh, định hình loại hình kiếm hiệp với công thức "Đấu poignard, nhảy qua cửa sổ, ca vọng cổ, phứt đèn màu".

- Đào ca Kim Anh, vợ Thiện Tâm.

- Tư Hélène, con gái, rất thành công trong các vai đào mùi, đào lẳng.

- Văn Long, chồng của Tư Hélène, ca rất mùi.

Ngoài ra còn có đào kép nổi danh như Minh Tấn, Hề Giác, Trọng Lang, Sáu Nhỏ, Văn Sa, Mai Búp, Nguyệt Yến, Tư Ẽn.

Cùng trong trường phái tuồng cải lương kiếm hiệp có hai đoàn hát lớn mang bằng hiệu "Hậu Tấn - Bảy Cao" và "Hậu Tấn - Năm Nghĩa". Hậu Tấn Bảy Cao được đổi bằng hiệu là đoàn Hoa Sen với chủ trương hát cải lương tuồng chiến tranh hiện đại (được gọi nôm na là loại cải lương tuồng "cắc bùm").

Ba đoàn hát trường phái kiếm hiệp này đều diễn những vở tuồng của soạn giả Mộng Vân sáng tác, đào kép ca vọng

cổ thật là mùi, nhiều làn hơi độc đáo, nhiều cách sắp chữ hay, nhiều lối diễn tả thật thu hút (đấu poignard, phi thân bay qua cửa sổ), vô câu đầu của vọng cổ là phụt đèn màu đỏ, đã làm điêu đứng các đoàn chuyên hát tuồng Tàu hay tuồng Tây lúc bấy giờ.



NHỮNG NGHỆ SĨ CẢI LƯƠNG NÀO ĐƯỢC MANG DANH HIỆU ĐẶC BIỆT NHƯ NỮ HOÀNG SÀU MUỘN, VUA VỌNG CỔ, SÀU NỮ...?

Những nghệ sĩ cải lương được ghép trước tên mình những danh hiệu đặc biệt như:

- Nữ hoàng sân khấu Năm Phi.
- Quái kiệt Ba Vân.

- Búp bê Kim Lan. Nghệ sĩ Kim Lan được ghép danh hiệu "búp bê" do gương mặt xinh đẹp và vóc người nhỏ nhắn. Gương mặt xinh đẹp của bà khi diễn xuất thường biểu hiện nội tâm của nhân vật một cách xuất sắc. Những hình ảnh không bao giờ phai của bà trong lòng khách mộ điệu là Tây Thi (*Tây Thi gái nước Việt*), Dương Quý Phi (*Trường hận*), Triệu Tử Long (*Quan Công phò nhị tẩu*), Lan (*Hồn bướm mơ tiên*), Phượng (*Vợ và tình*), Thị Kính (*Quan Âm Thị Kính*), bà Năm Hậu (*Cho tình yêu mai sau*)...

- Chim họa mi cổ nhạc Năm Căn Thơ là danh ca của làng đĩa hát khoảng 1935-1955, cùng thời với Tư Sặng, Ba Bến Tre, Năm Nghĩa... Năm 1950, soạn giả Viễn Châu viết bài vọng cổ đầu tiên *Chim họa mi* cho cô Năm Căn Thơ trình bày trên đĩa nhựa của hãng Việt Nam. Từ đó cô được gọi tên là "Chim họa mi cổ nhạc" luôn. Các bài vọng cổ được cô trình bày xuất sắc là *Thoại Ba công chúa*, *Chim*

họa mi, Mổ tim Tỷ Càng, Đắc Kỳ thọ hình, Anh hùng liệt nữ...

- Đệ nhất danh ca miền Nam, Hoàng đế vọng cổ Út Trà Ôn. Út Trà Ôn có giọng ca ngọt, ấm, là một trong những người dẫn đầu về thu đĩa. Tên tuổi ông gắn liền với những bài vọng cổ của hàng đĩa Asia như *Tôn Tấn già điên, Sầu vương biên ải, Tình anh bán chiếu, Ông lão chèo đò, Gánh nước đêm trăng...* và những vở tuồng ăn khách (do ông đóng vai chính) thu đĩa như *Tuyệt tình ca, Thái tử lưng gù, Thuyền ra cửa biển, Mất em là bể oan cừu, Lỡ bước sang ngang...* Sau 1975, Út Trà Ôn tiếp tục ca diễn, đóng góp cho sân khấu cải lương ở các đoàn Sài Gòn I, Trần Hữu Trang và các nhóm nghệ sĩ khác. Vai Tám Khỏe trong vở *Người ven đô* do ông thủ diễn cho đến nay vẫn được mọi người ca ngợi...

- Đệ nhất danh ca miền Bắc Huỳnh Thái. Được mệnh danh là đệ nhất danh ca miền Bắc vì ông theo đoàn Kim Chung vào Nam năm 1954, hát chánh với Kim Chung, Bích Hợp. Huỳnh Thái có giọng ca chính chữ đàn, phát âm chuẩn theo tính nhạc.

- Vua Xàng xê Minh Chí. Bản Xàng xê đầu tiên làm Minh Chí nổi danh là khi anh đóng vai Lạn Tương Như trong vở *Anh hùng Lạn Tương Như* của soạn giả Tích Dân và Thu An, sân khấu Kim Chương. Khán giả vỗ tay nồng nhiệt khi Minh Chí vô Xàng xê nhờ làn hơi tốt mà cũng nhờ lối ca mới. Anh vô Xàng xê 5 cung thay vì 2 cung như cũ, với cách luyện láy điệu luyện, ca bạo và trầm hùng làm khán giả phải chú ý lắng nghe như là nghe Vọng cổ vậy.

- Sầu nữ, Đệ nhất đào thương, Bức tường thành vọng cổ, Nữ hoàng thập kỷ 60 Út Bạch Lan. Út Bạch Lan có làn hơi thiên phú, giọng ca sầu thương rung động lòng người, trở thành "đệ nhất đào thương" của sân khấu cải lương và "nữ hoàng vọng cổ" của đĩa hát, băng từ. Đã sẵn

chất giọng sâu thương truyền cảm, lại được bồi dưỡng tài nghệ diễn xuất trong các vai bi thương sống thực như ở ngoài đời, người xem không thể quên được Út Bạch Lan trong các vở *Nửa đời hương phấn*, *Con gái chị Hằng*, *Người chồng triệu phú*, *Đoạn tuyệt*... Út Bạch Lan đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú ngày 14-1-1993.

- Đệ nhất danh ca miền Tây Ngọc Ẩn. Nghệ sĩ Ngọc Ẩn có giọng ca giống Út Trà Ôn, là người xuất thân ở miền Tây Nam Bộ. Người mộ điệu biết ông từ vở *Bếp lửa chiều ly biệt* trên sân khấu Mộng Vân, sau đó là một số bài ca thu thanh...

- Kiều nữ Bích Sơn.

- Cải lương chi bảo Bạch Tuyết.

- Hoàng đế đĩa nhựa Tấn Tài.

- Giọng ca đột sóng mới Minh Cảnh. Minh Cảnh được mệnh danh là giọng ca đột sóng mới vì là người có chất giọng cao mà biết cách tân ca lạng lách, eo lả. Với bài vọng cổ đầu tiên *Tình là cội phúc* của soạn giả Viễn Châu ở hãng đĩa Asia, Minh Cảnh nổi danh ngay. Từ đó về sau Minh Cảnh đã thu đĩa nổi tiếng những bài vọng cổ khác cũng của Viễn Châu ở hãng đĩa Asia, Việt Nam, Tứ Hải như *Võ Đông Sơn*, *Lương Sơn Bá*, *Mưa trên phố Huế*, *Sầu vương ý nhạc*, *Chuyến xe lam chiều*, *Lưu Bình Dương Lễ*, *Lòng dạ đàn bà*, *Em bé đánh giày*, *Trái sầu riêng* (với Mỹ Châu), *Đời mưa gió*, *Ni cô và kiếm sĩ* (với Diệu Hiền), *Người điên yêu trắng*, *Khóc cười*, *Hai bàn đàn xuân* (của Quy Sắc)... Ở sân khấu Kim Chung, Minh Cảnh đóng cặp với Diệu Hiền, Mỹ Châu qua những vở *Đôi mắt mẹ hiền*, *Tướng cướp Bạch Hải Đường*, *Công chúa cá Phò mã cù*, *Quán gấm đầu làng*, *Hoa rụng trắng thiên môn*, *Lục Vân Tiên* Kiều Nguyệt Nga, *Phật Thích ca đắc đạo*, *Manh áo*

quê nghèo, Bên cầu vọng thê, Lưỡi kiếm thần, Lời thơ trên tuyết, Bức họa da người, Bè kiếm bên trời, Hận đầu xanh, Bích Vân Cung kỳ án, Trinh nữ lâu xanh...

- Vương hậu cải lương Thanh Nga.

- Kỳ nữ Kim Cương. Kỳ giả Nguyễn Ang Ca xem Kim Cương hát nhiều lần, thấy cô dẫn dắt được tình cảm của khán giả, khiến khán giả đồng cảm với những nhân vật mà cô thủ diễn một cách dễ dàng nên tặng cho Kim Cương mỹ danh là "Kỳ nữ".

- Vua vọng cổ hài hước Văn Hường. Văn Hường biết sáng tạo, khai thác thêm ở giọng ca và cách ca cho khác lạ và phù hợp với vọng cổ hài. Đó là cách luyến láy, nhấn nhá và kéo dài phụ âm R, hoặc lên giọng hát thật cao ở những chữ mang dấu sắc, dấu hỏi, đặc biệt vô vọng cổ với chữ ư... ư... ư... lên xuống trước khi xuống Hò, hoặc chữ ư... ư... khi dứt câu 2, nghe rất độc đáo, mang nhãn hiệu riêng biệt của Văn Hường mà nghệ sĩ khác khó bắt chước theo. Giọng ca ấy lại càng làm cho khán thính giả "khoái chí tử" (như lời nhà văn Võ Phiến mô tả sự mê thích văn chương Nam Bộ) khi lối vừa ca vừa kể chuyện một cách hài hước và rất chắc nhịp của Văn Hường cũng được chất mùi mẫn mượt mà không kém, thể hiện trọn vẹn mọi khía cạnh của cuộc đời. Do vậy mà Văn Hường đã một thời được vinh danh là vua vọng cổ hài.

- Ảnh hậu cổ nhạc Tô Kim Hồng. Có lẽ chính vì có đôi mắt sắc và đẹp nên Tô Kim Hồng thường được giao vai đào lẳng. Cô cũng là một trong số ít những nữ nghệ sĩ cải lương đặc biệt thành công với loại vai này. Cái lẳng của Tô Kim Hồng không bao giờ đi quá xa để vi phạm thuần phong mỹ tục mà thường dừng lại ở chỗ biểu hiện của những người đàn bà đẹp và biết phát huy thế mạnh của mình một cách khôn ngoan, khéo léo. Các vai xuất sắc của Tô Kim Hồng là Điêu Thuyền lợp mái nguyệt (*Phụng Nghi*

đình), cô ca sĩ Phương Thúy (*Cho trọn cuộc tình*, đoàn Sài Gòn I), bà Huyện (*Nghêu Sò Ốc Hến*) và Phương Thành (*Áo cưới trước cổng chùa*, đoàn 2-84). Tô Kim Hồng đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

- Tiếng hát chuông vàng khánh Ngọc, Giọng hát nhưng căng lựa trái Ngọc Giàu.

- Đệ nhất đào lẳng Như Ngọc. Năm 1960, theo kết quả trưng cầu ý kiến khán giả của báo *Tiếng dội* thì Như Ngọc đứng đầu danh sách các nữ nghệ sĩ thủ diễn các vai lẳng, độc do các vai diễn đoàn Thủ Đô, Kim Chung, Dạ Lý



Ngọc Giàu, Huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1960.

Hương, Tân Thủ Đô Tấn Tài... Cô là vợ của Hoàng đế đĩa nhựa Tấn Tài và là mẹ của hai danh hài Tấn Beo, Tấn Bo.

- Vua không ngại sân khấu cải lương Thành Được.



Thành Được, giải Thanh Tâm (nghệ sĩ xuất sắc) năm 1966.

- Tiểu Lãng Ba Phượng Mai. Phượng Mai là cháu ngoại của bà Cao Long Ngà, một cô đào hát bội lừng danh nên từ năm 11 tuổi đã lên sân khấu múa võ diễn các trích đoạn. Ký giả Nguyễn Ang Ca xem Phượng Mai múa vai Mã Siêu là nam tướng tài giỏi không thua một diễn viên điện ảnh Hồng Kông nào nên đã đặt cho cô biệt danh trên. Từ 1979 Phượng Mai đã xuất cảnh nhưng vẫn gắn bó với sân khấu tuồng cổ.

Trong những người này, có một người thuộc con nhà nòi về sau chuyển sang kịch nói và cũng tạo thành công vang dội đó là "Kỳ nữ" Kim Cương.

Cô Kim Cương (Nguyễn Thị Kim Cương) sinh năm 1938 tại Sài Gòn. Năm 1954 cô là đào chánh gánh hát Nam Phong của di cô là bà Chín Bia. Cô diễn xuất rất hay, có tài dẫn dắt được tình cảm của khán giả, khiến khán giả đồng cảm với những nhân vật mà cô thủ diễn một cách dễ dàng.

Kỳ nữ Kim Cương chẳng những chỉ có tài trên sân khấu cải lương mà còn biểu hiện xuất sắc trên lĩnh vực kịch nói và phim ảnh. Cô đã đóng trên 50 bộ phim, được 2 giải thưởng: giải diễn viên xuất sắc nhất và giải đối thoại phim hay nhất Liên hoan Điện ảnh Á Châu năm 1974. Vào đầu thập niên 1960, Kim Cương thành lập Ban thoại kịch Kim Cương, khởi đầu diễn những vở kịch dài, lấy từ tuồng cải lương, bỏ bài ca cổ nhạc và thêm vài pha hài như tuồng *Đoạn tuyệt*, *Sông dài*, *Lan và Điệp*, *Vợ và tình*, *Trà hoa nữ*... Sau đó Kim Cương được các soạn giả Thiếu Linh, Ngọc Linh, Nguyễn Phương tiếp tay viết nhiều kịch bản như *Mưa đầu mùa*, *Cô gái ma túy*, *Men nắng*, *Mùa xuân trong mắt em*, *Hoa cuối mùa*, *Hoa nở về đêm*, *Men rượu sa kê*... Kim Cương cũng tự sáng tác kịch cho ban kịch của mình qua tên con nuôi của cô là Hoàng Dũng. Các vở được nhắc nhở *Dưới hai màu áo*, *Lá sầu riêng*... Cô đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân.



**XIN CHO BIẾT VỀ NỮ NGHỆ SĨ CẢI LƯƠNG
ĐẦU TIÊN ĐOẠT HUY CHƯƠNG VÀNG GIẢI
THANH TÂM NĂM 1958 VÀ DƯỠNG PHỤ CỦA CÔ.**

Cố nghệ sĩ Thanh Nga là người đoạt Huy chương Vàng Giải Thanh Tâm đầu tiên năm 1958.

Thanh Nga tên thật là Juliette Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 31. 7. 1942. Cô là con bà Nguyễn Thị Thơ, bầu gánh Thanh Minh và Hội đồng Nguyễn Văn Lợi ở Tây Ninh. Mẹ cô, bà bầu Thơ tái hôn với nghệ sĩ Lư Hòa Nghĩa, lập đoàn Thanh Minh nên cô sớm theo nghề hát. Khi 10 tuổi cô đã ca vọng cổ phụ họa và rất thành công trên sân khấu nhà. Sau khi được nhạc trưởng của đoàn nhà là nhạc sĩ Út Trọng luyện thêm ca, Thanh Nga còn được khán giả rất hoan nghênh qua các vai đào con như Nghi Xuân trong vở *Phạm Công Cúc Hoa* và trong *Đồ Bàn di hận*, *Lừa hòn*. Số vai của cô đóng có đến hàng trăm, và thường là các vai đầy nghịch cảnh của những kiếp hồng nhan đa truân.

Năm Nghĩa tên thật là Lư Hoài Nghĩa (1917 - 1959) người gốc Bạc Liêu, khi được 15 tuổi đã nổi tiếng danh ca nhờ có làn hơi thiên phú và được minh sư là các ông Cao Văn Lầu, Ba Chột, Mười Khôi là những danh cầm đương thời chỉ dạy. Ngoài giọng ca mùi và chắc nhịp, Năm Nghĩa còn học đàn kìm, siêng năng trau dồi nghệ thuật đàn nên



Thanh Nga, Huy chương vàng giải Thanh Tâm năm 1958.

nổi tiếng trong phong trào đàn ca tài tử ở Bạc Liêu và các vùng phụ cận.

Điểm nổi bật của Năm Nghĩa là luôn luôn tìm tòi chữ đàn mới, bay bướm hơn, lời cuốn hơn và muốn có một nghệ thuật ca mới lạ hơn các bạn. Từ bản *Dạ cổ hoài lang* của nhạc sư Sáu Lầu sáng tác năm 1918 với nhịp đôi. Năm 1927, nhạc sĩ Tư Chơi viết thành bài ca *Tiếng nhạn kêu sương* với nhịp tư. Năm 1934, Năm Nghĩa viết bản vọng cổ *Văng vẳng tiếng chuông chùa* kéo dài ra thành 8 nhịp, mở màn cho lối ca vọng cổ nhịp 8, nhịp 16, nhịp 32, nhịp 64 sau này, giúp rạng danh những ông vua vọng cổ Út Trà Ôn, giọng ca vàng Hữu Phước

Thanh Nga học ca với nhạc sĩ Út Trọng và được sự chỉ dạy của những nghệ sĩ bậc thầy như Năm Châu, Phùng Há, Kim Cúc, Thanh Loan... Năm 1958, cô đoạt Huy chương Vàng Giải Thanh Tâm đầu tiên khi hóa thân vào vai Sơn nữ Phà Ca trong *Người vợ không bao giờ cưới* của soạn giả Kiên Giang. Được đóng chính với các danh ca nổi tiếng lúc bấy giờ như Út Trà Ôn, Việt Hùng, Hữu Phước, Thành Được.. và sau này có Dũng Thanh Lâm, Thanh Sang.... Thanh Nga đã có những vai diễn gây ấn tượng sâu sắc như Mạ Nhi Nương Bửu trong *Gió ngược chiều* của Năm Châu, Giáng Hương trong *Sân khấu về khuya* của Năm Châu, Loan trong *Đoạn tuyệt* của Duy Lâm, Xuân Tỵ trong *Áo cưới trước cổng chùa* của Kiên Giang, Diệp Thúy trong *Đôi mắt người xưa* của Nguyễn Phương Nhị Kiều chuyển thể truyện của Ngọc Linh, Uyên trong *Ngã rẽ tâm tình* của Nguyễn Phương Nhị Kiều, chuyển thể truyện của Ngọc Linh, Trinh trong *Con gái chị Hằng* của Hà Triều Hoa Phượng, Lụa trong *Sông dài* của Hà Triều Hoa Phượng, Thanh trong *Tám lòng của biển* của Hà Triều Hoa Phượng, Hương (tức The) trong *Nửa đời hương phấn* của Hà Triều Hoa Phượng và Nhị Kiều, K'Lay trong vở *Mùa rừng* của Hà Triều Hoa Phượng, Mía trong *Bọt biển* của Nguyễn Phương.

Năm 1966 cô đoạt giải diễn viên xuất sắc trong vai Xuyên Lan vở *Tiếng hạc trong trăng* của Yên Ba - Loan Thảo. Thanh Nga có thiên khiếu nhập vai rất xuất sắc. Soạn giả chỉ cần giải thích về vai trong vở, về nội dung, tâm lý nhân vật thì sau đó cô nhanh chóng ca diễn chính xác bất kỳ vai nào được giao. Gần như 27 soạn giả nổi danh đã cộng tác với cô chưa ai than phiền cô diễn sai tâm lý nhân vật, không đúng với ý định ban đầu của mình như với nghệ sĩ khác. Cô còn là một minh tinh màn bạc xuất sắc qua các phim *Đôi mắt người xưa*, *Nắng chiều*, *Mùa thu cuối*

cùng, *Bụi phấn hồng, Vết thù trên lưng ngựa hoang, Xa lộ không đèn, Thương muộn...*

Sau 1975, cô tiếp tục nổi bật với Trung Trắc trong *Tiếng trống Mê Linh*, Dương Vân Nga trong *Thái hậu Dương Vân Nga* của Trúc Đường - Huy Trường, Quỳnh Nga trong *Bên cầu dệt lụa* (tức *Trần Minh khổ chuỗi*) của Thế Châu.

Đêm 26. 11. 1978, Thanh Nga bị sát hại cùng với chồng vào lúc họ đang trở về nhà sau khi cô vừa diễn xong vở *Thái hậu Dương Vân Nga* tại rạp Cao Đồng Hưng, Gia Định... vì một nhóm chuyên bắt cóc trẻ con để tống tiền. Cô mất đi để lại nỗi tiếc thương cho hàng triệu người mộ điệu. Đám tang của cô cùng chồng là đám tang có số người đến viếng đông nhất ở thành phố này, có đến hàng chục ngàn người. (Số lượng người viếng chỉ thua đám tang Trần Văn Ôn, khoảng một phần bảy dân số Đô Thành vào ngày 7. 1. 1950).

Có một thời gian, vào những năm 60, khi Thanh Nga mới bắt đầu xuất hiện như một đào chánh, đoàn hát nhà của cô đi lưu diễn miền Trung thường bị nhiều người đến nhận vợ cô là đứa con thất lạc của họ.

Hiện ở một vài sân khấu cải lương như sân khấu Hưng Đạo bên cạnh bàn thờ tổ, có nhiều nghệ sĩ đã xin đặt cạnh đó bàn thờ của Thanh Nga. Có lẽ vì bên cạnh việc Thanh Nga bị chết bất ngờ, gần như người trong giới đều thấy cô tài sắc, đức độ vẹn toàn, từ sắc, đến thanh, tài, tướng... ca diễn nhịp nhàng rõ nét... mà sau này chưa ai thay thế được. Sau khi mất, cô được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.



051

XIN CHO BIẾT VỀ CÁC CHIỀU HƯỚNG SÁNG TÁC CỦA SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG TRƯỚC 1975 Ở MIỀN NAM.

Để hiểu rõ các chiều hướng sáng tác của sân khấu cải lương trước 1975 ở miền Nam chúng ta có thể tham khảo thêm bài *Soạn giả và tưởng tích cải lương* của Hoàng Lan trên tạp chí *Tin văn* - số đặc biệt kỷ niệm nửa thế kỷ sân khấu cải lương (từ trang 51 đến trang 137).

Vào năm 1965, năm đại ban dựng 56 vở:

- Thanh Minh Thanh Nga: 9 xã hội trên tổng số 18.
- Dạ Lý Hương: 2 xã hội trên tổng số 15
(3 phóng tác).
- Kim Chung: 1 phóng tác + 10 hương xa = 11.
- Hương Mùa Thu: 1 xã hội + 5 hương xa = 6.
- Kim Chưởng: 2 phóng tác + 4 hương xa = 6.

Theo ông, do thời cuộc và do chủ gánh coi đoàn hát là phương tiện kinh doanh nên vắng bóng loại tưởng mang màu sắc lịch sử, dân tộc vào những năm 65, 66 này dù các nhà trí thức và ký giả kịch trường rất ủng hộ loại này.

Gần như trong thâm tâm soạn giả nào cũng có hoài bão được phục vụ dân tộc qua những sáng tác của mình nhưng ước mơ này ngoài thẩm quyền của họ.

Bên cạnh quyền quyết định nằm trong tay những ông bà bầu bán buôn từ kếp, đào đến các soạn phẩm, nghiêng phần to về hình thức để lôi cuốn khán giả, còn là sự thờ ơ của những người mà các soạn giả mơ sẽ là tri âm tri kỷ đó: khán giả!.

Để bán báo, nhiều chủ báo thời ấy cũng phải đặt viết loại tiểu thuyết định kỳ nhằm mục đích thu hút độc giả, để thu hút khán giả, các chủ gánh cũng "ăn theo" bằng cách đề nghị các tác giả thường trực phóng tác các truyện tình cảm xã hội đó thành tuồng xã hội diễn trên sân khấu của mình. Nhờ vậy, và nhờ các diễn viên trẻ cùng đa số các ký giả kịch trường ủng hộ mà tuồng xã hội còn có cơ may tồn tại lúc đó, nhưng rõ ràng không đoàn nào có thể diễn thuần xã hội mà phải pha trộn ít nhiều loại hương xa mang nội dung lành mạnh mới mong sống nổi.

Khi các báo rộ lên với các truyện võ hiệp kỳ tình của Trung Hoa, cũng được ăn theo ngay các loại tuồng với "chương phong tô màu ngoạn mục".

Chính vì vậy giải Thanh Tâm dành ra giải thưởng hàng năm cho một soạn phẩm mang màu sắc dân tộc (sáng tác) trình diễn xuất sắc nhất trên sân khấu cải lương. Và khi tìm mãi không ra một vở đạt yêu cầu đó, họ đành phải kêu gọi và chọn lựa các vở hương xa mang nội dung lành mạnh, nói lên một ý tưởng sâu sắc lớn lao.

Có nhiều người, như soạn giả Lê Duy Hạnh, dựa theo phong cách để chia kịch bản trong giai đoạn này thành hai loại: xã hội và hương xa.

Ông cũng cho rằng khi lấy thương mại làm mục đích chính, sẽ có được những hệ quả như:

- Từ đó đã có những tài năng sân khấu cải lương thực thụ (bởi nếu những người bầu chủ kinh doanh không sản sinh ra kịp những tài năng, họ là người chết trước).

- Cũng vì thế ít định hướng được những tiêu chí nghệ thuật rõ ràng, để ra những cải lương lai căng, xa rời dân tộc.



052

TẠI SAO LẠI GỌI LÀ CẢI LƯƠNG "HƯƠNG XA"?

Cải lương "hương xa" là loại tuồng hư cấu cốt truyện ở nước ngoài như Nhật Bản, Ấn Độ, Ba Tư, Hàn Quốc, Cao Miên... Đa số khán giả trước 1975 đến rạp để giải trí, hay để tạm quên đi hiện thực ngoài đời trong vài tiếng đồng hồ. Chiều những người chịu bỏ tiền ra mua vé ấy, các bầu gánh phải chủ trương diễn những vở tuồng có hình thức thật lộng lẫy, nhiều khi tương phản hẳn với cảnh sống phũ phàng họ đang sống hoặc đang chứng kiến ở chung quanh.

Loại cải lương hương xa ra đời từ yêu cầu này. Đó là những vở có màu sắc La Mã "diễm huyền", Nhật Bản "cổ kính, vương giả", Trung Hoa với hia mào, giáp trụ hào nhoáng được đặt mua từ Hồng Kông. Chọn hình thức trước, bầu mới đề nghị các tác giả thường trực của mình soạn những cốt truyện có diễn biến có thể kham nổi những hình thức sân khấu "vĩ đại, tân kỳ và đồ sộ" ấy cùng những y trang rực rỡ, màu mè và lạ mắt. Thậm chí có soạn giả lười biếng mang một vở tuồng cũ của mình viết cho đoàn khác trước đây, đổi tựa tuồng, thay màu sắc là ra vở mới (trước là Tây nay chuyển Tàu, trước là Nhật nay là... La Mã). Ngoài nguồn tuồng cũ, họ còn có thể phóng tác ở các báo, các phim, kịch của nước ngoài.

Nếu cứ chăm chăm với "hoài bão" của mình, viết mãi vẫn không được dựng, hoặc dựng rồi nhưng tuổi thọ vở



**Dũng Thanh Lâm, Thanh Kim Lệ
trong vở Tiếng tim Thần nữ đoàn Thủ Đức, 1966.**

quá ngắn ngủi (với bầu, vở bán vé ít đồng nghĩa với vở... dở), người viết sẽ không có tiền bản quyền hàng đêm và có thể đi dần đến việc bị cúp lương tháng. Khi đó anh ta sẽ chọn giữa hai con đường hoặc ngả sang viết hương xa, hoặc giả từ nghiệp viết.

Sân khấu cải lương trong giai đoạn này cũng đã chứng kiến nhiều trường hợp cải lương hương xa đưa nhiều khán giả đến rạp nhưng rồi không giữ được lâu. Ví dụ như đoàn Thúy Nga đã từng khoác áo hương xa để khai trương vở *Khi hoa anh đào nở* của Hà Triều - Hoa Phượng (tác phẩm đầu tiên của liên danh này). Thành quả đầu tiên chưa kịp mừng thì sân khấu Thúy Nga đã bắt đầu hấp hối. Nguyên nhân chỉ vì loạt tuồng kế tiếp, cũng loại tuồng Nhật, nhưng nội dung kém xa vở hát buổi khai trương. Thảm bại đó, có phải đâu tại vì đoàn Thúy Nga đã thiếu những chiếc áo hương xa lộng lẫy. Trái lại là khác, chính những vở tuồng

Nhật Bản không rung cảm được tâm hồn Việt Nam: đã giết chết lần mòn sân khấu Thúy Nga. Đó mới là nguyên nhân chính.

Đoàn Hoa Sen cũng không khác, cũng đã sống nhờ và chết bởi các tuồng hương xa, tức tuồng ngoại quốc. Hình thức không cứu nổi nội dung nghèo nàn.

Một ưu điểm lớn của tuồng hương xa là trong những giai đoạn khó khăn về kiểm duyệt, "lách" vào những cái vỏ chống xâm lăng Mông Cổ (cụ thể là chống sự độc tài của Thành Cát Tư Hãn), các tác giả tương đối an toàn khi muốn bày tỏ lòng yêu nước. Nhưng đến khi thời thế đã xoay chiều, được quyền công khai phô bày cổ vũ cho dòng văn hóa của dân tộc thì quá ít người muốn quay về.

Bên cạnh đó, cũng có những vở chọn nội dung là tuồng xã hội nhưng cốt lõi bên trong xa rời dân tộc tính Việt Nam, xa lạ với nỗi đau của những người cùng thời đại, cùng quê hương đất nước với mình.



053

XIN CHO BIẾT VỀ NGUỒN GỐC CỦA LOẠI CẢI LƯƠNG HỒ QUẢNG.

Trong cuốn *Nghệ thuật cải lương – Những trang sử*. Trương Bình Tòng cho rằng cải lương Hồ Quảng có nguồn gốc từ ca kịch Hồ Quảng ở Đài Loan, Hồng Kông du nhập vào Sài Gòn giữa thập niên 60.

"... Cải lương Hồ Quảng, về thực chất, là cải lương tuồng Tàu khoác bộ áo khác. Nhưng nếu cải lương tuồng Tàu trước đây, cái chất Tàu đã bị xóa đi không còn dấu vết, thì cải lương Hồ Quảng hôm nay, theo chiều hướng ngược lại, cái của ta ngày càng lu mờ, trước cái của người ngày càng lấn lướt.

Ca kịch Hồ Quảng có những cái hay, chẳng hạn về âm nhạc và vũ đạo, hoặc về một số trình thức biểu diễn, nên tiếp thu và dân tộc hóa những cái đó bổ sung cho cải lương, như cải lương tuồng Tàu đã từng làm. Bài học kinh nghiệm đó, đáng tiếc chẳng được áp dụng ở đây, cứ bê nguyên xi lên sân khấu những cái nhặt được ở ca kịch Hồ Quảng từ trình thức biểu diễn đến dàn nhạc nguyên xi Hồ Quảng. Việc làm đó, trái với quy luật của cải lương, đến lúc nào đó, bản sắc dân tộc của cải lương đâu còn nữa..." (tr. 196 - 197).

Trước đó để nhấn mạnh về một đặc điểm của cải lương "Biết khép và biết mở", đó là quy luật phát triển của cải lương, đổi mới mà không đánh mất nó, ông nhận định:



Bo Bo Hoàng trong vở Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài, tác giả Đức Phú.

"Chẳng hạn, khi mở ra để tiếp cận tinh hoa của hát Tiều, hát Quảng, thì Cải lương có loại tuồng Tàu. Nhưng tuồng Tàu chỉ là cái tên gọi, là mặt mở ra về đề tài sáng tác. Và khi khép lại, thì cải lương tuồng Tàu là tuồng cải lương, đích thực cải lương. Ngay cả mấy chục bài bản âm nhạc của Triều Châu, Quảng Đông cũng bị cải lương hóa, trở thành bài bản âm nhạc cải lương được sử dụng lâu nay..." (Sđd, tr. 135).

Sau 1975, loại cải lương này phải tạm ngưng một thời gian, mãi đến khi có những đạo diễn cùng nhóm nghệ sĩ

chuyên biểu diễn loại này tìm cách nghiên cứu, tìm tòi, tổng hợp... chọn những kịch bản sử và dã sử Việt Nam để thể hiện, từ đó ra đời tên gọi mới là cải lương tuồng cổ mà hai đoàn sinh hoạt mạnh một thời gian khá dài là Huỳnh Long và Minh Tơ.

Có người còn muốn đề nghị gọi chung là "Cải lương đề tài cổ" trong đó ngoài những loại đề tài ta vừa kể, nó có thể gồm luôn các loại cải lương hương xa... nghĩa là tất cả - trừ cải lương tâm lý xã hội mà thôi.

Theo Nghệ sĩ nhân dân Thành Tôn thì loại cải lương tuồng cổ không cường điệu như hát bội nhưng cách điệu hơn cải lương tâm lý xã hội.

Tuy còn nhiều vấn đề này khác nhưng vẫn có thể xem cải lương tuồng cổ là đặc sản nghệ thuật và vốn quý của sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh các nghệ nhân và nghệ sĩ lâu năm trong nghề còn có sự đóng góp của các đạo diễn Bích Lâm, Bá Huỳnh, Huỳnh Nga, Thành Tôn, Minh Trị, Minh Quân, Tiến Vinh, Nguyễn Mỹ... và những người quản lý có tâm và có tài lúc bấy giờ như Nguyễn Ngọc Bạch, loại hình này đã để lại những ấn tượng đẹp trong lòng khán giả qua các vở *Câu thơ yên ngựa*, *Thanh gươm và nữ tướng*, *Bão táp Nguyễn Phong*, *Thất trăm só*, *Tám Cám*, *Tình sử A Nàng*, *Nàng tiên*, *Bí mật dưới chân thành Cổ Loa*...



054

TRONG GIỚI NGHỆ SĨ CẢI LƯƠNG CÓ HIỆN TƯỢNG "CHA TRUYỀN CON NỔI" KHÔNG?

Trong một thời gian dài cải lương ở Sài Gòn không có trường lớp đào tạo chính quy như sau 1975, người trở thành nghệ sĩ ngoài thiên tư thường được đào tạo theo kiểu nghề dạy nghề, tình hình này dẫn tới sự hình thành của những gia đình cải lương ở thành phố. Ở đây chỉ giới thiệu về hai gia đình tiêu biểu.

1. Gia đình Bầu Thắng, Minh Tơ, Khánh Hồng, Huỳnh Mai (vợ Thành Tôn), Bạch Cúc, Đức Phú.

Minh Tơ + Bảy Sự → Xuân Yến + Hữu Cảnh → Trình Trình.

Thanh Tòng + Ngọc Nhung → Quế Trân

Thanh Loan + Trường Sơn → Tú Sương

Gia đình nghệ sĩ Bầu Thắng, Minh Tơ, Thanh Tòng, theo nhu cầu thưởng thức của khán giả, đã góp phần "cải lương hóa" nghệ thuật hát bội truyền thống sang nghệ thuật hát bội pha cải lương, tiến tới hình thức hát cải lương tuồng Tàu, cải lương tuồng cổ (dã sử Việt Nam).

Ông bầu Thắng là kép Hai Thắng, con của ông Vĩnh, một kép hát bội tài danh. Mẹ ông Hai Thắng là bà Xuân, cũng là một đào hát bội, hát hay nhất trong Ban Hát bội của bà Hộ (là bà ngoại của ông bầu Nguyễn Phước Cương).

Những năm 1929, 1930, kinh tế khủng hoảng, lúa gạo mất giá, nông dân rất nghèo đói, dân ở thành thị cũng thất nghiệp rất nhiều. Đời sống kinh tế rất khó khăn nên nhiều thôn xã khi cúng Kỳ Yên không rước hát bội về hát châu nữa. Ở thành phố thì phong trào cải lương đang thu hút khán giả mạnh. Thêm nữa, từ khi chiếm được 6 tỉnh miền Nam, Pháp đã bãi bỏ thi cử chữ Hán, chữ Nôm mà Hát bội lại dùng nhiều chữ Nho, điển tích Tàu, người dân bình thường không hiểu nên họ thích cải lương vì dễ hiểu hơn, ca hát nhiều hơn lại có cảnh trí, phong màn đẹp, tuồng tích thì hát bội có tuồng gì thì cải lương cũng có tuồng đó (như *Phụng Nghi đình*, *Quan Công phò nhị tấu*...). Do đó, phần lớn các đoàn hát bội khác cải cách hát bội thành hát bội pha cải lương.

Tuy nhiên, những hậu duệ của ông bầu Thắng (Minh Tơ, Khánh Hồng, Thành Tôn, Thanh Tông, Đức Phú, Xuân Yến, Thanh Loan, Thanh Bạch, Bạch Lê...) không phải như những người chạy theo tiền, pha tạp hai lối hát để chỉ mong có khán giả nhút thời, làm hư hại cả hai loại hình nghệ thuật mà là những nghệ sĩ chân chính, muốn canh tân nghệ nghiệp của mình, có nghiên cứu, có sáng tạo, làm giàu thêm cho kỹ thuật ca diễn. Sau 1975, nếu không có sự hỗ trợ tối đa của nhóm này thì những đạo diễn từ Bắc về hay từ chiến khu về cũng khó sáng tạo được những món ăn tinh thần hấp dẫn công chúng của thành phố.

Đạo diễn Cải lương video Phượng Hoàng, người đã thực hiện vở Cải lương video Kim Vân Kiều chính là con của bà Bạch Cúc, cháu ngoại của ông bầu Thắng.

2. Gia đình Thành Tôn + Huỳnh Mai → Bạch Lý, Bạch Liên, Bạch Lựu, Bạch Lê, Bạch Long, Thành Lộc.

Gia đình nghệ sĩ Thành Tôn, Bạch Lê cùng gia đình Bầu Thắng, Minh Tơ canh tân hóa Nghệ thuật Hát bội

thành loại hình Nghệ thuật Hát bội pha Cải lương, hát tuồng Tàu, tuồng Hồ Quảng.

Ông Thành Tôn (Nguyễn Thành Tôn) sinh năm 1913 tại Vũng Liêm, Vĩnh Long, mất ngày 8. 11. 1997 tại thành phố. Ông cố ông là Nguyễn Văn Sĩ, ông nội là Nguyễn Văn Luông (bầu Luông, gánh Phước Long ban), cha là Nguyễn Văn Nở và một số rất đông bà con thân thuộc đều theo nghề hát bội từ cuối thế kỷ trước đến hết thế kỷ này. Riêng ông Thành Tôn đã có 65 năm trôi nổi với nghề hát bội.

Thời điểm 1930 đến 1945, gánh Phước Long ban của bầu Luông muốn tồn tại phải cải tiến thành hát bội "kim thời", có vẽ phong cảnh thay vì dàn cảnh tượng trưng một cách thô sơ. Bớt hát Nam, bớt hát khách, thay vào đó đào kép phải học ca cải lương (những bài bản nhỏ, ba Nam, sáu Bắc và Vọng cổ). Thành Tôn đã lên Vĩnh Long rước ba nhạc sĩ nổi danh là Bảy Bá (đàn tranh), Năm Bửu (đàn cò) và Bảy Thu (đàn gáo) về để dạy cho đào kép Phước Long ban ca cải lương và có được thêm sự cộng tác của soạn giả cải lương Nguyễn Thành Thế nên gánh Phước Long ban sửa chữa những vở hát bội đã có, thêm nhiều lớp diễn và bài bản như bên cải lương. Về trang phục thì mua y trang mũ măng của các đoàn hát Quảng Đông ở Chợ Lớn. Thời gian canh tân hóa hát bội này, Thành Tôn là người xông xáo nhất nên gánh hát của bầu Luông thu hút được đông đảo khán giả hơn các gánh đồng nghiệp khác. Thành Tôn cũng học ca cải lương và học được đàn kim, đàn cò, đàn sến của thầy Hai Bá ở Thiêng Đức nên khả năng của anh về nghệ thuật hát bội và cải lương đều vượt trội hơn các bạn đồng trang lứa.

Người bạn đời của Thành Tôn là Huỳnh Mai (con bầu Thắng) cũng là một nghệ sĩ hát bội tài danh. Các con Bạch Liên, Bạch Lê, Bạch Lý, Bạch Lựu, Bạch Long, Thành Lộc

đều là những nghệ sĩ sân khấu có thực tài. Ông đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân.

Trong hồi ký của mình, ông Thành Tôn cho biết tục truyền trong các gia đình theo Hát bội thì ít ai cho con cháu đi đến đời thứ ba vì sợ "ông tổ lấy lại nghề", lẽ ra đã ngưng từ đời của ông. Đến đời con ông thì có Bạch Lý chuyên trống, Thành Lộc đã được tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú trong ngành kịch nói, rất được khán giả ưu ái, mến mộ. Riêng Bạch Long thừa hưởng được chân truyền nghệ thuật của cha nên đã nối chí ông, mở lớp Đồng Ấu Bạch Long, đào tạo nhiều diễn viên trẻ. Ba huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang 95-96, 97-98 đã được trao cho Trình Trinh, Tú Sương, Quế Trân được đào tạo trong lớp Đồng ấu Bạch Long.



055

XIN CHO BIẾT VỀ CÔNG TY KIM CHUNG.

Công ty Kim Chung do ông Trần Viết Long (bầu Long) làm Giám đốc, có tiền thân là Đoàn cải lương Kim Chung di cư vào Nam năm 1954. Kim Chung là tên cô đào chánh của đoàn, vợ bầu Long. Khi mới vào Sài Gòn, đoàn diễn thường trực ở rạp Aristeau ở đường Lê Lai, sau đó ở rạp Olympic (hiện nay là Trung tâm Văn hóa thành phố).

Đoàn có soạn giả Ngọc Văn và các nghệ sĩ từ miền Bắc như Bích Hợp, Kim Chung, Bích Thuận, Huỳnh Thái, Thúy Liệu, Sĩ Toàn, Ngọc Toàn, Phúc Lai, Tư Uẩn, Ba Hội...

Về sau, đoàn thành lập Công ty Kim Chung gồm: Kim Chung 1, 2, 3, 4, 5. Bầu Long là người làm kinh doanh nên ông chủ trương đào tạo đào kép trẻ, ca hay, thu đĩa quảng cáo, nhờ báo lãng xê nhằm thu hút khán giả.

Xuất thân từ Kim Chung gồm có: Lệ Thủy, Thanh Kim Huệ, Tô Kim Hồng, Mỹ Châu, Kiều Tiên, Minh Cảnh, Minh Vương, Minh Phụng, Thanh Tuấn...

Các đoàn trong công ty diễn đủ loại tuồng theo thị hiếu, lấy giọng ca thu hút người xem. Công ty Kim Chung là một tổ chức kinh doanh cải lương loại lớn thời đó.

Theo soạn giả Yên Lang thuật lại, trong các tổ chức của các đoàn hát cải lương, có hai đoàn Dạ Lý Hương và Kim Chung là chặt chẽ và phân minh nhất. Có văn phòng ban

Giám đốc, có thư ký văn phòng, các bộ phận chuyên môn, và tiền bản quyền của soạn giả, cập nhật từng ngày. Trước Tết Mậu Thân, bầu Long đã đưa hai soạn giả Yên Lang và Nguyễn Thảo đến khu đất đường Nguyễn Văn Thoại (sau đó trở thành khu cư xá Lữ Gia) cho biết ông đã đặt cọc tiền chuẩn bị xây cư xá cho soạn giả, nghệ sĩ, công nhân của công ty Kim Chung vì ông tin chỉ cần đến tháng giêng năm Mậu Thân, với số tiền thu nhập của sáu đoàn Kim Chung, ông thừa sức trả dứt tiền khu đất ấy. Nhưng tình hình biến động sau đó khiến dân chúng không màng đến xem hát, các nghệ sĩ tìm mọi cách quay về lại Sài Gòn, không đi lưu diễn nữa. Nhiều đoàn nhỏ giải tán. Công ty Kim Chung nhờ có hậu cứ vững mạnh nên thu lại còn ba đoàn là Kim Chung 2, Kim Chung 5 và Kim Chung 6. Qua nhiều loại kinh doanh, bầu Long cho biết giúp ông làm giàu nhanh chóng, chính là nhờ sân khấu cải lương nhưng cũng theo ông "...nếu biết làm thì nước là khuấy nên hồ, còn bằng chỉ hiểu biết đại khái, bao nhiêu của cải đổ vào cũng tan thành mây khói...".



056

**KHI VỪA ĐI ĐƯỢC NỬA THẾ KỶ, CẢI LƯƠNG ĐÃ
ĐƯỢC NHẬN ĐỊNH NHƯ THẾ NÀO VÀ KHÁN GIẢ
CẢI LƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN ĐÓ LÀ AI?**

Trong bài *Thành công và thất bại trong tưởng tích cải lương* của ký giả Hoài Ngọc trên tạp chí *Tin văn* - số đặc biệt kỷ niệm nửa thế kỷ sân khấu cải lương (từ trang 145 đến trang 150), ở trang 145, ông đã cho rằng:

"...Hình thức nghệ thuật của sân khấu cải lương đã thoát thai từ những vốn cổ quý báu của dân tộc, rút ra từ trong quần chúng mà đa số là bình dân lao động, những hình thức bao gồm cổ nhạc, dân ca các loại, Hát chập, Ca ra bộ v.v... và đặc biệt đã được nâng cao, nghệ thuật ngày càng tinh vi tuyệt xảo. Trên cơ sở phổ cập và nâng cao như thế, hình thức nghệ thuật Cải lương đã thu hút cả giới trí thức chớ chẳng riêng giới bình dân lao động".

Rồi ông tạm thời kết luận:

"...- Cải lương từ đâu mà có?

Rõ ràng nó đã thoát thai từ trong lòng sâu thẳm của dân tộc bằng những vốn ca cổ nhạc, những lối hát hợp bình dân, và được nâng cao bởi những bàn tay lao nhọc cần cù nhưng rất tài hoa sáng tạo. Cái bản sắc độc đáo của nghệ thuật cải lương, chính là cái bản chất dân tộc mà nó đã mang sẵn từ khi chào đời.

- Cải lương đã sống nhờ ai?

Cũng rất rõ ràng là do quần chúng đông đảo ủng hộ. Đặc biệt là tầng lớp bình dân lao động. Thử vào xem các buổi hát thì biết: ghế thượng hạng có thể thừa, còn hạng ba, hạng cá kèo, hạng đứng có buổi nào mà không đông nghẹt. Sự thu hút đặc biệt đông đảo đó, chứng minh cái tính chất quần chúng của sân khấu cải lương ngay từ buổi sơ khai..." (Sđd, tr. 150).

Bên cạnh việc đưa những bài ca đã nghe quen, nâng cao hơn mà lồng vào những kịch bản có tình huống, tính cách thú vị để diễn viên có thể phát huy tài hát và diễn, ông còn cho rằng yếu tố cơ bản quyết định sự thu hút đông đảo của khán giả đối với sân khấu cải lương. Đó là: Nội dung soạn phẩm phải phản ánh đúng tâm tư nguyện vọng của quảng đại quần chúng.

Qua những vở cải lương, khán giả được thấy những mẫu người Việt Nam đáng mến như Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, Lưu Bình Dương Lễ... Họ còn thấy được hình ảnh của họ qua những tiểu phụ cương trực, ông chài, ông quán khí khái thông minh, các cô gái đưa đồ yêu nước... gặp việc phải là làm ngay không tính toán, thấy việc bất bình thì dầu chết cũng chẳng khoanh tay. Họ cùng đau đớn, lo lắng khi những con người tốt này gặp nạn như chính thân họ - hay một ai đó mà họ rất xót thương - đã từng lâm vào hoàn cảnh tương tự.

Nếu như đông đảo khán giả đã khóc với vai Hương, trong *Nửa đời hương phấn* của Hà Triều - Hoa Phượng, chính là vì sự khổ lụy của một cô gái nghèo trước cuộc sống đầy nước mắt đã từ trên sân khấu đi thẳng vào tim của khán giả không bị một khoảng cách nào hạn chế. Cho nên nước mắt của diễn viên đã khơi động dòng lệ của khán giả một cách dễ dàng.

Cũng không ai quên được anh Ba Mỏ-lết trong vở xã hội *Lỡ bước sang ngang* của Thu An - Hoàng Khâm, do nghệ sĩ Út Trà Ôn thủ diễn. Cái hào khí của người dân miền Nam, cái bản sắc độc đáo đã kết tụ trong vai một người công dân lao động trên sân khấu. Khán giả bình dân đông đảo, qua vai anh Ba Mỏ Lết đã tìm thấy trên sân khấu hình ảnh đích thực của mình. Nó gần gũi và chân thật biết bao nhiêu. Nó có vẻ tầm thường nhưng cao đẹp biết bao nhiêu. Hơn nữa nó lại được thể hiện qua tài nghệ tuyệt đỉnh của một nghệ sĩ có cảm tình nhất của sân khấu cải lương bấy giờ là nghệ sĩ Út Trà Ôn. Vì thế mà chẳng riêng giới bình dân lao động, người trí thức cũng ưa thích anh Ba mỏ - lét. Thích tài nghệ của nghệ sĩ Út Trà Ôn và bút pháp điêu luyện của tác giả là một lẽ, họ còn cảm mến cái khí chất cương trực dám nói dám làm của anh Ba Mỏ-lết, một kiểu "anh chị đất Sài Gòn" lúc nào cũng ngang tàng oanh liệt. Chính ký giả Trần Tấn Quốc cũng đã ghi nhận "Anh Ba Mỏ - lét đúng là "một vai tướng bằng vàng" nâng cao tên tuổi Út Trà Ôn.

- Họ cũng gặp ở đó những người tuy mang quốc tịch, thể xác Việt Nam nhưng không giấu được bản chất phi dân tộc đáng ghét đáng khinh của họ, những kẻ tham phú, phụ bản như mẹ con Võ Thể Loan, Bùi Kiệm phản phúc... Họ cũng giận dữ khi cái ác, cái xấu hoành hoành, âm mưu hãm hại người ngay... để rồi niềm vui vỡ òa cả khán phòng khi đến hồi kết cuộc: chánh đã thắng tà, người ngay thoát nạn, ở hiền gặp lành, cái ác rồi phải bị trừng phạt.

- Nếu ở loại hình nghệ thuật khác, thậm chí như bên kịch nói, tác giả có thể chọn một đoạn kết "vô hậu" cùng với mục đích nhắc nhở người đời đừng để cái ác lộng hành như trên sân khấu, thì bên Cải lương, gần như không một khán giả nào của họ chấp nhận một đoạn kết như thế. Theo ông Hoài Ngọc, đó là do:

- Bản chất người Việt Nam nói chung, dù khổ cực cách mấy cũng vẫn lạc quan và yêu đời.

- Tình cảm của quảng đại quần chúng Việt Nam rất phân minh dứt khoát. Thương ai, ghét ai bộc lộ rõ ràng, thương một vai đào thương, một vai kép mùi là thưởng tiền ngay trên sân khấu. Ghét một vai kép độc nào đó thì diễn viên rất dễ bị ném đá lỗ đầu. Vì thế mà có nhiều cô đào đã gắn số phận mình với những vai đào thương ít khi dám đổi sang đóng vai đào lẳng, độc, mà cho dù cô có muốn chuyển như thế, bầu gánh cũng ít dám phiêu lưu mà đồng ý. Tương tự, một kịch bản dù hay mà đến đoạn kết tình cảm giải quyết chưa phân minh, hoặc kết thúc theo kiểu buông lửng, mặc khán giả ai muốn hiểu sao cũng được thì soạn phẩm đó bảo đảm sẽ mất dần khán giả.

- Đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam thể hiện hào khí oanh liệt, giải quyết cái tốt cái xấu của con người một cách triệt để, giải quyết đến nơi đến chốn.

Trong xử thế, ơn nghĩa dứt khoát phải đền, oán thù nhất định phải trả, chánh thế nào cũng phải thắng tà, kẻ gian nhất định phải bị nghiêm trị.

Trong tình yêu non nước, đồng bào, cái hào khí oanh liệt đó lại được thể hiện rõ ràng, được giải quyết đến nơi đến chốn.

Chẳng hạn, đối với chữ "Trung", nhất định phải là "Tận trung báo quốc". Khi thất thế, thà làm quỷ nước Nam chứ không làm vương đất Bắc. Khi được thế thì đánh cho đến khi hoàn toàn chiến thắng.



SAU 1975, SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG CÓ NHỮNG KHÓ KHĂN GÌ VÀ THUẬN LỢI GÌ?

Sau 1975, nghệ thuật cải lương rất thuận lợi vì đất nước hòa bình, đất diễn rộng ra, không còn giờ giới nghiêm như thời chiến, khán giả đến với cải lương rất đông. Mặt khác, ai cũng thấy nhiều vấn đề nảy sinh trong cuộc sống sau chiến tranh, đặc biệt là đời sống kinh tế xã hội. Do đó khán giả cũng có nhu cầu tiếp nhận một sân khấu đổi mới từ nội dung đến nghệ thuật đúng như tinh thần gốc của hai chữ cải lương.

Đã có người bản khoán tìm hiểu tại sao một loại hình kịch hát dân tộc mang tính cách vùng miền, xuất phát từ miền Nam như cải lương có thể Bắc tiến và lan tỏa, chinh phục dễ dàng khán giả toàn quốc, trong lúc những nghệ thuật khác như chèo và kịch nói, khởi đầu từ đồng bằng Bắc Bộ đã thất bại trong việc Nam tiến. Bấy giờ nhìn vào những vở cải lương từ đất Bắc trở ngược về Nam, ai cũng thấy với loại nghệ thuật này, chỉ lý trí không chưa đủ mà hơn lúc nào hết, khán giả cần những tiết mục cải lương trữ tình có thể chinh phục, làm lay động được tim não của quần chúng ở một nơi có khá nhiều vấn đề nhạy cảm và phức tạp như thành phố.

Trước 1975 có khoảng 60 đoàn cải lương trên toàn miền Nam. Sau 1975, riêng tại Sài Gòn đã có khoảng 22 đoàn,

trong đó chỉ có 2 đoàn quốc doanh được Nhà nước bao cấp. Cải lương Hồ Quảng được nhiều tấm lòng và trí tuệ đầu tư vào để trở thành một loại hình nghệ thuật "đặc sản" và cũng là vốn quý của sân khấu thành phố này là "Cải lương tuồng cổ", chuyên diễn các đề tài lịch sử, dã sử và cổ tích Việt Nam. Bên cạnh các nghệ nhân và nghệ sĩ lâu năm trong nghề còn có sự đóng góp của các đạo diễn Bích Lâm, Bá Huỳnh, Minh Trị, Minh Quân, Tiến Vinh, Nguyễn Mỹ... đã để lại những ấn tượng đẹp trong lòng khán giả.

Một đặc điểm của thành phố này nữa là sự lớn mạnh của phong trào sân khấu quần chúng tương tự như phong trào đàn ca tài tử ngày xưa. Với 2.800 đội văn nghệ quần chúng, ngoài việc cũng mang ý nghĩa chuẩn bị cung ứng lứa dự bị cho sân khấu chuyên nghiệp, còn là việc tạo nên một lực lượng khán giả không thờ ơ với sân khấu và luôn bằng nhiều cách nâng cao thị hiếu thẩm mỹ của mình. Không đâu phát triển mạnh về sân khấu quần chúng bằng thành phố này (theo điều tra đã có 5.355 buổi biểu diễn văn nghệ quần chúng trong thành phố năm 1976). Và cũng phải công nhận rằng có một số tiết mục cải lương ngắn có nhiều tìm tòi mới khá hay từ kịch bản đến đạo diễn, ngay cả vài diễn viên cải lương sau này cũng xuất phát từ đây. Có người cũng cho rằng đây là con dao hai lưỡi vì điều này dễ đi đến hiện tượng nghiệp dư hóa chuyên nghiệp.

Với một số vốn nhỏ nhoi về nghề nghiệp nhưng khá lớn về tiền bạc, người ta cũng có thể lập thành những đoàn cải lương cấp quận huyện, khu phố và cả ấp để đi lưu diễn mà thiếu ý thức trau chuốt, nâng cao nghề nghiệp. Ngay từ những năm đó đã có những báo động và sự đầu tư thiên về chiều rộng hơn chiều sâu của các vở cải lương mới. Với số lượng đoàn khá đông, sân khấu cải lương đã thu hút một khối lượng khá đông khán giả, "tung hoành" ở nhiều nơi, nhiều vùng. Bên cạnh những vở chất lượng cao được đầu

tư nghiêm túc bởi những đạo diễn có tay nghề và các diễn viên xuất sắc về cả sắc, thanh, tài, tướng đến từ ba nguồn: từ Bắc về, từ R (Mặt trận Giải phóng miền Nam) ra và nguồn tại chỗ như đoàn Trần Hữu Trang, đoàn Văn công Thành phố, đoàn Thanh Nga, đoàn Văn công Thành phố, đoàn Thanh Nga, Sài Gòn I, Sài Gòn II, Sài Gòn III... Cũng còn nhiều lời kêu ca, phàn nàn về những tiết mục chạy theo thị hiếu tầm thường của một số khán giả nhiều tiền nhưng trình độ hiểu biết nghệ thuật lại ít. Trong nguy cơ của xu hướng chạy theo thị hiếu tầm thường ấy có sự xa rời cuộc sống, xa rời những vấn đề của cuộc sống đương đại để ẩn vào quá khứ, chạy theo những chuyện tình éo le, ngang trái đầy nước mắt, đi vào những pha dao găm, súng lục, ly kỳ, giật gân... (Tất Thắng, *Điện mạo sân khấu - nghệ sĩ và tác phẩm*, Nxb. Sân khấu 1996, tr. 518).

Về sau, những hiện tượng này chỉ còn tồn đọng ở những gánh cải lương cấp phường, ấp như đã nói trên, đó là một trong những lý do gián tiếp làm giảm đi chất lượng của sân khấu cải lương sân diễn và khán giả của nó để rồi số lượng các đoàn cải lương ngày một giảm dần, và đến năm 2004 này toàn Thành phố gần như chỉ còn một Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, trong lúc có khá nhiều điểm diễn kịch nói trong một đêm.



058

**XIN CHO BIẾT VỀ NHÀ VĂN, NHÀ BÁO,
NHÀ VIẾT KỊCH NGỌC LINH.**

Tên thật của ông là Dương Đại Tâm, sinh năm 1935 tại Cà Mau, song Vĩnh Long lại là nơi nuôi ông trưởng thành. Ông đã có trên 70 tác phẩm các loại, với nhiều bút hiệu khác nhau, trong đó trên 50 sách. Sách của ông được tái bản nhiều lần (*Đôi mắt người xưa* in tới lần thứ 5, *Trên sông hoàng hôn*, in lần 4).

Trước 1975 độc giả Sài Gòn biết tới ông như một nhà văn với các truyện dài đăng nhiều kỳ trên báo và tiểu thuyết. Tác phẩm của ông một số được các tác giả sân khấu chuyển thể thành kịch bản cải lương, kịch nói. Song đặc biệt ông được biết tới nhiều với tư cách là một ký giả kịch trường uy tín trong làng báo Sài Gòn. Ông luôn chủ trương những tác phẩm sân khấu có nội dung lành mạnh, phê phán những biểu hiện đi ngược đạo lý dân tộc. Sau năm 1975, ông trở thành tác giả kịch bản, với một dòng kịch mang đậm phong cách rất riêng, rất "Ngọc Linh". Những kịch bản đầu như *Như thế là tội ác* (viết chung với Thiều Linh) đoạt bằng khen Liên hoan phim toàn quốc lần 5, *Cho tình yêu mai sau* (1977), *Xa thành phố yêu dấu* (1979) đều đạt giải thưởng trong Hội diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc. Công chúng sân khấu đều rất yêu mến những kịch bản đậm phong vị Nam Bộ của ông như *Đêm khuya về với mẹ*, *Vết*

*thương ngày cũ, Tiếng sóng Rạch Gầm, Nàng Hai Bến
Nghé, Đất lờ...*

Và có một điều thú vị, một ký giả kịch trường, một nhà văn, một tác giả kịch bản vốn rất hào hoa, phong trần mà phong nhà như Ngọc Linh lại là người luôn hướng tới hình tượng ngôi nhà, biểu tượng gia đình mang đạo lý truyền thống. Ông không thích nói tới những điều gì quá to tát, không thích lên gân với những giáo điều và không thích tỏ ra lý trí. Ông dung dị, mà tinh tế, từ những cái tưởng như bình thường nhất. Ông có serie kịch có tên bắt đầu là từ ngôi nhà. *Ngôi nhà không có đàn ông* (1993), *Ngôi nhà thiếu đàn bà* (1993), *Ngôi nhà của chúng ta* (1996).

Ngôi nhà không có đàn ông là một ngôi nhà ở đó có một bà mẹ luôn mang trong lòng sự thù hận người chồng xưa, sống bên ba đứa con gái Xuân, Hạ, Thu và cô em ruột. Cái nhìn khe khắt, đầy thành kiến với cuộc đời của bà đã tạo nên những ảnh hưởng khác nhau tới bốn thành viên trong nhà. Mỗi người mỗi vẻ, kẻ sống nép theo mẹ, người muốn phá phách, kẻ muốn trả thù đời... Tình yêu đến, mỗi người một cách phản ứng với nó, và hầu như đều lạc nhịp và không bình thường. Tiếng cười bật lên từ những tình huống hài- song cười mà muốn khóc. *Ngôi nhà thiếu đàn ông* ấy tất sẽ bị phá vỡ, bởi cuộc sống và tình yêu thì luôn đi đúng theo quy luật tự nhiên của nó, nó không thể bị mãi méo mó trong cái lồng chật hẹp của lòng thù hận.

Ngôi nhà thiếu đàn bà lại là ngôi nhà mà mọi sự bắt đầu từ sự đảo lộn sau cái chết vì tai nạn giao thông của vợ và con chủ nhà. Khi đã chết, thay vì sự hờn giận khi sống bên chồng, thì bóng ma người vợ lại không muốn rời ngôi nhà thân thương vì thương người chồng chưa có người chăm sóc. Còn người chồng, một mình một bóng trong ngôi nhà thiếu bóng người vợ xưa thì càng thương vợ và tự trách mình những ngày tháng có lúc hững hờ với vợ.

Ngôi nhà của chúng ta, hay một vở khác *Đất lờ* (dù không bắt đầu bằng tên *ngôi nhà*), song cũng trong cái mạch suy tư ấy của tác gia về đạo lý gia đình truyền thống dân tộc.

Chất Nam Bộ dung dị mà phóng khoáng thấm đậm trong cách nhìn cuộc đời từ mỗi tác phẩm của tác giả Ngọc Linh.



059

**TRONG GIAI ĐOẠN 1975 - 1985, SÂN KHẤU CẢI
LƯƠNG Ở THÀNH PHỐ ĐÃ CÓ NHỮNG VỞ NÀO
MANG TÍNH CÁCH TÌM TÒI THỂ NGHIỆM?**

Sang năm 1984, sân khấu trên toàn quốc cũng như ở thành phố chuẩn bị dọn mình cho những tiết mục giàu tính nghệ thuật lẫn tư tưởng cao vì 1985 có hội diễn sân khấu toàn quốc để chuẩn bị cho những ngày kỷ niệm lớn. 1985, bên cạnh những vở kịch hay đến từ miền Bắc, thành phố miền Nam cũng đã có những tác phẩm bề thế, đáng tự hào như *Tình yêu và lời đáp* (Tác giả Nguyễn Trương Thiên Lý, đạo diễn Đoàn Bá, đoàn Trần Hữu Trang). Vở đi sâu vào cuộc đời, số phận những con người trong cuộc chiến đấu một mất một còn. "Nhưng không chỉ nghiêng về chuyện chiến đấu, vở còn diễn tả chuyện tình yêu, chuyện cuộc sống... trong tình huống căng thẳng đến khốc liệt của cuộc chiến đấu. Và chính qua đó, con người đã tìm được những câu trả lời về tình yêu, về kẻ thù, về lý tưởng mà họ theo đuổi. Vở xây dựng được một số nhân vật có những nét điển hình như bà mẹ anh hùng và nhân hậu, như viên sĩ quan say đắm một tình yêu, lại tàn bạo giết chết người mình yêu, như tên hạ sĩ quan thâm thù cách mạng đến tận xương tủy. Vở giàu tính văn học và tính kịch" (Sđd, tr. 691).

Đạo diễn Đoàn Bá còn dựng vở *Người trong côi nhớ* của Lưu Quang Vũ qua dạng cải lương. "Cách tiếp cận hiện

thực mới lạ. Diễn tả những con người đã chết trong cuộc đời nhưng lại ở trong cõi nhớ của những người còn sống. Một thế giới tồn tại trong tâm linh con người, nhưng thật hư ảo... Những tình cảm tốt đẹp, nhân hậu, những tình tiết kịch đầy xúc động lòng người. Vở rất hợp với sân khấu cải lương lại do một đoàn cải lương ở đầu mút phía Tây Nam tổ quốc dàn dựng và biểu diễn với tất cả sự chân thật đáng yêu. Một nét khác lạ của sân khấu hội diễn 1985 và của sân khấu nói chung" (Sđd, tr. 693).

Sau khi dựng cho Đoàn cải lương Tây Ninh đoạt huy chương Vàng trong đợt hội diễn này, đạo diễn Đoàn Bá còn đem vở về dựng lại cho đoàn Trần Hữu Trang của Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng với nhiều đạo diễn khác được đào tạo từ khối Đông Âu như Thành Trí, Bạch Lan, Ca Lê Hồng, Tường Trân, ông đã góp phần tạo nên một diện mạo mới cho sân khấu thành phố. Chính họ đã tạo cho khán giả thành phố ngoài thói quen đến với rạp hát vì có những ngôi sao, diễn viên mà mình ưa thích, còn là vì sự tín nhiệm vào những đạo diễn có uy tín như ông.

Theo đạo diễn Đoàn Bá, tâm lý quần chúng trong giai đoạn này có thể nể phục, thậm chí khẫu phục nhưng chưa tâm phục. Họ nể phục bởi cách làm việc nghiêm túc trước những tìm tòi đầy tính chất trí tuệ và sáng tạo của nghệ thuật đạo diễn là một nghệ thuật mới mẻ mà trước đây họ chỉ có vai trò người thầy tuồng làm công việc hướng dẫn biểu diễn, mà thường đó cũng là người viết kịch bản kiểm luận. Nhưng họ vẫn chưa thể tâm phục bởi cốt chuyện đó, vấn đề đó vẫn chưa phải là nỗi băn khoăn trăn trở của chính họ.

Đặc điểm vùng, miền dầu sao cũng là một vấn đề trong việc thông thương các tác phẩm sân khấu. Cùng với những tác phẩm đến từ miền Bắc, những tác phẩm hay của sân khấu cải lương của thành phố này sau 1975 đã chinh phục

người xem bằng chất lượng vở diễn với những vở về đề tài lịch sử, dã sử, truyền thuyết nhưng vấn đề nêu ra trong ấy luôn đi trước thời đại vì tính vĩnh cửu của nó *Người trong cũi nhớ* hoặc một cốt truyện chân thật, sinh động với văn chương trau chuốt, âm nhạc cải lương êm ngọt *Tiếng hò sông Hậu...* Bên cạnh đó, còn một lực lượng diễn viên trẻ đẹp, có nghề. Những người quản lý lúc này cũng là bộ phận cho những tác phẩm tìm được hướng đến với những khán giả tri âm tri kỷ của mình.

Từ 1980 trở đi, cạnh những đạo diễn đầy uy tín, được đào tạo từ các nước Đông Âu và Trung Quốc trở về, hoặc từ miền Bắc vào, thành phố còn được bổ sung thêm một lớp đạo diễn trẻ (được đào tạo từ trường Nghệ thuật Sân khấu II) như Trần Ngọc Giàu (cho đến nay kể cả những vở dựng cho toàn miền Nam cho cả kịch và cải lương, anh dựng có đến hai trăm vở), Hoa Hạ, Trọng Nam, Hồng Dung, Diệu Đức, Nguyễn Thị Minh Ngọc, cùng một số tác giả trẻ Trần Quốc Quân, Đức Hiền, Lam Tuyên, Đăng Minh... Đất chật người đông khó chen vào các đoàn chuyên nghiệp, những người trẻ tuổi không chịu ngồi yên để nghề nghiệp bị thui chột mà xộc vào các quận huyện để sau những đợt hội diễn sân khấu quần chúng, công chúng thành phố lại có những vở ngắn - trong đó có các vở cải lương - được trau chốt kỹ về nghệ thuật và sức lay động lòng người của nó không kém những vở được đầu tư ở các đại ban. Vừa cố học tập, nghiên cứu từ những nghệ sĩ đi trước mình, đó cũng là một nơi tiếp nguồn nhân lực về đạo diễn, tác giả và cả diễn viên cho sân khấu cải lương sau này bên cạnh những nghệ sĩ trước đây không thể dứt hẳn nghiệp cầm ca như Diệp Lang, Bạch Tuyết, Thanh Tòng, Mạnh Dung...

Trong giai đoạn này những vở cải lương được khán giả ưa chuộng như *Bên cầu dệt lụa* (Thế Châu - Nhị Kiều),

Nghêu Sò Ốc Hến (Năm Châu), *Tâm sự Ngọc Hân* (Lê Duy Hạnh), *Hòn đảo thần Vệ nữ* (phóng tác từ kịch Hy Lạp), *Bình Tây đại nguyên soái* (Năm Châu), *Tìm lại cuộc đời* (Huy Lam), *Phụng và Hoàng* (Hà Triều), *Hạt bụi và non cao* (Hoa Phượng), *Rạng ngọc Côn Sơn* (Xuân Phong), *Thái hậu Dương Văn Nga* (Trúc Đường, Huy Trường, về sau Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang có nhóm khác viết lại tích này gồm Hoa Phượng, Thế Hà Vân, Hoàng Việt), *Tiếng hò sông Hậu* (Điều Huyền), *Cây sầu riêng trở bông* (Hoài Linh), *Tiếng trống Mê Linh*, (Việt Dung, Vĩnh Điền), *Chim Việt cảnh Nam*, (Nguyễn Đức Thuyết), *Nàng Xê Đa* (Lưu Quang Thuận, Lưu Quang Vũ), *Tình yêu và lời đáp* (Nguyễn Trương Thiên Lý), *Mùa xuân cho em* (Hùng Tấn), *Người trong côi nhớ* (Lưu Quang Vũ), *Nàng Hai Bến Nghé* (Ngọc Linh).

Các đạo diễn được các đoàn mời dựng nhiều trong giai đoạn này là Ngô Y Linh, Lưu Chi Lăng, Đoàn Bá và Huỳnh Nga.

Đặc biệt, một loại hình được xem là đặc sản nghệ thuật và vốn quý của sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh là cải lương tổng cổ mà bên cạnh các nghệ nhân và nghệ sĩ lâu năm trong nghề còn có sự đóng góp của các đạo diễn Bích Lâm, Bá Huỳnh, Minh Trị, Minh Quân, Tiến Vinh, Nguyễn Mỹ... đã để lại những ấn tượng đẹp trong lòng khán giả qua các vở diễn *Câu thơ yên ngựa* (Hoàng Yến, Ngọc Văn), *Thanh gươm và nữ tướng* (Hoàng Yến, Thùy Linh), *Bảo táp Nguyên Phong* (Dương Linh, Huỳnh Minh Nhị), *Thất trảm sớ* (Phi Hùng), *Tám Cám* (Lưu Quang Thuận, Huy Trường), *Tình sử A Nàng* (Lộng Chương, Hoàng Sa), *Y Ban và nàng tiên* (Việt Dung, Văn Đức), *Bí mật dưới chân thành Cổ Loa* (Thanh Huyền, Hoa Lư).



060

**XIN CHO BIẾT VỀ SỰ KHÁC NHAU GIỮA
CẢI LƯƠNG HAI MIỀN NAM, BẮC VÀ VAI TRÒ
CỦA ĐẠO DIỄN ĐỐI VỚI SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG
SAU 1975.**

Trong giai đoạn đầu, một số khán giả của cải lương Sài Gòn cũ chưa quen với những vở cải lương từ miền Bắc về hay từ "R" ra, từ làn điệu chưa quen tai đến việc chưa quen mắt với hình thức biểu diễn áp dụng vũ đạo quá nhiều của nhóm diễn viên đó. Có những vở được miền Bắc mến mộ như *Kiều Nguyệt Nga*, *Dệt gấm...* về sau phải chỉnh sửa phong cách mới phù hợp với cải lương miền Nam.

Về sự khác nhau giữa cải lương hai miền Nam, Bắc... khi so cả trăm đoàn chính thức của toàn quốc với nhau, có khá nhiều nét nét tương đồng như có cùng gốc xuất phát, cùng sử dụng các loại bài Nam, Bắc, Oán với các loại hơi Xuân, Ai, Dặm..., mỗi câu ca và nhạc đều theo đúng lòng bản với nhịp nội, nhịp ngoại, những điểm biến và bất biến.

Dĩ nhiên, dị biệt cũng lắm. Có những khác biệt thuộc loại tiểu dị như do thổ âm các vùng khác nhau, người ta còn nghe lạ tai những bài bản phương Nam được ca bởi giọng Bắc hay lơ lợ Bắc Nam pha tạp. Bộ khảy được sử dụng ở cải lương là chính nhưng có khác nhau về số lượng giữa các cây kìm, tranh, guitare, sến và tăng cường bộ kéo cò, gáo, violon.

Khi diễn tuồng tâm lý xã hội đương đại, các đoàn xử lý diễn xuất chân thật, kết hợp giữa ca và nói đúng điệu đúng hơi như nhau nhưng với loại tuồng phải sử dụng vũ đạo thì sắc màu có khác chút đỉnh do các nguồn tiếp thu, pha chế, tổng hợp...

Xét về nội dung thì các vùng có điểm chênh nhiều. Cải lương Bắc và ở "R" về được sự điều khiển bởi người đạo diễn như người nhạc trưởng. Còn cải lương ở Sài Gòn, tuy tác giả đứng ra tập luôn (tức thầy tuồng) nhưng còn phải được lèo lái bởi những người chủ bỏ tiền ra kinh doanh để đồng vốn xoay vòng nảy nở, rồi tự xoay sở để ra đời giữa gong kềm kiểm duyệt, và dù có khó khăn thế nào vẫn không bẻ quẹo ngòi bút như ý muốn của những người cầm quyền.

Cải lương Bắc có điều kiện đào tạo lực lượng mới trong và ngoài nước, được nghiên cứu, thử nghiệm để chính quy hóa, biết cách buộc những nghệ thuật khác (văn, thi, nhạc vũ đạo...) hỗ trợ cho nghệ thuật ca diễn trung tâm. Cải lương tại Sài Gòn trong lúc xoay trở nhiều hướng để tồn tại trong một cơ chế thị trường với đồng tiền cùng chính quyền khổng chế đã bung ra nhiều dạng vẻ khác nhau, lắm khi bất chấp nội dung và những tín hiệu muốn gọi đi... Nhiều lớp học, trại viết, hội thảo, hội diễn được tổ chức để các kinh nghiệm trao đổi, nghiên cứu với nhau. Chủ yếu là vai trò đạo diễn được chính thức đề cao ở các nơi. Các soạn phẩm được tập thể tham gia góp ý từ khi còn là đề cương cho tới khi công diễn. Các tác giả, diễn viên tập bỏ thói quen cũ là trên cơ sở bản viết của thầy tuồng có sao làm vậy, ỷ vào thanh sắc trời cho không nghiên cứu, mổ xẻ kỹ tâm lý cùng cảnh huống của nhân vật. Sau 1975, thời gian để viết và dựng một vở có dài hơn.

Vai trò của đạo diễn đối với sân khấu cải lương và sau 1975 rất quan trọng vì nó góp phần cho sự thành công hay

thất bại của vở diễn. Với vốn kiến thức của mình người đạo diễn còn phải có tấm lòng yêu tha thiết bộ môn nghệ thuật này để vừa đứng trên tâm lý những nghệ sĩ mình đang cộng tác để vừa thuyết phục họ thay đổi những quan niệm không còn hợp thời nữa, vừa phải nghiên cứu tâm lý khán giả hiện tại để chinh phục họ. Khi chinh phục được khán giả thì mới thuyết phục được diễn viên.

Thực ra, trước 1975, ở Sài Gòn, để tạo một ngôi sao, các bầu gánh cũng có rước các nghệ sĩ tiền phong về hướng dẫn anh em nghệ sĩ diễn xuất kỹ, sâu bằng nghệ thuật tâm lý bằng những phương pháp có tham khảo sách nước ngoài (thế hệ các nghệ sĩ như Năm Châu, Bảy Nhiêu có đọc và nghiên cứu nghệ thuật biểu diễn của Stannilavski). Nhưng chỉ một thiểu số được học chuyên sâu, còn đa số học bằng phương pháp truyền nghề. Lúc đó cũng ít ai bỏ giờ ra để nghiên ngẫm vở khi dàn dựng vì luôn bị đòi hỏi phải ra nhanh mới kịp cho bầu xoay vòng vốn.

Và chuyện gì cũng có mặt thứ hai của nó, với một sân khấu thiên về lý, một bên thiên về tình, nếu không lĩnh tảo biết cách pha trộn chúng với nhau, để cuối cùng vẫn là để chia xẻ với người xem những vui buồn lãng mạn lẫn trần trở đời thường của người xem, những người góp phần tạo ra những vở diễn cải lương chắc chắn sẽ lãnh hậu quả của nó.



061

NHỮNG SOẠN GIẢ VÀ NGHỆ SĨ Ở SÀI GÒN NÀO SAU 1975 VẪN TIẾP TỤC THEO NGHỀ?

Những soạn giả và nghệ sĩ sau 1975 vẫn tiếp tục hành nghề như:

Soạn giả: Nguyễn Thành Châu, Hà Triều - Hoa Phượng, Nhị Kiều, Tám Vân, Thu An, Thanh Cao, Trần Hà, Hoàng Khâm, Điều Huyền, Nhị Kiều, Yên Trang, Nguyễn Phương, Vĩnh Điền, Kiên Giang, Quy Sắc, Nguyễn Liêu, Thế Châu, Thành Phát, Việt Thường, Phi Hùng, Vân An...

Nghệ sĩ: Phùng Há, Ba Vân, Út Trà Ôn, Thanh Nga, Ngọc Giàu, Bạch Tuyết, Phượng Liên, Kim Ngọc, Kiều Mai Lý, Thành Được, Thanh Thanh Hoa, Nam Hùng, Diệp Lang, Hùng Minh, Văn Ngà, Ba Xây, Tư Rộm, Lệ Thủy, Mỹ Châu, Thanh Kim Huệ, Thanh Điền, Giang Châu, Ngọc Bích, Hoàng Giang, Kim Giác, Ngọc Hương, Út Hiền, Tấn Tài, Bảo Quốc, Thanh Sang, Minh Phụng, Minh Vương, Minh Cảnh, Diệu Hiền, Hoài Thanh, Đỗ Quyên, Phương Quang, Văn Chung, Thanh Việt, Minh Chí, Ngọc Ẩn, Kiều Hoa, Ánh Hoa, Ánh Hồng, Thanh Nguyệt, Út Bạch Lan, Hương Huyền, Chí Hiếu...



XIN CHO BIẾT VỀ QUY CHẾ QUẢN LÝ CÁC ĐOÀN CẢI LƯƠNG TRONG THỜI KỲ SAU 1975.

Khi đất nước thống nhất xong, các đoàn được tổ chức lại dưới hai hình thức: quốc doanh và tập thể dân chủ. Tại Sài Gòn có hai đơn vị cải lương của Nhà nước là đoàn Văn Công (từ đoàn Văn Công giải phóng T4) và Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang (từ đoàn Ca nhạc Nam Bộ + một số lực lượng nghệ sĩ của Sài Gòn trước đây + Đoàn cải lương Giải phóng).

Những đoàn còn lại là đoàn cải lương tập thể: Sài Gòn I, Sài Gòn II, Sài Gòn III, Thanh Nga, Phước Chung, Hương Mùa Thu. Cạnh đó còn có hai đoàn cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, Minh Tơ (gốc từ nhóm cải lương Hồ Quảng), hai đoàn Triều Châu và Quảng Đông diễn bằng tiếng Hoa (thỉnh thoảng cũng diễn các kịch của tác giả người Việt như *Đời cô Lựu*).

Sau tháng 2. 1984, thành phố này còn có một đoàn mới là đoàn 284. Ở các đoàn nhà nước được bao cấp về mặt đầu tư tiết mục và lương hàng tháng cho nghệ sĩ lẫn công nhân viên gián tiếp là những bộ phận không trực tiếp làm nên sản phẩm nghệ thuật như những người kế toán, thủ quỹ, nhân viên hành chính... (Trong giai đoạn khó khăn của những ngày hòa bình đầu tiên, nhiều mặt hàng được phân phối chỉ cho cán bộ công nhân viên nhà nước thì có



Vở Đám cưới đầu xuân, tác giả Hoàng Song Việt, Nhóm Thấp sáng niềm tin Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang, 2005.

những viên chức chỉ chuyên đi mua đồ thực phẩm, tiếp phẩm cho toàn thể anh chị em trong đoàn hát). Các nghệ sĩ diễn ở đây được lãnh lương tháng lẫn lương hàng đêm, nhưng dĩ nhiên là cả hai đầu lương này đều không bằng giai đoạn lương "công tra" xưa kia nếu họ là những nghệ sĩ có tiếng. Độ chênh lệch giữa các diễn viên hạng A và B, C, D cũng chẳng chênh lệch nhau lắm. Một số nơi muốn tăng thù lao cho nghệ sĩ ngôi sao phải quy ra "tiền xăng" để khỏi bị phân bì. (Sau này vào những năm 90, khi về tỉnh một ngôi sao có thể lãnh mười lăm triệu trong lúc một nghệ sĩ khác có thể lãnh từ một vài trăm ngàn đến năm mươi ngàn).

Ở các đoàn tập thể thì Nhà nước chỉ trợ giá một phần nào đó thôi. Các đoàn bầu ra một số người đại diện mình cùng với những cán bộ nhà nước trông coi đoàn về mặt nghệ thuật lẫn thu, chi.

Kịch bản thì do các tác giả tự giới thiệu, hoặc Hội Sân khấu giới thiệu đến. Kịch bản sẽ được gửi lên Sở Văn hóa thông tin để kiểm duyệt. Sau khi tập xong, đoàn còn tổ chức một buổi để Hội đồng Nghệ thuật thẩm tra lần nữa và đưa những ý kiến góp ý nâng cao trước khi nhận được giấy phép công diễn.

Đặc biệt các tác giả ở thành phố này vẫn được hưởng 6% tổng số thu hàng đêm như trước đây. Và nếu là Nhà hát cấp quốc gia (như Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang) thì không phải qua giai đoạn duyệt kịch bản vì các Nhà hát trên nguyên tắc sẽ có Hội đồng thẩm định riêng.

Những năm đầu, cạnh mười đoàn lớn cấp thành phố của Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh gần như đều có từ một đến vài đoàn cải lương của mình ở Minh Hải, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Tiền Giang, Tây Ninh, Sông Bé, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu... nâng tổng số đoàn cải lương trên toàn quốc lên có tới trăm đoàn...

Cũng có lúc (khoảng thập niên 80) phong trào quần chúng lên mạnh, thành phố này phát triển các gánh cải lương đến cấp quận, cấp phường (thậm chí đôi chỗ đến cả mức... cấp tổ dân phố). Phát triển như thế, không thể nào có đủ người có chuyên môn chăm sóc nổi, các đoàn tự rã, và rã cả đến những đoàn chính quy.

Hiện tại gần như chính thức chỉ còn một Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, nhưng hoạt động song song mô hình Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trong nhà hát vẫn còn những đoàn ăn lương nhà nước (thường đi lưu diễn xa với vài ngôi sao ký "hợp đồng" theo từng chuyến). Cạnh đó nhà hát còn có khá nhiều nhóm tự tập lại theo mô hình hát chầu ngày xưa, đồng vốn có thể của Nhà nước hay chỉ của tư nhân mà cũng có thể do hai bên hùn vào nhưng cách thức duyệt tác phẩm thì cũng như xưa.

Về các đoàn tập thể thì chỉ còn đoàn Thanh Nga và đoàn Sài Gòn Một nhưng gần như các đoàn này chỉ còn bảng hiệu, vẫn theo mô hình hát chầu, tụ tập theo từng vở. Hiện có vài nhóm hoạt động tương đối có quy củ, kiên trì và đều đặn là nhóm Thấp sáng niềm tin, Hội ngộ tài năng của Hữu Quốc - Hoàng Song Việt, nhóm tuồng cổ của Vũ Luân, nhóm Những dấu ấn không phai gồm những nghệ sĩ trên dưới 50, 60 tuổi (còn gọi là U60 và U70) do Nghệ sĩ Ưu tú Lệ Thủy, Nghệ sĩ Nhân dân Diệp Lang đứng ra quy tụ dưới sự quản lý của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

Hiện tại, các hoạt động biểu diễn cải lương ở nước ngoài đang làm đau đầu các nhà quản lý. Có những mùa diễn, các ngôi sao cải lương không còn đủ trong nước để dựng vở. Khó giữ chân, trói buộc được họ bởi nếu họ ở lại cũng không có gì bảo đảm rằng họ có một môi trường sáng tạo nghệ thuật tử tế cùng thu nhập thỏa đáng. Đã có lúc có đề nghị nên có hợp đồng chia thời gian biểu diễn trong và ngoài nước của những nghệ sĩ cải lương và cả tấu hài theo một tỷ lệ hợp lý trong một năm.



063

NHÀ HÁT CẢI LƯƠNG TRẦN HỮU TRANG ĐÃ RA ĐỜI TRONG HOÀN CẢNH NÀO?

Một nét mới của cải lương trong giai đoạn sau 1975 là có những Nhà hát cải lương mang tầm cỡ quốc gia được thành lập (Nhà hát cải lương Trung Ương ở Hà Nội và Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang ở thành phố).

Được thành lập vào tháng 9. 1976, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang là nhà hát cấp một trong hệ thống nhà hát nghệ thuật quốc gia có ba chức năng: tổ chức biểu diễn, nghiên cứu thể nghiệm, mở trường đào tạo chính quy diễn viên cải lương...

Nhân sự của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang đến từ ba nguồn Đoàn cải lương Nam Bộ, Đoàn cải lương Giải Phóng và các nghệ sĩ thành phố (đến 1998 được sáp nhập thêm Đoàn cải lương Văn Công). Thời điểm mạnh nhất, nhà hát có đến ba đoàn. Hiện nay, nhà hát chỉ còn hai đoàn và vài câu lạc bộ cải lương.

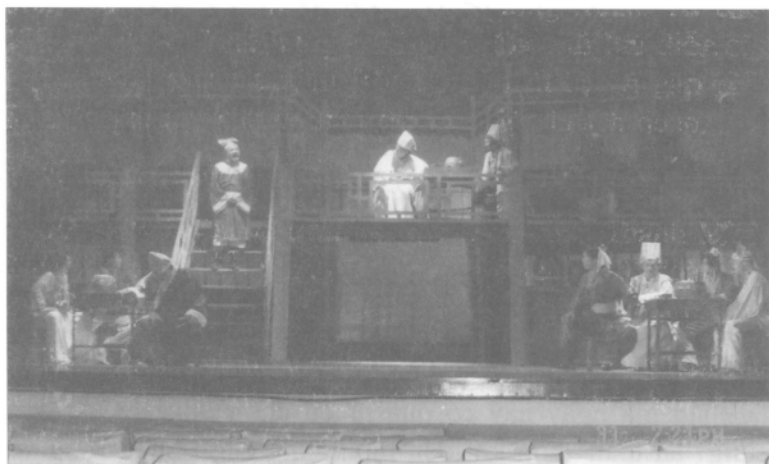
Những vở tiêu biểu của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang *Chim Việt cành Nam* (tác giả Nguyễn Đức Thuyết, Hùng Tấn, đạo diễn Đoàn Bá), *Thái hậu Dương Văn Nga* (tác giả Trúc Đường, Hoa Phượng, Thế Hà Vân, Hoàng Việt, đạo diễn Chi Lăng), *Tình yêu và lời đáp* (tác giả Nguyễn Trương Thiên Lý, Hùng Tấn, Thế Hà Vân, đạo diễn Đoàn Bá), *Rạng ngọc Côn Sơn* (tác giả Xuân Phong,

đạo diễn Đoàn Bá), *Nàng Xê Đa* (tác giả Lưu Quang Thuận, Lưu Quang Vũ, đạo diễn Đoàn Bá), riêng vở này được diễn gần hai ngàn xuất, chưa có vở kịch lẫn cải lương nào vượt qua con số này cho đến nay. *Hòn Vọng phu* (tác giả Lưu Quang Vũ, Mộc Linh, đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc), *Giữ áo bụi đời* (tác giả Trương Quốc Khánh, đạo diễn Đoàn Bá), *Cô đào hát* (tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Hoa Hạ), *Thương hoài ngàn năm* (tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Đoàn Khoa), *Một phút, một thời* (tác giả Khuê Ngọc, đạo diễn Trần Ngọc Giàu), *Cây lê bạn* (tác giả Thu Phương, đạo diễn Trọng Nam), *Rồng Phụng* (tác giả Lê Duy Hạnh, đạo diễn Trần Ngọc Giàu)...

Nhà hát có Câu lạc bộ Sân khấu tài năng và Câu lạc bộ Ba thể hệ tạo được nhiều tiếng vang và giải thưởng. Trường đào tạo diễn viên của nhà hát đã cung cấp được cho sân khấu cải lương thành phố nhiều khuôn mặt mới như Thanh Thanh Tâm, Chí Linh, Vân Hà, Tuấn Phương, Linh Trung, Huỳnh Mai (khóa I), Thoại Mỹ, Thùy Trang, Hồng Hoa, Hoàng Thân, Ngọc Huyền, Kim Tử Long... (khóa II), Hữu Quốc, Tấn Giao, Ngọc Tuyết, Ngọc Nga, Thanh Lựu (khóa III), Mỹ Hằng, Tâm Tâm (khóa IV).

Giảng viên dạy theo phương pháp truyền nghề - từ thế hệ các nghệ sĩ tiền phong như Phùng Há, Kim Cúc đến các thầy từ Hà Nội về như Ngô Thị Hồng, Hoàng Ba, Tấn Đạt, Ngọc Thạch, Thanh Hương, Ngọc Hùng... Về sau bổ sung thêm các giảng viên trẻ, kết hợp thêm phương pháp đào tạo theo tâm lý kỹ thuật mới có Nguyễn Thị Minh Ngọc, Huỳnh Mai, Hải Đệ, Anh Vũ, Tuấn Phương, Văn Đức...

Năm 1990, khóa III tốt nghiệp ở đây được lập thành Đoàn cải lương Xung Kịch chuyên biểu diễn miễn phí cho các vùng sâu, vùng xa ngoại vi thành phố.



Vở Một ngày làm vua, soạn giả Viễn Châu, đạo diễn Diệp Lang, Những dấu ấn không phai, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.

Đoàn còn có những tác phẩm đáng chú ý *Lời thề bẻ bạn*, tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Anh Vũ, *Bụi mờ ái ngại*, tác giả Hà Triều, Hoa Phượng, đạo diễn Hoàng Ba, *Đoạn tình ca*, tác giả Ngọc Linh, đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc, *Bản tình ca quê mẹ*, tác giả Lam Tuyên, đạo diễn Lê Văn Tỉnh, *Lũ rừng*, tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đoàn Bá, đạo diễn Đoàn Bá.

Những người sau đây đã lần lượt làm Giám đốc Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang: đạo diễn Lưu Chi Lăng, họa sĩ Lương Đống, Tư Lợi, đạo diễn Đoàn Bá, Quốc Hùng.

Trong đó, đạo diễn Đoàn Bá làm đạo diễn lâu nhất (mười sáu năm) và cũng dàn dựng được nhiều tác phẩm có tiếng vang cho nhà hát nhất. Đạo diễn Lưu Chi Lăng có nhiều cuộc cách tân táo bạo về mặt quản lý nhân sự để đưa đến những tác phẩm thu hút công chúng, tiếc là ông mất sớm vì bạo bệnh. Một thời Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang có một cơ chế quản lý rất thoáng là gần như khi giao một vở cho một đạo diễn nào đạo diễn thì đạo diễn đó có quyền

hạn... tương đương với giám đốc để có thể phóng tay hơn khi làm nghệ thuật.

Giám đốc đương thời là Trần Quốc Hùng. Ông vốn là diễn viên, đã đóng vai chánh trong vở *Cây sấu riêng trở bông*, về sau làm giám đốc của đoàn Văn Công. Khi Văn Công sáp nhập về với Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang vào năm 1998, cũng là giai đoạn vô cùng khó khăn vì cũng là lúc cải lương gặp nhiều sóng gió. Một trong những cách tạm thời vượt qua những biến động về nhân sự, thiếu hụt những kịch bản hay, đạo diễn giỏi, và điều quan trọng nhất là khán giả ngày nay có quá nhiều chọn lựa hấp dẫn mà cũng "an toàn" hơn khi đến rạp... Ông chọn bung rộng về hướng cộng tác với các nhóm cải lương xã hội hóa như nhóm Hoàng Song Việt, nhóm Vũ Luân...

Năm 2000, Nhà hát được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng hai. Trường Đào tạo, đoàn Xung Kịch được các Huân chương Lao động hạng ba.



XIN CHO BIẾT VỀ TRƯỜNG ĐÀO TẠO DIỄN VIÊN CỦA NHÀ HÁT CẢI LƯƠNG TRẦN HỮU TRANG.

Trường Đào tạo diễn viên của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang thành lập từ 1977 đến 2005 đã đào tạo được 5 khóa, đóng góp cho sân khấu thành phố và các tỉnh nhiều khuôn mặt mới sau này trở thành những diễn viên có tên tuổi như Thái Ngân, Thái Châu, Hoàng Thân, Huỳnh Mai, Thanh Thanh Tâm, Chí Linh, Vân Hà, Tô Châu, Hồng Hoa, Tuấn Phương, Linh Trung (khóa I), Thoại Mỹ, Thùy Trang, Ngọc Huyền, Kim Tử Long (khóa II), Hữu Quốc, Tấn Giao, Ngọc Tuyết, Ngọc Nga, Thanh Lựu (khóa III), Mỹ Hằng, Tâm Tâm (khóa IV).

Giảng viên dạy theo phương pháp truyền nghề (từ thế hệ các nghệ sĩ tiền phong như Phùng Há, Kim Cúc) đến các thầy từ miền Nam đi rồi trở về như Hoàng Ba, Tấn Đạt, Ngọc Thạch, Thanh Hương, Ngọc Hùng... Sau bổ sung thêm các giảng viên trẻ, kết hợp thêm phương pháp đào tạo theo tâm lý kỹ thuật mới có Nguyễn Thị Minh Ngọc, Huỳnh Mai, Hải Đề, Anh Vũ, Tuấn Phương, Văn Đức...

Trong lúc đang đào tạo, trường cũng đã dự các Liên hoan Sân khấu và đoạt giải về diễn viên lẫn vở diễn như *Như một huyền thoại* tác giả Lê Duy Hạnh, đạo diễn Đoàn Bá, tiết mục chào mừng Liên hoan Sân khấu Chuyên nghiệp toàn quốc 1985. *Bão rừng tre* tác giả Huỳnh Anh, đạo diễn



**Thanh Tuấn, Diệp Lang trong vở Tấn nương thất, tác giả Hà Triều
- Hoa Phượng, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang, tháng 8. 1985.**

Hoàng Ba, tiết mục chào mừng Liên hoan Sân khấu Chuyên nghiệp toàn quốc 1990. *Gặp mẹ trong mơ* tác giả Lê Bình, Văn Đức, đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc, Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu Thiếu nhi thành phố 1988.

Trường cũng đã hai lần cung ứng diễn viên cho Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang lập hai đoàn gồm toàn những diễn viên trẻ:

- Đoàn cải lương Thanh niên gồm Thanh Thanh Tâm, Chí Linh, Vân Hà, Tuấn Phương, Linh Trung của khóa I. Về sau đổi thành bằng hiệu Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang đoàn Ba, bổ sung thêm khóa II có Thoại Mỹ, Thùy Trang, Kim Tử Long, Tô Châu, Hồng Hoa...

- Năm 1990, khóa III của trường tốt nghiệp xong được lập thành Đoàn cải lương Xung kích chuyên biểu diễn miễn

phí cho các vùng sâu, vùng xa ngoại vi thành phố như Cần Giờ, Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Thủ Đức.

Đoàn khai trương bằng bốn vở tốt nghiệp của khóa III như *Lời thề bẻ bạn*, tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, Văn Đức, đạo diễn Anh Vũ. *Bụi mờ ái ngại*, tác giả Hà Triều, Hoa Phượng, đạo diễn Hoàng Ba. *Đoạn tình ca*, tác giả Ngọc Linh, đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc. *Giông tố*, Nguyễn Thị Minh Ngọc phóng tác theo truyện cùng tên của Vũ Trọng Phụng.

Năm 2000, Trường Đào tạo của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang được nhận Huân chương Lao động hạng ba.



XIN CHO BIẾT MỘT SỐ VỞ DIỄN NỔI BẬT CỦA NHÀ HÁT CẢI LƯƠNG TRẦN HỮU TRANG.

Sau 1975, bên cạnh những nghệ sĩ từ miền Bắc và trong rừng ra như Thanh Vy, Lê Thiện, Công Thành, Minh Châu, Tấn Đạt, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang vẫn mời được những nghệ sĩ của Sài Gòn cũ cộng tác với mình như Kim Ngọc, Hoàng Long, Kim Phương, Đặng Vinh Quang... nhưng những vở được dàn dựng công phu như *Chim Việt cành Nam* (tác giả Nguyễn Đức Thuyết, Hùng Tấn, đạo diễn Đoàn Bá) vẫn khó khăn khi bán vé.

Ngồi ở quán nước bên đường, cạnh rạp Quốc Thanh với soạn giả Hoa Phượng, giám đốc Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang bấy giờ là đạo diễn Lưu Chi Lăng thấy "xót ruột". Ông nói với Hoa Phượng "Hoa Phượng nè, mình nguyên có một ngày, mình sẽ dựng cho nhà hát này một vở hay đến nỗi khán giả muốn được vào coi cũng phải khó khăn đứng xếp hàng đợi đến lượt mình".

Khi Thanh Nga bị sát hại, gần mười đoàn của thành phố đồng lòng dựng lại vở *Thái hậu Dương Vân Nga*. Riêng đạo diễn Lưu Chi Lăng đặt riêng cho nhóm tác giả Hoa Phượng, Thế Hà Văn, Hoàng Việt viết lại thành một kịch bản mới dựa trên kịch bản cũ của Trúc Đường. Ông còn đề nghị được mời một nữ nghệ sĩ có biệt danh "Cải lương



**Tấn Giao, Cẩm Tiên trong vở Trái tim em nói thế, tác giả Hùng Tấn
Đoàn II Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.**

chi bảo" của miền Nam là Bạch Tuyết về đóng chung vai Thái hậu Dương Vân Nga cùng với Ngọc Giàu (do tình hình khó khăn sau 1975, Bạch Tuyết chưa được cấp phép đi diễn lại). Cuối cùng, khi vở *Thái hậu Dương Vân Nga* của ông được ra mắt với pano vẽ hai bà thái hậu cao bốn mét với khuôn mặt của Ngọc Giàu và Bạch Tuyết thì đạo diễn Chi Lăng đã thực hiện được lời nguyện của ông. Khán giả muốn vào xem phải xin giấy giới thiệu của cơ quan và đứng xếp hàng rồng rắn trước quầy bán vé.



Thanh Thanh Tâm, Minh Vương trong vở Tô Ánh Nguyệt, tác giả Trần Hữu Trang, Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.

Những vở hay của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang như *Thái hậu Dương Vân Nga* (tác giả Trúc Đường, Hoa Phượng, Thế Hà Vân, Hoàng Việt, đạo diễn Chi Lăng), *Hoàng Việt*, đạo diễn Chi Lăng), *Kiều Nguyệt Nga* (tác giả Ngọc Cung, đạo diễn Lưu Chi Lăng), *Rạng ngọc Côn Sơn* (tác giả Xuân Phong, đạo diễn Đoàn Bá), *Nàng Xê Đa* (tác giả Lưu Quang Thuận, Lưu Quang Vũ, đạo diễn Đoàn Bá), riêng vở này được diễn gần hai ngàn suất, chưa có vở kịch lần cải lương nào vượt qua con số này cho đến nay, *Hòn đảo thần Vệ Nữ* (từ một vở kịch của Hy Lạp, đạo diễn Đoàn Bá), *Bàn thờ tổ một cô đào* (tác giả Nguyễn Quang Sáng, Đức Hiền, đạo diễn Đoàn Bá), *Y Ban và nàng tiên* (tác giả Việt Dung, Văn Đức, đạo diễn Hoàng Ba), *Sống trong tình thương* (tác giả Lưu Quang Vũ, đạo diễn Đoàn Bá), *Tháp đoạn hồn* (tác giả Trương Vũ phỏng theo truyện cùng tên của Alexandre Dumas cha, đạo diễn Đoàn Bá),

Hòn Vọng phu (tác giả Lưu Quang Vũ, Mộc Linh, đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc), *Cô đào hát* (tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Hoa Hạ), *Tình yêu tên cướp* (tác giả Ngọc Tranh, đạo diễn Đoàn Bá), *Xa phu đi sứ* (tác giả Đức Phú, đạo diễn Đoàn Bá), *Nửa đời hương phấn* (tác giả Hà Triều Hoa Phượng, đạo diễn Đoàn Bá), *Giữ áo bụi đời* (tác giả Trương Quốc Khánh, đạo diễn Đoàn Bá), *Tuyệt tình ca* (tác giả Hà Triều Hoa Phượng, đạo diễn Hoa Hạ), *Thương hoài ngàn năm* (tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Đoàn Khoa), *Một phút, một thời* (tác giả Khưu Ngọc, đạo diễn Trần Ngọc Giàu), *Cây lê bạn* (tác giả Thu Phương, đạo diễn Trọng Nam), *Rồng Phụng* (tác giả Lê Duy Hạnh, đạo diễn Trần Ngọc Giàu).



066

ÂM NHẠC CỦA CẢI LƯƠNG SAU 1975 CÓ NHỮNG THAY ĐỔI GÌ?

Âm nhạc của cải lương sau năm 1975 có thay đổi về số lượng bài bản, thêm nhiều nhạc lý của dân ca du nhập và nhạc sáng tác như *Đoàn khúc lam giang*, *Phi vân điệp khúc* và *Vọng kim lang*...

Trong giai đoạn trước 1975, ở Hà Nội có lập một Trung tâm Nghiên cứu cải lương gắn chặt với Đoàn cải lương Nam Bộ ở đó ngoài những tác giả, đạo diễn, họa sĩ còn có những nhạc sĩ gốc miền Nam hoặc có nghiên cứu chuyên sâu về miền Nam. Lúc đó họ đã có một vài công trình thể nghiệm về âm nhạc. Sau 1975, trong môi trường sáng tạo nghệ thuật của quê nhà, họ càng có nhiều đất để thể nghiệm những tìm tòi của mình hơn. Âm nhạc tham gia trong tổng thể một tác phẩm cải lương trước đây thường chỉ để minh họa, tạo không khí... Sau này, mỗi vở diễn đều hình thành một dàn nhạc riêng cho vở diễn cải lương có sáng tác phần nhạc chủ đề, nhạc biểu hiện, thậm chí để phục vụ ý tưởng của đạo diễn có đôi khi xử lý những giai điệu tương phản.

Chỗ của những bài ca tân nhạc trộn vào như hình thức "tân cổ giao duyên" trước đây, nay thường là chỗ của những bài Lý...

Nghệ sĩ ưu tú Thanh Hải, người thường tham gia các công trình cải lương thể nghiệm cho biết: cải lương hiện

tại sử dụng hết tất cả các bài bản xưa của phong trào đàn ca tài tử nhưng không lấy trọn bài mà chỉ lấy từng đoạn, từng khúc thức. Ví dụ như lấy lớp Dựng, hay lớp Mái nào đó trong vốn liếng 20 bài tổ. Vì nếu sử dụng trọn bài tài tử thì quá dài thời gian, tình huống kịch sẽ người đi và tâm trạng nhân vật lúc ấy không tập trung vào chủ đề để bật ra hành động, mà đặc tính của sân khấu là hành động.



067

XIN CHO BIẾT VỀ TỜ ĐẶC SAN SÂN KHẤU.

Đặc san *Sân khấu* ra đời từ năm 1980, nhằm phục vụ cho thông tin sân khấu, phê bình nghệ thuật, học thuật và quảng bá tên tuổi cho các nghệ sĩ trẻ cùng hoài niệm về các tài danh đã qua.

Ngay khi ra mắt các hội viên (vì chỉ mới như một tờ báo trong nội bộ) thì đã được nhiều hội viên ủng hộ, góp ý xây dựng. Là tờ báo chuyên ngành, tiếng nói của Hội Sân khấu thành phố nên trong suốt thời gian định hình và lớn mạnh, báo vẫn luôn thực hiện đúng và đầy đủ chủ trương đường lối do hội đề ra.

Tập trung nhất vẫn là nhiệm vụ tập hợp nghệ sĩ, tập hợp các thành phần trong giới làm sân khấu nói chung; Khuyến khích, nâng đỡ các tài năng trẻ; Phê phán những biểu hiện tiêu cực trong giới như tệ nạn cờ bạc, những hành vi cạnh tranh không lành mạnh giữa các đoàn hát, giữa các cá nhân nghệ sĩ; Góp phần giáo dục tinh thần đùm bọc, yêu thương trợ giúp lẫn nhau giữa những người hoạt động nghệ thuật, giáo dục nhân cách cho nghệ sĩ trẻ, giáo dục đạo đức nghề nghiệp, đạo đức đời thường cho nghệ sĩ nói chung...

Chủ động tổ chức thực hiện các giải thưởng lớn do Hội Sân khấu thành phố chủ trương, như Bình chọn diễn viên được yêu thích nhất, Đôi nghệ sĩ được yêu thích nhất, Đệ

nhất danh hài... Từ năm 1990 đến 1998, báo *Sân khấu Thành phố* tổ chức thực hiện thành công giải Triển vọng Trần Hữu Trang, thu hút số lượng nghệ sĩ tham dự giải rất đông (thường trên 100 nghệ sĩ / mỗi cuộc thi) và số lượng bạn đọc bình chọn cũng rất đông (có cuộc thi thu hút trên 22.000 bạn đọc)... Những hoạt động này góp phần rất lớn trong việc xây dựng, khẳng định tài năng của một lớp nghệ sĩ trưởng thành sau ngày giải phóng, cũng như xây dựng được một tầng lớp bạn đọc yêu thích nền sân khấu truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc.

Lực lượng nghệ sĩ trẻ thành danh từ sau các giải thưởng của báo *Sân khấu Thành phố* tính đến này hầu hết đều đã trở thành những nghệ sĩ tài danh. Trong số đó đã có ba nghệ sĩ được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú là Vũ Linh, Thanh Thanh Tâm và Phương Hồng Thủy. Từ năm 1999 đến nay, báo *Sân khấu Thành phố* vẫn là thành viên của giải thưởng này.

Toàn bộ doanh thu của báo *Sân khấu Thành phố* từ khi báo chính thức hoạt động cho tới năm 1997 đều nộp về Hội Sân khấu thành phố và hội quản lý mọi chi thu của báo. Thời kỳ báo mạnh nhất là khi số phát hành tăng cao gần 43.000 số một kỳ. Từng là một trong những tờ báo được đông đảo bạn đọc ở các tỉnh thành yêu thích.

Báo luôn cố gắng thay đổi về hình thức trình bày và nội dung, đáp ứng nhu cầu lành mạnh của bạn đọc, bắt kịp với công nghệ in đang phát triển, có thời gian mạnh dạn chuyển sang in màu... Từng đoạt giải thưởng bìa đẹp (báo Xuân) do Hội Nhà báo trao tặng.

Năm 2004, báo *Sân khấu Thành phố* có trung cầu ý kiến bạn đọc và trao giải thưởng Nụ cười vàng cho 20 cá nhân và nhóm hài được yêu thích nhất. Chương trình biểu diễn có thu video do Bến Thành Video - Audio thực hiện. Cũng trong năm này, báo *Sân khấu Thành phố* còn tổ chức giải

thưởng Diễn viên tài sắc. Đây giống như hậu giải thưởng Trần Hữu Trang. Cuộc thi tranh tài này chú trọng nhiều đến khả năng sáng tạo của từng nghệ sĩ trên sân diễn, trong mỗi vai diễn. Vì thế cuộc thi đã thực sự là một thử thách đối với các nghệ sĩ trẻ.

Năm 2005, cột mốc quan trọng của lịch sử để chào mừng 30 năm giải phóng đất nước, báo *Sân khấu Thành phố* tổ chức cuộc Trưng cầu ý kiến bạn đọc để chọn ra những gương mặt Ấn tượng sân khấu 30 năm. Có 31 nghệ sĩ, trong đó có 24 nghệ sĩ tài danh và 7 diễn viên được bầu chọn là Ấn tượng trẻ. Đây giống như một cuộc tôn vinh những nghệ sĩ đã đóng góp công sức cho nền sân khấu cải lương.



**XIN GIỚI THIỆU MỘT SỐ ĐẠO DIỄN TIÊU BIỂU
CỦA SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG THÀNH PHỐ
SAU 1975.**

Một số đạo diễn dàn dựng có hiệu quả cho sân khấu cải lương như:

- **Nghệ sĩ nhân dân Năm Châu:** Có mặt từ những năm mà nghệ thuật này còn non trẻ, ông đã gom tất cả những vốn liếng tri thức cùng tâm huyết trong cuộc đời nghề nghiệp của mình để đồng nghiệp quanh ông có thể sống được với nghề, khán giả cũng có thể bỏ những thói quen cũ mà hướng tới một loại nghệ thuật gần với đạo hơn là đời như thời gian trước khi hoà bình trở lại ông đã nhọc nhằn sống và đôi khi tưởng đã phải chết với nghề. Những vở tiêu biểu của ông trong giai đoạn này có: *Bình Tây đại nguyên soái* – *Trương Định*, *Nghêu Sò Ốc Hén*.

- **Nghệ sĩ nhân dân Ngô Y Linh:** Là một tác giả kịch nói, và là thầy giúp cho nhiều tác giả, đạo diễn sau này có tiếng với đời, ông lao vào dàn dựng sân khấu cải lương với tất cả tấm lòng cùng bà con ruột thịt Nam Bộ và với tình thân của một nghệ sĩ - chiến sĩ. Rất tiếc sức khỏe không cho phép ông có thể cống hiến nhiều hơn. Ông chưa kịp dựng nhiều nhưng chỉ cần với *Tiếng trống Mê Linh* người ta cũng thấy công ông rất lớn trong sân khấu cải lương giai đoạn hòa bình vừa lập lại.

- **Nghệ sĩ ưu tú Lưu Chi Lăng:** Ông là một đạo diễn cải lương có nhiều cuộc cách tân táo bạo về mặt quản lý nhân sự để đưa đến những tác phẩm thu hút công chúng, tiếc là ông mất sớm vì bạo bệnh. Một thời Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang có một cơ chế quản lý rất thoáng là gần như khi giao một vở cho một đạo diễn nào đạo diễn thì đạo diễn đó có quyền hạn... tương đương với giám đốc để có thể phóng tay hơn khi làm nghệ thuật. Ông chinh phục được nhiều nghệ sĩ nổi tiếng của Sài Gòn cũ như Bạch Tuyết, Hồng Nga, Ngọc Giàu... để lại cho đời những tác phẩm cải lương hay sau 1975 như *Thái hậu Dương Vân Nga* (tác giả Trúc Đường, Hoa Phượng, Thế Hà Vân, Hoàng Việt, đạo diễn Lưu Chi Lăng), *Kiều Nguyệt Nga* (tác giả Ngọc Cung, đạo diễn Lưu Chi Lăng).

- **Nghệ sĩ ưu tú Đoàn Bá:** Ông là người ở Sóc Trăng tập kết ra Bắc, học đạo diễn ở Nga. Trong cuộc chơi nghệ thuật của ông, ông được anh em trong nghề và báo chí gán cho nhiều cái tên như "Cây đàn muôn điệu", "Đạo diễn có sức lay động!", "Đạo diễn của những số phận" hay "Lão phù thủy của sân diễn"... Trong các tên gọi này ông thích nhất cái tên "Đạo diễn âm áp" nhất vì theo ông nó có vẻ "nhân tình" nhất. Quá trình lao động nghệ thuật của ông được ông cho rằng đó cũng là quá trình hoàn thiện chính mình. Qua từng vở diễn bao giờ ông cũng gửi gắm cả sự trải nghiệm cuộc đời mình. Ông thường viết thêm nhiều đoạn độc bạch để có thể chuyển thành bài ca khi dàn dựng. Yếu tố giúp ông thành công có lẽ cũng từ đó: ông xây dựng những mảnh đời trên sân khấu như viết về chính mình. Trong khoảng vài trăm vở ông dựng trên toàn quốc có khoảng trăm vở cải lương, và thường chỉ toàn những vở động lại trong lòng người xem những điều cần chia sẻ. Ông thích những vở cổ tích, đã sử dụng màu sắc huyền thoại như vở *Nàng Xê Đa* của Lưu Quang Thuận - Lưu Quang Vũ. *Chiếc hài bạc* là vở cải lương thể nghiệm của

Hoàng Yến do ông dàn dựng được đài BBC đưa tin. Với có hình thức biểu diễn như lễ hội pha trộn với nghệ thuật sắp đặt hiện đại. Lồng vào đó là câu chuyện tình của thương gia nước Nhật và một nàng công chúa thuộc dòng hoàng tộc, con chúa Hiền vương Nguyễn Phúc Nguyên ở Hội An.

- **Nghệ sĩ nhân dân Huỳnh Nga:** Một thời gian dài ông là người gắn đời mình với sân khấu cải lương giai đoạn đầu với những vở đi vào lòng khán giả bình dân như *Tiếng hò sông Hậu*, *Nàng Hai Bến Nghé*, *Khách sạn hào hoa*, *Tìm lại cuộc đời*, *Đời cô Lựu*... Những năm sau này ông thường đi xa hơn, về các tỉnh để khi dựng vở gần như kiêm luôn công tác đào tạo cho các địa phương.

- **Nghệ sĩ nhân dân Ba Vân:** Với vốn nghề diễn viên, đặc biệt có biệt tài tỏa sáng trong các vai phụ, cộng thêm vốn kiến thức âm nhạc được trang bị hồi nhỏ, khi dàn dựng ông đã phân tích được những chi tiết và giúp cho diễn viên của ông chạm được đến chiều sâu thẳm trong tâm hồn rất cần thiết cho một vở cải lương. Nếu cần, ông còn "thị phạm" như một cách phân tích bằng hành động. Những diễn viên nào đã tập những vở như *Tô Ánh Nguyệt* với ông là có thể dùng vốn liếng đó ứng dụng cho vở khác.

- **Nghệ sĩ nhân dân Diệp Lang:** Giống như Ba Vân, vốn là một diễn viên tài năng, khi chuyển sang làm đạo diễn ông có nhiều ưu điểm thuận lợi. Một ưu thế nữa là ông nổi tiếng trong giới như là một người sống chết với những ai ngoài lề trong nghề xúc phạm tới hai chữ "cải lương". Với nhiệt huyết đó, ông không chấp nhận một cung cách làm nghệ thuật cầu thả, tùy tiện, ít nhất cũng trong những vở cải lương dựng lại mà ông được toàn quyền quyết định như *Đời cô Lựu*, *Tô Ánh Nguyệt*... Và vở *Tình mẫu tử* gần đây nhất, ông dựng cho nhóm "Những dấu ấn không phai" gồm những nghệ sĩ một thời vang bóng tụ lại làm nghề...

- **Nghệ sĩ ưu tú Công Thành:** Xuất thân là diễn viên, lại chuyên đóng những vai hiền lành, các bản dựng của ông cũng hiền lành như vậy. Nhiều nghệ sĩ an tâm khi được làm việc với ông có lẽ cũng vì vậy. Ông ít dựng cho các đoàn lạ mà thường chỉ dựng cho Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang của mình.

- **Nghệ sĩ ưu tú Trần Ngọc Giàu:** Trong khoảng hai trăm vở (kịch và cải lương) mà anh đã dựng cho đến nay, số lượng vở cải lương hay của người đạo diễn được coi là trẻ này khá nhiều, nếu kể luôn những vở cải lương anh dựng cho các đoàn ở đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay anh là đạo diễn được cơ hội làm nhiều nhất ở thành phố này và còn được các tỉnh (Minh Hải, Hậu Giang...) săn đón mời về dàn dựng - nhất trong các đợt hội diễn cải lương. Đợt hội diễn Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc gần đây nhất (năm năm tổ chức một lần), người ta áng chừng anh có khoảng năm trên tổng số khoảng hai mươi vở tham gia. Và cuối cùng Huy chương Vàng độc nhất được trao cho tác phẩm của anh đều được các nghệ sĩ trong nghề cho là xứng đáng. Các vở tiêu biểu như *Một phút, một thời* (tác giả Khuu Ngọc), *Rồng phụng* (tác giả Lê Duy Hạnh), *Huyền thoại tình yêu* (tác giả Hùng Tấn).

- **Nghệ sĩ ưu tú Thanh Tòng:** Kiên trì với hương cải lương tuồng cổ mà mấy đời dòng họ mình đã vun đắp, anh có một lối đi riêng không trùng với ai. Khán giả yêu mến anh khi anh là diễn viên cũng như khi anh là đạo diễn. Xứng đáng với tấm lòng tin yêu ấy, anh luôn "gìn vàng giữ ngọc" những nét đẹp của sân khấu tuồng cổ, và luôn kêu gọi những hậu duệ đừng chạy theo những hiệu qua trước mắt mà quên đi những nét đẹp của ông cha. Anh thường chuyển thể những tác phẩm cải lương hay đã định hình rồi sáng tạo thêm phần âm nhạc trước khi dàn dựng

lại. Đó là những vở: *Thanh gươm cô Đồ đốc* của Hoàng Yến, *Thù Linh*, *Người đẹp đến Tiền Châu* của Hoài Giao.

- **Trọng Nam:** Anh là một trong những đạo diễn trẻ được Huy chương Vàng toàn quốc do dàn dựng cải lương sớm nhất. Đó là vở *Loài hoa không tên* của Ngô Hồng Khanh. Cùng với họa sĩ Lê Văn Định, qua *Cây lê bạn* của tác giả Thu Phương, người ta thấy người đạo diễn trẻ này đã có những tìm tòi táo bạo như một cách để đẩy sân khấu cải lương mang hơi thở hiện đại hơn mà cũng không xóa đi chất trữ tình cần thiết.

Đặc biệt, một loại hình được xem là đặc sản nghệ thuật và vốn quý của sân khấu thành phố là cải lương tuồng cổ mà bên cạnh các nghệ nhân và nghệ sĩ lâu năm trong nghề còn có sự đóng góp của các đạo diễn Bích Lâm, Bá Huỳnh, Minh Trị, Minh Quân, Tiến Vinh, Nguyễn Mỹ, Hoàng Sa... đã để lại những ấn tượng đẹp trong lòng khán giả qua các vở diễn: *Câu thơ yên ngựa* (Hoàng Yến, Ngọc Văn), *Thanh gươm và nữ tướng* (Hoàng Yến, Thù Linh), *Bão táp Nguyên Phong* (Dương Linh, Huỳnh Minh Nhị), *Thất trăm só* (Phi Hùng), *Tám Cám* (Lưu Quang Thuận, Huy Trường), *Tình si A Nàng* (Lộng Chương, Hoàng Sa), *Bí mật dưới chân thành Cổ Loa* (Thanh Huyền, Hoa Lư).

- **Minh Hải:** sau khi làm một số vở cải lương cho Câu lạc bộ Cải lương của Hội Sân khấu thành phố, với cương vị Phó phòng Văn nghệ cho Đài Truyền hình thành phố, Minh Hải cũng đem được hơi thở thời đại vào các tiết mục cải lương cho cơ quan của anh. Một số vở cải lương của Minh Hải dựng mang tính cách thể nghiệm như *Ngôi đền cổ* (Huỳnh Minh Nhị), *Khúc ly hương* (Thanh Kim Huệ).

- **Hoa Hạ:** Chị thường xông vào những vấn đề gai góc, những điểm nóng của xã hội đang sống và trong đó các nhân vật chính trẻ, khỏe và đầy nhiệt huyết như chị đã luôn đấu tranh không khoan nhượng với cái ác và cái xấu như

Vượt qua đêm tối (Lê Quý Hiền, Liên hoan Sân khấu thể nghiệm toàn quốc lần 2 ở Ninh Bình 1996), *Cô đào hát* (Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu Sài Gòn 300 năm 1998), *Cung đàn nào cho em* (Huỳnh Anh, Sân khấu Thấp sáng niềm tin của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang).



**XIN GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỮ ĐẠO DIỄN TIÊU BIỂU
CỦA SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG THÀNH PHỐ
SAU 1975.**

Trước 1975, trong ngành sân khấu cải lương gần như chưa có vai trò đạo diễn nói chung và nữ đạo diễn nói riêng. Một trong những nét mới của sân khấu thành phố từ 1975 là người ta thấy xuất hiện bên dưới tên tuổi hai chữ đạo diễn và đặc biệt có những đạo diễn được đào tạo từ các trường đại học lớn ở nước ngoài.

- Nguyễn Tường Trân: Bà dàn dựng cải lương không nhiều, như *Tình người ở lại*, tác giả Nguyễn Quang Sáng (đoàn Thanh Nga), *Thái hậu Dương Vân Nga* (đoàn Phước Chung. Sau khi Thanh Nga mất, do Mộng Tuyền đóng). Bà đã sử dụng một phong cách dựng hiện đại với quan niệm nghệ thuật sâu sắc, mà giản dị để nêu bật được nét độc đáo của từng vở cải lương giàu tính nhân văn.

- Ca Lê Hồng: Bà chủ trương phối hợp nhuần nhuyễn ca, diễn và hình thức vũ đạo để khắc họa rõ nét tính cách nhân vật trong mỗi tình huống. Trong thời gian làm Phó Giám đốc Viện nghiên cứu Cải lương bà cũng đã góp tay vào nhiều hội thảo và công trình nghiên cứu chất lượng... Đa số các tác phẩm của bà cho thấy một thái độ nhân ái, khoan hòa với cuộc sống. Bà đã dựng nhiều vở cải lương cho thành phố như *Thiên Phúc hoàng đế*, tác giả Vĩnh Điền,

đoàn Thanh Nga, *Thái hậu Dương Vân Nga*, tác giả Trúc Đường, Huy Trường, đoàn Thanh Nga, *Nhiếp chính Ý Lan*, tác giả Tào Mạt, Tám Cao, đoàn Thanh Nga.

- Bạch Lan: Bà là một trong những nữ đạo diễn được nhận định là "hùng hực lửa". Ở mỗi tác phẩm của bà, người ta dễ dàng cảm nhận được những nét mới, sáng tạo và độc đáo. Người ta còn nhớ những tác phẩm cải lương của bà như *Người con gái đất đỏ*, tác giả Phạm Ngọc Truyền, Đoàn cải lương Sài Gòn 1, *Mùa xuân cho em*, tác giả Hùng Tấn, đoàn Trẻ Trần Hữu Trang.

- Ngô Hồng: Đặc biệt, qua những tác phẩm cải lương đã dàn dựng của bà, bà đã phối hợp được những ưu điểm của phong cách cải lương Đoàn cải lương Nam Bộ và cải lương của Sài Gòn. Nhiều tác phẩm của bà chinh phục được các nghệ sĩ lẫn các khán giả quen với thẩm mỹ cũ để đưa dần một thẩm mỹ mới. Những vở cải lương tiêu biểu do bà dựng như *Sống trong tình thương*, tác giả Lưu Quang Vũ, Thế Hà Vân (Đoàn 3 - Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang), *Người đẹp đến Tiền Châu*, tác giả Hoài Giao, Hoài Anh (Đoàn 3 - Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang), *Hạt bụi và non cao*, tác giả Hoa Phượng (Đoàn Sài Gòn 3).

Hoa Hạ: Chị thường xông vào những vấn đề gai góc, những điểm nóng của xã hội đang sống và trong đó các nhân vật chính trẻ, khỏe và đầy nhiệt huyết như chị đã luôn đấu tranh không khoan nhượng với cái ác và cái xấu. Ở Câu lạc bộ Cải lương ba Thế hệ của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang chị đã dựng được nhiều vở hay như *Vượt qua đêm tối*, tác giả Lê Quý Hiền, Liên hoan Sân khấu Thế nghiệm toàn quốc lần 2 ở Ninh Bình 1996, *Cô đào hát*, Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu Sài Gòn 300 năm 1998, tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, *Cung đàn nào cho em*, tác giả Huỳnh

Anh, Sân khấu "Thấp sáng niềm tin" của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

Nguyễn Thị Minh Ngọc: Chị cũng đã cố gắng phối hợp được những điểm đẹp, chân và thiện từ sân khấu các vùng khác nhau của Việt Nam lẫn thế giới. Phụ trách đào tạo cho Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, Nguyễn Thị Minh Ngọc cũng đã dự nhiều liên hoan hội thảo về sân khấu ở trên 13 nước để giới thiệu sân khấu Việt Nam, đặc biệt giới thiệu sân khấu cải lương tại Jordan, Phân khoa Lịch Sử, phân khoa Nghệ thuật Đại học New York (NYU) 2003. Về đạo diễn, các vở cải lương hoặc pha trộn cải lương, ấn tượng của Nguyễn Thị Minh Ngọc có: *Người đàn bà thất lạc* (Nguyễn Thị Minh Ngọc, dự Liên hoan Sân khấu châu Á Thái Bình Dương), *Khu vườn của ngoại* (Lê Văn Duy, Đức Hiền, Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu 1995), *Hòn Vọng phu* (Lưu Quang Vũ chuyển thể Mộc Linh, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang). *Khúc phượng cầu hoàng*, tác giả Trần Hà, Huy chương Đồng Liên hoan Sân khấu Sài Gòn 300 năm, *Sắc xuân gửi lại*, chuyển thể Hoàng Song Việt - nhóm Thấp sáng niềm tin của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, *Chuyện của Súc Cù Là*, chuyển thể Văn Đức, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang. *Hòn Vọng phu*, tác giả Lưu Quang Vũ, chuyển thể Mộc Linh, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

Hồng Dung: Là con gái của Nghệ sĩ nhân dân Năm Châu (Nguyễn Thành Châu) và nữ nghệ sĩ tiền phong Kim Cúc, Hồng Dung đã chứng tỏ bản lĩnh và hướng đi riêng của cá nhân mình. Chị cũng là người rất có công trong việc dựng lại các tác phẩm của thân phụ chị như *Vợ và tình*, *Men rượu hương tình*, *Thiên thần áo trắng*.

Diệu Đức: Là một nữ đạo diễn tuy không dựng nhiều nhưng cơ bản vững chắc của chị về âm nhạc cổ truyền đã giúp cho các tác phẩm của chị có một độ sâu sắc và chiều

dày về mặt tư tưởng, và nhuần nhuyễn phối hợp nhịp nhàng giữa hiện đại và dân tộc. Là một người thầy giỏi trong việc đào tạo các nghệ sĩ cải lương, học trò của chị nhiều người đạt được Huy chương Vàng Trần Hữu Trang.

Minh Hạnh: Lãnh nhiệm vụ làm trưởng phòng nghệ thuật cho Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang... Một trong những vở cải lương gần đây do chị dựng cho Nhà hát được ưa thích là *Ra giêng anh cưới em* của tác giả Lam Tuyền. Các vở dựng của Minh Hạnh thường phân bổ đều những chi tiết bi và hài nên thường là các vở rất gần gũi với tâm lý đại đa số khán giả.



XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG GIỌNG CA HAY TRƯỚC VÀ SAU 1975.

Những giọng ca hay trước 1975 và sau 1975 như Út Trà Ôn, Thành Được, Hữu Phước, Phương Quang, Minh Cảnh, Tấn Tài, Thanh Sang, Út Bạch Lan, Thanh Nga, Ngọc Hương, Bạch Tuyết, Ngọc Giàu, Phương Liên, Thanh Nguyệt, Lệ Thủy, Mỹ Châu, Ngọc Bích, Ngọc Huyền, Tài Linh, Thanh Hằng, Thoại Mỹ, Phương Hằng, Linh Huệ, Cẩm Tiên, Thanh Ngân, Tâm Tâm... còn có:

- **Minh Phụng.** Với giọng ca thiên phú, truyền cảm, hấp dẫn, nghệ sĩ Minh Phụng còn có sắc vóc sáng đẹp, nên nhanh chóng được số đông khán giả ái mộ, được Công ty Kim Chung mời về giao cho những vai chính, sánh vai với các nữ nghệ sĩ nổi tiếng đương thời như Út Bạch Lan với *Trình tiết một loài hoa*, Mỹ Châu Bích Vân cùng *lệ sử*, rồi hát với Diệu Hiền nhiều vở tuồng màu sắc Trung Hoa và sau này là bạn diễn của Lệ Thủy. Sau năm 1975, Minh Phụng được giao trọng trách trưởng Đoàn cải lương Tiếng Hát Quê Hương tỉnh Bến Tre, anh ca diễn sinh động trong vở *Lục Vân Tiên*, *Lừa dậy phi trường*, được khán giả cảm tình nồng nhiệt. Kế đó Minh Phụng hát ở đoàn Hương Mùa Thu với Nghệ sĩ ưu tú Ngọc Hương những vở *Con cò trắng*, *Gánh cò sông Hàn*. Bước đường nghệ thuật còn đưa đẩy Minh Phụng qua đoàn Trần Hữu Trang hát với Lệ Thủy

và về đoàn Văn Công bên cạnh Mỹ Châu được khán giả bình chọn là đôi nghệ sĩ diễn cặp được ưa thích nhất. Minh Phụng đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia Nghệ sĩ phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú ngày 14. 1. 1993.

- **Minh Vương** năm 15 tuổi, với chất giọng truyền cảm, đã đoạt giải Khôi nguyên vọng cổ năm 1964, và được thầy Bảy Trạch giới thiệu vào hát cho Công ty Kim Chung. Từ đó tài danh của Minh Vương bắt đầu đi lên với những vai diễn sôi nổi ở các đoàn hát của Công ty Kim Chung, bên cạnh những nữ nghệ sĩ nổi tiếng Lệ Thủy, Mỹ Châu, Tô Kim Hồng. Sau 1975, Minh Vương hát cho đoàn Văn Công Thành phố, gặp lại bạn diễn Lệ Thủy và cùng hát rất ăn ý, được khán giả ái mộ qua những vở diễn *Tiếng sóng Rạch Gầm*, *Khi bình minh trở lại*. Giọng ca đã hay, nét diễn của Minh Vương thời gian này lại cố gắng thể hiện được nghệ thuật ấn tượng sinh động. Khi về đoàn Trần Hữu Trang, Minh Vương đã hóa thân nhân vật lịch sử Nguyễn Trãi chững chạc trong *Rạng ngọc Côn Sơn*, vai Minh Luân trong *Đời cô Lựu* bằng nét diễn trẻ thơ và sau đó diễn Văn Tiên trong *Kiều Nguyệt Nga* với Bạch Tuyết được khán giả khen ngợi.

- **Thanh Tuấn** có chất giọng trầm ấm, luyện láy điều luyện và nét diễn mềm mại mà không sụt sướt. Nghệ sĩ nhân dân Huỳnh Nga nhận xét "Thanh Tuấn thật sự là một danh ca vì sự sáng tạo mang tính đột phá, góp phần đem lại nét lãng mạn, trữ tình cho bài vọng cổ. Ưu thế của anh là cách luyện láy, ngân nga chắc nịch. Thoáng nghe cứ tưởng sẽ bị rớt nhưng quả nhiên anh rất vững vàng, thông dong và tạo được ấn tượng". Hơn 40 năm theo nghề, Thanh Tuấn đã ca hơn 1.000 bài vọng cổ và diễn 300 nhân vật. Các bài vọng cổ gắn liền với tên tuổi Thanh Tuấn là *Chuyến xe Tây Ninh*, *Cô gái tuổi đậu*, *Dòng sông quê em*, *Cung đàn mới*, *Nhớ Nha Trang*... Các vai diễn đáng nhớ của

Thanh Tuấn là: Đại úy Huy Bình trong *Tìm lại cuộc đời* (Tác giả Huy Lam, Diêu Huyền và Hoàng Khâm), Chu Văn An trong *Nỗi lòng Chu Văn An* (do Đài Truyền hình Thành phố dàn dựng, vai này giúp Thanh Tuấn đoạt Giải Diễn viên xuất sắc Liên hoan Phim Truyền hình 2000), họa sĩ Lam Sinh trong *Lỡ bước sang ngang*, Châu Tuấn trong *Khúc ly hương...* Những năm gần đây Thanh Tuấn đã viết hơn 80 bài ca vọng cổ và thực hiện được 3 album CD do Trung tâm Băng nhạc Rạng Đông sản xuất với chủ đề *Mối tình đầu* (1998), *Một đời mãi nhớ* (2003) và *Ngày về thăm mẹ* (2006).

- **Trọng Hữu** có giọng ca trầm buồn. Sau 1975, Trọng Hữu phụ trách Đoàn cải lương Sân Khấu Mới Kiên Giang. Năm 1993 sau khi đoàn rã, Trọng Hữu về hát chính cho đoàn Sài Gòn III. Sau đó anh về Đoàn cải lương Mũi Cà Mau, Tây Đô. Hiện nghỉ hát ở sân khấu, chỉ thu video.

- **Châu Thanh** có giọng ca truyền cảm với một làn hơi phong phú, tên tuổi nổi lên từ vở *Vụ án Mã Ngưu*, Đoàn cải lương Trung Hiếu. Mỗi khi ca, tâm sự của nhân vật được Châu Thanh thể hiện đầy cảm xúc và trong mỗi câu ca anh luôn cố gắng sáng tạo nhiều kiểu luyến láy, cách nhấn câu, nhả chữ của anh đã đánh dấu một sự khổ công luyện giọng diễn cảm khi ca, chính điều đó đã cảm hóa thu phục cảm tình của khán giả.

- **Hoài Thanh** có giọng ca cải lương rất mùi nên thường được các bầu gánh mời về đóng vai chính. Các vai ấn tượng của Hoài Thanh tại Đoàn cải lương Phước Chung là Trần Dinh (*Gánh cỏ sông Hàn*), đạo diễn Vũ Sơn, Alykha (*Bạo chúa Alykha*), Lê Minh (*Nhụy Kiều tướng quân*), đạo diễn Nguyễn Mỹ... Sau 1975, Hoài Thanh cộng tác với đoàn Văn Công Thành phố, sau đó chuyển sang đóng video cải lương. Hiện tại, để đỡ nhớ sân khấu, vợ chồng Hoài Thanh đã thành lập Câu lạc bộ Hoài Thanh - Đỗ Quyên, quy tập

nhiều gương mặt nghệ sĩ trẻ triển vọng hoạt động ở nhà hàng.

- **Giang Châu** có giọng ca ngọt ngào, luyến láy đặc biệt nhưng kém may mắn vì không quen biết, không được may mắn học ca trước và nhất là phải lo trốn lính chế độ cũ nên phải trôi nổi qua nhiều đoàn tỉnh cho đến sau ngày giải phóng mới được về đoàn Sài Gòn II. Tại đây anh được nổi tiếng với các vai Trần Hùng (*Tìm lại cuộc đời*), Út Chắt (*Ánh lửa rừng khuya*), Thái Ngọc (*Khách sạn hào hoa*), Thừa (*Tiếng hò sông Hậu*), Sơn (*Theo dấu chân hồng*)... Ở đoàn Sài Gòn I, Giang Châu rất được khán giả tán thưởng qua vai Trùm Sò (*Nghêu Sò Ốc Hến*) là một vai hài nên sau đó anh thường được giao cho các vai hài.

- **Linh Vương** có giọng ca ngọt ngào nhưng cuộc đời nghệ thuật của anh rất gian nan. Anh đi hát từ năm 1977 cho đến nay đã trải qua trên 10 đoàn hát, đoàn thì rã, đoàn thì bị hành hung, có đoàn thì anh bị chèn ép... Tuy nhiên cũng có lúc anh được may mắn thay vai và diễn cũng rất thành công. Đó là các vai Trung (*Khách sạn hào hoa*), đoàn Sài Gòn II, Luân (*Đời cô Lựu*), đoàn Sài Gòn I, Diêu (*Nàng Sa Rết*), Tư Rõ (*Quán Hương Trâm*), đoàn Sài Gòn III, Tống Trần (*Mái tóc người vợ trẻ*), đoàn Sài Gòn III...

- **Ngân Vương** có giọng ca cao, phát âm chân phương qua những bài ca trên đài phát thanh và truyền hình, trước đây nổi tiếng ở các đoàn tỉnh. Sau này anh là kép chính của đoàn Sài Gòn I, đóng cặp với Thanh Kim Huệ trong các vở *Tôi không yêu đàn bà*, *Tình ca biên giới*...

- **Dương Thanh** có giọng ca ngọt ngào và phong cách diễn nghiêm túc. Ông bà ngoại của Dương Thanh là nghệ sĩ hát bội, cha mẹ đều là nghệ sĩ cải lương, bốn trong số bảy anh chị em nối nghiệp gia đình. Những năm đầu sau 1975, Dương Thanh còn nhỏ xíu đã là cây vãn nghệ xung kích của đoàn văn công huyện Chợ Lách (Bến Tre). Những

vai ấn tượng của Dương Thanh là Huỳnh trong *Không là cát bụi*, đoàn Văn Công Thành phố, Nhẫn trong *Cây lê bạn* và ông Tứ trong *Rồng Phụng*, Đoàn I Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

- **Thanh Hương** (1934 - 1974), thừa hưởng giọng ca vàng của mẹ là cô Tư Sạng, nổi tiếng những năm 1950 - 1960. Súc hấp dẫn của giọng ca Thanh Hương là âm vực cao, tiếng rất trong trẻo, vang lộng, ngọt ngào mà khi lâm ly thì rất là mùi, nghe thật êm tai. Khi hăng đĩa Hồng Hoa (Asia đổi tên) tung ra đĩa vọng cổ *Cô bán đèn hoa giấy* của tác giả Quy Sắc, nghệ sĩ Thanh Hương nổi lên như



Nữ nghệ sĩ Thanh Hương.

một hiện tượng: các rạp hát khi hát quảng cáo bằng loa phóng thanh trước cửa rạp đều có hát bản vọng cổ *Cô bán đèn hoa giấy* do Thanh Hương ca, Đài Pháp Á, đài Sài Gòn trong các chương trình ca cổ nhạc đều không quên giới thiệu giọng ca của Thanh Hương.

- **Hồng Nga** có giọng ca trầm buồn, cách ca chân phương, từ nhỏ đã đi ca tài tử. Đến khi vào đoàn hát Hồng Nga đảm nhiệm mọi loại vai đều thành công xuất sắc như vai mụ (đoàn Thống Nhất), đào võ (đoàn Thanh Hương - Hùng Minh), mùi lẳng (đoàn Dạ Lý Hương)... Các vai vẫn còn được nhắc nhở của Hồng Nga là bà giáo Lan trong *Tuyệt tình ca*, Cố Mẫu trong *Thái hậu Dương Vân Nga*...

- **Diệu Hiền** có giọng ca khỏe khoắn hiếm có. Đi hát từ năm 1962, 17 tuổi ở đoàn Hoa Sen và được khán giả biết đến nhờ giọng ca. Năm sau được Út Trà Ôn, Hoàng Giang mời về đoàn Thống Nhất, nhờ có các nghệ sĩ tiên phong như Phùng Há, Ba Vân... đào luyện, Diệu Hiền nổi lên với các vai diễn Ngọc Hà (*Mắt em là bể oan cừu*), Nuông Sơ Rây (*Đẹp duyên chùa Tháp*), Liên (*Bạt gió*)... Năm 1965, Diệu Hiền được mời về công ty Kim Chung, có mặt gần như hầu hết các vở trong những đoàn Kim Chung và rất được nổi tiếng. Năm 1974, Diệu Hiền cộng tác với các đoàn Tấn Tài - Như Ngọc, Kiên Giang và Hoa Anh Đào. Sau 1975, Diệu Hiền hát ở đoàn Hương Dạ Thảo, Hương Tràm, Tháp Mười (nổi tiếng trong vai Nhụy Kiều võ *Nhụy Kiều tướng quân*), Lâm Đồng Vũ Linh. Từ năm 1985 Diệu Hiền về hát ở đoàn Phước Chung. Từ năm 1989 Diệu Hiền về hát ở đoàn Văn Công Thành phố, với vai bà mẹ trong *Thị trấn đêm giông* cô đã đoạt Huy chương Vàng Hội diễn Sân khấu toàn quốc năm 1990. Ngày 14. 1. 1993, Diệu Hiền vinh dự được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú

- **Hương Lan.** Mới 5 tuổi, Hương Lan có giọng ca rất truyền cảm, đã ra sân khấu ca cùng cha những bài vọng cổ và sau đó còn được thu băng đĩa cổ nhạc, tân nhạc, phát hành rộng rãi. Sau 1975, Hương Lan gia nhập Đoàn cải lương Văn Công, vai diễn được khán giả yêu thích là Hạnh trong *Cây sầu riêng trở bóng*. Năm 1977, Hương Lan theo gia đình xuất cảnh sang Pháp nhưng vẫn gắn bó với nghề và nhanh chóng nổi tiếng qua những bài hát ca ngợi tình yêu quê hương. Giọng ca của Hương Lan rất được ưa chuộng trong cộng đồng người Việt ở Pháp và Mỹ.

- **Thanh Kim Huệ** có một giọng ca ngọt ngào và đặc biệt là hơi rất dài. Ngoài giọng ca và tài diễn xuất, Thanh Kim Huệ còn phóng tác và sáng tác một số tác phẩm như *Quý Kiến Sầu* (1974), *Yêu và ghen*, *Em ơi đừng khóc nữa*, *Tình ca biên giới*, *Công chúa Alysa*, *Khúc ly hương*, *Yêu em từ đó...* Đặc biệt với *Khúc ly hương*, Thanh Kim Huệ đóng chung với nghệ sĩ Thanh Tuấn đã đoạt Huy chương Vàng Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc và Huy chương Vàng Liên hoan truyền hình toàn quốc năm 2000.

- **Bích Hạnh** từ nhỏ đã sống với gia đình đều là nhân viên đoàn hát Kim Chung nên đã thích cải lương và hát ở sân khấu này từ bé cho đến 1975. Bích Hạnh có giọng ca trong trẻo, làn hơi phong phú. Cô đã đóng các vai: Ngọc Mai (*Mắt em là bể oan cừu*), Tiểu thơ (*Chuyến dò thương*), Tố Tâm (*Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài*), Tô Ánh Nguyệt (*Mạnh Lệ Quân*).... Sau năm 1975, cô hát cho đoàn Hương Mùa Thu và từ 1977, hát cho các đoàn tỉnh.

- **Thùy Dương.** Đầu những năm 1980, sân khấu Minh Tơ xuất hiện một cô đào có hơi ca kim pha thổ, biểu cảm tốt trong từng vai, ca từ rõ, không uốn lượn nhưng hấp dẫn người nghe, đó là nghệ sĩ Thùy Dương. Cùng với Vũ Linh, Thùy Dương đã một thời mời gọi rất nhiều khán giả đến với sân khấu Minh Tơ.

- **Thoại Miêu** năm 16 tuổi (1969) vào học Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ. Tốt nghiệp cô ở lại trường phụ giáo trong hai năm. Thời gian này, giọng ca Thoại Miêu đã được phát trên sóng phát thanh qua nghệ danh Ngọc Hoa nhưng đến những năm 1980 người ta mới thật sự ái mộ cô qua những vai diễn trên sân khấu đoàn Sài Gòn II, Văn Công Thành phố nhờ giọng ca trầm buồn, dễ gây cảm xúc. Thoại Miêu đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

- **Ngọc Nga** có giọng ca buồn, dài từ rõ dẫu, biểu cảm tốt, dễ gây xúc động cho người nghe. Cô từng là Huy chương bạc Giọng ca Cải lương vào cuối thập niên 80.

- **Ngân Huệ** có giọng ca ấm mà thanh, có khả năng biểu cảm cao, diễn đạt được tâm trạng trong cách ca, rất thích hợp cho việc thu băng mà trong giới gọi là "ăn micro". Ngân Huệ không chỉ có giọng hát hay mà diễn cũng khá tinh tế, đa dạng, từng là diễn viên chánh của nhiều đoàn hát như đoàn Hoa Đăng, Hoa Mùa Xuân, Sài Gòn III, Trần Hữu Trang II...



CÁC LÒ CỔ NHẠC ĐÃ TỒN TẠI NHƯ THẾ NÀO?

Các lò cổ nhạc đã tồn tại nhờ phong trào đàn ca tài tử và nhờ những cá nhân, gia đình... vẫn còn yêu mến loại hình ca cổ và kịch hát dân tộc này dù bao biến thiên của cuộc sống và thăng trầm của sân khấu cải lương.

Ngày xưa, nhiều người mong cho con thành đào kép nổi tiếng nên mang con gởi cho các lò cổ nhạc khi con còn nhỏ. Nơi đây các thầy dạy ca thường cũng là những nhạc sĩ hay các thầy đàn. Phương pháp dạy của các thầy thường là phương pháp truyền nghề. Thầy đọc ký xướng âm theo hệ thống ngũ âm trước từng câu một, các trò xướng theo. Sau đó, thầy hát trước từng câu một, các trò hát theo. Giai đoạn cuối là tập hát nguyên bài. Thầy nghe trò hát nguyên bài và chỉnh sửa từng câu chữ một cho đến khi thầy tạm hài lòng. Có thầy dùng kỷ luật sắt, quát roi những trò nào không tập trung tinh thần khi đang học. Chúng ta có thể hình dung những lớp như thế này trong một truyện ngắn của nhà văn Sơn Nam khi ông đến thăm lò dạy nhạc ở nhà danh cầm khiếm thị Văn Vĩ, truyện *Mùa xuân nghe chim hót*.

Chính Nghệ sĩ ưu tú Thanh Nga cũng được trui rèn trong một lò cổ nhạc như thế là lò của thầy Út Trong (thầy dạy khá nhiều người nổi tiếng và mới mất năm 2004).

Ngày nay, các lò này vẫn còn tồn tại một phần nhiều người không thích giáo trình đào tạo trong các trường chính

quy mất nhiều thời gian quá cho các môn lý thuyết, mà cũng có thể vì họ không có điều kiện hay khả năng để thi vào (các trường thường đòi bằng cấp văn hóa là điều kiện mà nhiều khi các người có giọng ca hay lại không có).



072

XIN CHO BIẾT TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO DIỄN VIÊN CẢI LƯƠNG TRONG CÁC TRƯỜNG CHÍNH QUY.

Các trường đào tạo chính quy thường yêu cầu một mức độ bằng cấp nào đó (tốt nghiệp cấp II hay cấp III về văn hóa). Điều đòi hỏi này cũng gây khá nhiều khó khăn trong việc đào tạo diễn viên kịch hát dân tộc nói chung và cho cải lương nói chung. Vì đa số những người có giọng ca hay thường ít để giờ học tập văn hóa. Có nhiều nơi du di bằng cách cho học viên học bổ túc văn hóa song song để khi ra trường học viên có được bằng cấp về chuyên môn lẫn văn hóa.

Trong các trường có ba môn chính cho việc biểu diễn. Đó là: Ca hát, Vũ đạo, Kỹ thuật biểu diễn. Bên cạnh đó có các môn phụ như Hóa trang, Ký xướng âm, Thanh nhạc, Hình thể, Tiếng nói Sân khấu, Cách nói lối và những môn có tính chất lý thuyết như Văn, Sử, Đạo đức diễn viên, Lịch sử Sân khấu Thế giới, Lịch sử Sân khấu Việt Nam (trong đó có cải lương), Mỹ học...

Riêng môn Kỹ thuật biểu diễn, trong các trường chính quy, có nhiều nơi dùng phương pháp mới để đào tạo diễn viên là phối hợp phương pháp sư phạm (lý thuyết, phân tích) và truyền nghề (hướng dẫn từng động tác, biểu hiện phân tâm lý). Học viên được học từ những bài tập cơ bản



Báo cáo cuối khóa LỚP ĐÀO TẠO DIỄN VIÊN 2004 - 2005
Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang tại rạp Hưng Đạo ngày 26. 7. 2005.

như những tiểu phẩm nhỏ, tiến dần sang các vai mẫu, trích đoạn... đến năm cuối mới dựng vở tốt nghiệp.

Hiện ở thành phố này chỉ còn Khoa Cải lương thuộc trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh (đương kim Hiệu trưởng là đạo diễn Hà Quang Văn con nghệ sĩ Ái Liên ngày xưa ở sân khấu cải lương Hà Nội) là còn kinh phí để dạy chính quy.

Giảng viên Kỹ thuật Biểu diễn có các thầy Hà Quang Văn, Nguyễn Hữu Diệu Đức, Nhà giáo ưu tú Đoàn Mạnh Dung, Nhà giáo ưu tú Phạm Thanh Tùng, Lê Nguyên Đạt.

Dạy vũ đạo có: Thu Vân, Xuân Hiếu, Hứa Phải, Lê Nguyên Đạt, Tiếng nói Sân khấu: Ca Lê Hồng, Nói lồi: Công Thành, Ca cổ: Tấn Đạt, Kim Loan. Phương Trang, Hóa trang: Trần Thanh Dậu. Hiện trường mới mở thêm bậc Cao đẳng Cải lương để những em tốt nghiệp Trung cấp Cải lương có thể bổ sung để nâng cao trình độ.

Trước đây khi còn tên là trường Nghệ thuật Sân khấu II, Khoa này vẫn mời các nghệ nhân về dạy các vai mẫu như mời cô Bảy Phùng Há, cô Kim Cúc, Ba Vân dạy.

Đào tạo ở các "lò" trong giai đoạn hiện tại tập trung vào ba môn chính: Ca xướng cải lương, Kỹ thuật biểu diễn và Vũ đạo. Nhưng hiện đa số các "lò" chỉ có ca và diễn. Tuy nhiên, thực tế cho thấy ở các trường chính quy, các môn phụ phải nghiên cứu sao cho thích hợp với bộ môn kịch hát dân tộc này thì mới có hiệu quả. Ngay cả các môn Văn, Sử cũng không thể sử dụng giáo trình, giáo án như với các học sinh phổ thông khác mà phải luôn tìm cách cho học viên hiểu các môn ấy đã tác động đến nghề nghiệp tương lai của các nghệ sĩ tương lai này như thế nào thì mới mong tất cả các môn ấy có hiệu quả.

Trước đây các gánh hát ngày xưa và các đoàn hát sau này đều có thu nhận đệ tử và mỗi nơi tùy theo tình hình người ta có cách huấn luyện, giáo trình và cách truyền nghề riêng. Học ở các nơi đó, học viên sẽ có một điều an tâm lớn là được ứng dụng, thực tập ngay tại đoàn nhà và hy vọng sẽ được đoàn cho cơ hội làm nghề ngay sau khi học xong chứ không bấp bênh như học ở các trường như hiện nay.

Ở các đại ban, thậm chí trung ban trước đây, các bầu gánh hát vẫn không ngại tốn kém rước các nghệ sĩ tiền phong đến truyền nghề tùy theo sở trường của mình. Mỗi người như Năm Châu, Phùng Há, Ba Vân, Kim Cúc đều có một giáo trình riêng.

Rất tiếc rằng sau thế hệ "vàng" này, người ta không thấy thế hệ nghệ sĩ kế tiếp đầu tư cho sự nghiệp truyền nghề và đào tạo.



073

XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG DIỄN VIÊN ĐOẠT HUY CHƯƠNG VÀNG GIẢI TRẦN HỮU TRANG TỪ 1991 TRỞ ĐI.

Những diễn viên đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang năm 1991 có Vũ Linh, Ngọc Huyền, Tài Linh, Thanh Thanh Tâm, Thanh Hằng và Phương Hồng Thủy.

Vũ Linh. Từ những năm 14, 15 tuổi, Vũ Linh đã học ca cổ nhạc với nhạc sĩ Văn Vĩ. Năm 1974 (16 tuổi), Vũ Linh đi hát cho đoàn Kim Chuông, đã được các nghệ sĩ Diệu Hiền và Trương Ánh Loan tận tình dạy nghề. Sau đó Vũ Linh còn hát cho một số đoàn khác cho đến năm 1988 về đoàn Trần Hữu Trang 2, Vũ Linh nổi lên như một ngôi sao trên vòm trời nghệ thuật khi anh đóng chính nhiều loại vai khác nhau trong các vở: *Nước mắt bạo lực*, *Bàn thờ tổ của một cô đào*, *Tình yêu và tên cướp*, *Xa phu đi sứ*, *Hòn vọng phu*, *Nàng Xê Đa*, *Giữ áo bụi đời*, *Những đứa con oan nghiệt*, *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài*... Nhờ làn hơi thiên phú, chất giọng khỏe khoắn và phong thái diễn bình dị, tự nhiên đã giúp Vũ Linh ngày một gần gũi với người xem. Khởi đầu thành công với những vai diễn xã hội rồi sau đó Vũ Linh được khán giả ủng hộ nhất trong các vai thể loại tuồng cổ. Vũ Linh diễn báo cáo trong buổi phát Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang với vai Vịnh trong *Hòn Vọng phu*. Noi gương hai thầy, Vũ Linh rất tận tình chỉ dạy cho lớp đàn em.

Ngọc Huyền xuất thân từ sân khấu cải lương tuồng cổ Huỳnh Long, phấn đấu và rèn luyện nên có hai vai diễn xuất sắc trên sân khấu này là Mạnh Lệ Quân và công chúa Ngọc Hân trong *Mặt trời đêm thế kỷ*. Ngọc Huyền diễn báo cáo trong buổi phát Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang với vai Phi Giao trong *Tâm sự Phi Giao*. Ngọc Huyền có giọng ca vàng, biết khổ công rèn luyện nghệ thuật biểu diễn. Qua nhiều vai diễn, Ngọc Huyền gặt hái thành công nối tiếp thành công trên sân khấu cải lương trong thời gian ngắn và đã gây được nhiều ấn tượng đẹp trong ký ức mỹ cảm của đông đảo khán giả, nhất là khán giả cải lương.

Tài Linh có chất giọng buồn, cách ca nhẹ nhàng, sâu lắng, diễn cảm từng nhân vật. Tài Linh bắt đầu lóe sáng trên sân khấu Minh Tơ với khả năng diễn cảm phong phú, luôn bộc lộ một cách duyên dáng và luôn tạo nét mới mẻ, độc đáo. Tài Linh đã xuất sắc trong nhiều loại vai đào thương, độc, mù và lẳng: Lý Thần Phi (*Bích Vân cung kỳ án*), Thần Nữ (*Thần Nữ dâng Ngũ Linh kỳ*), Hàn Tố Mai (*Trâm Trinh Ân*)... Tài Linh diễn báo cáo trong buổi phát Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang với vai Hàn Tố Mai trong trích đoạn *Hàn Tố Mai mạo chiếu*.

Thanh Thanh Tâm tốt nghiệp loại giỏi ở Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, là một diễn viên thể hiện đa dạng tất cả các vai kinh điển của sân khấu cải lương. Thanh Thanh Tâm có hàng trăm vở diễn, những vai đưa tên tuổi cô vào lòng khán giả là: H' Mây (*Cho rừng lại xanh*), Thanh (*Hòn Vọng phu*), Trinh (*Giũ áo bụi đời*), Dương Quý phi (*Tình si Dương Quý phi*), Kiều Nguyệt Nga (*Kiều Nguyệt Nga*)... Thanh Thanh Tâm đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang năm đầu tiên (1991), sau đó đoạt Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu 2002 với vở *Nháy múa với quý dữ*. Thanh Thanh Tâm diễn báo cáo trong buổi phát

Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang với vai Mạnh Lệ Quân trong trích đoạn cùng tên.

Thanh Hằng có chất giọng phong phú, trữ tình và nét diễn tinh tế, đa dạng, khi cô xuất hiện thì không không khí sân diễn linh động hẳn lên. Cô có đủ các loại vai gây ấn tượng như Mỹ Hạnh trong *Người không cô đơn*, Nữ hoàng trong *Truyện thuyết về tình yêu*, Nga My trong *Màu hoa tím*, Bà vợ thứ tư của ông Bá Kiến trong *Chí Phèo...* Các giải thưởng đạt được: Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang năm 1991, giải Mai Vàng dành cho nghệ sĩ được ưa thích của báo *Người lao động* do khán giả bình chọn năm 1997.

Phương Hồng Thủy. Năm 1972, Phương Hồng Thủy học trường Quốc gia Âm nhạc, đến 1975 chuyển sang Trường Nghệ thuật Sân khấu II, bộ môn Cải lương. Khi ra trường năm 1978, Phương Hồng Thủy được đoàn Văn Công Đồng Nai đón về hát chính. Sau đó Phương Hồng Thủy hát cho các đoàn Hương Biển (Vũng Tàu), Tây Ninh, Tiếng ca đất Mũi, Nhân dân Kiên Giang với rất nhiều vai ấn tượng trong các vở *Công chúa Tô Lan*, *Thú phi và Hoàng hậu*, *Lá sầu riêng*, *Sau ngày cưới*, *Ai giết nàng Kiều...* Năm 1991, Phương Hồng Thủy gia nhập Câu lạc bộ Hội Sân khấu Thành phố, đoạt Huy chương Vàng giải triển vọng Trần Hữu Trang với vai Út Lượm trong vở *Cung đàn nước mắt*. Sau đó Phương Hồng Thủy còn đoạt các giải sau: Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu nhỏ với vai Thanh trong vở *Vượt qua đêm tối* (1995), Cầm Thanh trong *Cô đào hát* (1998), Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu mùa Thu, giải Mai Vàng của báo *Người lao động*. Năm 1996, Phương Hồng Thủy vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú vì những đóng góp cho nền nghệ thuật sân khấu cổ truyền của dân tộc.

Năm 1992, có Cẩm Thu, Phượng Hằng, Thoại Mỹ, Kim Tử Long và Vân Hà đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang. Vở diễn buổi phát giải là *Phụng Nghi đình*.

Cẩm Thu là một diễn viên đa dạng, đã thành công trong nhiều tính cách nhân vật khác nhau như Lu-i trong *Âm mưu và tình yêu*, 1978, Kỳ Hoa trong *Thái hậu Dương Vân Nga*, Karu trong *Tình yêu và nước mắt*, 1986, Thúy Kiều trong *Vương Thúy Kiều*, 1987, Hương Lan trong *Mùa xuân trên biển*, 1987, Tình Tâm trong *Bài ca tìm mẹ*, 1990, Hoàng hậu Marguerite trong *Tháp đoạn hồn*, 1990... trên sân khấu các Đoàn cải lương Sông Bé 2, Trần Hữu Trang.

Phượng Hằng nổi danh khá sớm ở những đoàn tỉnh, năm 1987 về Thành phố được chú ý hơn qua những tuồng xã hội ở đoàn Trung Hiếu. Cô có giọng ca cao vút nhưng vẫn gây được sự thương cảm. Ngoài ra cô còn được ái mộ giọng ca qua làn sóng đài phát thanh, truyền hình từ những năm 1980 đến nay.

Thoại Mỹ tốt nghiệp khóa 5 lớp Đào tạo diễn viên cải lương của Nhà hát Trần Hữu Trang (1987), có giọng ca nhẹ nhàng, dễ cảm. Với thanh sắc trời cho, Thoại Mỹ đã từng bước để lại dấu ấn trong lòng khán giả bằng các vai tính cách như Kiều Nguyệt Nga (*Kiều Nguyệt Nga*), Lài (*Kỷ niệm thời con gái*), Thanh Sa (*Bàn thờ tổ của một cô đào*), Ngọc Giao (*Rạng ngọc Côn Sơn*)... Các giải thưởng đoạt được như Huy chương Vàng giải triển vọng Trần Hữu Trang năm 1992, Giải Diễn viên tài sắc của báo *Sân khấu Thành phố* do khán giả bình chọn năm 2004.

Kim Tử Long đã gặt hái được nhiều thành công trên con đường ca hát chuyên nghiệp như Huy chương Vàng giải triển vọng Trần Hữu Trang (1992), Đôi diễn viên được yêu thích nhất (cùng với nghệ sĩ Ngọc Huyền năm 1994), Huy chương Vàng Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc (1995), Giải B Hội diễn sân khấu nhỏ chuyên nghiệp

toàn quốc (1996), Gương mặt nghệ sĩ tài hoa (2000), Giải Mai vàng (2003).

Vân Hà tốt nghiệp trường đào tạo diễn viên Trần Hữu Trang năm 18 tuổi, khởi nghiệp ca hát của mình tại đoàn Trần Hữu Trang. Với gương mặt đẹp sắc sảo, nhất là ánh mắt sáng đầy thần sắc, giọng hát cao lạnh lốt, Vân Hà thường xuất hiện trên sân diễn với vai đào độc và lãng như Võ Thế Loan (*Lục Vân Tiên*), Cám (*Tám Cám*)... Không chỉ thành công trong những vai "độc", Vân Hà còn có khả năng diễn xuất đa dạng tất cả các vai từ bi đến hài, như vai Công chúa Tây Sơn trong vở *Mặt trời đêm thế kỷ*. Với giọng ca thiên phú và khả năng diễn xuất đa dạng, năm 1990 Vân Hà đã đoạt Huy chương Vàng Hội diễn Sân khấu toàn quốc và đến năm 1992 cô lại đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Năm 1993 có Châu Thanh, Mỹ Thu, Linh Tâm, Linh Châu, Linh Huệ đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Châu Thanh có giọng ca truyền cảm với một làn hơi phong phú, tên tuổi nổi lên từ vở *Vụ án Mã Ngưu*, Đoàn cải lương Trung Hiếu. Mỗi khi ca, tâm sự của nhân vật được Châu Thanh thể hiện đầy cảm xúc và trong mỗi câu ca anh luôn cố gắng sáng tạo nhiều kiểu luyến láy, cách nhấn câu, nhả chữ của anh đã đánh dấu một sự khổ công luyện giọng diễn cảm khi ca, chính điều đó đã cảm hóa thu phục cảm tình của khán giả.

Mỹ Thu. Năm 1974, 14 tuổi, Mỹ Thu học ca cổ nhạc với nhạc sĩ Út Trọng và năm 1976 cho đến nay cô đã theo lưu diễn khắp các tỉnh với các đoàn như Kim Dung của ông bầu Đặng Hiền Lương, Hậu Giang III, Bông Hồng Vàng (Cửu Long), Cao Văn Lâu Bạc Liêu, Văn Công Đồng Nai (sau đổi tên là Võ Thị Sáu), Hậu Giang II, Long An II, Nhạn Trắng Bình Thuận... với rất nhiều vai diễn được

khán giả nhiều tình ưa thích. Cô có giọng ca trong, cao vút. Diễn đạt tình cảm sâu lắng và lối diễn xuất chân thật, khá sắc sảo và gợi cảm. Sau khi đoạt Huy chương Vàng giải Triển vọng Trần Hữu Trang năm 1993, Mỹ Thu về đoàn Văn Công Thành Phố rồi 1995 về đoàn Hương Tràm (Cà Mau). Tại đây, với vai diễn Hương trong vở *Bóng biển* của Trọng Nguyễn cô đã đoạt Huy chương Vàng Hội diễn Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc 1995. Năm 1996 làm bầu Đoàn cải lương Sông Hàn (Quảng Nam Đà Nẵng), đến năm 1999 đoàn giải thể, Mỹ Thu về hát chính cho Đoàn cải lương Bến Tre cho đến nay.

Linh Tâm từ năm 1978 (17 tuổi), đã đoạt Huy chương Vàng Hội diễn văn nghệ quần chúng tỉnh An Giang với bài vọng cổ *Đôi bờ kênh xanh*. Từ năm 1979, Linh Tâm đã gia nhập các đoàn Nghệ thuật Tổng hợp tỉnh An Giang, Tiếng ca sông Cửu, Cải lương sông Hàn. Với Đoàn cải lương sông Hàn, Linh Tâm cùng vợ là Cẩm Thu là đôi bạn diễn ăn khách, được hoan nghênh khắp miền Bắc và miền Trung với vai Phạm Cự Lượng và Hiệu úy Kỳ Hoa trong vở *Thái hậu Dương Vân Nga*. Năm 1984, Linh Tâm Cẩm Thu về lại đoàn Tiếng ca Sông Cửu, 1985 về đoàn Hoa Anh Đào Lâm Đồng, 1986 về đoàn Sông Bé II, làm cho bảng hiệu này nổi danh suốt ba năm liền. Năm 1989, Linh Tâm Cẩm Thu được mời về Thành phố hát ở đoàn Trần Hữu Trang, đã diễn thành công qua những vở như *Chuyện tình trên sông*, *Tháp đoạn hồn*, *Bốn trái đào*, *Võ Tòng sát tẩu*, *Bông hồng sa mạc*, *Lan Huệ sầu ai*, *Giông tố*, *Một kiếp hồng nhan*, *Phò mã bất hạnh*, *Xác quý tình người*, *Khát vọng giai nhân*... Từ đầu năm 1993, Linh Tâm Cẩm Thu hát ở đoàn Minh Tư rồi Huỳnh Long, cũng đã chứng tỏ khả năng trong nhiều vở tuồng cổ.

Linh Châu tốt nghiệp khóa I lớp đào tạo diễn viên của Nhà hát Trần Hữu Trang năm 1980, đã từng cộng tác với

các đoàn Long An, Sài Gòn II, Phước Chung, Minh Tơ, Hương Mùa Thu... Anh là một nghệ sĩ nhiệt tình, nghiêm túc và nhiều tâm huyết với nghề. Sau này anh còn là một soạn giả.

Linh Huệ có giọng ca ngọt ngào và đặc biệt là hơi rất dài, dễ thu hút khán giả. Linh Huệ đi hát từ năm 1976 (17 tuổi) ở nhiều sân khấu: Văn Công Tây Ninh, Sông Bé I, Trúc Giang, Sài Gòn III, Sài Gòn I, Văn công Thành phố, 2-84, Trần Hữu Trang, Tây Đô Cần Thơ. Đã nổi danh qua các vai: Hoàng (*Phụng và Hoàng*), Sarét (*Nàng Sarét*), An Tư (*Công chúa An Tư*), Chị Ba (*Lọ nước thần*), Nga (*Con thuyền không bến*), Hiếu (*Lâu đài trên cát*), Huệ (*Lan Huệ sầu ai*), Hoàng Thổ Ty (*Mùa thu trên non cao*)... Hiện nay đã nghỉ diễn trên sân khấu, chỉ hoạt động cho Ban Ái Hữu, thu Tivi và Video.

Những Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang trong các năm gần đây (1995 - 2003) như:

Năm 1994 - 1995 có Cẩm Tiên, Phượng Ngân, Tú Sương, Trinh Trinh đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Cẩm Tiên có làn hơi dài độc đáo, chất giọng khỏe khoắn, cao vút. Từ nhỏ cô đã đoạt nhiều giải thưởng trong các cuộc thi văn nghệ quần chúng tỉnh Tây Ninh. Cẩm Tiên thường thành công trong những vai tính cách như Thủy Tiên trong *Lệnh truy nã*, Lan trong *Ánh sáng phù du*, Thục Oanh trong *Vụ án Mã Ngưu*, người vợ trong *Tướng cướp Bạch Hài Đường*, Trang, người nữ chiến sĩ trong vở *Đồng tiền đầm máu* (đoạt giải Triển vọng Trần Hữu Trang năm 1995), vai Uyên trong *Cây lê bạn Nhà hát Trần Hữu Trang*, vai Diễm trong *Trái tim em nói thế*, tác giả Hùng Tấn, Đoàn II Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang (Huy chương Vàng Hội diễn Cải lương chuyên nghiệp toàn quốc 2005).

Phượng Ngân vào nghề năm 16 tuổi tại đoàn Hương Mùa Thu, sau chuyển qua đoàn II Trần Hữu Trang, đăng quang Huy chương Vàng giải Triển vọng Trần Hữu Trang năm 1995. Các vai nổi bật là: Cô đào Trúc Lệ (*Sao đổi ngôi*), Minh (*Giọt máu oan cừu*), Mỹ Linh (*Dưới đáy một dòng sông*), Hoa (*Giấc mộng không tên*), Trang (*Tiếng súng một giờ khuya*). Là một nghệ sĩ có thanh sắc và lối diễn đầy cảm xúc, đi vào lòng người một cách ngọt ngào nhưng sau đó không lâu Phượng Ngân lập gia đình rồi nghỉ hát.

Tú Sương là diễn viên thuộc đời thứ 5 của dòng họ Bầu Thắng - Minh Tơ, con của đôi nghệ sĩ Thanh Loan Trường Sơn, từ 9 tuổi đã tham gia đoàn Đồng Ấu Bạch Long. Tú Sương hóa thân vào các nhân vật rất sâu sắc khiến cho nhân vật có thần sắc hơn, lộng lẫy và thật với đời hơn. Vai mang lại cho Tú Sương Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang 1995 là Quách Hải Thọ, một vai nam mang tính hiếu nghĩa. Những vai diễn khác mà Tú Sương tạo được nhiều ấn tượng với khán giả là: Chúc Anh Đài (*Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài*), Tây Thi (*Thất thủ Cô Tô thành*), Đồng Trác, Lữ Bố (*Phụng Nghi đình*), Bao Công (*Bao Công vô lò gạch*),...

Trình Trình là diễn viên thuộc đời thứ 5 của dòng họ Bầu Thắng - Minh Tơ, con của đôi nghệ sĩ Hữu Cảnh Xuân Yến, được thầy Bạch Long dạy dỗ tận tình, đã có những vai diễn xuất sắc trong các kịch bản cải lương thiếu nhi như Phù đồng Thiên vương (vai Thánh Gióng), Cóc kiện trời, Na Tra, Kim Đồng, Trần Quốc Toàn... Với lối xử lý nhân vật tài tình và sức sáng tạo trong từng vai diễn, Trình Trình đã đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang 1995 (với vai Lý Thần Phi trong trích đoạn *Bao Công vô lò gạch*) và giải diễn viên triển vọng tại Liên hoan Sân khấu mùa thu năm 1998.

Năm 1996 có Tấn Giao, Như Hằng, Thanh Ngân, Chính Nhân đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Tấn Giao tốt nghiệp khóa III Trường đào tạo diễn viên của Nhà hát Trần Hữu Trang năm 1991 rồi trụ diễn duy nhất ở Đoàn cải lương Xung Kịch (sau chuyển thành Đoàn III Trần Hữu Trang). Tấn Giao sở trường kép mùi, có một số vai nổi bật là: Nam (*Bán tình ca quê mẹ*), Hạnh (*Những mảnh đời cô gái*), Út (*Không bán tình em*), ông Nhân (*Một phút một thời*), Bách (*Lũ rừng*), Phương (*Hơn cả tình yêu*), Đức (*Cung bậc tình yêu*), Hùng (*Ân oán giang hồ*)...

Như Hằng có chất giọng ngọt ngào, làn hơi dài và khuôn mặt khả ái. Như Hằng là diễn viên lần lượt các đoàn Sông Bé, Trung Kiên Quận 8, Linh Phụng Darlak, Phước Chung, Minh Tơ...

- **Thanh Ngân** có ngoại hình tươi tắn, giọng ca truyền cảm và lối diễn xuất mộc mạc chơn chất, cuốn người xem đồng cảm với những niềm vui, nỗi buồn của nhân vật như các vai: Cô gái bị bệnh hủi Hoàng Mai (*Bê bàng*), Lỗ Tứ Phượng (*Lời vũ*), Phượng (*Vợ và người tình*), Ngọc (*Ngôi đền cổ*), Y Lan (*Trà hoa nữ*), Trinh (*Con gái chị Hằng*)... Các giải thưởng đoạt được như Huy chương Vàng giải triển vọng Trần Hữu Trang năm 1996 với vai diễn trong trích đoạn *Trà hoa nữ*, giải Mai vàng dành cho nghệ sĩ được ưa thích của báo *Người lao động* do khán giả bình chọn năm 2000 và năm 2003.

Chính Nhân vào nghề từ năm 1993 (22 tuổi) ở đoàn Đồng Ấu Bạch Long rồi đoàn Huỳnh Long.

Năm 1997 - 1998 có Hữu Quốc, Quế Trân đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Hữu Quốc rất xuất sắc trong các vai lão, các giải thưởng đoạt được như Huy chương Vàng Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc (1995), giải B Hội diễn Sân khấu nhỏ

chuyên nghiệp toàn quốc (1996), Diễn viên xuất sắc Liên hoan Sân khấu mùa thu (1998), Huy chương Vàng giải Triển vọng Trần Hữu Trang (1999), Giải nhì Liên hoan Tài năng trẻ toàn quốc tại Hà Nội (2003), Giải nhì Diễn viên tài sắc do báo *Sân khấu Thành phố* tổ chức (2004).

Ngoài việc là một nghệ sĩ cải lương, Hữu Quốc còn là một người dẫn chương trình của Vầng trăng cổ nhạc, Những cánh chim không mỏi... và là một ông bầu sô có uy tín tổ chức chương trình Hội ngộ Tài năng hàng tuần tại rạp Hưng Đạo.

Quế Trân có các vai diễn ấn tượng và các giải thưởng như Thiên Kiều công chúa (*Trắng hoa mai*, kịch bản Đào Mộng Long, Thế Châu, Nhị Kiều), Huy chương Vàng giải Triển vọng Trần Hữu Trang năm 1999, danh hiệu Thanh niên tiên tiến toàn quốc, danh hiệu Diễn viên xuất sắc của tạp chí *Sân khấu Việt Nam*. Với vai Nga (*Khúc ly hương*) của Thanh Kim Huệ đã dành được giải Mai Vàng dành cho nghệ sĩ được ưa thích của báo *Người lao động* do khán giả bình chọn năm 1999, Huy chương bạc tại Liên hoan Sân khấu toàn quốc năm 2000. Vai Phương Thảo (*Nhảy múa với quý dữ*) của tác giả Kim Chi, Hoàng Song Việt được Huy chương Vàng tại Liên hoan Sân khấu đồng bằng sông Cửu Long năm 2002. Vai Mai Tuyết Trinh (*Sự tích Táo Quân*), tác giả Thanh Tòng được bình chọn giải Ấn tượng mực tím năm 1999. Vai Diêu Thuyền (*Phụng Nghi đình*) do Thanh Tòng chuyển thể được bạn đọc bình chọn giải Ấn tượng mực tím năm 2000. Vai Phi Long công chúa (*Xử án Bàng Quý phi*) do Thanh Tòng chuyển thể được bạn đọc bình chọn giải Sunsilk tài năng trẻ tạp chí *Đẹp*.

Nam 1999 - 2000 có Lịch Sử, Hoa Phượng, Mỹ Hằng, Tâm Tâm đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Lịch Sử là diễn viên của Đoàn cải lương Hương Tràm Cà Mau, dự thi buổi chung kết giải triển vọng Trần Hữu

Trang với trích đoạn *Bão biển*. Lịch Sử có giọng kim lai, cất lên là cao vút và thanh thoát, một nét đẹp dịu dàng, thích hợp với vai đào thương. Sau Huy chương Vàng Trần Hữu Trang cô đoạt thêm 3 Huy chương Vàng Hội diễn Sân khấu Chuyên nghiệp toàn quốc năm 2000, năm 2005 và Liên hoan Sân khấu Nam Bộ 2000. Hiện Lịch Sử đang theo học khoa Đạo diễn trường Cao Đẳng Sân khấu - Điện Ảnh Thành phố.

Hoa Phượng là diễn viên của Đoàn cải lương Hương Tràm Cà Mau dự thi buổi chung kết giải triển vọng Trần Hữu Trang với trích đoạn *Thằng Ngố đòi nợ Phật*. Hoa Phượng có giọng kim pha thổ, nét diễn hồn nhiên, sinh động, bộc lộ khả năng diễn đa dạng.

Mỹ Hằng tốt nghiệp khóa IV Trường đào tạo diễn viên của Nhà hát Trần Hữu Trang. Mỹ Hằng dự thi buổi chung kết giải triển vọng Trần Hữu Trang với trích đoạn *Cô đào hát*.

Tâm Tâm từ nhỏ đã có năng khiếu và lòng yêu thích cải lương nên đã được cha là nghệ sĩ Hoàng Ngọc Ẩn (cũng là soạn giả Hoàng Ngọc, hiện là trưởng đoàn Thanh Nga) gửi học hát ở nhà thầy Út Trọng, hướng dẫn cô thi vào trường nghệ thuật Trần Hữu Trang, dẫn dắt cô vào nhóm Đồng Ấu Bạch Long. Tâm Tâm có giọng ca trong trẻo và chuyên cần học tập (để có thể hóa thân tốt vào nhân vật của mình, cô đã theo học vũ đạo hát bội để ứng dụng vào ca cổ và học đạo diễn để có thêm nền tảng thể hiện cảm xúc của mình). Tâm Tâm giải triển vọng Trần Hữu Trang với trích đoạn *Lý Chiêu Hoàng*.

Năm 2001 có Lam Tuyên, Tuyết Ngân, Hoàng Nhất, Duy Thanh, Anh Thu, Thy Phương, Lê Tứ, Đào Thị Hồng Thắm đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Lam Tuyền là diễn viên của Đoàn cải lương Tây Đô Cần Thơ, có sắc vóc, ca diễn tốt.

Tuyết Ngân là diễn viên của Đoàn cải lương Long An, sau chuyển về Đoàn cải lương Bến Tre.

Hoàng Nhất là diễn viên của Đoàn cải lương Hương Tràm Cà Mau, có một giọng kim pha đồng, có một vóc dáng sân khấu lý tưởng và một lối diễn trầm tĩnh, đầy sức thuyết phục, thích hợp với các vai tính cách. Hoàng Nhất có các vai diễn ấn tượng như Nguyễn Huệ (*Tâm sự Ngọc Hân*) đoạt Huy chương Vàng Triển vọng Trần Hữu Trang, Từ Hải (*Ai giết nàng Kiều*) đoạt giải Diễn viên trẻ xuất sắc Liên hoan Sân khấu Tài năng Trẻ Toàn quốc, Thăng Ngộ ngộ nghệ, đại khờ (*Thăng Ngộ đòi nợ Phạt*), gã giang hồ lang bạt nhưng còn đôi chút tình người (*Dòng đời cạm bẫy*), Đạt si mê lãng mạn nhưng chân tình (*Trà hoa nữ*), anh bộ đội chất phác hiền lành (*Bến xưa*), Dũng đầy bi kịch nghiệt ngã (*Con mê cuối cùng*).

- **Duy Thanh** là diễn viên trẻ tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sân khấu - Điện Ảnh Thành phố, hiện Duy Thanh đang tham gia chương trình "Thấp sáng niềm tin" của Nhà hát Trần Hữu Trang. Duy Thanh dự thi buổi chung kết giải triển vọng Trần Hữu Trang vai Trần Thủ Độ (*Đời luận anh hùng*) của Lê Chí Trung.

Anh Thư là diễn viên của Đoàn cải lương Tây Ninh.

Thy Phương tốt nghiệp Trường Nghệ thuật Sân khấu 2, hiện cộng tác với Câu lạc bộ Hoài Thanh Đỗ Quyên và Đài Truyền hình Thành phố. Vóc dáng nhỏ nhắn nên thời gian đầu Thy Phương chuyên sắm đào nhí như cô hầu nhỏ An Ly (*Của ít lòng nhiều*), sau đó là những vai đào thương như Hương (*Nửa đời hương phấn*), Cẩm Thanh (*Cô đào hát*). Chỉ sau khi đoạt Huy chương Vàng giải Triển vọng Trần Hữu Trang năm 2001, cô mới được giao các vai tính

cách như Thái hậu Dương Văn Nga trong vở cải lương cùng tên, tiểu thư Mầu Đon (*Biệt thự Mầu Đon*)... Ngoài ra Thy Phương còn tham gia khá nhiều chuyên mục của Đài Truyền hình Thành phố như các vở cải lương truyền hình, chương trình Vàng trắng Cổ nhạc, mục Chuyện xưa tích cũ...

Lê Tử là diễn viên trẻ tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sân khấu - Điện Ảnh Thành phố.

Đào Thị Hồng Thắm là diễn viên trẻ tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sân khấu - Điện Ảnh Thành phố.

Năm 2002-2003 có Kim Tiểu Long, Lê Hồng Thắm, Vũ Huy, Thy Trang, Ngọc Trắng, Quỳnh Hương, Ngọc Nhung, Nhơn Hậu đoạt Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang.

Kim Tiểu Long sinh tại Vĩnh Long, gắn bó với Câu lạc bộ Sân khấu Thể nghiệm Hội Sân khấu Thành phố và chương trình "Thắp sáng niềm tin" của Nhà hát Trần Hữu Trang. Tại cuộc thi Giải Triển vọng Trần Hữu Trang năm 2003, Kim Tiểu Long đã xuất sắc đứng đầu danh sách 8 thí sinh đoạt giải với hai vai Lục Vân Tiên (vòng bán kết) và Huỳnh (*Không là cát bụi*).

Lê Hồng Thắm có vóc dáng nhỏ nhắn, ca và diễn thật ngọt ngào. Thắm có khả năng cảm thụ, hóa thân vào nhân vật một cách nhanh chóng, giàu cảm xúc. Tiềm năng của Thắm là những vai tính cách. Với vai diễn độc đáo Đoàn Thị trong *Hồi xuân được*, Lê Hồng Thắm đã xuất sắc đạt Giải Triển vọng Trần Hữu Trang năm 2003 khi vừa tròn 21 tuổi.

Vũ Huy là diễn viên trẻ, tốt nghiệp trường Cao đẳng Sân khấu - Điện ảnh Thành phố.

Thy Trang tốt nghiệp trường Cao đẳng Sân khấu - Điện ảnh Thành phố, hiện đang tham gia chương trình Thắp sáng niềm tin của Nhà hát Trần Hữu Trang và học thêm tại Câu

lạc bộ Cải lương Hoài Thanh Đỗ Quyên. Thy Trang có gương mặt sáng sân khấu, thêm giọng ca đặc biệt thổ rất và diễn có chiều sâu nội tâm nên thường được đạo diễn giao cho những vai mùi, đào thương.

Ngọc Trắng là diễn viên của Đoàn cải lương Tây Đô Cần Thơ, dự thi buổi chung kết giải triển vọng Trần Hữu Trang vai Lục Vân Tiên trong trích đoạn cùng tên. Anh có chất giọng tốt, ngoại hình đẹp và kỹ thuật biểu diễn tinh tế.

Quỳnh Hương tham gia chương trình Thấp sáng niềm tin của Nhà hát Trần Hữu Trang từ năm 1997, khi còn là sinh viên năm cuối trường Cao đẳng Sân khấu - Điện ảnh Thành phố. Quỳnh Hương thành công với các vai già.

Ngọc Nhung là diễn viên của Đoàn cải lương Tây Đô Cần Thơ, dự thi buổi chung kết giải triển vọng Trần Hữu Trang vai Má Năm trong trích đoạn *Cây thốt nốt quỳ* là một vai mù mùi. Ngọc Nhung ca hay, diễn chân thật, mộc mạc.

Nhơn Hậu là diễn viên của Đoàn cải lương Tiền Giang, có giọng ca đặc biệt kim rất, giọng trong và cao.



XIN CHO BIẾT VỀ VỞ KIM VÂN KIỀU CỦA XUÂN 2007.

Truyện Kiều của đại văn hào Nguyễn Du đã sống trong tâm trạng của rất nhiều thế hệ con người Việt, và luôn là cảm hứng sáng tạo của những nghệ sĩ biểu diễn. "*Kiều*" đã hai lần tạo nên sự kiện cho sân khấu cải lương

Đầu thế kỷ XX, khi âm nhạc tài tử đạt đỉnh cao, cải lương thành hình dần với hai kịch bản đầu tiên *Lục Vân Tiên* và *Kim Vân Kiều* của soạn giả Trương Duy Toàn.

Sau vở diễn đầu tiên *Lục Vân Tiên*, thì kế tiếp là vở diễn *Kim Vân Kiều* (1918), vở diễn khai trương gánh hát Thầy Năm Tú tại rạp Cinéma- Théâtre. Vở thu hút được một số lượng công chúng đông đảo, tạo nên sự kiện cho ca kịch dân tộc bởi là vở đầu tiên đầu tiên đầy đủ phương tiện kỹ thuật, có thầy tuồng, thầy đàn, và lực lượng diễn viên hùng hậu lúc đó như Hai Cúc, Ba Đắc, Năm Thoàn, Hai Nhiều, ba Điều, Sáu Nhiều, Tám Cang...

Năm 1924 bộ phim đầu tiên "*Kim Vân Kiều*" cũng ra đời tại Hà Nội.

Sang đầu thế kỷ XXI, một dự án về vở diễn cải lương *Kim Vân Kiều* đã được Nhà hát Trần Hữu Trang chuẩn bị. Đầu xuân 2007, vở diễn ra mắt công chúng tại nhà thi đấu Quân khu 7 trong hai buổi biểu diễn, với con số vé bất thường.

Kim Vân Kiều được thực hiện bởi đạo diễn Hoa Hạ, chuyển thể cải lương là nhóm Hoàng Song Việt, Hoa Hạ, Tô Thiên Kiều và đông đảo các diễn viên "sao" của giới cải lương Sài Gòn. Một vở cải lương hoành tráng, quy mô, với các kỷ lục được lập:

- Thiết kế sân khấu của vở do kiến trúc sư Nguyễn Minh Tuấn tạo dựng. Chưa từng có một sân khấu nào ở Việt Nam đạt mức độ rộng và hoành tráng như vậy. Các không gian chủ yếu trong câu chuyện kịch được tái hiện gần như đầy đủ, khoảng sáu không gian chính, không kể chuyển cảnh. Mỗi cảnh được tạo dựng công phu, mang bóng dáng một *studio* điện ảnh, có sử dụng kỹ thuật 3D vào tạo không gian. Nếu kiểu sân khấu đường phố, sân khấu quảng trường của Tây người ta có thể lần lượt di chuyển để xem, để hòa vào không khí kịch, thì ở *Kim Vân Kiều* khán giả ngồi một chỗ xoay người chiêm ngưỡng toàn cảnh.

- Âm nhạc trong vở tạo ấn tượng đặc biệt, bởi một giọng điệu mới của âm nhạc cải lương. Nhạc sĩ Trần Vương Thạch và Nghệ sĩ Ưu tú Thanh Hải đã cùng nhau tạo một bản tổng phổ tân nhạc và nhạc cổ truyền khá hòa hợp. Opera sánh vai cùng vọng cổ, những khúc aria cải lương không đến nổi lạc nhịp, song chín nàng Kiều thì khác nhau về giọng điệu nhiều quá, sự tiếp nhận của người xem dường như không kịp.

Phục trang sân khấu cũng đạt ở mức kỷ lục bởi số lượng trang phục cho trên 400 diễn viên, và đặc biệt màu sắc và kiểu dáng đa dạng. Có cảm giác buổi biểu diễn như một lễ hội trang phục, kiểu dáng mang màu sắc Á Đông.

Kim Vân Kiều là vở cải lương có số lượng diễn viên tham gia đông nhất. Vở hầu như có mặt các sao cải lương các thế hệ từ nghệ sĩ Diệp Lang, Minh Vương, Vũ Linh, Lệ Thủy đến các nghệ sĩ trẻ như Lê Tứ, Thy Trang, các ca sĩ đang nổi: Phương Thanh, Ái Vân, Thanh Thúy, và

dàn diễn viên quần chúng, các nhóm múa, đội trống rồng lân, cascadeus thành phố...

Sự kết hợp của nhiều loại hình nghệ thuật trong *Kim Vân Kiều* đã phần nào góp phần làm giảm đi cảm giác về sự cũ kỹ của một nghệ thuật ca kịch ra đời đã gần một trăm năm.



075

XIN CHO BIẾT VỀ VAI TRÒ CỦA NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH CẢI LƯƠNG TRÊN ĐÀI TRUYỀN HÌNH.

Cải lương là nghệ thuật ca kịch dân tộc hiện đại mà hình thức biểu diễn nặng tính tả thực, nên cải lương truyền hình vẫn là cải lương, dù loại hình này gần với điện ảnh hơn vì được thu phát hình chứ không trình diễn trên sân khấu. Thời gian qua cho thấy truyền hình thực sự có vị trí cực kỳ quan trọng trong việc tác động vào sự phát triển của xã hội. Truyền hình cũng là mảnh đất phì nhiêu màu mỡ cho một loại hình nghệ thuật đang muốn phát triển.

Trong chuyên luận *Một số vấn đề lịch sử cải lương* của Võ Tuấn Thiện, anh cho rằng:

"...Cải lương lúc này muốn phổ biến rộng rãi, cần được truyền hình hỗ trợ nhiều mặt hơn. Ở miền Tây Nam Bộ hiện nay những vở cải lương truyền hình vẫn được đông đảo quần chúng truyền hình yêu mến, đón chờ. Miền quê đất nước ta hiện nay cả địa lý lẫn dân số chiếm đến 80% cả nước. Đây cũng là nơi lưu lại những tấm lòng còn yêu thích cải lương. Cải lương cần phải được chú trọng đặc biệt để phát triển tốt trong tương lai. Đó cũng là một bản sắc dân tộc trong kho tàng văn hóa nghệ thuật Việt Nam..."

Trong những năm sau này, các vở cải lương và cả kịch đều phải cắt gọn còn chín mươi phút để còn giờ cho phát

sống những quảng cáo. Chính số tiền thầu được từ những phút quảng cáo này sẽ được chuyển sang đầu tư cho các tiết mục văn nghệ như cải lương, kịch... Như thế bản thân các tiết mục Cải lương Truyền hình phải tự cắt gọn, không còn để tình trạng dài dòng, lê thê đến ba tiếng đồng hồ như giai đoạn diễn ngoài sân khấu một thời.

Nói chung, để kéo lại công chúng cho cải lương, thiết nghĩ những vở cải lương, sân diễn lẫn cải lương truyền hình cần được chăm chút đặc biệt cả nội dung lẫn hình thức thì mới mong lôi cuốn được lòng yêu thích cải lương của thế hệ trẻ lẫn những thế hệ lớn hơn đã yêu quý nó trước đây với một tinh thần tri âm tri kỷ. Muốn vậy, cải lương cần phải khắc phục tính lê thê của những bản ca thiết kế không nhằm chỗ hoặc là không cần thiết. Trong tuồng cải lương trên truyền hình, các tình huống phải được tổ chức chân thực và cuốn hút. Phải chú ý tới sự khắc họa chiều sâu tâm lý phù hợp với hình tượng nhân vật. Phải khắc phục lối diễn cường điệu, quá mức vừa không phù hợp với cách thưởng thức của thanh niên ngày nay vừa không hợp với loại hình sân khấu cải lương truyền hình rất gần với điện ảnh.

Đặc biệt sân khấu cải lương truyền hình rất cần những kịch bản hay, sâu sắc, dám đụng tới những vấn đề bức xúc của xã hội đương đại, bên cạnh đó kỹ thuật truyền hình nhất định sẽ có nhiều ứng dụng sáng tạo nhờ ưu thế của mình. Nếu cải lương truyền hình ngày hôm nay lôi kéo được đông đảo khán giả, đặc biệt là giới trẻ thì ngày mai sân khấu cải lương lo gì không tìm lại được chỗ đứng trong lòng khán giả và được phổ biến sâu rộng.



**XIN CHO BIẾT VỀ VÀI CUỘC GIAO LƯU
CỦA SÂN KHẤU CẢI LƯƠNG THÀNH PHỐ
VỚI NƯỚC NGOÀI.**

Từ 1931, nhân cuộc triển lãm (đấu xảo) tại Paris, Cải lương đã sang Pháp với vở *Xử án Bàng Quý phi*. Cô Năm Phỉ và nghệ sĩ Bảy Nhiêu đóng vai chính, được đông đảo kiều bào và báo chí Pháp hết lòng khen ngợi.

Năm 1969, đoàn Thanh Minh Thanh Nga cũng sang Pháp diễn vở *Đường về Vạn Kiếp* với các nghệ sĩ: Út Trà Ôn, Thanh Nga, Ngọc Bích... (Cũng năm 1969, một bộ phận Đoàn cải lương Nam Bộ ở Hà Nội do Nguyễn Ngọc Bạch làm trưởng đoàn, với các nghệ sĩ Tấn Đạt, Công Thành, Tấn Nghĩa, Ngọc Thạch, Thanh Vy, Ái Liên... đã công diễn các vở *Nàng tiên Mẫu Đơn*, *Thạch Sanh* và *Thành phố Sài Gòn dậy lửa* tại Paris).

Năm 1989, nhận lời mời của Hội người Việt tại Pháp, Đoàn cải lương Thành phố Hồ Chí Minh do bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà trưởng đoàn, Trương Bình Tòng phó đoàn cùng các nghệ sĩ: Thanh Sang, Thanh Tòng, Bảo Quốc, Phương Quang, Phương Liên, Ngọc Giàu, Thanh Kim Huệ, Thoại Miêu sang Pháp diễn vở *Sân khấu về khuya* (Nguyễn Thành Châu) và trích đoạn *Câu thơ yên ngựa* (chuyển thể Ngọc Văn, Thanh Tòng).

Năm 1994 - 1996, đạo diễn Trần Minh Ngọc, Hồng Dung cùng Ngọc Huyền, Kim Tử Long, Chí Linh, Thành Lộc sang diễn *Ông Jourdain ở Sài Gòn* tại nhà hát Cergy Pontoise do ông Vincent Colin làm Giám đốc.

Trong chuyến đi này đoàn còn diễn vở *Kiều Nguyệt Nga* (Năm Châu), nhóm nghệ sĩ trên đã phối hợp cùng các nghệ sĩ: Minh Tâm, Tài Lương, Thanh Bạch, Bạch Lê hiện sang sinh sống tại Pháp, được khán giả Việt kiều cư ngụ tại Paris ủng hộ nhiệt liệt.

Năm 2002-2003, nhận lời mời của Liên hoan - Hội thảo Sân khấu châu Á Thái Bình Dương về phụ nữ tại Phi Luật Tân, vở *Người đàn bà thất lạc* do Nguyễn Thị Minh Ngọc soạn và dựng, trong đó tổng hợp nhiều loại hình kịch hát dân tộc nhằm giới thiệu tinh thần phụ nữ Việt Nam cùng những giai điệu, đường nét đẹp trong âm nhạc, vũ đạo cổ truyền Việt Nam cũng có thể được xem như một tác phẩm thể nghiệm cho kịch hát dân tộc. Cùng cộng tác có Hải Phượng (đoạt nhiều giải về đàn tranh trong và ngoài nước), Mỹ Hằng (Huy chương Vàng Trần Hữu Trang 2001), Ngọc Nga (nghệ sĩ hát bội), Huỳnh Mai (huấn luyện vũ đạo cho Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang), Hữu Quốc (Huy chương Vàng Trần Hữu Trang 1999) và Minh Phượng (nghệ sĩ kịch nói). Vở được các nước tham dự chia sẻ vì nội dung lẫn hình thức thể hiện.



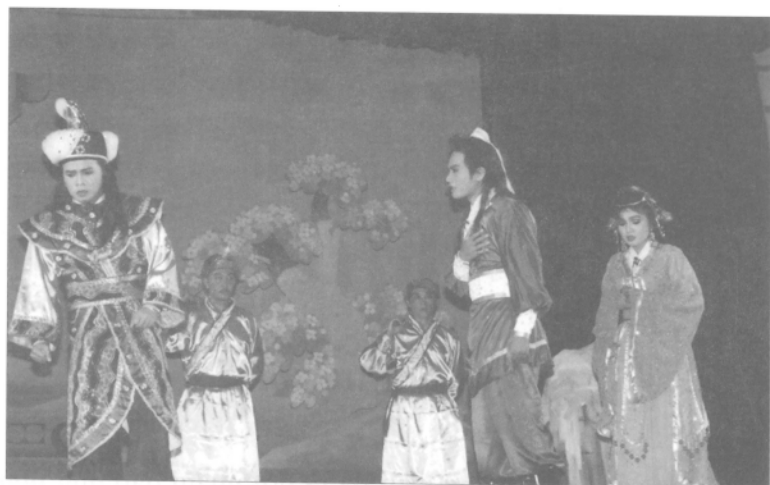
ĐOÀN CẢI LƯƠNG XUNG KÍCH ĐÃ RA ĐỜI THẾ NÀO?

Đoàn cải lương Xung kích đã ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức cải lương vào thập niên 1991 - 2000.

Năm 1990, khóa III tốt nghiệp ở Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang được lập thành Đoàn cải lương Xung Kích chuyên biểu diễn miễn phí cho các vùng sâu, vùng xa ngoại vi thành phố. Đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ biểu diễn phục vụ vùng sâu, vùng xa và hải đảo, bệnh viện, doanh trại bộ đội, đưa nghệ thuật cải lương mang tính chất chính quy đến mọi vùng, mọi nơi, loại hình cải lương không chấp vá, diễn để gọi là có phục vụ như hiện nay, một, hai bài ca cải lương, vài trích đoạn, một chút nhạc tân cho chương trình.

Đoàn khai trương bằng bốn vở tốt nghiệp của khóa III như *Lời thề bè bạn*, tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Anh Vũ. *Bụi mờ ái ngại*, tác giả Hà Triều, Hoa Phượng, đạo diễn Hoàng Ba. *Đoạn tình ca*, tác giả Ngọc Linh, đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc. *Giông tố*, Nguyễn Thị Minh Ngọc phóng tác theo truyện cùng tên của Vũ Trọng Phụng.

Đoàn còn có những tác phẩm đáng chú ý như *Một phút, một thời* (tác giả Khưu Ngọc, đạo diễn Trần Ngọc Giàu), *Gan không tước* (tác giả Hoàng Kiều, Văn Đức, đạo diễn



Thanh Lựu, Tấn Giao, Ngọc Tuyết trong vở Công chúa đào hoa, tác giả Văn Đức đoàn Xung Kịch Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.

Hoàng Ba), *Bản tình ca quê mẹ* (tác giả Lam Truyền, đạo diễn Lê Văn Tỉnh), *Lũ rừng* (tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đoàn Bá, đạo diễn Đoàn Bá).

Năm 2000, đoàn Xung Kịch được Huân chương Lao động hạng ba.



078

XIN CHO BIẾT VỀ VAI TRÒ CỦA CẢI LƯƠNG VỚI CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI.

Vai trò của cải lương với những cộng đồng Việt Nam ở nước ngoài là rất cần thiết. Cải lương là nghệ thuật dân tộc dễ đi vào lòng người về sự hoài niệm tốt đẹp qua lời ca, tiếng hát gợi nhớ quê hương, cội nguồn dân tộc.

Chính vì vậy mà sau 1975 một thời gian, có phong trào đổ xô làm phim cải lương video. Lúc đầu các nhóm làm loại nghệ thuật này còn chăm chút nghệ thuật. Về sau có tính cách cạnh tranh để hạ giá thành nên chất lượng giảm sút đến độ bảo hòa giữa cung và cầu.

Hiện tại, vì vấn đề đi lại giữa các nước đã dễ dàng nên các cộng đồng Việt Nam, nhất là đối tượng lớn tuổi thích được trực tiếp xem các diễn viên từ quê nhà sang diễn hơn.

Theo soạn giả Yên Lang, người nay đã định cư tại Mỹ cho biết tình hình cải lương riêng ở hải ngoại nói chung và ở quận Cam - nơi đông người Việt nhất - có nhiều biến chuyển sôi động trong năm 2005. Từ lúc có phong trào nghệ sĩ từ trong nước ra hải ngoại trình diễn, hoặc với tư cách cá nhân hoặc do bầu show móc nối, được đông đảo khán giả ủng hộ, lần lượt đã cuốn hút nhiều bầu show đứng ra tổ chức. Nghệ sĩ cải lương trước 1975 sang diễn có: Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Tấn Tài, Minh Cảnh, Minh Phụng, Lệ Thủy, Minh Vương, Hồng Nga, Thanh Tuấn, Thanh

Kim Huệ, Bạch Tuyết, Hoài Thanh, Đỗ Quyên, Bảo Quốc, Bảo Chung, Kim Ngọc... Sau 1975 có: Kim Tử Long, Linh Tâm, Thoại Mỹ, Trọng Phúc, Thanh Ngân, Vũ Luân, Tú Sương, Trinh Trinh, Chí Cường, Kim Tiểu Long, Cẩm Tiên, Tấn Beo, Tấn Bo, Thanh Nam, Tấn Hoàng, Kiều Oanh, Thanh Thanh Tâm, Phú Quý...

Ông cho rằng bên cạnh những mặt tích cực như khán giả thỏa khát vọng được xem lại những nghệ sĩ mà họ từng yêu mến trước 1975, nhiều ngôi sao thời cũ lẫn mới sang đây được đông đảo khán giả ủng hộ về tinh thần cũng như vật chất trong lúc sinh hoạt cải lương trong nước đang quá sức khó khăn..., cũng có mặt tiêu cực là sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các bầu show gây hậu quả không hay cho nhiều nghệ sĩ. Từ khi có nghệ sĩ nổi danh từ trong nước ra trình diễn công khai ở hải ngoại, khán giả gần như không còn ủng hộ những chương trình văn nghệ do nghệ sĩ cải lương hải ngoại tổ chức. Những trích đoạn đem ra hải ngoại diễn thường quanh quẩn một vài vở cũ.

Bên cạnh đó, đối với trong nước theo những người trong giới, rất khó khăn khi dựng vở mới vì rất khó quy tụ đầy đủ nghệ sĩ cải lương.



KHÁN GIẢ CẢI LƯƠNG SAU 1975 LÀ AI?

Những khán giả cải lương sau 1975 là những công nhân, nông dân, trí thức, tiểu thương, sinh viên học sinh, đủ mọi tầng lớp trong xã hội.

Năm 1985, nhà nghiên cứu Trần Trọng Đăng Đàn đã sơ kết để báo động:

"Cải lương có một số lượng người xem lớn (khoảng 84, 85, mỗi năm có khoảng 10 triệu lượt người đi xem cải lương chuyên nghiệp) nhưng tỷ lệ người ưa thích không thật nhiều. Những con số thống kê cho thấy nó đã xa dần sự ưa thích của lớp trẻ và các lớp người có học vấn, có trình độ văn hóa cao..."

Trong những năm 80, trên 20 đoàn nghệ thuật thì cải lương đã chiếm 17 đoàn (còn lại là kịch, hát bội và ca nhạc). Các quận còn có các đoàn cải lương bán chuyên, đều hoạt động có hiệu quả. Mỗi đêm có độ vài ba chục ngàn khán giả đến với cải lương, đến độ có người gọi Thành phố Hồ Chí Minh là "thánh địa" của cải lương.

Hiện nay, do nhiều lý do trong đó có nguyên nhân vì đang ở trong một thời đại bùng nổ thông tin, cải lương bị các loại hình nghệ thuật khác thu hút hơn nên khán giả không đến với cải lương ào ạt như trước đây, nhất là lớp trí thức trẻ.

Tuổi thọ một vở cải lương nhiều "sao" cũng chỉ chừng năm, sáu suất (rạp Hưng Đạo chứa khoảng trên 1.000 khán giả).



**ĐẾN NAY CẢI LƯƠNG Ở THÀNH PHỐ ĐÃ CÓ
ĐƯỢC BAO NHIÊU NGHỆ SĨ ƯU TÚ VÀ
NGHỆ SĨ NHÂN DÂN?**

Ngoài những Nghệ sĩ Ưu tú như Ngọc Giàu, Ngọc Hương, Bạch Tuyết, Phương Quang, Bảo Quốc, Út Bạch Lan, Thanh Nguyệt, Diệu Hiền, Thanh Kim Huệ, Tô Kim Hồng, Minh Phụng, Vũ Linh, Thanh Thanh Tâm, Phương Hồng Thủy, Thoại Miêu, Đoàn Bá... còn có các nghệ sĩ ưu tú sau:

Trường Xuân (1929 - 1997) đi hát từ năm 1943 (14 tuổi) ở nhiều sân khấu: Tiến Hóa, Tiếng Chuông, Tân Xuân, Kim Chuông, Sài Gòn I... Trường Xuân là một nghệ sĩ giàu tài năng, nghị lực, có những tìm tòi, sáng tạo trong vai diễn. Ông chỉ thích hợp vai kép độc, với giọng nói khàn khàn và cái nhìn lạnh lùng, sắc bén. Năm 1960, theo kết quả trưng cầu ý kiến khán giả của báo *Tiếng dội* thì Trường Xuân là một trong ba nghệ sĩ thủ diễn kép độc hay nhất. Năm 1962, Trường Xuân là nghệ sĩ đầu tiên đã hy sinh cao đầu để nhập vai tướng Mộng Kha trong vở *Hai chiều ly biệt* đoàn Kim Chuông, gây bất ngờ thú vị cho bao nhiêu khán giả và báo giới. Đã nổi danh qua các vai A Bu (*Trộm mất Phật*), Diệp Chấn Phong (*Thuyền ra cửa biển*), Mộng Kha (*Hai chiều ly biệt*), Đại úy Tiên (*Người ven đò*), Khâm sai Tích Trung (*Bình Tây Đại nguyên soái*), Thầy bói Nghieu (*Nghêu Sò Ốc Hến*), Hoàng Thổ Ty (*Mùa thu trên*

non cao)... Thời gian sau này, đã nghỉ diễn trên sân khấu, chỉ hoạt động cho Ban Ái hữu, thu tivi và video. Trường Xuân đã được Hội đồng xét thưởng cấp Quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

Thanh Điền là diễn viên kiêm đạo diễn sân khấu. Các vai diễn thành công của anh là Quan Huyện (*Nghêu Sò Ốc Hén*), Bác Hồ (*Đêm trắng*), Trung úy Pro (*Tình ca biên giới*), bác sĩ Nhân (*Một cuộc giải phẫu*)... Thanh Điền đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

Nam Hùng có các vai diễn được đánh giá tốt như Lữ Bố (*Phụng Nghi đình* của Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền), Thầy đề (*Nghêu Sò Ốc Hén* do Năm Châu chuyển thể), Công (*Người ven đô*, tác giả Minh Khoa), Thái tử Thoát Hoan (*Công chúa An Tư*, tác giả Thái Hồng), Chu Phác Viên (*Lôi vũ* của Tào Ngụ, Trung Quốc, Hồng Căn, Thái Châu chuyển thể), Hai Hồ (*Kiếp chồng chung* của Diêu Huyền)...

Thanh Vy năm 12 tuổi vào học Trường Sân khấu Việt Nam, khoa cải lương. Sau khi tốt nghiệp, Thanh Vy về công tác tại Đoàn cải lương Nam Bộ. Năm 1975, Thanh Vy vào Nam lập nghiệp và nhận vai diễn đầu tiên là vai Võ Thị Sáu. Là một nghệ sĩ sinh ra ở miền Bắc nhưng hát cải lương nên Thanh Vy rất băn khoăn, lo lắng và vì vậy cô luôn phấn đấu để hòa nhập với sân khấu cải lương ở miền Nam. Theo năm tháng, tài năng và bản lĩnh nghệ sĩ của Thanh Vy ngày càng được khẳng định. Khán giả vẫn luôn nhớ những vai diễn ấn tượng của chị như Xê Đa trong vở Nàng Xê Đa, bà mẹ Paterson trong vở *Hòn đảo thần Vệ Nữ* (đoàn 2-84, 1989)... Chị đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú.

Thanh Tòng. Lớn lên từ chiếc nôi Đồng ấu Minh Tơ, nghệ sĩ Thanh Tòng đã chuyên tâm khổ luyện, đúc kết cần

mắn như một con ong thợ hút được vị ngọt trong vườn hoa nghệ thuật, để đến nay, trong lĩnh vực cải lương tuồng cổ, anh được xem là "chương môn nhân" đầu dất biết bao diễn viên trẻ và truyền lại cho họ kinh nghiệm quý báu để "nghề được nổi nghề". Từ năm 28 tuổi, Thanh Tòng chính thức nối nghiệp cha lao vào con đường sáng tác và làm công tác dàn dựng để truyền nghề cho đàn em vì anh thấy bộ môn Hát bội đang bị thất truyền, chỉ còn cải lương tuồng cổ cần được nuôi dưỡng và phát huy thế mạnh "mang đậm bản sắc dân tộc từ ca diễn, vũ đạo cho đến võ thuật". Năm 2000, Thanh Tòng đã tổ chức thành công chương trình "Từ hát bội đến cải lương tuồng cổ", thực hiện một cách có hệ thống những cơ sở lý luận về sự hình thành và phát triển của tuồng cổ Việt Nam. Một số người cho rằng tuồng cổ "lại càng" nhưng với Thanh Tòng, đứng ở góc độ người diễn viên, tác giả và cả đạo diễn, thì từng bước trong quá trình sáng tạo, các nghệ nhân đi trước đã "gạn đục, khơi trong" chọn lấy những gì tinh túy nhất để bổ sung cho tuồng cổ dân tộc. Đến thời của anh, trách nhiệm đào sâu diễn xuất và nâng cao giá trị nhận thức qua từng câu ca, điệu hát, gạt bỏ những cụm từ Hán văn phức tạp để thay vào bằng những bài bản, điệu lý của quê hương. Từ đó mà có những tác phẩm tuồng cổ đi vào lòng người xem như *Tô Hiến Thành xử án*, *Má hồng soi kiếm bạc* (tác phẩm đoạt giải Mai vàng năm 2002), *Dưới cờ Tây Sơn*, *Câu thơ yên ngựa*, *Bão táp Nguyễn Phong...* mà anh là người góp công định hình phong cách tuồng cổ dân tộc. Những vai diễn mang dấu ấn của Thanh Tòng trong hơn 45 năm gắn bó với sự nghiệp sân khấu là những vai như Trần Cảnh (*Bão táp Nguyễn Phong*), Bao Công (*Bích Vân cung kỳ án*), Phàn Định Công (*San hậu*) mà anh đã phả vào đó hơi thở mới, sự sáng tạo giàu ấn tượng... Và anh đã tạo được nhiều dấu ấn qua các vai tâm lý xã hội như Tân (*Tô Ánh Nguyệt*), Võ Minh Thành (*Đời cô Lựu*), Phán Phong (*Kiếp*

chồng chung), Huỳnh Công Minh (*Những vì sao không tên*), Tư Hồ (*Chuyện tình hai thế hệ*), Trung úy Thuận (*Lời ru của biển*)... Thanh Tòng đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

Lê Thiện. Ham thích ca múa nên 10 tuổi Lê Thiện đã gia nhập đoàn Văn công Quân đội, tập kết ra Bắc. Sau đó, cô được chuyển đến các đơn vị: Văn công Sư đoàn 330, Văn công Tổng cục Chính trị rồi Đoàn cải lương Nam Bộ. Đầu năm 1969, Lê Thiện được cử vào phái đoàn văn nghệ biểu diễn tại Pháp 6 tháng và cô là một trong ba nghệ sĩ được khen ngợi tại đây. Sau 1975, Lê Thiện được điều về làm Phó Giám đốc Nhà hát Trần Hữu Trang cho đến ngày nghỉ hưu. Trong thời gian phụ trách đoàn Trần Hữu Trang là đoàn mạnh của thành phố, Lê Thiện cũng là diễn viên trong hầu hết các vở của đoàn với nhiều vai tính cách khác nhau. Lê Thiện đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú ngày 14. 1. 1993.

Lão nghệ nhân - Nghệ sĩ ưu tú Công Thành sinh ra trong một gia đình có truyền thống đàn ca tài tử và hoạt động cách mạng. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc và được rút về Đoàn cải lương Nam Bộ, cho đến 1975 được điều về làm Phó Giám đốc Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang cho đến ngày nghỉ hưu. Ngoài công tác quản lý nhà hát, ông còn tham gia công tác giảng dạy cho các khóa đào tạo diễn viên của nhà hát, đặc biệt còn hát kép chánh và làm đạo diễn. Từ khi về hưu, ông vẫn tiếp tục hợp đồng giảng dạy ở Trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh thành phố, tham gia chấm thi ở nhiều nơi, làm cố vấn cho một số câu lạc bộ đàn ca tài tử...

Nghệ sĩ Ưu tú **Tấn Đạt.** Năm 15 tuổi, vì say mê ca hát, Trương Tấn Đạt rời quê Tịnh Biên Châu Đốc lên Sài Gòn phục vụ đoàn Tam Phụng Hảo rồi về quê theo kháng chiến,

tập kết ra Bắc và được đưa về Đoàn cải lương Nam Bộ. Ông có giọng ca tốt, chắc nhịp nhưng do khổ người quá lớn nên chỉ chuyên đóng vai tính cách và sau đó làm giảng viên lớp Đào tạo Diễn viên từ khóa I đến 1975 theo trường vào thành phố, làm Phó Chủ nhiệm trường Đào tạo Diễn viên Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang cho đến ngày nghỉ hưu. Trường Đào tạo Diễn viên đã đào tạo những diễn viên đoạt giải Trần Hữu Trang như Thanh Thanh Tâm, Vân Hà, Chí Linh, Linh Châu, Kim Tử Long, Thoại Mỹ... Từ khi nghỉ hưu năm 1993, ông vẫn tiếp tục công tác giảng dạy ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, lập nhóm nhạc tài tử Nam Bộ, phụ trách Câu lạc bộ cải lương Quận 8, dạy ca tại Trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh thành phố... Ông luôn cần mẫn gieo mầm cải lương trong vườn hoa nghệ thuật, ước mong một ngày nào đó, sân khấu sần diễn sẽ xuất hiện thêm những danh tài không phụ lòng khách mộ điệu đến với ánh đèn sân khấu...

Soạn giả - Nghệ sĩ Ưu tú **Viễn Châu** tức nhạc sĩ **Bảy Bá**, bắt đầu vào nghề hát đàn tranh cho gánh Năm Châu từ năm 1943, tay viết tay đàn không bao giờ ngơi nghỉ. Năm 1950, nhờ Năm Châu khuyến khích và nâng đỡ, ông đã viết tuồng đầu tay *Nát cánh hoa rừng*. Sau đó cộng tác viết tuồng cho các đoàn Thanh Minh, Kim Thanh, Dạ Lý Hương, Thanh Tao, Thái Dương, Tân Hoa Lan, Út Bạch Lan Thành Được, Kim Tinh và một số vở cho đoàn Bích Thuận, Mai Hoa, Nam Phong, Kim Chung... Sau 1975, ông có viết một số vở cho đoàn Nha Trang, Tây Ninh, Văn Công Thành Phố. Tổng cộng ông viết được 50 vở, gồm 20 thể loại xã hội, 25 hương xa và 5 cổ tích dân gian... Các vở nổi tiếng *Hoa Mộc Lan*, *Chuyện tình Hàn Mặc Tử*, *Quân vương và thiếp*... Cũng trong năm 1950, soạn giả Viễn Châu viết bài vọng cổ đầu tiên *Chim họa mi* cho cô Năm Cầm Thơ trình bày trên đĩa nhựa của hãng Việt Nam, sau đó là lần lượt các hãng đĩa khác, các bài vọng cổ hài cho Văn

Hường ca, các bài tân cổ giao duyên cho Mỹ Châu, Thanh Nga, Lệ Thủy... ca. Các bài vọng cổ nổi tiếng *Tình anh bán chiếu*, *Võ Đông Sơn Bạch Thu Hà*, *Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài*, *Lá trâu xanh*... Tổng cộng ông viết được trên 1.000 bài vọng cổ. Viễn Châu đã được Hội đồng xét thưởng cấp quốc gia phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 1988.

Nghệ sĩ ưu tú, nhạc sĩ Thanh Hải. Trong khoảng năm 1980 - 2005, ông là một trong những nhạc sĩ đa năng của sân khấu cải lương phía Nam. Anh sử dụng thành thạo nhiều loại nhạc cụ tân lẫn cổ và viết nhạc kịch cho nhiều vở diễn ở nhiều đơn vị nghệ thuật. Những vở cải lương do ông làm nhạc bao giờ cũng đậm phong cách tự tình dân tộc như vở *Sắc xuân giải lại*, *Thanh Xà Bạch Xà* nhóm *Thấp sáng niềm tin* Nhà hát Trần Hữu Trang.

Nghệ sĩ Ưu tú, đạo diễn Ca Lê Hồng. Gần nửa thế kỷ hoạt động trên lĩnh vực sân khấu, bà đã có những đóng góp đáng ghi nhận. Năm 1954, bà tập kết ra Bắc với tư cách là một diễn viên trẻ của đoàn Văn công Nam Bộ. Sau khi thành lập Đoàn cải lương Nam Bộ, bà được tăng cường về làm diễn viên, đóng trong một số vở như *Dệt gấm*, *Võ Thị Sáu*, *Tình ca mùa xuân*... Sau đó bà theo học đạo diễn tại Liên Xô. Tốt nghiệp bà công tác tại trường Đại học Sân khấu Việt Nam tại Hà Nội. Sau 1975, bà về làm Hiệu phó rồi Hiệu trưởng trường Nghệ thuật Sân khấu II (nay là Trường Sân khấu Điện ảnh thành phố) cho đến ngày nghỉ hưu. Hiện bà vẫn còn tiếp tục đảm nhận công việc đạo diễn, công tác giảng dạy, tham gia nhiều hội thảo và công trình nghiên cứu chất lượng cải lương...

Ngoài những Nghệ sĩ Nhân dân như Phùng Há, Bảy Nam, Út Trà Ôn, Diệp Lang còn có:

Đạo diễn Huỳnh Nga. Trước 1954, Huỳnh Nga đã có hoạt động biểu diễn một số vai hài, vai phản diện, vai người

già... Sau 1954, Huỳnh Nga ra Bắc, hoạt động tại đoàn kịch nói Nam Bộ. Huỳnh Nga chính thức hoạt động đạo diễn từ sau khi tốt nghiệp khoa Đạo diễn trường Đại học Sân khấu Quốc gia Rumani khóa 1968 - 1972. Cho đến nay Huỳnh Nga đã dàn dựng được trên 150 vở, phần nhiều là cải lương. Một số vở cải lương do Huỳnh Nga như *Chỉ còn là kỷ niệm* (kịch bản Kha Tuấn - Hữu Lộc), dựng cho đoàn Nghệ thuật cải lương Long An, *Chiếc bóng và nỗi oan tình*, tác giả Huỳnh Anh), *Hai mươi năm cuộc tình*, *Hoa độc trong vườn*, *Không là cát bụi* (kịch bản Hoàng Song Việt), đoàn Văn công Thành phố, *Khúc hát đoạn tình* (tác giả Ngọc Linh), *Muôn dặm sơn khê* (tác giả Ngọc Linh), *Sân khấu về khuya* (kịch bản Năm Châu), *Tiếng sáo đêm trăng*, *Xin giữ trọn tình anh*...



081

SỰ KẾT HỢP NGHỆ THUẬT DIỄN CẢI LƯƠNG VỚI DIỄN HÀI KỊCH PHÁP LẦN ĐẦU TIÊN BẰNG VỞ DIỄN NÀO?

Đó là vở diễn *Ông Jourdan ở Sài Gòn*, được đạo diễn Việt Nam Trần Minh Ngọc và đạo diễn Pháp Vicent Colin dàn dựng vào năm 1991. Đây là vở diễn dựa theo câu chuyện về một ông Jourdan và cảm hứng truyện thơ *Lục Vân Tiên* của tác giả Nguyễn Đình Chiểu. Tham gia diễn xuất có các nghệ sĩ Kim Tiểu Long, Ngọc Huyền, Hồng Dung, Thành Lộc, Chế Thanh và một số nghệ sĩ Pháp. Cái ý vị và thú vị của vở nằm ở hình thức vở diễn, ở sự kết hợp lý thú giữa hai thể loại sân khấu của hai phương trời Đông - Tây, mà dường như đối nghịch nhau về thi pháp. Cải lương là ca kịch, mang tính chất melodram, còn hài kịch Moliere dùng châm biếm, đả kích thói hư tật xấu thông qua tiếng cười. Vậy mà vở diễn vẫn kết và hợp được hai phía. Các miếng hài hước kiểu Molie được sử dụng đúng chỗ với phong cách tự do phóng khoáng. Vọng cổ được ca không chỉ hợp tình mà còn hợp lý. Chất bay bổng, trữ tình thể hiện qua xử lý không gian ước lệ bằng các dải lụa. Và một "thủ pháp" không xa lạ của sân khấu là tạo nên sự thú vị từ sự bất ngờ, đó là nghệ sĩ Pháp ca cải lương rất *mùi*, còn Ngọc Huyền, Kim Tử Long lại tạo nên những *xen* múa cung đình cổ điển rất Pháp.

Ông Jourdan ở Sài Gòn tạo nên một không khí vui và thú vị cho công chúng, cả Sài Gòn và Pháp. Năm 1991, vở diễn tại Sài Gòn và Cần Thơ. Năm 1993, vở sang Pháp diễn, và đã có 24 buổi biểu diễn đầy hưng phấn cho công chúng Pháp và Việt Nam, chủ yếu tại Trung tâm thông tin khoa học và giải trí thành phố La Vilette.

Có thể nói *Ông Jourdan ở Sài Gòn* là một cuộc chơi không chỉ thú vị, mà nó còn rất bổ ích, bởi đã mở ra một bước ngoặt cho một cách làm nghệ thuật.



082

ĐÀI BBC ĐÃ CÓ LẦN LOAN TIN VỀ MỘT CÔNG TRÌNH SÂN KHẤU TRÊN ĐẢO, BẠN BIẾT GÌ VỀ ĐẠO DIỄN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÓ?

Đài BBC đã có lần loan tin về một công trình sân khấu trên đảo, đó là công trình dàn dựng biểu diễn vở cải lương *Chiếc hài bạc*, tác giả Hoàng Yến. Vở do đạo diễn Đoàn Bá thực hiện.

Vở có hình thức biểu diễn như lễ hội pha trộn với nghệ thuật sắp đặt hiện đại. Lồng vào đó là câu chuyện tình của thương gia nước Nhật và một nàng công chúa thuộc dòng hoàng tộc, con chúa Hiền vương Nguyễn Phúc Nguyên ở Hội An.

Đạo diễn Đoàn Bá là người ở Sóc Trăng. Ông tập kết ra Bắc, học đạo diễn ở Nga. Ông là người làm giám đốc Nhà hát cải lương nhiều nhất (16 năm). Trong cuộc chơi nghệ thuật của ông, ông được anh em trong nghề và báo chí gán cho nhiều cái tên như "Cây đàn muôn điệu", "Đạo diễn có sức lay động!", "Đạo diễn của những số phận" hay "Lão phù thủy của sân diễn"... Trong các tên gọi này ông thích nhất cái tên "Đạo diễn ấm áp" nhất vì theo ông nó có vẻ "nhân tình" nhất. Quá trình lao động nghệ thuật của ông được ông cho rằng đó cũng là quá trình hoàn thiện chính mình. Qua từng vở diễn bao giờ ông cũng gói gắm cả sự trải nghiệm cuộc đời mình. Ông thường viết thêm

nhiều đoạn đọc bạch để có thể chuyển thành bài ca khi dàn dựng. Yếu tố giúp ông thành công có lẽ cũng từ đó: ông xây dựng những mẫu đời trên sân khấu như viết về chính mình. Trong khoảng vài trăm vở ông dựng trên toàn quốc có khoảng một trăm vở cải lương, và thường chỉ toàn những vở đọng lại trong lòng người xem những điều cần chia sẻ.

Ông thích những vở cổ tích, đã sử dụng màu sắc huyền thoại như vở *Nàng Xé Đa* của Lưu Quang Thuận - Lưu Quang Vũ.



083

CÓ CHĂNG DẠNG CẢI LƯƠNG THỂ NGHIỆM?

Đầu tư tìm óc, dốc mọi vốn nghề, vốn tri thức, vốn đời với tất cả tấm lòng cùng quê hương đất nước... để viết được những vở cải lương vẫn còn được trân trọng nhắc nhở đến ngày nay như những bậc tiên hiền của sân khấu cải lương, giai đoạn còn là những bước đầu chập chững là là một tìm tòi thể nghiệm lớn. Có thể nêu những tên tuổi như Trương Duy Toàn, Nguyễn Trọng Quyền.

Những người kế tục, phát huy tinh thần này tại Sài Gòn phải nhắc đến Năm Châu, Trần Hữu Trang... Năm Châu cho biết trong suốt cuộc đời làm nghệ thuật của ông có tất cả chín vở bị cấm diễn. Có thể coi những vở ấy (*Ngon cò nữ hiệp*, *Người với người tức Đóa lan rừng*...) như những vở cải lương thể nghiệm với cách thức dùng nghệ thuật để thể hiện ý tưởng yêu nước của mình trong một giai đoạn bị khống chế nhiều mặt về quyền lực lẫn tiền bạc. Ghi nhận tác phẩm của ông là vở cải lương thể nghiệm về mặt nghệ thuật, sách vở để lại chỉ ghi một vở *Tây Thi gái nước Việt*, dùng hình thức thi ca vũ nhạc kịch pha trộn với cải lương.

Một trong những công trình của Trung tâm Nghiên cứu Cải lương thuộc Đoàn cải lương Nam Bộ vào những năm 60 ở Hà Nội là các vở *Ngon đèn*, *Ngôi nhà gác hai* do nhóm đạo diễn, tác giả Chi Lăng, Ngô Y Linh, Tám Danh, Nguyễn Ngọc Bạch, Thanh Nha, Ngọc Truyền, Ngọc Cung, Ngọc Dur... nhạc sĩ Đắc Nhân, Ngọc Thới..., Họa sĩ Hoàng

Tuyển, Lương Đống... Năm 1966, Hà Nội còn ghi lại vở *Ánh lửa*, tác giả Ngô Y Linh (Nguyễn Vũ) Đoàn cải lương Trung ương thực hiện và sau đó là vở *Mùa hoa đào* của Đoàn Chuông vàng Hà Nội.

Sau 1975, công trình sân khấu trên đảo, sử dụng vở cải lương *Chiếc hài bạc*, tác giả Hoàng Yến do đạo diễn Đoàn Bá thực hiện - cũng là một tác phẩm thể nghiệm được đầu tư quy mô và có tiếng vang với thế giới. Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang còn có một số vở nặng tính nghệ thuật hơn doanh thu cũng được coi như dạng thể nghiệm. Đó là các vở như *Tháp đoạn hồn* do soạn giả Trương Vũ và đạo diễn Đoàn Bá phỏng theo một tác phẩm cùng tên của Alexandre Dumas (cha), *Thương hoài ngàn năm* tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Đoàn Khoa.

Tại Sân khấu Cải lương thể Nghiệm đặt tại 5B Võ Văn Tần được quỹ Ford tài trợ đã thực hiện một số vở cải lương mang tính cách thể nghiệm như *Vợ và tình* (tác giả Năm Châu, đạo diễn Hồng Dung), *Ngôi đền cổ* (tác giả Huỳnh Minh Nhị, đạo diễn Minh Hải), *Khúc ly hương* (tác giả Thanh Kim Huệ, đạo diễn Minh Hải).

Trước đó, tại sân khấu này và Nhà hát Hòa Bình cũng đã có dàn dựng các vở của Năm Châu do con gái ông là Hồng Dung dàn dựng cũng được coi là các vở cải lương thể Nghiệm như *Men rượu hương tình*, *Thiên thần áo trắng*.

Năm 2002 - 2003, nhận lời mời của Liên hoan - Hội thảo Sân khấu châu Á Thái Bình Dương về phụ nữ tại Phi Luật Tân, vở *Người đàn bà thất lạc* do Nguyễn Thị Minh Ngọc soạn và dựng, tổng hợp nhiều loại hình kịch hát dân tộc nhằm giới thiệu tinh thần phụ nữ Việt Nam cùng những giai điệu, đường nét đẹp trong âm nhạc, vũ đạo cổ truyền Việt Nam cũng có thể được xem như một tác phẩm thể nghiệm cho kịch hát dân tộc. Vở được Liên hoan Sân khấu Mỹ 2006 tại New York mời tham dự.



084

CẢI LƯƠNG XÃ HỘI HÓA ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN NHƯ THẾ NÀO?

Tên gọi Cải lương xã hội hóa ra đời sau một thời gian dài các đoàn cải lương chịu sự quản lý của nhà nước trong giai đoạn bao cấp gồm hai dạng quốc doanh và tập thể, nghĩa là trong lúc kinh tế đã được chấp nhận cho năm thành phần thì văn hóa văn nghệ vẫn còn bị quản lý như chỉ có một thành phần trong lúc thực tế cho thấy Nhà nước không đủ nhân lực có chuyên môn để đảm đương nổi chuyện này.

Khi kinh tế chuyển đổi, khắp nơi kêu gọi xóa chế độ quan liêu bao cấp, nhất là về mặt kinh tế thì cách quản lý văn hóa văn nghệ trong đó có các đoàn cải lương bắt buộc phải chuyển đổi theo. Xuất hiện lời kêu gọi "Nhà nước và nhân dân cùng làm" được hiểu như lời kêu gọi sự đóng góp về tài năng, trí lực và tiền đầu tư của các nhóm tư nhân và cá nhân. Sau đó xuất hiện hợp pháp và công khai những nhóm Cải lương xã hội hóa thực hiện phương cách Nhà nước và các nghệ sĩ tư nhân cùng làm. Họ thỏa thuận cách thức bỏ tiền, mời nghệ sĩ với mức lương và thời hạn cộng tác theo từng vở, tương tự dạng hát chầu như trước ngày giải phóng ở Sài Gòn.

Có nhiều công trình sau này do tư nhân bỏ tiền một trăm phần trăm, Nhà nước chỉ đứng ra trông coi tổ chức duyệt vở và cấp phép khi thấy vở không có gì sai phạm.

Dĩ nhiên, cách quản lý nào cũng có mặt lợi và hại của nó. Khi Nhà nước tập trung quản lý cải lương, các nghệ sĩ được dồn sức tập trung cho sáng tạo nghệ thuật và được sự hỗ trợ của những tác giả, đạo diễn giỏi nghề bên cạnh công trạng của những nhà quản lý yêu và hiểu nghề.

Với đặc thù của loại hình cải lương vốn cần chất trữ tình Á Đông - mà quá khứ đã cho thấy nó rất kỵ những mục đích tuyên truyền phi nghệ thuật - khi gặp phải những nhà quản lý quá yếu kém, hiểu sai mục đích và chức năng của nghệ thuật cải lương, chọn những vở nặng phần lý thuyết luận đề, tuyên truyền một cách hẹp hòi cứng nhắc... sẽ là một trong những nguyên nhân làm khán giả quay mặt với cải lương. Còn những dạng "Cải lương xã hội hóa" sau này, nếu những nhóm tư nhân nào thiếu tâm và tài, chỉ coi nghệ thuật như một món hàng kiếm lời, mục đích lợi nhuận được coi là hàng đầu, thì cũng dễ làm cải lương biến chất và cũng là một nguyên nhân khác khiến khán giả tri âm không thể chung thủy với loại hình nghệ thuật dân tộc này.



085

MÔ HÌNH "ÁI HỮU NGHỆ SĨ" XUẤT PHÁT TỪ ĐÂU?

Mô hình "Ái hữu nghệ sĩ" xuất phát mong muốn đoàn kết anh em lại thực hiện gánh hát mới mà trong đó mọi người đều bình đẳng như nhau, không có sự bóc lột của các bầu, chủ gánh. Ý tưởng trên đã có từ năm 1938 qua vở *Tượng trưng công lý*, tác giả Ba Vân (Lê Long Vân). Cũng trong năm này, một số nghệ sĩ tiên phong đã lập ra "Kịch sĩ Liên đoàn", coi như tiền thân của mô hình hội Ái hữu nghệ sĩ.

Đến năm 1948, thực hiện chủ trương thành lập hội Ái hữu nghệ sĩ Nam Việt nhưng không được phép, những người chủ trương đã mượn tạm giấy phép của đình Cầu Quan lập hội Tương tế ái hữu. Lúc đó mỗi đình đều có hội tương tế. Trụ sở Hội lúc đầu được đặt trước sân đình, sau đó nhờ sự vận động của nghệ sĩ Năm Châu, Phùng Há, Tư Trang (Trần Hữu Trang) nên mua được nhà số 133 đường Cô Bắc làm trụ sở.

Ban Chấp hành đầu tiên của hội Ái hữu nghệ sĩ gồm Năm Châu, Tư Trang, Trần Kiêm Cung (bầu Cung), Nguyễn Văn Chỉ (Hai Chỉ, anh của Minh Tơ, con bầu Thắng), ông Châu Hồng Đào (soạn giả, làm Tổng thư ký cho Hội), Ba Vân, Duy Lân, Năm Nở.

Ban Tài chánh hội gồm bà Ba Vân, Chín Châu, Sáu Bè (vợ bầu Cung), Hoàng Giang, Năm Bửu, Cô Ba Út (hát bội), ông Mười Vàng.

Một năm sau, hội cử ông Võ Văn Ban (người bỏ tiền ra lập gánh Năm Châu) làm hội trưởng. Sau đó bổ sung thêm nhiều người khác nữa.

Đến năm 1954, để nâng cao chất lượng các vở diễn, tìm hướng đi đúng cho sân khấu cải lương, Hội thành lập một Tiểu ban Soạn giả. Ngày 14. 2. 1954, Tiểu ban Soạn giả ra đời gồm:

Trưởng ban Nguyễn Thành Châu, Phó ban Bùi Đức Thịnh, Vân Trình, Thư ký Viễn Châu, Phó Thư ký kiêm Thủ quỹ Hoàng Kinh, Cố vấn Lư Hoài Nghĩa, Ba Vân, Lê Thọ Xuân, Thuần Phong, Huỳnh Năng Nhiều.

Tiểu ban có nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ quyền tác giả. Đây là vấn đề chưa được đặt ra trong giới sáng tác cải lương thời đó. Kết quả cho việc làm trên là mỗi tác phẩm được hưởng 6% trong tổng số thu của đêm diễn.

Từ hội Ái hữu nghệ sĩ Nam Việt, năm 1963, hội chủ trương thành lập hội Nghệ sĩ Việt Nam. Buổi vận động thành lập hội được tổ chức vào 9 giờ sáng ngày 16. 10. 1966 tại trụ sở Hội số 29 đường Trần Quang Khải, Đa Kao.

Những người trong Ban Vận động gồm Ba Vân, Năm Châu, Bảy Nhiều, Duy Lân, Năm Nở, Nam Sơn, bà Cao Long Ngà, cô Sáu Bè, Mười Vàng, Sáu Trọng.

Chủ nhân gánh hát gồm bà Nguyễn Thị Thơ (Thanh Minh Thanh Nga), Diệp Nam Thắng (Dạ Lý Hương), cô Thanh Hương (Thanh Hương - Hùng Minh), Hoài Nhân (đoàn Sao Ngàn Phương), Bảy Huỳnh, Vân Hải, Bầu Lù, Hữu Duyên, Phương Hùng, Chí Thiện, Nguyễn Minh Sơn.

Soạn giả và ký giả gồm Thu An, Ngọc Văn, Yên Lang, Lê Trí, Vân An, Yến Linh, Điền Long, Cô Nguyệt, Thiên Lý, Kiên Giang, Hoài Ngọc, Văn Lương, Ngọc Đình, Hoài Nương Tử.

Nghệ sĩ, nhạc sĩ cùng các bộ phận khác như Kim Cúc, Thanh Nga, Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Hùng Minh, Văn Hường, Xuân Phát, Ngọc Minh, Vân Sinh, Út Trong, Sáu Số, Ba Dư (nhạc sĩ đàn cổ), Hoàng Việt (đàn tân nhạc), Bảy Quới, Lô Ka, Nguyễn Tiến...

Hội Ái hữu được Hội Sân khấu Thành phố tiếp quản vào năm 1975 và gọi là Ban Ái hữu đến hôm nay.



XIN CHO BIẾT VỀ VIỆN DƯỠNG LÃO NGHỆ SĨ.

Viện Dưỡng lão nghệ sĩ được xây dựng và khánh thành năm 1977 ở cuối đường Âu Dương Lân, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bắt nguồn từ những người nghệ sĩ về chiều không nơi nương tựa, phải sống vất vưởng trên hè phố, gầm cầu, mái hiên đình chùa, hay chết cô đơn trong Viện Dưỡng lão Thành phố không ai hay biết. Trong những năm 1980 - 1990, có nhiều nghệ sĩ đến xin tá túc ở chùa Nghệ sĩ nhưng cơ ngơi ở đây không thể cho phép họ ở lại. Thấy cảnh vất vưởng lang thang, Ban Ái hữu đã nhiều lần tìm phương cách giúp đỡ, nhưng không ở đâu có một nơi nuôi dưỡng họ.

Nhân tất niên năm 1990, một số nghệ sĩ trẻ Nhà hát Trần Hữu Trang qua sự giới thiệu, dẫn dắt của nghệ sĩ Tấn Đạt, nhạc sĩ Văn Đức, Chí Linh, Văn Hà, Linh Trung, Kim Hồng, Thanh Lưu, Phú Cường cùng Ngọc Mai (Đài phát thanh), nghệ sĩ Châu Thanh (đoàn Trung Hiếu) vào phục vụ cho Bệnh viện Điều dưỡng Thành phố lúc đó do bác sĩ Trường Sơn làm Phó Giám đốc. Nhìn thấy cơ ngơi ở đây còn nhiều đất trống với những khu nhà xây cất dở dang, nghệ sĩ Tấn Đạt nghĩ xin cho nghệ sĩ được vào dưỡng ở đây. Không ngờ, lời đề nghị ấy được bác sĩ Trường Sơn đồng tình.

Nghệ sĩ Tấn Đạt nói lại với ông Kiên Giang đưa đề nghị lên Hội Sân khấu. Được sự đồng tình, ngày 18. 9. 1990, một phái đoàn (tạm gọi như vậy) gồm ông Lê Duy Hạnh, Mai Quân, Bạch Lựu, Kiên Giang, Phùng Há và Tấn Đạt đến gặp Ban Giám đốc Viện Điều dưỡng để xin ý kiến tiến hành thành lập Viện Dưỡng lão nghệ sĩ.

Nhờ sự chỉ dẫn của Ban Giám đốc Viện, Hội Sân khấu và Nghệ sĩ nhân dân Phùng Há đã xin phép Thành phố cho xây cất và đưa vào hoạt động Viện Dưỡng lão nghệ sĩ vào năm 1977.

Hiện nay, Viện đang nuôi dưỡng nghệ sĩ già yếu, neo đơn bằng kinh phí tự vận động. Có thể nói, Viện Dưỡng lão Nghệ sĩ là một mô hình nhân đạo mới nhất trong cả nước vì chỉ ở Thành phố Hồ Chí Minh mới có mô hình này.



087

XIN CHO BIẾT VỀ XUẤT XỨ CỦA CHÙA NGHỆ SĨ VÀ NGHĨA TRANG NGHỆ SĨ.

Chùa Nghệ sĩ được lập năm 1956 trên vùng đất mà Hội Nghệ sĩ tương tế mua để làm nghĩa trang chôn cất nghệ sĩ. Từ mô hình ái hữu nghệ sĩ, nghệ sĩ Năm Châu, Phùng Há đứng ra vận động để có nơi chôn cất những nghệ sĩ do hoàn cảnh thiếu thốn, khi lìa đời không có nơi an táng. Như trường hợp nghệ sĩ Tư Út, một người cùng thời với Phùng Há, Năm Châu, Ba Vân, Năm Phỉ, trong một chuyến lưu diễn ở Campuchia không may ông mất, do không có nơi an táng, phải đành chôn cất ở xứ người.

Vào những năm đó, Trường đua Phú Thọ đang ăn nên làm ra do sự quản lý điều hành của ông Trần Quốc Bửu, một nghiệp chủ giàu có, lại rất ái mộ nghệ sĩ cải lương, nhất là nghệ sĩ Phùng Há. Sau nhiều lần bàn bạc, tính toán, Hội đã nhờ cô Phùng Há thuyết phục được ông Bửu ủng hộ một buổi đua ngựa lấy tiền mua đất.

Khi đã có đất làm nghĩa trang, để giữ cho những ngôi mộ được ấm áp trong lời kinh tiếng kệ, Hội đồng ý cho ông Năm Công, là một nghệ sĩ nhưng đã quy y về lập am thờ cúng. Cần nói thêm, ông Năm Công là người chuyên đi lập chùa, nên chỉ sau một thời gian ngắn ở đây, ông đã đề nghị Hội Ái hữu, nhất là cô Phùng Há, cho quyền góp tiền xây chùa Nghệ sĩ.

Hiện tại chùa và nghĩa trang đặt dưới sự quản lý của Ban Ái hữu do ông Diệp Nam Thắng (bầu Xuân) quản lý. Trong những ngày rằm hay đầu tháng âm lịch, nghệ sĩ và những người một điệu cải lương thường về đây thắp nhang cúng Phật và những nghệ sĩ quá cố được chôn cất, thờ cúng tại đây.

Năm 2001, Nhà hát Trần Hữu Trang tổ chức thực hiện chương trình Nghệ sĩ nhân dân Phùng Há - Trọn đời trả nợ dâu do đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc dàn dựng. Sau hai xuất diễn, cô Bảy Phùng Há được trong giới và người mộ điệu cho một số tiền... Từ số tiền này, cô đã tổ chức những đợt quyên góp thêm, đích thân cô cùng một số nghệ sĩ cải lương đến những nơi xa xôi như sóc Bom Bo, các vùng lũ lụt miền Tây... để cứu trợ cho đồng bào nghèo và gặp thiên tai. Đến nay việc làm này đã là một sinh hoạt của chùa.



088

XIN CHO BIẾT VỀ NGÀY GIỖ TỔ CỦA GIỚI NGHỆ SĨ NÓI CHUNG.

Hàng năm theo đúng lệ, cứ đến ngày 11 tháng 8 âm lịch, Ban Ái hữu nghệ sĩ thuộc Hội Sân khấu Thành phố tổ chức lễ giỗ tổ chung cho giới hát bội và cải lương tại Nhà Truyền thống của hội, số 133 đường Cô Bắc, quận 1. Đây là ngày mà những người đi hát coi như ngày Tết đặc biệt của giới mình, để tưởng nhớ đến tiên nhân khai sáng nghề nghiệp, đồng thời có dịp gặp lại nhau những bạn hữu xa gần, sau một năm dài làm nghệ thuật và lo cuộc sống.

Tổ nghiệp của nghề hát là danh xưng để gọi chung các bậc tiền bối đã dày công sáng lập nên sự nghiệp có liên quan đến nghệ thuật sân khấu (Tổ sư, Thánh sư, Tiên sư, Tam giáo Đạo sư, Thập nhị công nghệ, Lão Lang đại thần, Tiên hiền, Hậu hiền...) tức là Thánh, Hiền, Tổ, Sư, những nhân tài xuất chúng, những bậc thầy các ngành nhạc, mộc, dệt, múa, rèn, thuốc, đi buôn... kể cả những đồng nghiệp quá cố.

Kể từ ngày xây cất trụ sở xong (1950), Hội Nghệ sĩ Ái hữu tương tế mỗi năm đều có tổ chức lễ giỗ tổ một cách long trọng, quy tụ rất đông nghệ sĩ hát bội, cải lương, đôi lúc có sự tham dự của giới thoại kịch, ca nhạc, điện ảnh. Nhà Hội tuy nhỏ hẹp, song lần nào buổi lễ cũng trang nghiêm, ấm cúng, thấm đượm tình đoàn kết đậm đà. Khánh

thờ ông Tổ là một kỷ vật bằng danh mộc chạm trổ rất công phu, bên trong có thờ 12 cốt ông, tính đến nay có khoảng 100 năm, do bà Tám Đới (là một phú gia, từng lập gánh hát bội và cất rạp hát) tặng lại cho giới nghệ sĩ.

Khởi đầu hành lễ, ông nhạc trưởng ban ba hồi trống thỉnh Tổ, tiếp theo là vị Hội trưởng cùng vị nghệ sĩ cao niên nhất bước vào chánh điện làm lễ nguyện hương. Bên ngoài pháo nổ (sau 1990 không còn đốt pháo), lân múa, bên trong đại hội truyền thống gồm có múa Nhật nguyệt, múa Tứ Thiên vương (hoặc dâng lễ Ngũ hành, có Ông Cãi và bốn cô đào con) do các nghệ sĩ hát bội trình diễn, nhằm ca ngợi đất nước thái bình, mưa hòa gió thuận. Hết phần biểu diễn, lần lượt từng nhóm, từng người dâng hương lạy Tổ để tỏ lòng tôn kính và biết ơn tiền nhân đã khai rặng cơ đồ nghệ thuật, để hôm nay, con cháu tiếp nối làm sáng đẹp thêm cho cuộc đời.

Tế lễ xong đến phần liên hoan, bao nhiêu lễ vật được bày ra để mọi người tham dự trong niềm vui hợp mặt. Mỗi năm gặp lại một lần, tay bắt mặt mừng, không ngớt lời thăm hỏi, kể còn người mất, ai ai cũng hàn huyên tâm sự cho vơi cạn tắc lòng. Tinh thần tốt đẹp của ngày giỗ Tổ chung ấy hôm nay vẫn tồn tại và sẽ tiếp nối đến ngàn sau.

Ngoài ra, mỗi gánh hát bội, đoàn cải lương cũng có bàn thờ Tổ và tổ chức cúng giỗ riêng. Bàn thờ lúc nào cũng khói hương nghi ngút, có hoa có đèn, có đĩa trái cây hoặc bánh mứt. Bên trong trang có thờ một, hai hoặc ba ông Tổ, chiều cao độ 20 phân, tạc đơn sơ bằng gỗ vông (ngô đồng), đầu chít khăn, mình mặc quần áo màu (xanh, vàng, đỏ), đặt ngồi trên chiếc ngai, bên ngoài có phủ màn.

Ngày giỗ Tổ của giới cải lương và hát bội biểu hiện lòng "tôn sư trọng đạo", đức tính "uống nước nhớ nguồn", "ăn trái nhớ kẻ trồng cây" vốn là tinh thần truyền thống của nhân dân ta.

Theo như Nghệ sĩ Kim Cúc, khi dạy ở trường Đào tạo diễn viên của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang đã cho biết cô đã nghe được tích ông tổ từ những người trước như sau: Ba ông tổ vốn là ba thiếu niên trạc mười hai tuổi, một là Hoàng tử, một làm nghề hành khất sống lang thang và một theo dân giang hồ hành nghề cướp. Cậu Hành khất và cậu Giang hồ sau một ngày hành nghề thường nhóm lửa cùng đồng bạn diễn lại những điều tai nghe mắt thấy trong ngày. Cậu Hoàng tử một lần được dự, mê quá không muốn về cung. Vua cha cho quân sĩ bao vây, dọa đốt nếu không ai giải tán. Không ngờ ba cậu thiếu niên say sưa diễn và xem đến độ không ai tháo chạy thoát thân. Cuối cùng ba cậu đều chết cháy cùng ngọn lửa bao quanh. Tích còn cho biết chỗ trú ẩn cuối cùng của ba cậu là thân cây vông nên tượng Tổ về sau làm bằng gỗ vông. Ngày giỗ tổ thường cúng heo quay cũng do tích trên. Dân sân khấu cứ đem trái thị vào hậu trường vì cho rằng tổ là trẻ nhỏ sẽ mê hương thị, không phù hộ cho diễn viên tập trung nên diễn viên thường bị quên lời. Họ cũng cứ cho tiền những người ăn xin vì cho rằng như vậy sẽ không coi trọng Tổ của mình cũng từ tích kể trên.



**XIN CHO BIẾT VỀ VÀI TÁC PHẨM CẢI LƯƠNG
CỦA THÀNH PHỐ ĐÃ ĐOẠT GIẢI TRONG CÁC
CUỘC LIÊN HOAN HỘI DIỄN.**

Từ 1980, cứ 5 năm một lần, Bộ Văn hóa Thông tin và Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam lại tổ chức cuộc đua tài cho các sân khấu trong cả nước. Những vở của thành phố đoạt giải cao trong các đợt hội diễn ấy có:

- 1980, *Bóng tối và ánh sáng*, tác giả Ngọc Linh, Hoa Phượng, đạo diễn Ngô Y Linh, đoàn Thanh Nga.

- 1985, *Tìm lại cuộc đời*, tác giả Huy Lam, Điều Huyền, Hoàng Nhân, đạo diễn Huỳnh Nga, của đoàn Sài Gòn II. *Tình yêu và lời đáp*, tác giả Nguyễn Trương Thiên Lý, Hùng Tấn, Thế Hà Văn, đạo diễn Đoàn Bá, của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

- 1990, *Kẻ ngoại tình*, tác giả Hùng Tấn, đạo diễn Đoàn Bá.

- 1995, *Khu vườn của ngoại*, tác giả Lê Văn Duy, Đức Hiền, đạo diễn Nguyễn Thị Minh Ngọc, đoàn Sài Gòn III, Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu.

- 1998, *Cô đào hát*, tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc, đạo diễn Hoa Hạ, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, Huy chương Vàng Liên hoan Sân khấu Sài Gòn 300 năm 1998.

- 2000, *Đôi bờ*, tác giả Lê Duy Hạnh, đạo diễn Trọng Nam, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

- 2005, *Rồng Phụng*, tác giả Lê Duy Hạnh, đạo diễn Trần Ngọc Giàu, Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang.

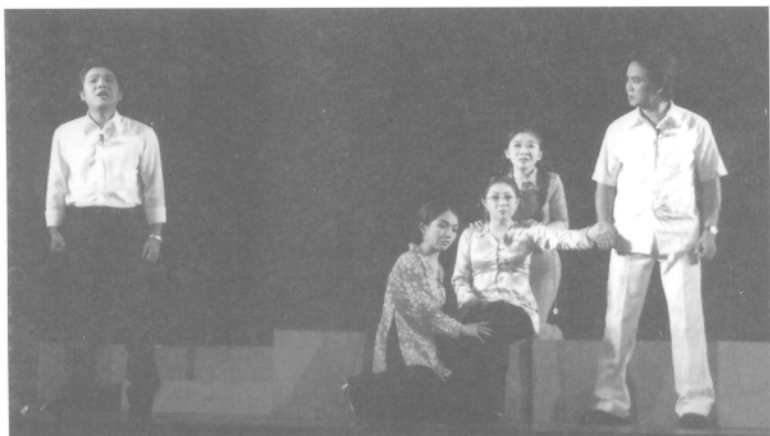


XIN CHO BIẾT VỀ THẾ HỆ NGHỆ SĨ CẢI LƯƠNG TRẺ TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI.

Thế hệ nghệ sĩ cải lương được coi là trẻ trong những năm đầu thế kỷ XXI này là những tâm hồn rất đáng quý khi còn trụ lại với nghề trước những quyến rũ hấp dẫn của những lĩnh vực khác, vừa hào nhoáng hơn và cũng dễ kiếm tiền hơn.

Sống với nghề trong giai đoạn cực kỳ khó khăn này, có những người tình nguyện nhào ra làm những con chim đầu đàn tự xoay trở, tìm lối ra cho chính mình và bạn bè có đất dung thân để dựng vở. Ví dụ Hữu Quốc, đã cùng với tác giả Hoàng Song Việt cố gom những Huy chương Vàng giải Trần Hữu Trang lại gây thành nhóm "Thấp sáng niềm tin", cùng xoay trở nhiều cách để nhóm có được tiết mục hay và sống được. Hay như Vũ Luân, tiếp nối con đường đi của Bạch Long, gom các bạn trẻ của "lò Bạch Long" xưa, tự quản lý, nghĩ ra nhiều cách để kéo khán giả đến với mình như hạ giá vé và kéo lương của chính mình xuống để làm gương, mục đích cuối cùng vẫn là để được làm nghề.

Có người trách nhiều em trẻ ít chịu trau dồi. Dĩ nhiên, cũng có người vầy, người khác. Đã nhúng tay vào chuyện không hay thì có nên phân biệt trẻ và già không? Có nhiều khán giả đã thất vọng lúc chứng kiến vài nghệ sĩ cải lương



**Quốc Kiệt, Mỹ Hằng, Thoại Mỹ, Diễm Thanh, Minh Hoàng
trong vở Rồng Phụng, Tác giả Lê Duy Hạnh, đạo diễn Ngọc Giàu,
Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.**

lùng danh thâm niên tuổi nghề thuộc thế hệ đi trước không
sòng phẳng với tri âm, nữ đi hát nhép (để máy phát ra tiếng
của mình, giả bộ máy theo).



091

VÌ SAO CÓ NHIỀU NGƯỜI CHO RẰNG ĐÃ ĐẾN LÚC THOẢI TRÀO CỦA CẢI LƯƠNG?

Cải lương trong bối cảnh cả nước đang cải cách, đổi mới nhiều mặt, mở rộng giao lưu khắp nơi trong công cuộc toàn cầu hóa dĩ nhiên cũng phải nhìn lại mình trong toàn cảnh chung xem mình còn đi cùng nhịp với nhân dân và đất nước không hay đã bước sang giai đoạn thoái trào?.

Trong vòng hơn mười năm nay các đoàn hát cải lương từ chế độ bao cấp, nay chuyển sang hạch toán tự thu chi nên gặp nhiều khó khăn. Sự phát triển mạnh của mạng lưới vô tuyến truyền hình và sự du nhập ồ ạt đầu máy video làm giảm dần số người xem cải lương ở rạp.

Mặt khác cải lương rất trì trệ trong công cuộc đổi mới từ nội dung đến hình thức, thiếu tính nhạy bén với cuộc sống đang trên đà phát triển công nghiệp - nhất là tiết tấu cải lương có phần chậm chạp rề rà, không đáp ứng được thị hiếu ngày càng đa dạng của khán giả.

Sự du nhập nhiều loại hình nghệ thuật của phương Tây vào Việt Nam như nhạc pop rock cũng đã tác động đến nghệ thuật cải lương khiến nó phải chao đảo.

Ngày trước khi lâm nguy cải lương còn dạt về nông thôn nhưng ngày nay, nông thôn cũng bị ảnh hưởng của phim ảnh Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, mà nội dung rất

gần gũi với đời sống tình cảm của người Việt Nam lại thêm yếu tố rất cải lương.

Để thu hút khán giả đến với nghệ thuật cải lương, nhiều biện pháp đã được đề ra. Một số nghệ sĩ bắt đầu đẩy nhanh tiết tấu, xây dựng những kịch bản mang đậm tính kịch, tình huống dồn dập, đẩy xung đột tiến triển nhanh hơn. Họ còn lồng cả những bài bản tân nhạc vào cải lương. Tuy nhiên cách làm này vẫn không thể lôi kéo khán giả đến với cải lương, do một số tác giả không hiểu hết đặc trưng của nghệ thuật cải lương nên dẫn đến tình trạng kịch nói đâm bài ca. Mặc khác những kịch bản này không có những đề tài gì mới về cuộc sống.

Một số nghệ sĩ chạy theo thị hiếu của khán giả, xây dựng những cốt truyện tình yêu ngang trái, hôn nhân trắc trở và những mâu thuẫn nhỏ trong phạm vi gia đình. Có những vấn đề xã hội đặt ra đã quá lâu và đã được giải quyết một cách minh bạch rõ ràng nhưng cải lương vẫn cứ khai thác.

Nhiều nghệ sĩ chuyển sang đầu tư phát triển băng Video, Audio cải lương, xem đây như là một cứu cánh khi sân diễn đang ngày càng mất khán giả. Nhưng những người sản xuất chủ yếu chỉ quan tâm đến lợi nhuận chứ không có mục đích nghệ thuật nên xảy ra tình trạng làm băng Video cạnh tranh thương mại sản xuất ồ ạt bất kể nội dung, nhất là các loại băng hài càng tệ hại. Vì thế băng video cải lương đáng lẽ đã đến được từng nhà, là người bạn của từng gia đình lại tự đánh mất chỗ đứng của mình.

Sự thoái trào có thể thấy rõ hơn qua những diễn viên đương thời thanh sắc thua xa đàn anh đàn chị đi trước, biểu diễn hời hợt, không thuộc vai. Có người nói "Tuồng cũ nhưng giá vé mới", giá vé đắt hơn. Nghệ sĩ nam thể hiện nhiều nữ tính trong những vai cần sự cứng rắn của đàn ông. Nghệ thuật được tập trung ở sự điều hành, chỉ đạo của một

hai nhóm nên không còn là khu vườn cải lương nhiều hương sắc như trước nữa. Đa số lãnh đạo thiếu kiến thức về nghệ thuật và các môn nghệ thuật khác, hoặc chỉ như anh mù sờ voi trong chuyện cổ, lại sờ vào những nơi không mấy hấp dẫn, lặp lại cái cũ, hoặc đi tìm cái mới nhưng loại mới lập dị nên khó được người mộ điệu chấp nhận được.



092

**ĐÃ CÓ NHỮNG CỐ GẮNG NÀO ĐỂ DUY TRÌ
NGHỆ THUẬT CẢI LƯƠNG TỪ PHÍA
NHÀ NƯỚC VÀ TƯ NHÂN?**

Về phía Nhà nước, đã có hướng đầu tư cho những tác phẩm cải lương hay và khen thưởng cho những con người và tiết mục cải lương có hiệu quả tốt nơi quần chúng.

Thành phố có lập một ban "Cải tạo nâng cấp Nghệ thuật Cải lương" (ngày 28. 8. 2002) nhưng đến nay sau hơn ba năm hoạt động vẫn chưa có công trình gì cụ thể. Trước đây đã có Viện Nghiên cứu Cải lương, và sau khi tổ chức được vài cuộc hội thảo và dựng được một vở thì cũng tạm ngưng hoạt động.

Qua những chương trình cải lương hay, được trực tiếp truyền hình người ta thấy khán giả vẫn chưa quay lưng với cải lương. Ở miền Tây Nam Bộ hiện nay những vở cải lương truyền hình vẫn được đông đảo quần chúng truyền hình yêu mến, đón chờ. Hiện nhiều nhóm nghệ sĩ vẫn cố gắng chăm chút đặc biệt cả nội dung lẫn hình thức trong những chương trình trực tiếp truyền hình như thế để công chúng còn nuôi giữ lòng yêu thích cải lương.

Có những quỹ tài trợ từ nhà nước hay nước ngoài để tổ chức chương trình Sân khấu học đường để vừa diễn trích đoạn, vừa nói chuyện về đặc trưng ngôn ngữ của nghệ thuật

cải lương trong các trường học để các thế hệ trẻ không xa rời một loại hình kịch hát của dân tộc.

Mở những khóa ngắn ngày để bổ sung kiến thức cho lớp trẻ kể cả tác giả, đạo diễn, diễn viên, nhạc sĩ, nhạc công, họa sĩ... để họ kế thừa và phát triển sân khấu truyền thống cải lương. Ví dụ ngày 3. 4. 1999 tại Nhà Văn hóa Thanh niên khai giảng lớp đàn ca tài tử nâng cao do Trung tâm văn hóa dân tộc và Nhà Văn hóa Thanh niên tổ chức...

Tổ chức những điểm diễn như các chương trình Thấp sáng niềm tin, Những dấu ấn không phai... tại rạp Hưng Đạo của Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, Sân khấu điểm hẹn tài năng của trường Cao đẳng Sân khấu Điện ảnh Thành phố. Trong đó có những thử nghiệm, tìm tòi mang tính học thuật, nhằm tìm một hướng phát triển cho cải lương - một nghệ thuật luôn có ưu thế của sự dung nạp những yếu tố mới và hiện đại, cũng đã được áp dụng trong môi trường nhà trường. Sự kết hợp giữa vũ đạo cải lương và kịch câm phương Tây cũng nằm trong phương hướng ấy.

Riêng về "Cải tạo nâng cấp nghệ thuật cải lương", Võ Tấn Thiện báo *Sân khấu* đã có loạt bài đăng bốn kỳ cho rằng:

Nghệ sĩ tụ về qua dạng xã hội hóa, chấp nhận lương thấp bằng 1/7 show đi tỉnh để được làm nghề tử tế nhưng có đồn sức sáng tạo vào việc dựng, diễn... cũng không thể phát triển lâu dài được khi cứ chọn tuồng cũ dựng lại, còn một số ít vỡ mới thì chưa tạo dấu ấn mới. Những nghệ sĩ nhiệt tình được ví như chiếc tàu bị đẩy ra khơi mà vị trí thuyền trưởng của ban chỉ đạo "Cải tạo nâng cấp nghệ thuật cải lương" gần như bỏ trống.

Cải lương tuột dốc nhanh do hai nguyên nhân chính: thiếu ý thức trách nhiệm và lương tâm của người làm nghề (một số ngôi sao chạy show với mục đích kiếm tiền, không

còn giờ nghỉ ngơi hướng gì đầu tư cho nghệ thuật đưa đến tệ nạn lừa khán giả như "hát nhép", nhắc tuồng lớn, thay vai vô tội vạ...) và cơ chế quản lý cũng thiếu trách nhiệm khi còn quá nhiều sơ hở và thiếu tầm nhìn chiến lược, đầu tư cho những con người làm cải lương cho một thế hệ hiện tại lẫn tương lai.

Phong cách cải lương vẫn là "tự sự kịch tính mang hiệu quả trữ tình", những người làm cải lương không nên tách rời điều này. Cần chuyên nghiệp hóa, đổi mới những người quản lý với những cái đầu cũ kỹ theo kiểu gia đình, thôn xóm (trong các đoàn), phát huy, khai thác sâu hơn nữa vốn âm nhạc của ông bà để lại và tiếp cận, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới để tăng phần hiện đại cho nghệ thuật này.



XIN CHO BIẾT TỔNG QUAN VỀ SÂN KHẤU HÁT BỘI SÀI GÒN.

Hát bội là thể loại kịch hát truyền thống Việt Nam, có nguồn gốc từ miền Bắc và miền Trung, có khoảng 700 năm trước. Miền Bắc gọi là Tuồng, miền Trung gọi Hát bội, Hát bội và Sài Gòn gọi là Hát bội.

Thời Lê Trịnh, định kiến và sự cấm đoán với "xướng ca vô loài" của triều đình đã làm sân khấu Đàng Ngoài rơi vào chỗ lạnh lẽo, không có sinh khí. Trong khi đó, với tư duy rất thoáng, nhà Nguyễn từ thời các chúa Nguyễn, đến các vua Nguyễn sau này đều có ý tạo dựng, phát triển hát bội như một quốc sách về văn hóa. Đào Duy Từ có vai trò quan trọng trong sự truyền bá, phát triển hát bội Đàng Trong. Theo bước chân những người Việt đi khai phá, mở mang đất nước về phía Nam, khi đất Sài Gòn - Gia Định hình thành cũng là lúc xuất hiện nghệ thuật hát bội. Ở đây, ban đầu hát bội sống trong dân gian, phát triển trong dân gian. Đất Biên Hòa, đời chúa Nguyễn thứ 8 Nguyễn Phúc Khoát đã có những đào kép giỏi, được đưa về kinh Phú Xuân diễn cho chúa xem. Bức tranh vẽ cảnh diễn tuồng ở Đàng Trong của Barrow thể hiện một lễ lối, phép tắc như hóa trang, dàn nhạc... của sân khấu thế kỷ XVIII ở đây. Cho đến thời kỳ sau vai trò Tả quân Lê Văn Duyệt với hát bội Sài Gòn - Gia Định cũng là một mốc thú vị. Đây là thời kỳ hát bội phát triển rộng khắp. Là một công

thần trụ cột nhà Nguyễn, ông được phong Tổng trấn Gia Định hai giai đoạn (1813 - 1816) và (1820 đến khi mất 1832). Trong tư dinh của Tả quân Lê Văn Duyệt có một đội hát bội gồm nhiều kép hát nổi tiếng. Đội chỉ có nam, không có nữ, vai nữ do nam đóng, khi diễn có rạp riêng. Người điều khiển đội là Đội nhất Chiêu. "Nghệ sĩ Thứ chuyên thủ vai tướng, Nghệ sĩ Cu chuyên vai Trương Phi, nghệ sĩ Chim vai Kim Lan, nghệ sĩ Trắc vai hề...". Ông rất mê và sành thưởng thức hát bội, cầm châu giỏi. Ngày nay trong Lăng thờ ông tại khu vực Bà Chiểu (quận Bình Thạnh), vẫn còn lưu giữ bản tuồng cổ *San hậu* tương truyền do ông đích thân chỉnh lý. Sự yêu thích của Tả quân Lê Văn Duyệt thúc đẩy sự phát triển của hát bội nơi đây. Các quan lại trong vùng cũng đua nhau thành lập các đội diễn hát bội.

Hát bội của Sài Gòn vừa mang bản sắc gốc của văn hóa truyền thống Việt Nam, song lại tích hợp nhiều nét văn hóa Sài Gòn. Hát bội nơi đây vừa là nghệ thuật biểu diễn, vừa gắn với văn hóa tín ngưỡng cúng đình trong những lễ hội Kỳ yên. Hát bội Sài Gòn vì thế rất gắn bó với đời sống tín ngưỡng và văn hóa Sài Gòn.

Nếu so sánh với tuồng Bắc, Trung thì hát bội Sài Gòn dễ hiểu hơn, ước lệ, cách điệu giữ ở mức độ vừa phải, và cũng bởi vậy ngôn ngữ hát bội Sài Gòn gần đời thường hơn, dung dị hơn. Dù nghệ thuật cải lương ra đời sau, tiếp thu một số yếu tố nghệ thuật của hát bội, song trong quá trình song hành tồn tại, đến lượt mình, cải lương lại có những ảnh hưởng nhất định tới hát bội. Hát bội Sài Gòn hiện chịu một số ảnh hưởng như âm nhạc, ngôn ngữ, lối diễn của cải lương.

Hát bội Nam Bộ vừa mang nét chung của nghệ thuật truyền thống của cả nước, vừa thể hiện rõ nét văn hóa Sài Gòn.



XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG GƯƠNG MẶT TÀI DANH CỦA SÂN KHẤU HÁT BỘI NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX.

Tồn tại trên hai thế kỷ ở vùng đất mới Sài Gòn Gia Định, theo thời gian, hát bội tích hợp thêm những yếu tố văn hóa vùng miền, tạo nên nét riêng của mình. Khi sân khấu "thời thượng" cải lương ra đời, chiếm ưu thế suốt nửa đầu thế kỷ XX, và cả sau này, dù thời vàng son dường như đã phai pha, song hát bội vẫn sống trong lòng nhiều thế hệ công chúng. Những bậc tài danh của sân khấu hát bội Sài Gòn đã đưa nghệ thuật này vượt thời gian, giữ nét rực rỡ xưa. Họ là những nghệ sĩ như Năm Nhỏ (1895 - 1938), Hai Thắng (1895 - 1939), Đắc (1906 - 1995), Năm Sa Đéc (1907 - 1988), Ba Lăng (1909 - 1993), NS Ba Út (1911 - 1989), Minh Nguyệt (1911 - 1966), Hai Nhỏ (1911 - 1968), Hữu Thoại (1911 - 1976), Mười Vàng (1913 - 2002), Nghệ sĩ Nhân dân Năm Đỏ (1916 - 1992), Thành Tôn (1917 - 1997), Minh Biện, nhà nghiên cứu Đinh Bằng Phi... Suốt một thế kỷ có quá nhiều biến động, có quá nhiều sức hấp dẫn của các loại nghệ thuật nghe nhìn mới, công lao của nghệ sĩ là đã giữ lửa với niềm đam mê cháy bỏng cho hát bội tồn tại.

- Nghệ sĩ Năm Nhỏ, thường được gọi là cô Năm Nhỏ, công chúng Nam Bộ nửa đầu thế kỷ hầu như đều biết tiếng tăm cô. Người nữ nghệ sĩ này xuất hiện trên sân khấu hát bội Sài Gòn "như một hiện tượng đặc biệt mà trước đó và

sau này không thấy xuất hiện" (Đinh Bằng Phi, *Nhìn về sân khấu hát bội Nam Bộ*, Nxb. Văn Nghệ 2005, tr. 81). Cô sinh trong gia đình theo nghề sân khấu tại Cái Vồn (Cần Thơ), cô tham gia đi diễn sớm, song cô chỉ thực sự phát triển tài năng của mình đến đỉnh điểm khi bước chân vào đời sống sân khấu Sài Gòn, đầu tiên là đoàn hát Phước Thắng, một đoàn nổi tiếng ở Sài Gòn khi ấy. Cô thành công nhiều loại vai, kể cả đóng kép, lão, tướng, hề. Nói đến Năm Nhỏ giới trong nghệ thuật nhắc tới các vai Điều Thuyền, Triệu Tử Long, Trương Phi, Bàng Quí phi... Đặc biệt với diễn năm nhân vật khác nhau trong *Ngũ biến báo phu cầu* với vai đào Cao Lan Anh, cô đã đưa nghệ thuật biểu diễn của mình tới đỉnh cao.

- Nghệ sĩ Ba Đắc là một cô đào hát vẹn toàn tài sắc, nổi danh suốt nửa đầu thế kỷ XXU. Sinh tại Thủ Dầu Một, cô trở nên nổi tiếng từ năm 18 tuổi tại Sài Gòn với các vai như đào văn như Điều Thuyền, Ngô quận chúa, các vai đào võ như Lưu Kim Đính, Mộc Quế Anh, thần nữ, Kỷ Lan Anh... Thập niên 20, 30 là thời kỳ vàng son nhất của cô. Cô và cô Năm Nhỏ - cô đào số một thời ấy, được coi ngang tài ngang sức. Do sự biến động của thời thế, đoàn hát do cô và chồng lập nên sa sút. Khi trường quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Sài Gòn mở lớp môn hát bội cô đã tham gia giảng dạy. Học trò của cô hầu như thành danh nghệ sĩ tài ba trên sân khấu như Ngọc Bầy, Kim Thanh, Ngọc Khanh, Ngọc Dung...

Rất nhiều những bậc tài danh của sân khấu hát bội đã làm nên đời sống sân khấu hát bội Sài Gòn gần suốt thế kỷ XX. Họ đã cố hết sức tạo những nhịp cầu để hát bội đến được cuộc sống tương lai.



XIN CHO BIẾT VỀ NHỮNG GUƠNG MẶT NỔI BẬT CỦA SÂN KHẤU HÁT BỘI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY.

Trong bối cảnh hiện nay, giữa một thành phố đang đi đầu cả nước về sự náo nhiệt của nền kinh tế thị trường, thì sự tồn tại được của một nghệ thuật truyền thống như hát bội là chiến công của những nghệ sĩ hát bội. So với các sân khấu khác, thì lao động của người nghệ sĩ hát bội cho một vai diễn hết sức công phu. Không chỉ diễn, họ còn hát, vũ đạo. Vũ đạo và hát trong hát bội "nặng" hơn nhiều với ca kịch khác. Người nghệ sĩ hát bội hôm nay tồn tại và sống được với nghề không chỉ bằng tài, sắc, niềm đam mê với nghề, mà còn bằng bản lĩnh sống, bản lĩnh vượt lên những khó khăn, cám dỗ. Thành phố đang có những nghệ sĩ như thế. Nhà hát nghệ thuật hát bội là mái nhà quy tụ khá nhiều những tài danh hát bội của thành phố. Họ là Nghệ sĩ nhân dân Đinh Bằng Phi, các Nghệ sĩ ưu tú Kim Thanh, Công Khanh, Ngọc Khanh, Ngọc Dung, Xuân Quan, nghệ sĩ Minh Tốt, Hữu Nhi, Ngọc Nga, Hữu danh, Linh Hiền, Dương Ngọc Bảy, tay trống Văn Long...

Nghệ sĩ Ưu tú Kim Thanh sinh năm 1952 tại Sài Gòn, trong gia đình nghệ sĩ. Mẹ là nghệ sĩ Kim Bông, cha là nhạc sĩ Tư Long. Lên 7 tuổi, cô bước chân vào nghề hát bội. Lần lượt cô đi biểu diễn hát bội tại các đoàn Tấn

Thành, Chánh Thành, Trường Thành, Huỳnh Thành, Bạch Mai, Minh Tơ, Hội lệ khuyến cổ ca và sau này là đoàn nghệ thuật hát bội Thành phố. Trong cuộc đời cô đã có nhiều thầy kèm cặp, dạy dỗ, nâng cao tay nghề như Mười Vàng, Minh Tơ, Thành Tôn, Ba Đắc, Ba Út, Năm Đồ... Điểm đặc sắc trong tài danh của Kim Thanh là giọng ca và loại vai đào võ. Giọng hát của cô đẹp và âm sắc đặc biệt, không mấy nghệ sĩ đương thời có được. Các vai đào võ như Đào Tam Xuân, Mộc Quế Anh, Lưu Kim Đính, hay các vai kép nhỏ như Na Tra, La Thành... là những vai diễn đạt đỉnh cao sáng tạo của cô. Người trong giới hay nhắc tới các lớp cô diễn thành công như trong *Phụng Nghi đình*, hay *Trăm Trĩn Ân*. Với vai Điều Thuyền, các lớp diễn như *Điều Thuyền bãi nguyệt*, *Điều Thuyền bãi biệt cha*... Kim Thanh đã tạc nên được nhân vật theo cách riêng của mình. Năm 1993, Kim Thanh được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú, hiện cô là thành viên chính của Nhà hát Nghệ thuật hát bội Thành phố.

Nghệ sĩ Ưu tú Công Khanh sinh năm 1942, tại Tây Ninh, thành danh tại các đoàn hát Sài Gòn và Đoàn hát bội thành phố. Lúc nhỏ theo hát cho các đoàn như Bầu Thiệp, Bầu Mộng Cúc, Bầu Ngót, Bầu Minh Biện... Công Khanh thường diễn các vai kép vắn, kép võ như Lữ Bố, Cao Quân Bảo, Dương Quân Bảo, Đồng Kim Lân, Tiết Đình San. Tham gia Đoàn hát bội thành phố ngay từ những ngày đầu mới thành lập, ông được khán giả yêu thích trong các vai kép mùi, kép lẳng. Công Khanh cũng rất thành công trong các vai tướng lớn như Trịnh Ân, Ngô Quyền, đoạt giải thưởng đặc biệt với vai Đinh Vạn Ứng (vở *Bông hồng núi Nưa*), trong hội diễn sân khấu năm 1990. Công Khanh được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú năm 1993.



096

KỊCH NÓI SỬ DỤNG YẾU TỐ TẠP KỸ LẦN ĐẦU Ở VỞ DIỄN NÀO?

Kịch (drame) khi "nhập" vào Việt Nam được gọi là kịch nói, để phân biệt với kịch hát, vốn có từ Việt Nam khoảng 700 năm trước. Người ta vẫn coi đất của kịch ở phía Bắc. Sau 1975, đặc biệt từ thập niên 90 thế kỷ XX kịch nói đặc biệt khởi sắc ở Thành phố Hồ Chí Minh. Kịch nói dần có những biến chuyển, tiếp nhận những yếu tố mới mang tính thời đại, khai thác tính tổng hợp cao trong ngôn ngữ nghệ thuật, không chỉ có yếu tố "nói" như trước đây.

Sân khấu IDECAF, một sân khấu tư nhân được khán giả thành phố yêu mến và tin cậy gần mười năm nay, đã có những đột phá trong việc thay cái không khí kịch "chỉ nói là nói" bằng sự kết hợp nhiều hình thức ngôn ngữ. Có cả một dòng kịch của IDECAF đi theo hướng đưa yếu tố tạp kỹ, ca nhạc, vũ vào kịch nói. Ngôn ngữ hình thể, ca nhạc, vũ, kịch v.v. được khai thác, kết hợp hợp lý, tạo nên sức hấp dẫn bất ngờ cho vở. Đã có lúc các yếu tố tạp kỹ ở các vở trước đó, song có thể nói vở đầu tiên thể hiện rõ rệt khuynh hướng này là vở *Trái tim nhảy múa* (Đạo diễn Vũ Minh, tác giả Nguyễn Thị Minh Ngọc). Câu chuyện sinh tồn vất vả đầy cảm động của những đứa trẻ đường phố được thể hiện khá sinh động bằng hình thức hip hop sôi động, rất hợp với từng nhân vật. Ngọc Trinh, Thanh Phương đã

tạo nên được ấn tượng qua các vai diễn, bên cạnh Thành Lộc, Kim Xuân.

Cho đến nay IDECAF đã có được một "gia tài" các vở kịch sử dụng yếu tố ca, múa, nhạc kịch, từ kịch cổ điển tới kịch mới. Xu hướng ấy rất phù hợp với xu thế sân khấu thế giới hôm nay, và điều quan trọng hơn cả là nó được khán giả, đặc biệt khán giả trẻ thích thú. Một hướng đi cho sân khấu được một sân khấu tư nhân chăm chút, và khẳng định nó như một phong cách riêng mình.



097

VỞ KỊCH NÀO CỦA MOLIE ĐƯỢC SÂN KHẤU IDECAF "VIỆT NAM HÓA" HOÀN TOÀN?

Cậu Đồng là vở kịch được phóng tác từ một vở hài kịch nổi tiếng *Táctuyép* thế kỷ XVII của tác gia Molie. Tác giả và đạo diễn tác phẩm đã hoàn toàn Việt Nam hóa là Nghệ sĩ Ưu tú Trần Minh Ngọc. Nơi "sinh ra" tác phẩm này là sân khấu IDECAF. Dàn dựng kịch nước ngoài trên sân khấu Việt Nam thường theo hai hướng: hoặc là cố gắng đảm bảo theo y kịch bản, hoặc phóng tác Việt Nam hóa hoàn toàn. Đầu thế kỷ XX (1920) lần đầu tiên công chúng Việt Nam biết đến kịch nói, và lại chính là một vở của Molie. *Người bệnh tưởng*. Những diễn viên - dù là những trí thức tây học yêu kịch, song cố gắng đảm bảo cung cách nói năng, đi lại... "giống" người Pháp. Còn *Cậu Đồng* của sân khấu Sài Gòn cuối thế kỷ lại thuần Việt. Cùng bản chất đạo đức giả, cùng là kẻ giả danh đi lừa gạt lòng tin song nếu nhân vật chính *Táctuyép* của Molie là một giáo sĩ truyền đạo giả, thì cậu Đồng lại là một đồng cốt "buồn thần bán thánh". Không còn bóng dáng của một vở hài kịch Tây, vấn đề trong vở diễn là của Việt Nam, những nhân vật trong vở dường như quá quen thuộc với công chúng Việt. Nghệ sĩ Thành Lộc đã có vai diễn khá ấn tượng trong vai cậu Đồng. Bộ mặt giả dối, lợi dụng thần thánh để đạt được mưu đồ chiếm đoạt tài sản của gia đình ông Phán của kẻ đồng cốt giả danh được Thành Lộc thể hiện vừa *tinh* vừa *sắc*. Có những

lúc bộ mặt giả tưởng như đã rơi xuống, nhưng lợi dụng tình trạng chưa tỉnh cơn mê thần thánh của ông Phán (NS Hữu Châu), kẻ lừa đảo vẫn lấp liếm bằng cách "thăng" đồng, và ông Phán tiếp tục bị điều khiển như một kẻ mộng du. Với lối diễn điệu nghệ Thành Lộc cứ vừa "khép", vừa "mở" nhân vật một cách ứng biến, linh hoạt.

Tài nghệ *múa đồng* của Thành Lộc khi nhập nhân vật cũng là những *xen* diễn làm cho cả khán phòng như bốc lửa bởi sự thần phục.

Cho đến nay, sau gần chục năm trên sàn diễn với lịch diễn đều đặn, có lẽ *Cậu Đồng* vẫn đang là vở diễn có tuổi thọ dài lâu nhất và có lượng công chúng lớn nhất của sân khấu kịch IDECAF, và sân khấu Sài Gòn nói chung.

Những năm cuối thập niên 90 thế kỷ XX, sau gần 3/4 thế kỷ tồn tại ở Việt Nam, kịch nói, con đẻ của văn hóa phương Tây đã bắt đầu bám rễ chắc vào mảnh đất nơi đây, để tạo nên hoa trái mang hương vị của mảnh đất phương Nam.



**VỞ KỊCH *Dạ cổ hoài lang* ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT
HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG SÂN KHẤU
THÀNH PHỐ NHỮNG NĂM 90 CỦA THẾ KỶ XX?
ĐIỂM ĐẶC SẮC CỦA VỞ LÀ GÌ?**

Vở diễn *Dạ cổ hoài lang* ra đời vào tháng 12. 1994 tại Sân khấu 5B Võ Văn Tần, kịch bản Thanh Hoàng, đạo diễn Công Ninh, với các diễn viên Thành Lộc, Việt Anh, Hồng Vân, Quốc Thảo. Vở kịch đã làm nên một hiện tượng sân khấu thành phố suốt những năm 90 của thế kỷ XX.

Hiện tượng "sốt vé" kéo dài. Khán giả trong và ngoài giới sân khấu nô nức kiếm vé đi xem. Kiều bào về nước cũng nhờ người quen mua vé.

Khi kéo quân ra Bắc, biểu diễn phục vụ các lãnh đạo trung ương và chính phủ, vở diễn cũng nhận được những lời ngợi khen. Điều đặc biệt là cho tới thời điểm thập niên 90 thế kỷ XX, người ta vẫn quen nghĩ thủ phủ kịch nói là ở phía Bắc, bởi vậy đem một vở kịch nói Nam "ngược" ra Bắc là hơi bất thường. Song hiệu quả của vở thì bất ngờ ngoài sức mong đợi của anh em trong ekip làm vở. Nghệ sĩ nhân dân Đào Mộng Long, sau khi xem vở, cứ lang thang ngoài đường, quên cả đường về, Nghệ sĩ ưu tú Lan Hương thì cứ ôm lấy Thành Lộc mà khóc. *Dạ cổ hoài lang* đã tạo tiếng vang lớn cho sân khấu Bắc.

Sau sự kiện này, Thành Lộc được phong danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú. Với vai ông Tư, Thành Lộc diễn tới 300 suất diễn. Sân khấu 5B chuyển thành Nhà hát sân khấu nhỏ. Vở diễn có một cuộc sống sôi động và dài lâu trên sân khấu thành phố. Đã có tới 5 huy chương vàng dành cho vở trong hội diễn sân khấu chuyên nghiệp 1995, và từ đó đến nay với sự thay đổi các ê kíp diễn viên, *Dạ cổ hoài lang* đã có tới 500 buổi diễn.

Cái đặc sắc của *Dạ cổ hoài lang* nằm ở tính đồng bộ giữa các yếu tố nghệ thuật từ kịch bản, dàn dựng, âm nhạc, diễn xuất... Tuy nhiên có thể "nhấn" vào hai điểm sáng, tạo nên cái "riêng" cho vở là tính vấn đề của nội dung và sự "thăng hoa" sáng tạo của dàn diễn viên.

Câu chuyện kịch đơn giản: một ông già Việt đang sống giữa đất Mỹ, trốn trại dưỡng lão, về nhà cháu làm đám giỗ cho vợ. Câu chuyện giữa hai ông già, hai người bạn vong niên về làng quê Nam Bộ, về một người con gái xa lắc cả về thời gian và không gian. Cuối cùng họ tìm đến khoảng không sân thượng để có thể tự do thả nén nhang hồi tưởng người xưa, với bờ tre, cây cầu xưa, và hồn ông già lặng lẽ bay đi giữa cảnh quê hương trong tâm tưởng. Đơn giản, dung dị, song vấn đề lại không nhỏ. Xung đột, dị biệt văn hóa đang là vấn đề nóng với con người thế kỷ XX, đặc biệt người Việt. Xung đột đó có thể là giữa văn hóa Việt với Mỹ, giữa Đông và Tây, và kể cả văn hóa nông thôn và thành thị và sự thương tổn tinh thần xảy ra đầu tiên và trực tiếp với thế hệ người già. Bi kịch trong nhân vật hai ông già, đặc biệt nhân vật ông Tư, tác động mạnh đến người xem. Không có thủ phạm, không có ai xấu, mà ở đây là sự đụng chạm, xung đột giữa các nền văn hóa thời đại hôm nay. Và bản *Dạ cổ hoài lang* đậm đặc chất Nam Bộ có vai trò xúc tác cực lớn làm bật tâm trạng những kẻ tha hương.

Sự "đồng thanh" và "đồng khí" của dàn diễn viên trong *Dạ cổ hoài lang* hiếm gặp được ở vở khác. Hồng Vân, Thành Lộc, Việt Anh và Quốc Thảo đã tạo nên bản hòa tấu tinh tế của các âm điệu cảm xúc, Vai diễn ông Tư của Thành Lộc đã để dấu son cho vở. Nghệ sĩ đã bắt gặp hình ảnh ông Tư trong chính cha mình (Nghệ sĩ nhân dân Thành Tôn) " Tôi bắt gặp ông Tư sao giống ba tôi. Ông sống hoài cổ và một chút bảo thủ... tôi diễn với vốn sống về ba tôi". Và bởi thế ông Tư đã trở thành hình tượng điển hình của con người xa lạ, lạc lõng với hiện tại, với nhịp sống lối sống đô thị, không chỉ ở Mỹ, mà có thể ở khắp nơi.

Có lẽ không có sự thay thế nào tạo nên thành công như dàn diễn viên ban đầu ấy của *Dạ cổ hoài lang*.



099

XIN CHO BIẾT QUA VỀ ĐỜI SỐNG TÌNH THẦN CỦA NHỮNG NHÂN VẬT THÀNH DANH TRONG GIỚI CẢI LƯƠNG.

Thật ra cũng như nhiều bộ môn nghệ thuật khác, trong giới cải lương cũng có đủ người hay kẻ dở, đủ niềm vui nỗi buồn, tuy nhiên có lẽ vì đặc trưng của nghệ thuật này nên những hay dở vui buồn ấy được họ thể hiện một cách khá độc đáo, ít nhiều bộc lộ đời sống tinh thần của những nhân vật thành danh trong giới cải lương.

Thời bao cấp, có lúc cải lương bán vé rất được nên tệ nạn bán vé chợ đen trước rạp Hưng Đạo lan tràn. Tuồng càng hay, càng ăn khách, càng đông dân bán vé chợ đen. Đám người dữ dấn này thường xuyên túc trực trước rạp gây mất trật tự, níu kéo mời khách, thậm chí vì giành khách mà ẩu đả đâm chém nhau. Nghệ sĩ ưu tú Lê Thiện là một trong những trưởng đoàn hiếm hoi được đào tạo làm trưởng đoàn, nhưng cho dù điều hành giỏi đến đâu cũng không dẹp nổi đám này. Vì thế không ít khán giả không muốn tới rạp, chờ tuồng in sang ra bằng phát hành mới coi cho "an toàn". Lúc ấy cặp Vũ Linh - Thanh Thanh Tâm và Đoàn Hai Nhà hát cải lương Trần Hữu Trang, nên trong một thời gian dài chị càng đau đầu chuyện vé chợ đen. Có lần thấy dân bán vé chợ đen gây chuyện ầm ĩ trước giờ diễn, Lê Thiện bức mình tới dẹp loạn bằng cách vạch bụng cho họ xem cái thẹo "giang hồ" của chị với lời hăm he nếu

không "biết điều" để yên cho anh em nghệ sĩ hát thì chị sẽ ăn thua đủ. Không ngờ lời hù dọa đó rất có hiệu quả, chỉ anh chị em trong nhà hát biết chuyện đều phải nín cười, vì thật ra đó là vết sẹo sau một lần giải phẫu của chị chứ không phải là kết quả "giang hồ hành hiệp".

Trên nhiều khía cạnh khác, lời phát biểu độc đáo của một số nhân vật thành danh trong giới cải lương cũng ít nhiều cho thấy quan niệm nghề nghiệp và ý thức xã hội của họ, mà ở đây chỉ nêu vài trường hợp tiêu biểu.

Lê Hoài Nở (viết cho Duy Tân) "Người đi hát chân thành phải quý trọng sân khấu như người tín đồ tôn thờ đạo giáo của mình, được vậy may ra...".

Bảy Nam "... Giá như ngày xưa ba má tôi gả tôi cho một ông giáo thì tôi chỉ có được làm bà giáo hoặc có ông Cai Tổng nào ổng cảm tôi thì tôi cũng chỉ làm bà Cai Tổng thế thôi. Xin các bạn cho tôi dừng lại một giây để cảm tạ những ai đã cho tôi làm diễn viên trên sân khấu, tôi mới được tâm trạng của tất cả mọi người từng lớp trong xã hội".

Thanh Nga (trả lời phỏng vấn của Thanh Nam trước 1975) "Nga đang có một người tình rất cả ghen. Chàng ta tên là Nghệ Thuật. Nga cũng đang có một kẻ thù mà Nga vừa sợ, vừa ghét. Tên hắn là Thời Gian".

Tám Vân "Ở các nước tân tiến, giá trị người nghệ sĩ rất cao, người ngoài nhìn vào như là thần tượng, bởi vì cái nghề nghệ sĩ là một nghề cao đẹp. Không biết người ta mua chuộc nghệ sĩ để làm gì nữa! Và không biết tại sao nghệ sĩ lại để cho người mua chuộc, vì công tác phục vụ nghệ thuật đã cao đẹp rồi, còn gì đáng cao đẹp hơn nữa? Đã bán mình cho ông tổ cải lương rồi còn muốn bán cho ai nữa?".

Năm Châu "Nếu anh muốn trừng phạt thật nặng nề một ai đó, cách hay nhất là giao một gánh hát cho anh ta quản lý".



NHÌN LẠI CHẶNG ĐƯỜNG CẢI LƯƠNG GẦN MỘT TRĂM NĂM QUA, CÓ THỂ ĐÚC KẾT ĐƯỢC ĐIỀU GÌ?

Nhìn lại chặng đường cải lương gần một trăm năm qua, có thể thấy cải lương đã phát triển không ngừng sau khi hình thành, nhưng đã chững lại từ những năm cuối thập niên 1999 - 2000 đến nay.

Sự thăng hoa của một số ngôi sao hiện không đủ sức thu hút người xem đến với cải lương. Số kịch bản hay đã quá cũ, không đáp ứng được thị hiếu công chúng. Kịch bản mới vừa yếu vừa thiếu, âm nhạc lai tạp hoặc nhạc lễ hóa (nhạc tang) đưa lên sân khấu, tạo khung cảnh ảm đạm vừa thô thiết vừa buồn cười cho người nghe, nhất là giới trẻ, nên họ gọi là nhạc "sến".

Cải lương ngày nay đang mất dần khán giả do sự cách tân không theo kịp với thời đại. Kịch bản một thời gian dài quên đi "tính trữ tình phương Đông" cần có của nó mà sa đà vào những cốt truyện với cấu trúc quá tầm thường, dễ dãi hoặc quá nghiêng theo kiểu luận đề để rao giảng các luận đề cứng nhắc khiến nhiều tầng lớp khán giả hoặc thấy nghệ thuật này hoặc quá cũ kỹ hoặc quá xa lạ với mình.

Lực lượng diễn viên vừa yếu vừa thiếu. Dù được đào tạo, nhưng không có nhiều tố chất về ca, năng khiếu về

diễn như những nghệ sĩ các thế hệ đi trước. Phong trào đi hát châu (trong và ngoài nước) với những trích đoạn thời vàng son cũ vẫn đưa đến lợi nhuận cao đang khiến các diễn viên nhiều thế hệ lười biếng với việc đi tìm những vai diễn mới.

Khán giả có quá nhiều điều hấp dẫn, thú vị hơn và vẫn tràn đầy "chất trữ tình phương Đông" mà cải lương đang thiếu. Những nhà quản lý lúng túng không biết phải làm gì trong khi mọi chuyện có vẻ như ngoài khả năng giải quyết của mình.

Để trả lời câu hỏi "Làm thế nào cho cải lương trở lại thời hoàng kim?", vài "người trong cuộc" sau đây đã có ý kiến:

Nghệ sĩ nhân dân Út Trà Ôn: Xưa, dù là vai phụ chúng tôi chúng tôi cũng bàn bạc với tác giả, cùng nghiên cứu rất kỹ để thể hiện cảm xúc qua cử chỉ, hành động, nét mặt đúng tâm lý nhân vật sao cho mỗi vai diễn phải là một vai để đời. Chỉ cần nghệ sĩ diễn nghiêm túc, tuồng tích chọn lọc, phù hợp với khả năng nghệ sĩ là khán giả lại về với sân khấu cải lương ngay.

Bầu Xuân: Một vở giờ có nhiều tên. Lừa dối nhiều lần làm khán giả bất mãn với sân khấu cải lương ngay. Giá vé quá cao, dân lao động không thể đủ tiền xem. Diễn viên tài danh thì cần nhưng cát - sê quá cao. Phải tạo cái lạ trên sân khấu. Kịch bản phải đáp ứng thị hiếu khán giả. Khán giả không còn thích những vở đầy nước mắt mà cần những cái cười trong sáng đầy tính nghệ thuật.

Thanh Sang: Cải lương suy sụp do nghệ sĩ lo kiếm sống quá nhiều. Nhiều người chấp nhận thu video tuy ít tiền nhưng dư giờ ra mà chạy show. Nghệ sĩ phải hy sinh thì cải lương mới được như xưa. Tuồng tích bây giờ pha tạp

tân nhạc, kịch nhiều quá. Sao không tìm tích trong cổ tích nước mình? Lời ca cần dễ hiểu nhưng phải sâu sắc.

Đã có người đặt ra câu hỏi "Phải chăng cái lương đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của nó?".

Dầu đúng hay sai, mọi người đều thấy không thể để cái lương ngắc ngoải như thế này! Và muốn cho ngành nghệ thuật này tỏa hết hương hoa cống hiến cho đời như những giai đoạn hoàng kim đã qua, rõ ràng không thể một hai cá nhân hay một hai nhóm người có khả năng đảm đương nổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Vương Hồng Sển, *Cải Lương đã 50 tuổi – Hồi ký 50 năm mê hát*, Nxb. Phạm Quang Khải, 1968.
- Trương Bình Tòng, *Những chặng đường sân khấu*, Nxb. Văn Nghệ, 1995.
- Trương Bình Tòng, *Nghệ thuật cải lương – Những trang sử*, Viện Sân Khấu, 1997.
- Trần Văn Khải, *Nghệ sĩ nhân dân Ba Vân kể chuyện cải lương, Lịch sử cải lương, Nghệ thuật Sân khấu Việt Nam*.
- Tất Thắng, *Điện mạo sân khấu – Nghệ sĩ và tác phẩm*, Nxb. Sân khấu, 1996.
- Hoàng Như Mai, *Trần Hữu Trang – soạn giả ca kịch cải lương*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1982.
- Thiện Mộc Lan, *Trần Tấn Quốc – Bốn mươi năm làm báo*, Nxb. Trẻ, 2000.
- Sỹ Tiến, *Những mảnh tình nghệ sĩ*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1986.
- Sỹ Tiến, *Bước đầu tìm hiểu nghệ thuật sân khấu cải lương*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1984.
- Trần Việt Ngữ, *Nghệ sĩ Ba Vân với sân khấu cải lương*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1984.
- Tuấn Giang, *Ca nhạc và sân khấu cải lương bài Tinh dân tộc, hiện đại trong sân khấu cải lương*, Nxb. Khoa học và xã hội, 1984.
- Tuấn Giang, *Sự ảnh hưởng của sân khấu Pháp vào nghệ thuật cải lương*, Tham luận.
- Phan Kế Hoành - Huỳnh Lý, *Bước đầu tìm hiểu lịch sử sân khấu Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám*, Nxb. Văn hóa Hà Nội, 1978.
- Kỷ yếu *Hội nghị sân khấu châu Á truyền thống và hiện đại*, Nxb. Sân khấu, 1999.
- *Tập ca cổ hát về Cần Thơ*, Sở Văn hóa Thông tin tỉnh Cần Thơ, 2003.
- Trần Trọng Đăng Đàn, *23 năm cuối của 300 năm văn hóa nghệ thuật Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn nghệ, 1998.

- Võ Tuấn Thiện, *Một số vấn đề lịch sử cải lương*, Chuyên luận tốt nghiệp khoa Lý luận phê bình sân khấu, 2001.
- Sĩ Hùng, *Hồi ký sân khấu*.
- Nguyễn Phương, *Ngũ đại gia của sân khấu cải lương của miền Nam trước 1975*, 2003.
- Trần Bằng, *Sân khấu Pháp với kịch hát dân tộc Việt Nam*, Tham luận.
- Hà Văn Cầu, *Phong cách và thi pháp trong nghệ thuật cải lương*, Nxb. Sân khấu, 1994.
- Huỳnh Thanh Diệu, *Bước đầu tìm hiểu và sáng tác của nghệ sĩ Năm Châu*, 1984.
- Hoàng Như Mai, *Nghệ thuật cải lương*, Nxb. Đồng Tháp, 1986.
- Đắc Nhân, *Tìm hiểu âm nhạc cải lương*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
- Phan Trọng Thường, *Những vấn đề lịch sử văn học kịch Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*, Nxb. Khoa học xã hội Hà Nội, 1996.
- Lê Duy Hạnh, *Bản sắc dân tộc và Phát triển hiện đại trong sân khấu cải lương*, Tạp chí *Sân khấu Việt Nam*, 2000.
- Bản nguyệt san *Tin văn*, số Kỷ niệm nửa thế kỷ cải lương, 1966.
- Tạp chí *Sân khấu Việt Nam* và tạp chí *Sân khấu Thành phố Hồ Chí Minh*.
- Website Bản sắc dân tộc - Cải lương Việt Nam.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRẦN ĐÌNH VIỆT

ĐỖ THỊ PHẤN

Biên tập:

THÀNH NAM - MINH CHÂU

Sửa bản in:

HUỲNH NGÀ

Bìa:

ĐỖ TUẤN HUY

Vi tính:

NGỌC HUỆ - VĂN THÀNH

*

In 1.000 cuốn, khổ 13,5x21,5 cm tại Công ty cổ phần in Khánh Hội. Đóng xén tại Xưởng in và thành phẩm 93 Lê Quang Định, Q.BT. Số đăng ký kế hoạch xuất bản 125-06/CXB/16-14/THTPHCM cấp ngày 20/2/2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 2 năm 2007.



100 CÂU HỎI ĐÁP VỀ GIA ĐÌNH - SÀI GÒN TP. HỒ CHÍ MINH



NXB
TỔNG HỢP
TP.HCM

VHSG
NXB VĂN HOÀ SÀI GÒN

Địa lý ở thành phố Nguyễn Đình Đầu

Khảo cổ học ở thành phố Lê Xuân Diệm

Nguyễn Thị Hậu, Nguyễn Thị Hoài Hương

Lịch sử thời kỳ trước 1802 Cao Tự Thanh

Lịch sử thời kỳ 1802 - 1875 Trần Thị Mai

Lịch sử thời kỳ 1862 - 1945 Nguyễn Nghị

Lịch sử thời kỳ 1945 - 1975 Hà Minh Hồng

Trần Nam Tiến, Lưu Văn Quyết, Hà Kim Phương

Một trăm sự kiện nổi bật ở thành phố thời gian 1975 - 2005

Trần Thanh Phương

Chiến dịch Hồ Chí Minh Hồ Sơn Đài, Trần Nam Tiến

Lịch sử Đảng bộ thành phố Phạm Văn Thắng

Di tích lịch sử - văn hóa ở thành phố

Phạm Hữu Mỹ, Nguyễn Văn Đường

Thủ công nghiệp ở thành phố Võ Công Nguyên

Kinh tế - đầu tư từ 1986 ở thành phố Nguyễn Hoài Bảo

Công nghiệp ở thành phố

Dương Thị Kiều Anh, Nguyễn Hoài Bảo, Phạm Hà

Ngoại thương ở thành phố

Nguyễn Hoài Bảo, Võ Tất Thắng

Phật giáo ở thành phố Trần Hồng Liên

Thiên chúa giáo ở thành phố Nguyễn Nghị

Khổng Thành Ngọc, Hoàng Minh Thức

Người Hoa ở thành phố Phan Thị Yến Tuyết

Người Chăm ở thành phố Phan Văn Dốp, Vương Hoàng Trù

Một trăm nhân vật nổi tiếng ở thành phố Nguyễn Thu Văn

Một trăm Việt kiều nói về thành phố

Nguyễn Việt Thuận, Thành Trung, Lam Điền, Tường Vân

Văn học Hán Nôm ở thành phố Nguyễn Khuê, Cao Tự Thanh

Văn học quốc ngữ trước 1945 ở thành phố Võ Văn Nhơn

Văn học thời kỳ 1945 - 1975 ở thành phố

Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan

Văn học thời gian 1975 - 2005 ở thành phố Trần Thanh Giao

Báo chí ở thành phố Trương Ngọc Tường, Nguyễn Ngọc Phan

Sân khấu cải lương ở thành phố Nguyễn Thị Minh Ngọc, Đỗ Hương

Mỹ thuật ở thành phố Uyên Huy, Trương Phi Đức, Lê Bá Thanh

Âm nhạc ở thành phố Hoàng Hương

Kiến trúc ở thành phố Bạch Anh Tuấn

Điện ảnh ở thành phố Nguyễn Quân Bảo

